

CAO ĐIỂM THỦ TỬ

Ê-LÊ-NA I-LI-I-NA

Truyện vừa về một người con gái xô-viết
anh hùng

NHÀ XUẤT BẢN TIỀN BỘ MÁT-XCÔ-VĂ



Cao điểm thứ tư

Tác giả: Ê-LÊ-NA I-LI-I-NA | Người dịch: Trường Sơn
Nhà xuất bản Tiến bộ • Mát-xcơ-va | Trình bày mỹ thuật:
C.Vư-xốt-scai-a

Tạo ebook: tudonald78
Ngày hoàn thành: 17/03/2020

Chúc các bạn đọc sách vui vẻ!

Table of Contents

1. [CÙNG CÁC BẠN ĐỌC CỦA TÔI](#)
2. [NGỌN LỬA NHỎ](#)
3. [NỮ NGHỆ SĨ LÊN BA](#)
4. [CON VOI VÀ GU-LI-A](#)
5. [ÔNG BA BỊ ĐÃ ĐẾN ĐÂY!](#)
6. [CÁI THÙNG CON MÀU XANH](#)
7. [CHẠY TRỐN ĐI TÂY-BAN-NHA](#)
8. [«A-ĐAM»](#)
9. [NỮ SINH LỚP MỘT](#)
10. [TRONG BỆNH VIỆN](#)
11. [BẠN VÀ THÙ](#)
12. [GU-LI-A VÀ Ê-RÍCH](#)
13. [GIỮA NHỮNG NGƯỜI CON CỦA CÁC ANH HÙNG](#)
14. [CAO ĐIỂM ĐẦU TIÊN](#)
15. [NHỮNG NGƯỜI BẠN MỚI](#)
16. [VA-RI-CA VÀ VA-XI-LIN-CA](#)
17. [NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA GU-LI-A](#)
18. [«CHỈ CÓ ĐỪNG KÊU!»](#)
19. [CÂU CHUYỆN VỀ MÔN ĐỊA LÝ](#)
20. [CAO ĐIỂM THỨ HAI](#)
21. [NHỮNG BỨC THƯ TỪ KHẮP NƠI](#)
22. [A-RƠ-TẾCH](#)
23. [TRONG RỪNG AY-U ĐÁC](#)
24. [CHIỀU BÓNG Ở A-RƠ-TẾCH](#)
25. [ĐẾN MÁT-SCƠ-VA!](#)
26. [MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT](#)
27. [PHỤ TRÁCH NHI ĐỒNG THÁNG MƯỜI](#)
28. [KHE HÈM LẠNH](#)
29. [BỨC ĐIỆN](#)
30. [GU-LI-A PHẠM TỘI](#)
31. [QUYỀN ĐƯỢC VUI](#)
32. [BÍ MẬT CỦA GU-LI-A](#)
33. [CAO ĐIỂM THỨ BA](#)

34. [MÔN VẬT LÝ VÀ BUỔI HÒA NHẠC CỦA LÊ-MÊ-SÉP\[12\]](#)
35. [BÁC Ô-PA-NÁT VÀ NA-ĐI-A](#)
36. [XUÔI DÒNG](#)
37. [THÊM MỘT THỦ THÁCH](#)
38. [NA-ĐI-A LẠI THAY ĐỔI Ý ĐỊNH](#)
39. [SỐNG RẤT TỐT!](#)
40. [LÀM NGHỀ GÌ?](#)
41. [LÚC RẠNG ĐÔNG](#)
42. [NHÍM CON](#)
43. [TRONG BỆNH VIỆN](#)
44. [XA-SA VÀ XÉC-GÂY](#)
45. [Ở NHÀ](#)
46. [TỪ BIỆT](#)
47. [TRÊN ĐƯỜNG](#)
48. [Hôm TRƯỚC TRẬN ĐÁNH](#)
49. [TIẾN ĐẾN VÙNG SÔNG VÔN-GA VÀ SÔNG ĐÔNG](#)
50. [TRÊN CHIẾN TRƯỜNG](#)
51. [XUYỀN QUA LỬA VÀ NƯỚC](#)
52. [TRÊN THẢO NGUYÊN VEN SÔNG ĐÔNG](#)
53. [“CA-TI-U-SA” VÀ “ĂNG-ĐƠ-RI-U-SA”](#)
54. [CÁC CÔ BẠN GÁI](#)
55. [TRÊN NGÃ BA ĐƯỜNG](#)
56. [A-XI-A](#)
57. [HAI NGÀY HỘI TRÙNG NHAU](#)
58. [MỆNH LỆNH CHIẾN ĐẤU](#)
59. [CAO ĐIỂM THỨ TƯ](#)
60. [HAI BỨC THƯ](#)
61. [CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI CÙNG](#)
62. [“CÔ GÁI TÓC VÀNG”](#)
63. [ÁNH LỬA TRÊN ĐIỆN CƠ-REM-LANH](#)
64. [CHÚ THÍCH](#)

Tặng X. I. Ma-rơ-sác, người anh, người bạn, người thầy.

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC CỦA TÔI

Câu chuyện về cuộc đời ngắn ngủi này không phải do tưởng tượng ra. Tôi biết người con gái mà quyển sách này kể lại, từ khi cô còn bé, tôi cũng đã biết khi cô còn là nữ sinh-đội viên thiếu niên tiên phong, đoàn viên thanh niên cộng sản. Tôi được gặp Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va trong những năm Chiến tranh Ái quốc. Còn những điều trong đời của cô mà tôi không tự thấy được, thì những chuyện của bố mẹ, các thầy giáo, bạn gái và cán bộ phụ trách thiếu nhi của cô bổ sung, về đời sống của cô ngoài mặt trận, các bạn chiến đấu của cô đã kể lại cho tôi.

Tôi cũng được may mắn đọc các thư của cô, bắt đầu từ những bức sớm nhất – trên những tờ giấy kẻ sẵn của vở học sinh – cho đến những bức cuối cùng, vút vội vàng trên những trang sổ tay trong lúc tạm ngừng giữa các trận chiến đấu.

Tất cả những điều đó giúp tôi biết rõ, như chính tự mắt mình thấy, toàn bộ cuộc đời rục rờ và sôi nổi của Gu-li-a, hình dung được không chỉ những điều cô nói và làm, mà cả những điều cô cảm và nghĩ nữa.

Tôi sẽ rất vui mừng, nếu như đối với những ai sẽ biết Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va qua những trang sách này, cô ta cũng sẽ trở thành thân thiết – dù chỉ một phần nào thôi – như đối với những người đã biết và đã yêu cô trong đời sống.

Ê-LÊ-NA I-LI-I-NA

NGỌN LỬA NHỎ

— Mẹ đừng ra, — Gu-li-a nói. — Con tối lắm

Mẹ cúi xuống trên thành giường:

— Gu-lênh-ca,^[1] tối hoàn toàn không đáng sợ.

— Nhưng mà không thấy gì cả!

— Chỉ lúc đầu không thấy gì cả thôi. Nhưng rồi con sẽ thấy những giấc mơ rất hay!

Mẹ đắp cho con gái ấm hơn. Nhưng Gu-li-a lại ngóc đầu dậy. Cô bé nhìn ra cửa sổ, hơi sang sáng vì những ánh đèn ở đường phố chiếu qua bức rèm cửa màu xanh.

— Ngọn lửa nhỏ đó có cháy không?

— Đang cháy. Thôi, ngủ đi con!

— Mẹ chỉ nó cho con đi!

Mẹ bế Gu-li-a đến cửa sổ.

Phía đối diện, trên những bức tường điện Cơ-rem-lanh, một lá cờ bay phấp phới. Lá cờ được chiếu sáng từ dưới lên và rung động như một ngọn lửa. Chính lá cờ đó bé Gu-li-a gọi là “ngọn lửa nhỏ”.

— Con thấy không, ngọn lửa nhỏ đang cháy, - mẹ nói. Vì nó sẽ cháy mãi mãi, Gu-lênh-ca ạ! Không bao giờ tắt cả.

Gu-li-a ngả đầu trên vai mẹ và im lặng nhìn ngọn lửa rung rinh trên nền trời tối đen.

Mẹ lại bế Gu-li-a đến giường:

— Thôi, bây giờ con ngủ đi.

Và bà đi ra khỏi phòng, để lại đứa con gái nhỏ một mình trong bóng tối.

NỮ NGHỆ SĨ LÊN BA

Người ta gọi đùa là Gu-li-a, khi cô bé còn chưa đầy năm. Nằm trên chiếc giường con, cô bé mỉm cười với mọi người, và suốt ngày trong phòng chỉ nghe tiếng:

— Gu, gu.

Do tiếng gù gù của chim bồ câu phát ra từ trong cổ họng đó mà có tên Gu-li-a, Gu-lênh-ca. Và không còn ai nhớ tên thật của Gu-li-a là Ma-ri-ô-nen-la nữa.

Một trong những tiếng đầu tiên Gu-li-a nói là tiếng “tự tôi”. Lần đầu tiên khi người ta cho cô bé xuống sàn nhà, cô giật tay ra và kêu lên:

— Tự tôi! — rồi lao đảo và bắt đầu đi.

Cô bé bước một bước, bước nữa, rồi ngã sấp mặt. Mẹ bế cô bé lên, nhưng Gu-li-a lại trườn xuống sàn, bướng bỉnh vịn vai và bắt đầu giẫm chân. Cô chập chững đi dần xa hơn, xa hơn nữa, từ phòng này sang phòng khác, và bà mẹ vất vả mới theo kịp cô.

- Gu-li-a lớn lên. Càng ngày đôi chân bé tí của cô bé càng giẫm vững vàng hơn trong các phòng, ngoài hành lang và trong bếp; căn nhà ngày càng trở nên ồn ào hơn, và bát đĩa cũng bị đập vỡ nhiều hơn.

- Nay, bà Đô-i-a Mi-khai-lốp-na ạ, — người vú già đưa Gu-li-a đi chơi về, nói với mẹ Gu-li-a, — tôi đã chăm sóc nhiều cháu nhỏ, nhưng chưa hề thấy có đứa nào như bé này. Ngọn lửa chứ không phải là đứa bé con! Phải chịu thua nó thôi! Cứ ngồi vào xe

trượt tuyết rồi, thì thôi đừng hòng bế ra khỏi xe được. Trượt từ dốc xuống mười lần, mà nó vẫn còn thấy ít, nó cứ kêu: “Nữa! Nữa!” Mà xe trượt tuyết có phải của nhà ta đâu chứ! Bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu tiếng la hét và cãi vã. Lạy trời, đừng cho tôi chăm sóc đứa bé nào như nó nữa!

Người ta gửi Gu-li-a vào vườn trẻ.

Ở vườn trẻ, Gu-li-a ngoan hơn. Ở nhà, thường không phút nào cô bé ngồi yên, còn ở đây thì hàng giờ cô ngồi im, không nói không rằng, lấy bột dẻo nặn cái gì đấy, rồi bịa ra một tên gọi là cái “nhận”.

Cô bé cũng thích dùng những khối gỗ màu nhỏ chắp thành các nhà, tháp đủ loại trên sàn. Và khổ cho những đứa bé nào dám cả gan phá đổ công trình của cô. Mặt đỏ gay vì tức giận, cô bé nhảy lên và thưởng cho đứa cùng trạc tuổi những quả đấm đến nỗi nó phải gào khóc ầm lên cả vườn trẻ.

Nhưng dù sao trẻ con vẫn yêu mến Gu-li-a và nhớ cô bé, nếu cô không đến vườn trẻ.

Các chú bé nói:

- Tuy nó hay đánh, nhưng chơi với nó thật thú vị. Nó biết nghĩ ra lắm trò hay.

Mẹ Gu-li-a hồi đó làm việc ở xưởng phim. Các nhà đạo diễn thường đến chơi nhà; ngắm Gu-li-a, họ nói:

— Giá chúng tôi được Gu-li-a đóng phim thì hay quá!

Họ rất thích tính vui vẻ lanh lợi của Gu-li-a, vẻ láu lỉnh ở đôi mắt xám xám và tính hiếu động khác thường của cô.

Và có một bận, mẹ bảo Gu-li-a:

— Hôm nay, con không đến vườn trẻ. Mẹ con ta đi xem cá và chim.

Ngày hôm đó, mọi việc không như thường lệ. Một chiếc xe ô-tô chạy đến cổng nhà. Gu-li-a ngồi cạnh mẹ. Họ đi đến một quảng trường nào đó, ở đấy bao nhiêu người tụ tập, đông đến nỗi không thể lách qua được. Khắp nơi nghe tiếng gà tròng gáy đủ các giọng, tiếng gà mái cục tác rộn ràng. Ở đâu đó, những con ngỗng bệ vệ kêu quang quác, còn những con gà tây thì vội vàng lấp bắp, cố sức kêu to hơn cả.

Lách qua đám đông, bà mẹ cầm tay dắt Gu-li-a.

Trên mặt đất và trên các quầy hàng đặt những lồng chim và chậu cá. Những con cá lớn lơ dờ bơi trong nước và những con cá vàng nhỏ, đuôi trong vắt, phát phới như bằng tua ren, nhanh nhẹn bơi lên, bơi xuống.

— Mẹ ơi, cái gì thế? — Gu-li-a thốt lên. — Chim nước à? Nhưng lúc đó, một người lạ mặt, lực lưỡng, mặc áo da ngắn, tiến lại gần Gu-li-a, gật đầu với mẹ cô bé và bế bổng Gu-li-a lên.

— Bây giờ bác sẽ chỉ cho cháu cái này, — ông ta nói với cô bé và bế cô đi đâu đấy.

Gu-li-a ngoái cổ nhìn mẹ. Cô bé nghĩ bụng thế nào mẹ cũng sẽ lấy cô lại từ tay “bác áo da” này, nhưng mẹ chỉ vẫy tay với cô:

— Gu-lênh-ca, không việc gì đâu, đừng sợ con ạ.

Gu-li-a có sợ tí nào đâu. Cô bé chỉ không thích ngồi trong tay một người lạ, không thân.

— Để cháu tự đi. Buông cháu ra, — Gu-li-a nói.

— Được rồi, được rồi, — ông ta đáp và bế cô bé đèn gần một cái lồng kính, rồi thả cô xuống đất.

Ở đây, trong cỏ xanh rậm, có những sợi dây gì to và dài đang ngoằn ngoèo. Đó là những con rắn nước. Gu-li-a chẳng suy nghĩ lâu, nắm chặt một con và cố kéo.

—Ồ, cô bé này dũng cảm lắm! — Gu-li-a nghe tiếng nói của “bác áo da” trên đầu mình.

Bé Gu-li-a ba tuổi không ngờ rằng “bác áo da” đó là người quay phim và người ta vừa quay phim cô cho một bộ phim mới.

Trong những năm đó, trên quảng trường Tơ-rúp-nai-a, cứ đến ngày chủ nhật, người ta mua bán đủ loại súc vật. Những người chơi chim, cá và những con thú nhỏ lạ đến đây bao giờ cũng có thể chọn theo sở thích của mình nào là bạch yến hay hót, nào là chiến chiến, sáo sậu, nào là chó săn nòi con, nào là rùa và cả con vẹt từ ngoài nước mang về.

Những người quay phim đưa Gu-li-a đến quảng trường Tơ-rúp-nai-a, vì hôm đó họ quay bộ phim *Con chó Ca-stăn-ca* theo truyện ngắn của Sê-khốp. Trong phim ấy, con chó Ca-stăn-ca được đưa đến chợ Tơ-rúp-nai-a và lạc mất chủ nó trong đám đông người lớn và trẻ con.

Vài ngày sau, xưởng phim gửi cho Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va món tiền công đầu tiên của cô: hai rúp.

Một rúp thì tiêu ngay hôm đó. Ở nhà tình cờ không có tiền, nên đồng rúp của Gu-li-a vừa vặn được dùng vào việc mua thuốc cho bản thân cô bé.

Còn đồng rúp kia — to, mới tinh, màu vàng — thì cho đến bây giờ, mẹ của Gu-li-a vẫn còn giữ. Nó được cất trong một hộp nhỏ

bên cạnh mớ tóc óng ánh và mềm mại như tơ của Gu-li-a hồi bé.

CON VOI VÀ GU-LI-A

Gu-li-a được dẫn đi vườn Bách thú.

Cô đi với mẹ trên con đường rải cát ngang qua dãy chuồng dài nhất những con dê đực gì có sừng to, những con cừu và những con bò tót có râu. Hai mẹ con dừng lại cạnh hàng rào sắt cao. Gu-li-a thấy sau hàng rào một con vật rất lớn, có nanh to và mũi dài đến tận đất.

— Úi chà, ghê thật! — Gu-li-a kêu lên và nép vào mẹ. — Mẹ, sao nó to thế?

— Nó lớn lên thế đấy.

— Thế con có sợ nó không?

— Không, không sợ.

— Nó là con gì thế?

— Voi. Nó lành và không nên sợ nó. Có nơi nó còn chăm sóc cả trẻ con kia đấy!

— Thế mẹ mang nó về nhà để nó chăm sóc con nhé, — Gu-li-a nói.

— Người ta không cho nó ra khỏi chỗ này đâu, — mẹ cười đáp.

— Và ở nhà ta, chỗ cho nó cũng hơi hẹp đấy.

Sau đó, suốt năm, Gu-li-a thường nhắc đến con voi to lớn và hiền lành.

Và cuối cùng, khi mẹ lại dẫn cô bé đến vườn Bách thú, thì trước tiên cô kéo mẹ đến chỗ con voi.

Cầm trong tay quả bóng xanh đỏ, cô bé đèn gần sát hàng rào.

— Voi oi! Chào ông ạ! — Gu-li-a lễ phép chào, — Tôi vẫn nhớ ông. Còn ông có nhớ tôi không?

Voi chẳng trả lời gì cả, nhưng nó cúi cái đầu to tướng và thông minh xuống.

— Nó nhớ đấy, — Gu-li-a nói.

Mẹ lấy một đồng hào trong ví ra.

— Gu-li-a, xem này. Mẹ sẽ vứt cho nó đồng hào này.

Voi lấy vòi sờ soạng trên mặt đất và nhặt đồng hào lên, tựa hồ như dùng đầu ngón tay vậy, rồi nó dúi đồng hào vào túi người gác vườn. Sau đó, voi lại túm cổ áo người gác vườn kéo về phía mình. Người gác vườn không đứng vững được nữa, nên vừa chạy, vừa nhảy như chú bé. Gu-li-a cười âm lên. Những trẻ con khác đứng xúm xít quanh chuồng voi cũng cười rộ.

— Mẹ, voi kéo bác ấy đi đâu thế? — Gu-li-a hỏi.

— Đó là voi đòi bác ấy cho nó cái gì ngon ngon đấy thôi. Nó bảo: “Hãy đi mang cái gì lại đây. Tôi nhặt cho ông đồng hào có phải là công cốc đâu?”

Người gác vườn ngoan ngoãn đi đến gian nhà bên cạnh, ở đấy là kho chứa thức ăn cho voi; còn voi thì chậm rãi bước, nhẹ nhàng, không nghe tiếng bước chân, tựa hồ như nó đi dép mềm vậy.

— Mẹ, voi có thích ăn bánh không? Có thể vứt cho nó chứ?

Gu-li-a vứt bánh cho voi. Voi đưa vòi lên cao và buông hàm dưới ra, thế là bánh rơi trúng ngay vào mõm của nó.

Bỗng Gu-li-a thấy quả bóng của mình tuột khỏi tay và lăn dưới hàng rào đến cạnh voi.

— Quả bóng! — Gu-li-a kêu lên. — Voi làm ơn trả quả bóng cho tôi nhé!

Con voi phe phẩy hai tai và lấy vòi quấn chặt quả bóng như nắm trong tay, đưa đôi mắt bé nhỏ và khôn ngoan liếc nhìn Gu-li-a.

— Đấy, mẹ đã biết mà, mẹ đã bảo con để bóng ở nhà, kia mà! — mẹ Gu-li-a nói.

Nhưng lúc đó, voi buông quả bóng ra, bóng lăn trên mặt đất, nhưng đụng phải hàng rào, bóng lại lăn trở lại đến tận chân voi.

— Gu-li-a, chờ một tí, bác gác vườn sắp ra và sẽ lấy quả bóng cho con.

Nhưng không còn Gu-li-a cạnh bà nữa. Bà mẹ vội vàng quay nhìn quanh.

— Nó đâu rồi?

— Trẻ con, trẻ con trong chuồng voi! — xung quanh mọi người kêu lên.

Bà mẹ nhìn vào chuồng voi. Ở đó, phía bên kia hàng rào, Gu-li-a của bà đã đứng ngay cạnh chân voi. Bên cạnh ông bạn láng giềng ấy, Gu-li-a nom lại càng bé nhỏ hơn nữa.

Con voi cử động, mọi người kêu “ồ” lên. Chút nữa thì cái chân to tướng và nặng trĩu của voi sẽ giẫm lên người cô bé và nghiền nát cô ra.

— Bác gác vườn ơi! — mọi người kêu lên.

Nhưng voi thận trọng đổi chân và đi lùi lại.

Gu-li-a lấy tay gạt vòi voi ra và bình tĩnh nhặt quả bóng dưới đất lên.

— Cái gì mà kêu ầm lên thế? — cô vừa chui qua chấn song chuồng, vừa nói. — Mẹ bảo voi còn chăm sóc cả trẻ con kia mà!

Trên đường về nhà, Gu-li-a đi lặng im. Mẹ không nói chuyện với cô. Rõ ràng là bà vẫn chưa hoàn hồn sau việc tình nghịch của Gu-li-a vừa rồi.

— Mẹ ơi, tha lỗi cho con, nhé! — Gu-li-a nói. — Chính mẹ đã bảo rằng con không sợ voi tí nào cả kia mà. Thế thì việc gì mẹ lại sợ cho con như thế?

Từ cuối vườn Bách thú vang lên những tiếng gì rất lạ, giống như tiếng còi tàu thủy.

— Đây là con voi của con rống lên đấy, — mẹ nói. — Đây, nó dữ như vậy, nếu người ta trêu tức nó? Thế ai đã trêu tức nó? Chính là con! Lần sau, nếu chưa được phép, thì đừng có chui vào chuồng voi nữa nhé!

ÔNG BA BỊ ĐÃ ĐẾN ĐẤY!

Một chiếc xe ô-tô du lịch tiến vào cổng rộng và lớn của tòa nhà nhiều cửa sổ. Đó là người ta đưa bé Gu-li-a lên năm tuổi vào xưởng phim.

Chiều hôm trước, người đạo diễn xưởng phim, một người bạn cũ của mẹ Gu-li-a, đến nhà. Lúc bấy giờ, người ta đang dựng bộ phim *Những người đàn bà xứ Ri-a-dan*.

— Xin chị hãy cứu chúng tôi với, — ông ta nói. — Chị hãy cho chúng tôi cháu Gu-li-a để đóng phim *Những người đàn bà xứ Ri-a-dan*.

Và ông kể rằng cô bé phải đóng trong cuốn phim ấy sợ những ngọn đèn pha chói sáng và những máy quay phim kêu lè rè đến nỗi đã đứt khoát từ chối không chịu đóng phim nữa.

— Gu-li-a của chị bạo đấy. Nó không làm cho chúng tôi khó khăn đâu, — người đạo diễn nói.

— Bạo thì bạo, nhưng tôi sợ cho cháu nó đóng phim hơi sớm, — bà mẹ trả lời.

— Không sao đâu, chỉ một lần thôi, — người đạo diễn nói để bà yên lòng.

Thế là Gu-li-a đã vào một căn phòng gì rất lạ, xung quanh đều đặt gương, có những cây đèn cao và nhiều thứ đồ vật khó hiểu.

Người đạo diễn đặt Gu-li-a ngồi trên đầu gối mình.

— Cháu phải làm sao cho thím kia sợ, — ông vừa chỉ vào người đàn bà đẹp, có đôi mắt to, mặc chiếc áo dài sặc sỡ và trùm khăn, vừa nói với Gu-li-a. — Sẽ có một chú, vẻ mặt tức giận, đến với thím. Cháu là người đầu tiên sẽ trông thấy chú ấy, cháu hãy chạy đến thím và kêu lên: “Chú đã đến đấy!”. Cháu hiểu không?

— Cháu hiểu rồi, — Gu-li-a nói.

Và buổi diễn tập bắt đầu. Người ta mặc cho Gu-li-a chiếc áo *xa-ra-phan*^[2] dài sặc sỡ, trên đầu chít chiếc khăn vuông con.

— Thế này thì có khác gì người đàn bà xứ Ri-a-dan nhỉ? — Các diễn viên xúm quanh Gu-li-a vừa cười, vừa nói.

Và bỗng nhiên những ngọn đèn bật sáng lên. Gu-li-a lim dim mắt lại. Ánh sáng chói lọi và nóng bỏng hắt vào mắt cô bé.

— Mẹ ơi! —bất giác Gu-li-a kêu lên.

Luồng ánh sáng chói lòa, bỏng mắt, từ bốn phía chiếu thẳng vào Gu-li-a.

Từ đâu đó, sau luồng ánh sáng, cô nghe thấy giọng nói quen thuộc của người đạo diễn.

— Không việc gì đâu, Gu-lênh-ca ạ, những ngọn đèn ấy nó thế đấy. Nào, cháu làm thím Na-sti-a sợ thế nào? Ai sẽ đến với thím?

Gu-li-a suy nghĩ một chút, rồi làm ra vẻ đôi mắt sợ hãi, kêu lên:

— Na-sti-a, Na-sti-a, thím chạy đi! Ông Ba Bị đã đến đấy!

Thế là xong tất cả những việc mà Gu-li-a phải làm trong cảnh đó. Bây giờ thì cô bé có thể đến với mẹ đang chờ cô ở phòng

khác. Nhưng cô lại muốn biết rồi thím Na-sti-a khốn khổ kia sẽ ra sao.

Chui vào gầm bàn, Gu-li-a mờ to mắt, nhìn xem và vừa đưa nắm tay bé tí lên dọa Ông Ba Bị, vừa thì thào:

— Cút đi, đồ đều! Cút đi!

Và sau đó, theo trình tự bộ phim, khi người ta khiêng thím Na-sti-a “đã chết” đưa vào căn nhà gỗ, thì Gu-li-a nhìn thím, đưa đôi bàn tay nhỏ bé úp vào mặt, khóc thầm.

Vài tháng sau, khi bộ phim đã hoàn thành, những người đạo diễn tặng cho Gu-li-a tám ảnh của cô trong vai người bé nhất trong những người đàn bà xứ Ri-a-dan. Trên tám ảnh đề:

“Những người đạo diễn cảm ơn và thân tặng nữ nghệ sĩ có tài nhất”.

CÁI THÙNG CON MÀU XANH

— Mẹ ơi, mẹ, xem kia! Cái thùng con xanh! — Gu-li-a khoái trá kêu lên và kéo mẹ đến gần tủ kính, nơi bày các đồ chơi.

Trong tủ kính có rất nhiều thứ thú vị — nào là búp-bê, gấu con, thỏ con mặc quần sọc dài, xe vận tải, tàu hỏa, — nhưng Gu-li-a chỉ nhìn những thùng con để chơi cát. Các thùng sơn màu xanh và đều vẽ một bó hoa.

Từ lâu rồi, Gu-li-a mơ ước một cái thùng con như thế. Cô bé rất muốn được cầm cái thùng ấy, đổ cát đầy ắp và xách đi trên đường trong vườn. Nhiều lần cô bé xin mẹ mua cái thùng con đó, và mẹ đã hứa, nhưng chỉ có một điều không thể hiểu được là mẹ sắp mua hay còn lâu nữa mới mua. “Khi nào có tiền, mẹ sẽ mua”, hay là: “Khi nào con ngoan, mẹ sẽ mua”. Thế thì bao giờ mới có?

Và bỗng nhiên hôm nay ước mơ của Gu-li-a được thực hiện một cách bất ngờ. Cô bé nhận được chiếc thùng con và thêm vào đó cả cái xẻng con nữa, cũng sơn màu xanh.

Gu-li-a đi bên cạnh mẹ, vui vẻ vung vẩy cái thùng con.

— Gu-li-a, đi cho tử tế chứ, — mẹ bảo cô, con đừng mọi người đấy.

Nhưng hình như Gu-li-a không nghe thấy gì cả. Chiếc thùng con đu đưa trong tay cô bé và thỉnh thoảng lại đụng vào những người đi qua đường.

Bà mẹ giận:

— Nếu con không thôi ngay bây giờ, thì mẹ sẽ lấy lại cái thùng con và cho cô bé khác đấy!

— Cô bé ngoan chứ? — Gu-li-a hỏi.

— Ừ, ngoan hơn con, — mẹ đáp.

Gu-li-a nhìn mẹ, có vẻ không tin và cứ vung cái thùng con đến nổi đụng vào đầu người đánh giày ngồi trên cái ghế con.

Bà mẹ hốt hoảng.

— Xin lỗi, đồng chí! — bà thốt lên và giằng lấy cái thùng con trong tay Gu-li-a. — Con đụng vào bác rồi, con bé hư quá!

— Con lỡ đấy thôi! — Gu-li-a nói.

— Không sao đâu, bà ạ! — người đánh giày có đôi mắt đen láy vui vẻ mỉm cười nói. — Đến lễ cưới thì sẽ khỏi thôi! [\[3\]](#)

— Thế thì bao giờ bác làm lễ cưới? — Gu-li-a hỏi.

Nhưng bà mẹ không còn nghe cả bác đánh giày lẫn Gu-li-a. Bà quả quyết bước nhanh về phía người công an đang đứng giữa ngã tư đường.

— Đồng chí công an, đồng chí có cháu nhỏ không? — bà hỏi.

— Có, — người công an đáp.

— Thế thì đồng chí hãy cho cháu cái này.

Và bà trao cho người công an chiếc thùng con. Anh ta ngạc nhiên đến nỗi không kịp nói gì cả.

Bà mẹ vội vàng dắt con gái đi khỏi, và người công an cứ tiếp tục đứng như thế giữa đường, một tay cầm chiếc thùng con màu xanh, còn tay kia cầm cây gậy công an.

Gu-li-a im lặng đi, đầu cúi xuống. Trong vườn cô ngồi trên một ghế dài. Bọn trẻ con đang chơi bên cạnh đồng cát vàng tươi. Bốn cái thùng con khác nhau để trên đường. Một cô bé cầm cái xẻng con xúc cát đổ vào những thùng ấy, còn những đứa khác thì lại đổ ra ngay. Thật là vui. Nhưng Gu-li-a không hề nhìn về phía chúng.

Bà mẹ im lặng theo dõi cô bé. Bà tưởng rằng cô bé sẽ không chịu được nữa và oà lên khóc. Nhưng Gu-li-a không khóc.

Khi trở về nhà, cô bé thản nhiên nói với bố đang ngồi đọc báo trên đi-văng:

— Bố ạ, bố có biết không, con với mẹ đã tặng chú công an cái thùng con rồi.

— Thùng con à? — ông bố ngạc nhiên. — Tặng chú công an à?

Gu-li-a cười gằn:

— Cái thùng trẻ con chơi ấy, tặng một chú công an thật.

Và khi cô ra khỏi phòng, bà mẹ mới kể lại đầu đuôi câu chuyện.

Tự tôi chút nữa thì khóc, khi phải lấy lại đồ chơi của nó để phạt nó. Mà nó ao ước cái thùng con ấy biết bao! Thề mà nó chẳng tỏ vẻ gì là tủi thân và giận cả.

Vài hôm sau, Gu-li-a ngồi lên đùi bố lại nói với bố:

— Bố có biết không, chúng tôi đã vứt con búp-bê Na-ta-sa ra ngoài cửa sổ rồi.

— “Chúng tôi” là ai?

— Con với mẹ. Mà vứt đi là tốt: con búp-bê ấy hư lắm. Thằng hề Pa-phơ-nu-ti I-van-nô-vích ngoan hơn nhiều.

Thằng hề mũi hếch, mặc áo sắc sỡ, Pa-phơ-nu-ti I-van-nô-vích ấy bố Gu-li-a một hôm đã đem từ nhà hát, nơi ông làm việc, về cho cô bé.

Gu-li-a muốn tụt xuống sàn. Nhưng bố giữ cô lại.

— Không, con hãy nói cho bố nghe đã: chuyện gì đã xảy ra đến nỗi búp-bê bị vứt ra ngoài cửa sổ?

Gu-li-a nhìn đi chỗ khác, rồi nói:

— Việc xảy ra thế này. Con và búp-bê, chúng con ngồi trên cửa sổ. Nhưng mẹ không cho. Mẹ bảo: “Không được ngồi trên cửa sổ, ngã đấy!” Nhưng chúng con không tụt xuống...

— Thế thì sao?

— Sao à... Mẹ kéo con xuống, còn con búp-bê thì mẹ vứt đi.

— Thế con không tiếc một tí tẹo nào cả à?

— Tiếc một chút thôi, — cô bé nói và cau mày chạy về phòng mình.

CHẠY TRỐN ĐI TÂY-BAN-NHA

Hai năm nữa trôi qua.

Gần đến kỷ niệm Cách mạng tháng Mười. Nhà vừa mới sửa xong, còn sức nức mùi sơn mới. Trong các phòng yên lặng.

Nhưng, kìa ở phòng ngoài, tiếng chuông điện vang lên. Một, hai, rồi ba tiếng...

— Tôi nghe, nghe rồi! Trời bắt tội, chứ chẳng phải trẻ con! — thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na, một người đàn bà khắt khe, nghiêm nghị, cầu nhàu và đi ra mở cửa.

Gu-li-a chạy vào phòng ngoài, ôm đầy các thứ mới mua được.

— Thím xem đây này! Nhân ngày lễ, mẹ mua cho cháu những bức tranh đẹp ghê không này! — cô nói. — Đây là chiến hạm «Pô-ti-ôm-kin» này, đây là tuần dương hạm «Rạng đông» này!

Đôi mắt cô bé ánh lên niềm vui sướng.

Nhưng thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na cũng chẳng thèm liếc nhìn những đồ mới mua của Gu-li-a và đi vào bếp.

Gu-li-a chạy về phòng mình và đóng chặt cửa lại.

Trong phòng, cô bé lập tức bắt tay vào việc. Sơn trên tường còn mới nguyên, nên giấy dán vào tường rất dễ dính.

Một sự yên tĩnh lạ thường, hiếm có bao trùm cả nhà. Thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na bỗng thấy không yên tâm — không biết con bé có tinh nghịch cái gì chẳng?

Khi đã mở cửa, thím vung tay lên. Bức tường vừa mới sơn xong đã bị dán đầy tranh. Áo, bút tất của Gu-li-a, thậm chí cả

má, mũi nữa đều lấm sơn xanh.

Thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na quát lên:

— Tệ quá chừng! Làm hỏng cả tường rồi!

— Sao thím lại có thể nói thế? — Gu-li-a bực tức trả lời. — Đây là chiến hạm «Pô-ti-ôm-kin»! Tuần dương hạm «Rạng đông» chứ! Thế mà thím không hiểu sao!

Nhưng thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na không nghe Gu-li-a nói gì nữa và bắt đầu bóc tranh ở tường ra. Gu-li-a túm chặt chiếc áo dài của thím. Cô bé khóc nức nở, kêu vang, giậm chân, nhưng vô ích. Chỉ một lát mọi việc đã xong. Thím vừa mắng, vừa bỏ đi chợ, còn Gu-li-a thì nằm vật trên giường khóc sụt sùi.

Nước mắt chảy trên hai má lấm sơn của cô bé, để lại những vết nhiều màu khác nhau.

«Làm thế nào bây giờ? — Gu-li-a nghĩ ngợi. Mẹ thì suốt ngày đi làm, còn sống cùng với thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na thì quả là không chịu được! Nếu thím ấy về nông thôn có phải hay không! Nhưng không, thím chẳng đi đâu, bây giờ thì thím lại càng không đi nữa. Thôi, — Gu-li-a quyết định, — đã thế thì mình sẽ đi khỏi nhà vậy. Đi cho bố ghét thím».

Nhưng đi đâu? Đến biệt thự ư? Ở đó lạnh lắm. Cửa sổ đóng ván. Gió rít trên trần nhà. Không, nếu đã đi thì phải đi đến nước nào ấm kia. Đến Tây-ban-nha, chẳng hạn. Ừ, có cái nước như thế thật đấy (người ta chẳng đã giới thiệu trên màn ảnh là gì). Thôi, tất nhiên là đi Tây-ban-nha! Chỉ còn phải hỏi người nào ở ngoài phố xem nước đó ở đâu nữa thôi.

Gu-li-a đứng dậy, lấy khăn lau mặt ướt đẫm nước mắt và bắt đầu chuẩn bị lên đường. Đầu tiên, cô bé lấy những cuốn sách nhỏ yêu quý của mình để trên giá xuống. Rồi cô ngẫm nghĩ và lấy trong ngăn kéo bàn của mẹ một vài hào bạc và mấy xu đồng. Sau đó, cô mở tủ áo và kéo trong đồng quần áo xếp cẩn thận ra một tấm vải trải giường.

«Đây sẽ là cái lều của mình, — Gu-li-a nghĩ bụng. — Vì mình phải ngủ ngay trên cánh đồng hoặc trong rừng kia đấy».

Cô bé nhét tấm vải trải giường vào chiếc va-li con. Bên trên xếp mấy cuốn sách và người bạn cũ của mình là thằng hề Pa-phơ-nu-ti I-van-nô-vích. Tất cả tiền lẻ mà cô tìm thấy trên bàn, cô bỏ vào túi yếm mặc ngoài.

«Cũng phải lấy áo bành-tô nữa, — Gu-li-a ngẫm nghĩ. — Và cả cái ô nữa. Lỡ ra bỗng nhiên ở Tây-ban-nha trời đổ mưa thì sao».

Cô bé lôi từ trong tủ ra cái ô bé tí tẹo màu hồng viền đăng-ten của mình.

Và tin chắc rằng đã đảm bảo cho mình trong mọi trường hợp xảy ra trên đời, Gu-li-a mặc áo, xách va-li con, cái ô và lên đường đi xa. Ở ngoài sân, cô bé từ biệt tất cả trẻ con quen biết.

Khi thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na trở lại nhà, thì trẻ con hàng xóm thân nhiên nói với thím:

— Gu-li-a của thím đi Tây-ban-nha rồi.

Thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na chạy bổ đi tìm Gu-li-a và khoảng hai giờ sau đã tìm thấy cô bé ở ga: cô ngồi trên ghế dài chờ chiếc tàu đi ngoại ô khởi hành. Khó nhọc lắm thím mới kéo được cô bé trốn nhà đi về. Gu-li-a khẳng khẳng không chịu về và khóc.

Những người láng giềng đã gọi điện cho bà mẹ ở chỗ làm việc. Khi bà vào phòng, Gu-li-a nức nở, chạy bổ ra đón. Cô nói:

— Con không thể sống như thế này được nữa!

Bà mẹ ngồi trên đi-văng, kéo con vào lòng.

— Nào, con hãy kể đi, xem chuyện gì đã xảy ra. Con lại giận nhau với thím Na-sta-xi-a Pê-tơ-rốp-na à?

Gu-li-a nghẹn ngào.

Nước mắt ràn rụa, cô bé khó nhọc lắm mới nói được:

— Thím ấy không hiểu gì cả! Mẹ và bố suốt ngày không có nhà, còn thím ấy thì không hiểu gì cả. Con đã dán vào tường những bức tranh của mẹ cho đẹp làm sao và nghĩ rằng thím sẽ vui lòng, nhưng thím lại bảo: «Làm hỏng cả tường rồi», và xé hết, lấy dao cạo hết. Mẹ cho con đến trường vậy!

— Được, Gu-lênh-ca ạ, bố mẹ sẽ có cách. Nhưng lần sau, nếu không xin phép, thì không được chạy đi Tây-ban-nha nữa nhé.

Mẹ đặt con gái nằm lên đi-văng và đắp ấm cho con. Gu-li-a dịu đi và ngủ thiếp.

Và mẹ còn ngồi bên con hồi lâu, vuốt ve đầu con. Giữa những mớ tóc quăn mềm mại óng ánh phía sau gáy nổi lên một đám tóc nâu thẫm. Bà mẹ nghĩ thầm:

«Con gái yêu của tôi đang lớn, tóc đã bắt đầu sẫm lại rồi đây. Không biết cuộc đời của nó rồi sẽ ra sao?.. »

«A-ĐAM»

Gu-li-a đã hơn sáu tuổi, cô bé đã biết đọc từ lâu, gần như từ khi mới lên năm kia, — nhưng cho vào trường thì còn sớm. Những người quen khuyên bà mẹ cho cô bé vào nhóm do một bà giáo già người Pháp phụ trách: cô bé sẽ chơi và đi dạo với những trẻ con khác và nhân thể học thêm tiếng.

Thế là lần đầu tiên Gu-li-a đến với bà giáo.

Trong căn phòng kê những bàn ghế cổ kính đã phai màu và có nhiều tranh ảnh treo trên tường, ngoài Gu-li-a ra còn có hai đứa bé nữa: chú bé Li-ô-líc với những mớ tóc quăn dài trông như con gái và cô bé Su-ra cắt tóc ngắn giống hệt con trai.

Những đứa bé ngồi sau một cái bàn con thấp, còn bà giáo già cầm con thỏ màu xanh làm bằng vải và hát một bài ca khó hiểu. Con thỏ trong tay bà bắt đầu nhảy trên bàn một điệu múa gì thật buồn cười. Tai thỏ nhảy nhót, chân thỏ vung vẩy, những đứa trẻ cười và hát theo bà giáo những lời ca thật lạ tai.

Gu-li-a im lặng, lờm mọi người. Nhưng rồi cô định bụng sẽ hỏi.

— A-đam, vì sao.., — cuối cùng cô nói.

— Cháu nói gì? Nhắc lại xem, — bà giáo Pháp ngạc nhiên.

— A-đam, — Gu-li-a nhắc lại.

— Không phải là «a-đam», mà phải nói là «ma-đam»^[4] kia.

— Ma-đam, — Gu-li-a lại bắt đầu, — phải chăng tiếng Nga dở đến nỗi phải học thêm tiếng Pháp nữa, hử bà?

Đối với cô bé, đó là điều lạ lắm. Vì sao phải hát những bài hát bằng thứ tiếng không thể hiểu được, trong khi trên đời này đã có tiếng Nga vừa hay vừa dễ hiểu biết mấy? Và thêm nữa, tại sao lại phải bắt con thỏ màu xanh ấy nhảy múa nữa kia chứ? Ở nhà Gu-li-a cũng có một con thỏ, chỉ có điều không phải màu xanh, mà màu lam, nhưng đã ba năm rồi thỏ nằm trong hòm với những đồ chơi cũ khác. Gu-li-a chẳng bao lâu nữa phải đến trường học, thế mà người ta còn giải trí cho cô như với trẻ con!

Bà giáo già không biết trả lời cho Gu-li-a thế nào. Bà suy nghĩ một tí, rồi bảo lũ trẻ quay vòng tròn để nhảy múa.

Bà giáo nắm tay Li-ô-líc và Su-ra, còn Su-ra thì đưa tay cho Gu-li-a. Nhưng Gu-li-a rời ra và lại ngồi trên ghế. Cô nói:

— Buổi sáng, cháu không thích nhảy múa. Buổi sáng, cháu thích đọc cơ.

Bà giáo Pháp không bằng lòng, lắc đầu nói:

— Cô bé không biết vâng lời tí nào cả. Thôi được, chúng ta sẽ đọc.

Nhưng té ra trong nhóm cũng không phải đọc tiếng Nga, mà đọc tiếng Pháp. Và cũng không phải đọc truyện cổ tích, mà chỉ đọc chữ cái thôi.

Bà giáo chia cho trẻ con các bức tranh trên đó có vẽ những chữ cái: a, b, c, d...

Việc đó chẳng có gì là khó cả. Gu-li-a rất chóng nhớ mặt chữ. Và chưa đầy một tháng sau, cô bé đã biết đọc tiếng Pháp khá trôi chảy.

Thường những buổi đi dạo trong vườn, cô giục «a-đam» của mình về nhà.

— Về đi bà, chúng ta sẽ đọc cuốn sách Pháp của bà thêm một tí nữa.

Và đến cuối mùa đông, cô không phải chỉ biết đọc, mà còn biết viết nữa. Trong giờ học, khi cô đùa quá trớn và nghịch ngợm, thì bà giáo đeo kính vào và nói:

— Nào, im lặng! Bây giờ chúng ta sẽ viết chính tả.

Nhưng cả môn học đó, Gu-li-a cũng biến thành một trò chơi vui vẻ.

— Đứa con thơ nằm trong nôi, — bà giáo rành rọt đọc những câu tiếng Pháp. — Con chim đậu trên cây. Bà nội đan bít tất. Ông nội hút tẩu thuốc lá.

Còn Gu-li-a thì kẻ từng chữ trên vở con:

«Bà nội nằm trong nôi. Đứa con thơ hút tẩu thuốc lá. Con chim đan bít tất. Ông nội đậu trên cây».

Và cố nhin cười, với bộ mặt rất nghiêm chỉnh, cô chìa ở cho «a-đam» của mình xem.

Bà giáo Pháp sửa lại kính và bắt đầu đọc to những dòng chữ nguệch ngoạc của Gu-li-a.

— Thế này là thế nào? — bà cau mày nói. — Con chim đan bít tất? Đứa con thơ hút tẩu thuốc lá? Tôi chẳng hiểu gì cả!

Gu-li-a phá lên cười và cả Li-ô-líc, Su-ra cũng cười theo.

Bà giáo già hiền lành tha thứ cho Gu-li-a về trò chơi tinh nghịch đó. Bà cho rằng khi chơi, xếp đặt lại các từ tiếng Pháp theo ý mình, thì Gu-li-a càng chóng nhớ từ. Bà chỉ chú ý theo dõi xem làm sao mỗi từ được viết đúng, không có lỗi.

Những buổi học cứ như thế trôi qua êm đềm và vui vẻ. Và trong nhóm không ai nghi ngờ rằng Gu-li-a lại còn nghĩ ra được một trò gì mới nữa.

Một hôm, vào ngày xuân ấm áp, khi cả nhóm đi dạo trên đường phố, bỗng nhiên Gu-li-a dừng lại trước cửa một ngôi nhà gạch ba tầng. Cô nói:

— Ma-đam, bà đợi cháu ở đây một tí nhé, cháu quay trở lại ngay.

Và hé mở cánh cửa nặng nề, cô bé biến mất.

— Ma-dam, đây chính là trường họ đấy! Bà xem người ta viết kia phải không? — Su-ru nói và chỉ tay lên tấm biển đóng ở cửa.

— Hai cháu đứng đây nhé. Bây giờ bà sẽ xem, — bà giáo Pháp trả lời.

Li-ô-líc và Su-ra còn lại một mình. Chúng cầm tay nhau và đứng nép sát vào tường nhà để xe cộ khỏi cán phải chúng.

Gu-li-a trở lại trước nhất.

— A-đam đâu rồi? Nghĩa là ma-đam đâu rồi? — cô hỏi.

— Đi tìm cậu đấy, — Li-ô-líc và Su-ra cùng trả lời. — Thế vừa rồi cậu ở đâu?

— Chốc nữa mình sẽ kể!

Trong lúc đó, từ sau cánh cửa trường, bà giáo chạy ra vẻ mặt lo lắng:

— Cô be xôi qua, — bà mắng Gu-li-a. — Cháu đi đâu?

Khi nào bà xúc động, bà nói tiếng Nga tồi hơn thường ngày nhiều.

Gu-li-a im lặng một lúc, rồi chững chặc nói như người lớn: — Ma-đam, xin bà tha lỗi. Cháu đã xin vào trường rồi! Vào lớp một. Ngày mai phải nộp giấy khai sinh.

Ma-đam chỉ còn biết vung tay lên mà thôi.

Ngày hôm sau, mẹ Gu-li-a nộp đủ các giấy tờ cho nhà trường. Gu-li-a tự đưa mình vào trường như vậy đó.

NỮ SINH LỚP MỘT

Ở lớp một, Gu-li-a cao hơn tất cả, tuy cô nhỏ tuổi hơn tất cả. Thời gian đầu kể cũng gay cho cô bé.

Có cậu bé ranh con nghịch ngợm nào đây thích những mớ tóc quăn của cô bé. Từ phía sau, nó len lén đến gần Gu-li-a, móc ngón tay vào mớ tóc, rồi giật mạnh. Thật là đau và bực. Về nhà, Gu-li-a kể lại chuyện đó, nhưng bà mẹ lại rất thản nhiên trước lời than phiền của cô.

— Tự con phải tìm cách giải quyết với chúng. Nếu không thể giải quyết được, thì đánh trả lại. Đừng có kêu ca với bà giáo.

Và Gu-li-a không còn cho phép ai chòng ghẹo mình nữa.

Cô bé rất thích trường học. Trong bàn học của cô chứa toàn bộ tài sản. Trong một góc xếp những cuốn sách mới và những quyển vở. Ở góc kia để hộp bút sơn màu, và trong hộp bút, thôi thì đủ tất cả mọi thứ! Nào là bút chì, nào là những ngòi bút sáng loáng, lại có cả những hòn tẩy.

Có một hôm, Gu-li-a mang đến lớp con khỉ tí hon bằng len và bắt đầu lấy sách và hộp bút dựng cho nó một cái nhà con xinh xắn. Cô không thấy bà giáo đã vào lớp rồi.

Giờ học bắt đầu.

Bà giáo đọc to cái gì đấy đã khá lâu, nhưng Gu-li-a không nghe thấy gì cả.

— Bây giờ Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va hãy kể lại cho chúng ta nghe câu chuyện vừa rồi, — bỗng nhiên bà giáo nói.

— Câu chuyện nào ạ? — Gu-li-a đứng dậy hỏi.

— Câu chuyện mà tôi vừa kể cho các cháu nghe.

— Cháu không nghe gì cả, — Gu-li-a nói và cúi đầu xuống.

— Thật xấu hổ, Cô-rô-li-ô-va ạ, — bà giáo nói. — Cháu thật đáng trí. Cô cho điểm «xấu».

Lát sau, trong một căn phòng của xưởng phim, nơi mẹ Gu-li-a làm việc, tiếng chuông điện thoại vang lên.

— Gọi hộ mẹ cháu ạ! Đồng chí Cô-rô-li-ô-va!—trong ống nghe vang lên giọng nói hồi hộp. — Mẹ, mẹ đấy à? Mẹ ạ, con đau lắm!

Bà mẹ chút nữa thì đánh rơi ống nghe khỏi tay.

— Gu-lênh-ca, con làm sao thế? Hãy đến ngay bác sĩ ở trường nhé. Mẹ sẽ đến trường với con ngay.

— Con không ở trường, — có tiếng trả lời. — Con đã ở nhà rồi ạ.

— Ở nhà à, thế thì được. Lên giường nằm ngay. Con đau gì đấy?

— Mẹ, mẹ không hiểu rồi! — Gu-li-a nói. — Con đau không phải vì ốm, mà vì có điểm «xấu».

— Nói rõ đi nào? Con đau cái gì? Đầu? Họng?

— Mẹ, mẹ sao thế! Con đã bảo rằng không phải con đau vì ốm, mà vì bài văn đáp Nga văn con bị điểm «xấu»!

Bà mẹ thở phào nhẹ nhõm.

— Sao con không nói như thế ngay từ đầu? Thế cũng chưa sao đâu, nếu chỉ có môn văn đáp Nga văn thôi.

— Hừ, không sao! Mẹ thì cái gì cũng không sao cả! — Gu-li-a bực dọc nói. — Còn con thì do điểm «xấu» đó mà đau, rất đau!

Một bận khác, khi Gu-li-a ốm thật, bà mẹ lại không tin cô ngay.

— Thế nào «đau» vì môn nào, vấn đáp hay bài viết?—bà hỏi.

— Đau họng!—khó nhọc lắm Gu-li-a mới nói được. — Và nôn ra cái gì gì ấy...

Khi bà mẹ về đến nhà, Gu-li-a đã nằm trên giường đỏ gay vì sốt. Bác sĩ đến khám bệnh cô bé xong, nói một trong những chữ mà tất cả các bà mẹ đều sợ:

— Sốt phát ban.

TRONG BỆNH VIỆN

Mẹ Gu-li-a đứng trong vườn rộng trước cửa sổ tầng dưới. Bà buồn rầu nhìn con gái gầy gò, cắt tóc ngắn, mặc chiếc áo cánh dài và áo choàng, sau cơn bệnh vừa qua nay không còn giống Gu-li-a vui tươi ngày trước nữa.

Qua cửa sổ đóng chặt không nghe được giọng nói của Gu-li-a. Nhưng nét mặt của Gu-li-a lộ rõ sự thất vọng tràn đầy. Cô đang viết vội cái gì đấy trên một tờ giấy to đặt trên bệ cửa sổ và sau đó giờ lên cửa sổ cho mẹ xem những dòng chữ viết nguệch ngoạc như sau:

«Mẹ ơi, đưa con ra khỏi nơi này. Da con tróc hết cả. Con không thể sống ở đây được nữa!»

Bà mẹ viết trả lời con trên trang giấy cuốn sổ tay:

«Gu-lênh-ca, cố gắng chịu đựng thêm một ít nữa thôi. Mẹ sắp đưa con về nhà rồi. Nhiều quà đặc biệt đang chờ con ở nhà».

Môi và cằm Gu-li-a run lên, nhưng cô bé cố nhin và không khóc, dù lúc đó cô chỉ mới lên tám.

Khi mẹ đi rồi, Gu-li-a buồn rầu đi vào bếp để biết món ăn buổi tối hôm nay. Đó là điều rất thú vị, cứ một ngày ba bận chạy vào bếp, rồi đi quanh tất cả các phòng của khoa kể cho bọn trẻ con khác đang nằm trên giường rằng sẽ có món ăn gì vào bữa sáng, bữa trưa và bữa tối.

— Mì ống rán và nước bột quả đầy nhé! — Gu-li-a trịnh trọng tuyên bố.

Nhưng tiếc thay, hóa ra có một cô bé chân sếu, đầu cạo trọc nào ở phòng bên cạnh đã kịp chạy xuống bếp trước Gu-li-a rồi, nên tin mới kia của Gu-li-a chẳng gây được một cảm tưởng gì cho ai cả.

Gu-li-a ngồi trên giường và thở dài. Còn một giờ nữa mới đến bữa ăn tối. Cô bắt đầu khe khẽ ngâm thơ của Nê-cơ-ra-xốp, nhà thơ yêu mến của cô. Và bỗng nhiên, chính ngay cô cũng không nhận ra được, trong óc cô hình thành những lời và những dòng thơ mới, chưa được nghe bao giờ về con chó con Pê-ti-ca của cô, con chó con nhỏ xíu màu lông hung hung đỏ, để ở nhà:

Chó con bé tí,
Chó con thân yêu,
Đến đây ta bế,
Ta hôn, ta chiều!
Ngồi chi trong góc,
Vẻ mặt buồn thiu?
Nhà không còn bánh,
Chó hung thân yêu,
Trong góc hiu quạnh,
Nằm ngủ thiu thiu.

«Sao mình lại làm được như thế nhỉ? — Gu-li-a ngẫm nghĩ. — Đấy không còn là những lời thơ ngốc nghếch, như bài thơ về châu Phi».

Và cô bé nhớ lại bài thơ đầu tiên của mình mà cô đã đặt ra hồi lên bốn tuổi:

Các con chim sắp bay đi xa,

Từng đàn, từng đàn, trở về nhà.

Đối với chúng, châu Phi ngát mùi hương,

Châu Phi, quê hương chúng mên thương!

«Phải ghi lại bài thơ về con chó Pê-ti-ca này», Gu-li-a định bụng như thế.

Rồi cô cầm bút chì, mảnh giấy, viết một dòng chữ hoa:

BÀI THƠ VỀ CON CHÓ PÊ-TI-CA

Và bỗng nhiên cô thấy buồn ngủ. Mí mắt cô như dính chặt lại, đầu trở nên nặng nề, và Gu-li-a ngủ sấp mặt xuống gối.

Đến bữa ăn tối, khi người ta mang một đĩa mì ống nóng hổi lên, thì Gu-li-a đã ngủ say rồi.

BẠN VÀ THÙ

Rời bệnh viện trở về nhà, Gu-li-a thấy cả một tủ sách. Trên giá sách xếp đầy những cuốn sách mới, còn thơm mùi mực in. Nhưng Gu-li-a thích hơn cả là những sách về du lịch.

«Làm thế nào chóng lớn lên nhỉ, — Gu-li-a nghĩ bụng, — và mình sẽ trở thành một nhà du lịch».

Và bỗng nhiên ước mơ của Gu-li-a được thực hiện một cách bất ngờ. Gu-li-a cùng mẹ đi xa, xa lắm, đến mãi tận Ác-mê-ni.

Đối với bà mẹ, đó là một chuyến đi công tác, còn đối với Gu-li-a, là một trong những hành trình vui nhất.

Ngoài sân nhà, nơi mà họ ở lại, có mùi khét bốc ra từ một bếp lò nhỏ, xếp bằng đá ngay sát cánh cửa. Trước bếp, một cô bé ngồi xổm, tóc đen láy, tết chặt thành những bím nhỏ. Cô bé cầm chiếc thìa to khuấy cái gì trong chậu đồng. Từ trong chậu bốc ra một mùi ngọt như mật, và mùi mật bay ra đến tận ngoài đường.

Mùa thu sắp đến. Ánh nắng không còn gay gắt như trong những ngày hè, mà dịu dàng sưởi ấm.

— Cậu tên gì? — Gu-li-a hỏi cô bé.

Cô bé sửa lại những bím tóc đen của mình, rồi nhìn vào cái thìa như tường lần đầu tiên cô thấy nó.

— Gay-a-ne, — cô nhỏ nhẹ trả lời.

— Cậu vào trường rồi chứ? — Gu-li-a hỏi.

— Tất nhiên, mình đi học, — Gay-a-ne kéo dài giọng đáp.

— Thế cậu có yêu trường cậu không?

- Tất nhiên, mình yêu.
- Cậu có bạn gái không?
- Tất nhiên, có.
- Cậu có muốn kết bạn với mình không?
- Tất nhiên, muốn, — Gay-a-ne nhếch mép cười.
- Thế trường cậu ở đâu, có gần không?
- Không gần lắm, hơi xa, — Gay-a-ne đáp.

Gu-li-a ngồi lên bậc thềm cạnh Gay-a-ne. Dần dần cô bé thích nói chuyện hơn, và nhờ cô bé mà Gu-li-a biết được rằng có hai ngọn núi tuyết cao lắm, cao vượt cả mây, gọi là A-ra-rát, và những người Ác-mê-ni vẫn gọi theo lối cổ là Xít và Ma-xít, tức là hòn A-ra-rát Nhỏ và hòn A-ra-rát Lớn. Còn Gu-li-a thì kể cho Gay-a-ne rằng cô cùng mẹ đi tàu qua những ngọn núi gì đấy và sáng sớm, khi họ xuống ga A-la-gô-dơ, thì trời rất lạnh.

— Thường trên núi bao giờ cũng thế, — Gay-a-ne nói. Kìa, ngọn núi A-la-gô-dơ. — Và cô chỉ tay lên ngọn núi vừa vịn đứng đối diện với hòn A-ra-rát. — Anh Ca-rô của mình đã trèo lên tận đỉnh đấy nhé.

— Thế bây giờ anh cậu đâu rồi? — Gu-li-a hỏi.

— Kìa kìa, — Gay-a-ne hất đầu chỉ cậu bé đội mũ lông.

Cậu bé cười trên bờ rào xếp bằng đá, đặt tay lên mắt nhìn ra phía nào đấy xa xa.

— Anh trông để trẻ con nhà khác không ăn cắp lê và lựu của chúng mình, — Gay-a-ne giải thích.

— Tiếc thật, anh Ê-rích của mình không có đây, — Gu-li-a thở dài. — Ê-rích sẽ cho chúng biết tay!

Gu-li-a nói câu đó chẳng suy nghĩ gì, rồi tự chính mình cũng ngạc nhiên về những lời của mình. Ê-rích hoàn toàn không phải là anh cô, chỉ là bạn của cô từ ngày còn bé tí, nhưng lúc này, Gu-li-a thèm muốn được như Gay-a-ne có anh, nên bịa ra anh cho mình.

Tình bạn giữa Ê-rích và Gu-li-a bắt đầu từ ngày cả hai đứa mới lên ba tuổi.

Tuy thế, lúc bấy giờ nhiều khi Gu-li-a đã làm Ê-rích bực. Có một bận, cô mang về nhà mình con voi trắng bằng nhung của Ê-rích và lâu lắm không chịu rời voi. Cô nói:

— Chính voi nói với mình là nó không muốn sống ở nhà Ê-rích, nó chỉ muốn sống ở nhà mình thôi.

Ê-rích nhẫn nại chờ đợi rất lâu, khi nào voi lại thích trở về với chủ thật sự của nó.

Nhưng thường thì Gu-li-a lại hay cho Ê-rích đồ chơi của mình hơn. Ngay cả chiếc hờ yêu quý của cô là Pa-phơ-nu-ti I-van-nô-vích cô cũng tặng cho Ê-rích.

Nhưng rồi, cô và Ê-rích mỗi đứa vào học một trường khác nhau, nên ít gặp nhau hơn. Nhưng dù sao thì cũng cùng sống trong một thành phố.

Bây giờ Ê-rích ở cách xa Ê-rê-van hàng nghìn cây số, — ở tận Mát-scơ-va.

— Anh cậu có lớn không? — Gay-a-ne hỏi.

— Lớn, có thể lớn hơn Ca-rô của cậu đấy.

Và Gu-li-a nhìn về phía chú bé đội mũ lông.

Chú bé đang đưa nắm tay lên dọa ai đứng ở phía bên kia bờ rào đá và quát nạt gì đấy bằng tiếng mẹ đẻ có vẻ giận dữ lắm. Và bỗng nhiên, từ sau bờ rào, những hòn đất sét bay về phía nó.

Gu-li-a vụt rời khỏi chỗ và chạy đến bờ rào. Cô nhanh nhẹn trèo lên và kêu lớn.

— Ê, chúng mày! Nếu chúng mày không thôi, thì tao gọi anh Ê-rích của tao đến ngay bây giờ. Anh ấy có súng sẵn thật đấy.

Đối phương sững sốt nhìn cô bé lạ, hoàn toàn không giống các cô bé lạng lẽ, nhút nhát mà chúng thường quen gặp ở ngoài đường phố của chúng.

Một đứa da ngăm đen và cứng cáp nhất trong bọn, há hốc mồm nhìn Gu-li-a không chớp mắt.

— Liệu đấy! Liệu đấy! — Gu-li-a nói. — Tao sẽ cho mày biết tay!

Không rõ đứa bé kia có hiểu những lời của cô hay không, nhưng nó quay phắt lại và ù té chạy.

Mấy đứa khác ba chân bốn cẳng chạy theo nó.

— Bây giờ chúng sẽ chạy từ phía kia lại, mình biết rõ chúng lắm! — Ca-rô nói.

— Còn cậu đừng chần chừ! Chạy đón đường chúng! — Gu-li-a ra lệnh. — Và nếu có gì thì kêu: «Ê-rích!» nhé.

Ca-rô nháy phóc xuống bờ rào và cầm đầu cầm cổ chạy đến phía cuối sân. Tức thì, từ đó vang lên tiếng kêu thất thanh của nó:

— Ê-rích! Đến đây! Ê-rích!

Gu-li-a liền chạy đến giúp. Cô vừa kêu vừa chạy:

— Ê-rích đang đi đến! Anh ấy đang nạp đạn vào súng!
Ca-rô đứng trên mái nhà dốc. Nó vui mừng vung tay:
Chúng cút rồi!

— A ha! — Gu-li-a reo lên. — Chúng mày sợ khiếp vía!
Ca-rô trèo xuống đất.

— Cậu có anh Ê-rích thật không? — nó hỏi.

Gu-li-a gật đầu:

— Anh họ...

— Bây giờ anh cậu ở đâu? Ngồi trong nhà à?

— Trong nhà... ở Mát-sơ-va.

Ca-rô rướn cặp lông mày đen lên. Nhưng khi đã hiểu rõ rồi,
thì nó cười phả lên:

— Láu cá thật! Anh thì ở tận Mát-sơ-va, mà lại mang anh ra
dọa cả Ê-rê-van này.

— Cậu muốn kết bạn với mình không? — Gu-li-a hỏi.

Ca-rô đổi chân, nhếch mép cười:

— Mình có em là Gay-a-ne đấy. Ở Ê-rê-van, chứ không phải ở
Mát-sơ-va. Có thể chơi với nó.

— Còn với cậu không được à?

Ca-rô bối rối.

— Sao không được? Được tất.

Và từ ngày đó, Gu-li-a kết bạn với Gay-a-ne và Ca-rô. Còn
«đám quân thù địch» kia thì từ xa ghen tị nhìn xem anh em Ca-
rô và Gay-a-ne chọn cho cô bé mới đến những quả lê chín mọng
thơm ngon nhất.

Chẳng bao lâu, ngay cả đám «thù địch» kia cũng đâm ra kính trọng cô bé mới đến. Sự việc xảy ra thế này.

Lúc bây giờ, trong sân của chúng có buộc con chó A-bơ- rếch to lớn, dữ tợn. Quanh đấy rất xa cũng nghe vang lên tiếng sủa khàn khàn dữ dội của nó.

Một đôi lần, Gu-li-a dừng lại trước cổng sân, nơi buộc con A-bơ-rếch, liếc nhìn qua cửa bờ rào, nhưng không thấy nó.

Cuối cùng, Gu-li-a đánh bạo trèo lên chỗ nhô ra trên bờ rào bằng đá và thấy con chó béc-giê to lớn, lông xám. Con chó đang tuyệt vọng quay quay cái đầu, cố gỡ ra khỏi sợi dây thừng to thay sợi xích.

— Tao sẽ giúp mày ngay! — Gu-li-a kêu lên và nhảy qua bờ rào, phóc xuống đất, chạy thẳng đến ổ chó.

— Chạy đi đâu thế?! — bỗng nhô đầu trên bờ rào, Ca-rô kêu với theo. Nó cắn đấy! Nó cắn nát ra từng mảnh đấy!

— Không việc gì, Không cắn đâu, — Gu-li-a nói.

Con A-bơ-rếch âm thầm nhìn chăm chăm Gu-li-a, rồi lao về phía trước và bắt đầu sủa vang lên đến nỗi chả mấy chốc bị mất cả tiếng. Gu-li-a dừng lại.

—A-bơ-rếch, đừng sợ! — cô nói với nó bằng một giọng vô cùng âu yếm, — A-bơ-rếch bé bỏng, tao không ghẹo mày đâu...

Con A-bơ-rếch ngạc nhiên đến nỗi ngồi chồm chồm xuống hai chân sau.

Còn Gu-li-a thì tiến gần đến con chó đáng sợ kia, vuốt ve khoảng giữa hai tai nó và bắt đầu tháo sợi dây thừng ra. Con chó

hình như điên lên vì sung sướng. Nó nhảy quanh Gu-li-a, rồi đứng lên hai chân sau, còn hai chân trước đặt lên vai Gu-li-a.

Tháo thùng cho con A-bơ-rếch xong, Gu-li-a nắm cổ dề của nó, và con chó dữ mà tất cả mọi người dân lân cận đều sợ, bây giờ yên lặng và ngoan ngoãn đi bên cạnh cô bé, thận trọng bước ngay sát chân cô.

Và từ ngày đó, khắp đường phố, ai ai cũng bảo rằng trên đời này Gu-li-a chẳng sợ gì cả.

Nhưng rồi ngày lên đường của Gu-li-a đã đến. Chiếc xe ngựa đã đỗ ngoài cửa. Ca-rô mang va-li ra.

Mẹ Ca-rô, một người đàn bà nhỏ nhắn và trầm lặng, đưa cho Gu-li-a một lẵng đan đựng đầy những chùm nho. Gay-a-ne bước tới. Cô bé khóc.

Gu-li-a ôm bạn hôn.

— Đừng khóc, Gay-a-ne ạ. Hãy đến Mát-scơ-va với mình đi.

Đằng xa, các chú bé hàng xóm cũng đứng lặng; trước kia chúng là «thù» nhưng bây giờ đã là bạn của Gu-li-a rồi. Khi chiếc xe ngựa bắt đầu chuyển bánh, Gu-li-a vẫy tay chào chúng.

Và lập tức cả bầy trẻ chạy theo xe cô, có hai cậu cháu hơn cả bám vào phía sau xe. Người đánh xe ngựa quát chúng câu gì bằng tiếng mẹ đẻ, mấy đứa bé cười và càng bám chặt mép xe hơn.

Nhưng như thế vẫn chưa hết. Con A-bơ-rếch xù lông nhảy phóc ra đường, kéo lê theo sau mình sợi dây thùng. Chỉ mấy cái nhảy nó đã đuổi kịp đoàn người và chạy nhanh lên phía trước chiếc xe.

— A-bơ-rếch! — Gu-li-a gọi to. — Mẹ ạ, đem nó theo chúng ta nhé!

Mẹ chỉ gạt tay.

Nhưng rồi, chiếc xe ngựa chạy từ núi xuống, mấy đứa bé nhảy vội xuống đất.

— Tạm biệt nhé! — Gu-li-a kêu lên với chúng, và cả hai đứa cất mũ, vẫy Gu-li-a cho đến khi chiếc xe khuất hẳn.

GU-LI-A VÀ Ê-RÍCH

Đoàn tàu lửa từ từ và trang trọng tiến vào sân ga Mát-scơ-va. Đầu máy hiện ra từ xa, từ chỗ mà sân ga chưa bắt đầu.

Ê-rích lao tới đón chiếc tàu đang tiến vào.

Trước cửa các toa tàu, hành khách đã xúm đông lại, ới ới gọi phu khuân vác. Ê-rích chăm chú nhìn mặt họ, đưa mắt tìm Gu-li-a.

Hành khách đã đổ xuống sân ga, mà chẳng thấy Gu-li-a đâu cả. Thì bỗng Ê-rích nghe một giọng nói thanh thanh quen thuộc:

— Ê-ra-stíc!

Chỉ một mình Gu-li-a gọi cậu ta như thế thôi.

Cô thò đầu ra cửa sổ, mặt r ám đen vì ánh nắng miền Nam. Ê-rích lao vội tới toa tàu, len qua đám đông, đụng phải các va-li và những bao túi. Ván ở sân ga kêu lộp cộp dưới chân cậu. Và không nghe thấy giọng nói của mẹ đằng sau lưng đang chạy theo mình, cậu vui mừng khôn xiết, trèo lên chỗ vào cửa toa. Ở đấy, Gu-li-a đang đứng đợi, chân giậm vì sốt ruột, hai tay xách cái lẵng tròn và to.

— Nho cho cậu đây! — cô nói. — Còn ở dưới là đào đấy nhé. Chỉ tội đã bị mềm rồi. Phải ăn ngay, không thì vớt đấy. À, mình còn muốn mang cho cậu một con chó tuyệt hay nhưng hình như nó đã bị hóa dại.

— Và chắc nó đã cắn con rồi, — bà mẹ nói. — Gu-li-a, xem kia, dì Ma-sa đứng kia, thế mà con không chào dì, chỉ ba hoa những chuyện vớ vẩn đâu đâu.

— Dì Ma-sa thân yêu! — Gu-li-a reo lên và nhảy vội xuống sân ga, quàng hai tay bám lấy cổ mẹ Ê-rích.

— Căn nhà của bác còn chưa chuẩn bị xong, — dì Ma-sa nói. — Lão thợ sơn đánh lừa chúng tôi và đã ba ngày rồi không thấy lão đến. Bác và cháu phải đến ở đằng chúng tôi vậy.

— Hoan hô! — Gu-li-a reo lên. — Bác thợ sơn cừ lắm! Hoan hô!

— Hoan hô! — Ê-rích reo theo còn to hơn.

Và chẳng mấy chốc, căn phòng nhỏ của dì Ma-sa tràn ngập tiếng cười, tiếng nói và cảnh rộn ràng đặc biệt, bao giờ cũng thấy trong những phút đầu tiên của cuộc gặp mặt.

Trên bàn đã bày biện kẹo nho Ác-me-ni, bánh đa và bánh nướng. Những quả đào quá chín thơm ngọt ngào, Trong cốc óng ánh rượu nho đỏ Ê-rê-van.

Còn ở trên bệ cửa sổ duy nhất của căn phòng nhỏ, hai con chuột bạch, mắt hồng, đuôi dài chạy lui chạy tới. Gu-li-a đã kịp chạy đến trường và đưa những con chuột của vườn thú nhà trường về đây.

Những con chuột chạy đi chạy lại nhẹ nhàng trên bệ cửa sổ. Ê-rích và Gu-li-a cho chúng ăn những mẩu vụn bánh mì, còn bà vú già đặt bé Mi-ca, em của Ê-rích, nằm ngủ, vừa lườm Gu-li-a vừa càu nhàu:

— Đã chật thế này, em bé không lấy gì thở nữa, mà nó còn tha về nhà những đồ bẩn ấy.

— Không vú ạ, chúng nó sạch đấy chứ! — Gu-li-a cam đoan như thế. — Vú trông kìa, chúng nó dễ thương làm sao!

Mẹ cô chỉ xua tay.

— Gu-li-a không thể sống được nếu không có vườn thú của nó. Sống với nó thật là tai họa! Ở Ê-rê-van, những con chó xù to cũng đi theo nó. Bọn trẻ con đều sợ, nhưng Gu-li-a thì yêu chúng tha thiết chẳng khác nào những con chuột kia.

Khi hai bà mẹ ra khỏi nhà, Gu-li-a thì thăm với Ê-rích để vú già không nghe thấy:

— Mình nói với cậu cái này bí mật nhé.

— Chúng ta ra ngoài hành lang, — Ê-rích đề nghị.

Bọn trẻ chạy ra hành lang tối, lối đi vào bếp.

— Mình không biết làm thế nào cả, Ê-rích ạ, — Gu-li-a bắt đầu, — con chuột lang nó ngồi một mình ở trường. Trong số bọn trẻ chẳng đứa nào nghĩ đến việc mang nó về nhà trong mùa hè để trông nom cho nó cả!

— Thế mang về nhà chúng ta, — Ê-rích nói.

Thế vú già? Chỉ mấy con chuột này mà vú đã càu nhàu như thế rồi.

Chúng mình sẽ cho xuống dưới gầm giường, — Ê-rích nghĩ ra.

— Cho ai xuống dưới gầm giường? Vú già ấy à? — Gu-li-a bật cười.

— Chuột lang.

Chuột lang không nuôi dưới gầm giường được. Dưới giường, nó không chịu được. Nó cần không khí và cỏ tươi.

— Lấy cỏ ở đâu được nhỉ? — Ê-rích hỏi. — Mình nghĩ ra rồi! Bên bờ sông Mát-sơ-va cỏ nhiều lắm, bao nhiêu cũng có. Chúng ta đi cắt đi!

Và Ê-rích vọt chạy vào bếp, một phút sau đã chạy ra tay cầm con dao nhà bếp.

— Còn giỏ đựng cỏ? — Gu-li-a nhắc.

— Có thể lấy cái lẵng cậu mang nho về ấy, — Ê-rích trả lời.

Khi vú già đã đặt bé Mi-ca nằm và ngay vú cũng lim dim ngủ, thì Ê-rích và Gu-li-a đã chạy ra khỏi nhà.

Ở ngoài bờ sông, vào những năm đó còn chưa bọc đá hoa cương, cỏ mùa thu đã úa vàng, Ê-rích và Gu-li-a sốt sắng bắt tay vào việc, và chẳng mấy chốc, lẵng đã đầy cỏ.

Khi hai bà mẹ trở về nhà, còn ở phòng ngoài, đã nghe giọng nói giận dữ của vú già:

— Thế này là thế nào, hử? Cái gì lạ thế này, hử? Đến nước này thì phải bỏ nhà mà đi thôi...

— Chuyện gì xảy ra trong ấy? — mẹ Gu-li-a hỏi và mở vội cánh cửa.

Trong góc phòng, một chú chuột lang, lông màu hung hung, đang mệt nhọc nằm thở trên cỏ. Còn Ê-rích và Gu-li-a thì đứng bên cạnh cửa sổ, đầu cúi xuống. Những giọt nước mắt to từ từ lăn trên má Gu-li-a.

— Dì Ma-sa ạ, — Gu-li-a nói và khấn khoản nhìn mẹ Ê-rích với vẻ tuyệt vọng, — chuột lang sẽ chết ở trường vì đói và buồn đấy!

Nhưng chẳng sự thuyết phục nào có thể làm xiêu lòng những người lớn, làm cho họ tin rằng cần phải để chuột lang ở nhà.

Thế rồi một tay ôm mớ cỏ, một tay bế chuột lang, Gu-li-a đi ra khỏi nhà. Cô ghì nó vào lòng và khóc sục sùi.

Ê-rích đi theo sau và cố hết sức mình an ủi Gu-li-a...

GIỮA NHỮNG NGƯỜI CON CỦA CÁC ANH HÙNG

Mùa đông đã qua. Vào một buổi sáng mùa xuân, trong đời Gu-li-a xảy ra một sự kiện lớn.

— Mẹ sẽ đi với con đến nhà trẻ Cứu tế đỏ, — mẹ Gu-li-a nói.

Chữ «Cứu tế đỏ» Gu-li-a đã nghe từ khi còn bé tí. Cô không hiểu nó nghĩa, là gì, cô chỉ biết rằng mẹ cô làm việc ở một nơi nào đấy gọi là Cứu tế đỏ, và khi lớn hơn thì cô bắt đầu hiểu rằng chữ đó nghĩa là «Hội quốc tế cứu tế các chiến sĩ cách mạng».

Gu-li-a rất thích khi nhà văn Pháp Lê-ông Mút-xi-nác đến chơi nhà. Gu-li-a ngồi cạnh ông và có thể nghe ông nói rất lâu không sót một lời nào.

«Thật là tốt vì a-đam đã dạy cho mình tiếng Pháp, — cô nghĩ bụng. Tất cả những điều mà Mút-xi-nác thân yêu nói hay biết chừng nào!»

Đặc biệt Gu-li-a nhớ bài ca mà ông đã hát, khi kể chuyện về nước Tây-ban-nha: «Tô-rê-a-đo, hãy xung trận dũng cảm! »

Một bận, trong thời kỳ cách mạng Tây-ban-nha năm 1931, nhóm du kích Pháp chuyển đến Tây-ban-nha những hòm vũ khí nặng theo những đường mòn bí mật qua dãy núi Pi-rê-nê. Khi mọi người đã kiệt sức rồi, một trong những người Pháp, nhà văn Pôn Vai-ăng Cu-tuya-ri-ê, một con người vui vẻ và dũng cảm, choàng chiếc áo khoác rộng và sáng khoải bắt đầu hát vang:

«Tô-rê-a-đo, hãy xung trận dũng cảm! Tô-rê-a-đo! Tô-rê-a-đo!»

Bài ca trong vở ca nhạc kịch *Các-men* ấy bỗng nhiên ngân vang lên ở đây, chốn núi non, làm cho tất cả mọi người bất giác cười vang, vui nhộn hẳn lên, và cái đó tăng thêm sức mạnh cho những con người đã phờ phạc thắng được mệt nhọc, tiếp tục cuộc hành trình.

Gu-li-a nghe Mút-xi-nác kể, nhìn ông không rời mắt; và sau đó, cô thường lấy khăn mẹ choàng vào người và vắt mũi qua vai, bước đi trong phòng, hát vang và cố rung mạnh chữ «r»:

«Tô-r-rê-a-đo! Hãy xung trận dũng cảm!»

Lúc bấy giờ cũng không ai ngờ rằng chỉ khoảng mười năm sau, chính cô bé đang hồi hộp nghe những câu chuyện về các anh hùng, lại trở thành anh hùng và cổ vũ mọi người lập chiến công cũng dũng cảm như chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho tự do, Pôn Vai-ăng Cu-tuya-ri-ê đã, từng làm...

Còn bây giờ, cô bé chỉ lắng nghe, chăm chú nhìn, không nghĩ rằng mình đang học tập tinh thần kiên nghị và lòng dũng cảm...

Khi Mút-xi-nác trở về nước, Gu-li-a nhờ ông chuyển một bức thư gửi các bạn nhỏ Pháp.

«Các bạn thân mến, — cô viết trên mảnh giấy xé ở vở ra, — các bạn sống thế nào? Nhất định thế nào các bạn cũng đến thăm chúng tôi nhé!»

Các bạn nhỏ Pháp không đến thăm Gu-li-a, nhưng gửi cho cô món quà nhỏ qua Mút-xi-nác, lúc bấy giờ ông lại đến Liên Xô lần nữa, đó là chiếc áo len đan, xù lông.

Gu-li-a âu yếm xoa lòng bàn tay trên chiếc áo đầy những lông tơ mềm mại và nói:

— Cảm ơn các bạn nhỏ Pháp! Mong sao được gặp một người nào đó trong các bạn! Dù nhỏ nhất cũng được!

Và lạ thật — ước mơ của cô được thực hiện. Cô được đến nhà trẻ, ở đấy có trẻ con không phải chỉ từ một nước Pháp đến, mà còn từ rất nhiều nước khác nữa! Mẹ nói rằng ở đây có trẻ con Đức, Trung-quốc, Nhật, Bun-ga-ri...

Gu-li-a san sẻ niềm vui của mình trước tiên với Ê-rích. Cô gọi điện cho Ê-rích:

— Ê-ra-stíc! Cậu có biết không? Có một thành phố gọi là I-va-nô-vô. Ở đấy có những xưởng dệt. Còn ở ngoại thành I-va-nô-vô có con sông nhỏ Ta-lơ-ca. Chắc là sông đẹp lắm. Có phải không? Cái tên thật là vui, tương tự như Na-ta-lơ-ca^[5]. Và thế này nhé, ngay ở trên sông Ta-lơ-ca - Na-ta-lơ-ca có một nhà trẻ. Mẹ mình sắp đến đấy và sẽ đem mình đi theo!

Và Gu-li-a hứa với Ê-rích sẽ kể cho nghe tất cả, tất cả, ngay sau khi trở về nhà.

... Gu-li-a và mẹ xuống tàu, rồi leo lên các bậc của chiếc cầu đường sắt. Từ đấy nhìn rõ cả khoảng rộng mênh mông. Ở hai bên, những đường ray kéo dài ra, chạy xa tít, uốn cong và sáng ngời ánh thép; trông rõ một thành phố với những ống khói nhà máy và những vườn xanh, còn ở đằng xa hơn nữa là rừng xanh thẫm. Trên chân trời, mặt trời đang lặn giống như một cái đĩa lửa tròn.

— Nhà trẻ kìa kìa! — mẹ nói.

— Ở đâu? Ở đâu? — Gu-li-a sốt ruột hỏi.

— Kia kia... Tận bìa rừng. — Và mẹ chỉ một tòa nhà hai tầng trắng trắng phía xa xa. — Nào, chúng ta đi thôi, Gu-lênh-ca!

Bà Đô-i-a Mi-khai-lốp-na đi chậm rãi, còn Gu-li-a khi thì chạy lên phía trước mẹ, khi thì quay trở lại để hỏi mẹ câu gì đấy.

— Mẹ, thế thì trẻ con ở đây nói chuyện với nhau thế nào? Trẻ con Trung-quốc nói tiếng Pháp, hay trẻ con Pháp nói tiếng Trung-quốc?.. Mẹ, thế thì bố mẹ của các bạn ấy ở lại nhà họ phải không?

Khi Gu-li-a biết rằng một số trẻ con có bố mẹ bị giết hay bị ngồi tù, cô đi chậm bước lại.

— Sao thế con? — bà Đô-i-a Mi-khai-lốp-na nhìn con hỏi. — Mệt rồi à?

— Không! — Gu-li-a đáp. — Mẹ đi trước đi... Con còn suy nghĩ một tí, rồi con sẽ đuổi theo kịp mẹ.

Niềm vui mà cô cảm thấy suốt ngày, bỗng tắt mất. Cô nghĩ rằng cô sẽ thấy những trẻ con rầu rĩ, xanh xao và khóc sụt mướt.

Mẹ nắm tay dắt cô, và hai mẹ con cùng đi vào vườn của nhà trẻ.

Kính cửa sổ phản chiếu ánh mặt trời tà, óng ánh lên. Trước hiên rộng có vòi nước phun. Tiếng róc rách đều đều, buồn buồn như thể vòi nước khẽ lấp bắp điều gì mà chỉ một mình nó biết thôi...

Và Gu-li-a lại trầm ngâm suy nghĩ về những trẻ con ở nhà này phải chịu bao nhiêu thử thách, thường chỉ có trong những truyện cổ tích hãi hùng.

Nhưng kìa, từ đằng sau hiên nhà, trên đường rải cát, một chiếc ô-tô con chạy bằng bàn đạp đang tiến đến, trên xe một chú bé hai má đỏ ửng ngời, bóp còi inh ỏi và nói huyền thuyên cái gì bằng tiếng mẹ đẻ. Gu-li-a tránh sang một bên, nhường lối cho nó, và đúng vào lúc đó, cả một đàn trẻ con cũng hồng hào vui vẻ như nó, từ sau vườn chạy ra. Trong tay một đứa ôm quả bóng, vô-lây.

Trông thấy đàn trẻ con vui vẻ và vô tư đó, Gu-li-a liền quên ngay những truyện cổ tích hãi hùng và thôi không nghĩ đến điều mà cách đây không lâu những đứa trẻ kia đã phải trải qua.

Khi tất cả ngồi vào ăn tối, hóa ra Gu-li-a lại ngồi cùng bàn với những trẻ con Bun-ga-ri — với hai chú bé và một cô bé. Gu-li-a rất thích bộ ba đó, nhất là cô bé. Cô bé tên là Rô-xít-xa. Tóc cô quăn, dài, đen láy và chải ra sau tai, mắt xanh xám hình như trong suốt, và dưới cằm có lúm đồng tiền.

— Mình còn chưa nhiều tiếng Nga học được, — Rô-xít-xa nói hình như là xin lỗi với Gu-li-a, — nên mình nói còn lắm nhiều lỗi.

Nhưng Gu-li-a lập tức thấy yêu mến tất cả trong người bạn gái mới đó, ngay cả những lỗi của cô nữa. Và chẳng mấy chốc, Gu-li-a được biết rằng Rô-xít-xa trước đây sống ở Xô-phi-a, thủ đô của Bun-ga-ri, rằng cô bé là «nữ sanh» lớp bốn.

— Mình muốn rất nhiều có bạn gái ở nước Nga Xô-viết, — Rô-xít-xa tro tro nói.

— Tên cậu đẹp quá! — Gu-li-a nói. — Rô-xít-xa! Hoàn toàn giống như rô-xa, rô-xin-ca^[6].

Đêm đến, Gu-li-a ngủ cùng phòng với Rô-xít-xa.

Sáng sớm, mẹ nói với Gu-li-a:

— Mẹ đi đây, Gu-lanh-ca ạ!

Còn con? Gu-li-a lo lắng hỏi. — Con còn chưa muốn đi, mẹ ạ.

Người ta bảo với mẹ cho con ở lại đây, — mẹ nói làm cô yên lòng. — Nhưng liệu đấy, Gu-lênh-ca con ạ, đừng nghịch ngợm nhé. Thật là hết sức xấu hổ, nếu con gái xô-viết mà tư cách lại tồi hơn trẻ con khác.

— Được, mẹ ạ, — Gu-li-a nghiêm trang trả lời. — Con hiền mà!

Ngày hôm đó, sau khi tiễn mẹ, Gu-li-a chơi vô-lây với các trẻ khác, ngồi đu quay ở vườn nhà trẻ.

Một tuần sau, Gu-li-a đã bập bẹ nói chút ít đủ các thứ tiếng, và chiếc va-li con của cô khó nhọc lắm mới nhét hết quà tặng. Các cô bé tặng cho Gu-li-a làm kỷ niệm những tranh vẽ, mẫu thêu và dây băng xinh xinh, còn các chú bé thì tặng những đồng tiền và tem của nước mình.

Ngày ra đi đã đến gần. Gu-li-a đã kịp kết bạn với nhiều trẻ con và biết hát những bài ca của chúng.

Vài ngày trước khi mẹ lại đến, Gu-li-a được kết nạp vào đội thiếu niên tiên phong.

Chiều hôm trước, nằm trên giường, cô nói với Rô-xít-xa:

— Mình đang sống nốt với cậu những giờ cuối cùng của nhi đồng tháng Mười. Còn ngày mai vào lúc này...

— Ngày mai thì sao? — Rô-xít-xa ngóc đầu dậy hỏi.

— Thì chúng mình sẽ là thiếu niên tiên phong rồi!

...Và đây, Gu-li-a đang đứng trong hàng danh dự. Bên phải và bên trái cô là các cô bé Trung-quốc: Trí-châu và Thu-á. Và suốt

cả chiều dài của hàng danh dự đó, đâu đâu cũng là những bạn trẻ quen biết: Rô-xít-xa, Mít-cô và Pê-tơ-rô từ Bun-ga-ri đến, En-ri-cô từ La Ha-van, I-ô-xíp từ Hung-ga-ri, chú bé da đen Nin-li từ Mỹ, Ki-ta-mi từ Nhật, Lê-na từ Xéc-bi...

Gu-li-a cảm thấy hình như tất cả chúng nó là những anh hùng thật sự, như bố mẹ chúng.

Và vì cô đứng chung hàng ngũ với chúng nên cô cũng cảm thấy mình là nữ anh hùng một tí...

Còn trên những đám mây, giống như buổi chiều hôm Gu-li-a đến đây, hoàng hôn bùng bùng rực cháy, tựa hồ như những đội thiếu niên tiền phong mang cờ đỏ đi trên nền trời.

CAO ĐIỂM ĐẦU TIÊN

Trên bờ biển lởm chởm đá, những nhà bằng kính của xưởng phim U-cơ-ren giấu kín mình trong những bụi keo xanh và rậm. Từ đằng xa đã thấy được những mái ngói đỏ. Trong vườn đó có thể thấy đám trẻ con linh lợi, đi chân không, và đi đằng trước tất cả là một cô bé vui vẻ, mặt rám nắng, mặc váy vải hoa và chiếc áo cánh thêu kiểu U-cơ-ren. Đó là Va-xi-lin-ca dũng cảm, nhân vật của bộ phim. Lúc bấy giờ, người ta đang quay bộ phim *Con gái của người du kích*.

Gu-li-a đóng vai Va-xi-lin-ca. Việc xảy ra như thế này: cô cùng mẹ đi U-cơ-ren. Những nhà đạo diễn trông thấy Gu-li-a bèn quyết định rằng Va-xi-lin-ca phải là một cô bé giống hệt như Gu-li-a này. Bà mẹ không muốn cô trở thành nghệ sĩ chiếu bóng, nhưng những nhà đạo diễn cứ năn nỉ mãi cho đến khi bà chịu đồng ý.

Gu-li-a phải bắt đầu một công việc khó khăn và nghiêm túc.

Trong phim có cảnh Va-xi-lin-ca ngồi trên mình ngựa vượt qua chướng ngại vật. Để đóng cảnh đó, Gu-li-a phải học đi ngựa có yên và không yên.

Người lính Hồng quân mang đến sân xưởng phim một con ngựa bạch cao to. Vuốt ve cái lưng dốc và nhẵn của con ngựa đẹp, anh nói:

— Ngựa này tốt lắm! Chẳng có con nào tốt hơn con Xíp-cô này!

Nhưng ngựa «tốt» lại tỏ ra dữ và bướng, khi người ta đưa Gu-li-a lên ngồi trên lưng nó. Nó lao mình vọt lên rất mạnh đến nỗi Gu-li-a lập tức ngã người ra sau và suýt nữa thì ngã lộn đầu xuống đất. Nhưng người ta đã kịp thời đỡ lấy cô.

— Bác đi bên cạnh, còn cháu thử một lần nữa, — Gu-li-a nói với người đạo diễn.

Cô ngồi lại cho vững hơn và giật cương. Con Xíp-cô không rời chỗ. Gu-li-a ghì chặt đôi chân vào sườn ngựa, nhưng nó không mấy may động đậy. Người lính Hồng quân vỗ về vào bờm ngựa và nói:

— Sao thế hở, chú ngựa? Đi! Đi nhanh lên!

Gu-li-a lại giật cương. Con Xíp-cô bỗng nhiên bắt đầu nhảy lên, rồi lùi lại, còn Gu-li-a thì ngã người trên cổ nó. Người ta lại kịp thời đỡ lấy cô bé.

Cô bé mặt đỏ bừng.

— Sao, sợ à? — người đạo diễn và người quay phim cùng hỏi cô.

— Hãi à? — người lính Hồng quân hỏi.

— Hãi, — Gu-li-a nói. — Cháu tưởng rằng cháu chết mất.

— Nào, có lẽ hôm nay thế là đủ chẳng?

— Không, làm nữa, — Gu-li-a đáp.

Khi thì kéo ghì, khi thì giật cương giục ngựa, cuối cùng Gu-li-a đã bắt con ngựa phải nghe theo mình. Con Xíp-cô bướng bỉnh đã hiểu rằng không thể cứng đầu hơn cô bé đi ngựa.

Những buổi tập như thế được tiếp tục sang ngày thứ hai và ngày thứ ba. Đến khi Gu-li-a đã học đi ngựa được cả nước kiệu,

cả nước đại, thì người ta đặt một hàng rào chắn cao trên đường đi của vườn.

Va-xi-lin-ca vui vẻ và gan dạ ngồi trên lưng ngựa. Con Xíp-cô lập tức lao mình về phía trước, nhưng khi đến ngay trước hàng rào chắn thì nó quay ngoặt sang phía khác. Gu-li-a khó nhọc lắm mới giữ nó được. Con Xíp-cô đá hậu, lắc đầu, cắn hàm thiếc. Gu-li-a vất vả ngồi trên yên ngựa và lại giục ngựa tiến lên. Cô phóng nhanh đèn hàng rào chắn, và gió thổi thẳng vào mặt cô. Con Xíp-cô phi đến tận đích, nhưng rồi lại né mình sang một bên. Hình như con ngựa đã quyết phải hất bằng được khỏi lưng cái vật mang trên mình tuy nhẹ, nhưng luôn luôn quấy rầy nó. Gu-li-a bắt đầu thấy chóng mặt. Cô bám chặt vào dây cương.

— Thôi, ngừng tập! — người đạo diễn kêu lên vào ống loa.

Nhưng Gu-li-a không muốn chịu thua.

— Không sao đâu. Cháu sắp được rồi! Nhất định phải được! Cô ngồi vững hơn, áp người vào cổ ngựa.

— Nào, Xíp-cô, đừng phản tao! — và lại phóng nhanh đến hàng rào chắn. Tim cô đập mạnh hơn.

Nhưng con Xíp-cô lại phản. Ngay trước hàng rào chắn, một lần nữa, lần thứ ba, nó lại quay ngoặt mình lại.

— Gu-li-a! Thôi! — người đạo diễn kêu lên.

Gu-li-a không nghe gì nữa. Nghiến chặt răng, người co lại như chiếc lò-xo, cô giục ngựa phi nước đại. Phi đến hàng rào chắn, cô thúc gót vào hông ngựa. Con ngựa không kịp hiểu gì cả, nó nhảy lên một cái, và Gu-li-a bay bổng lên tựa hồ như trên cánh chim vậy. Một giây sau, con ngựa lại nhịp nhàng chạy trên đường.

Hàng rào chắn đã vượt qua. Thế là cô bé Gu-li-a, mười hai tuổi, đã giành được cao điểm đầu tiên trong đời mình.

NHỮNG NGƯỜI BẠN MỚI

Mùa thu, bộ phim *Con gái của người du kích* được đưa về Mát-scơ-va chiếu thử.

Thật là lạ, bộ phim lớn như thế, do bao nhiêu người làm, lại có thể xếp gọn trong một chiếc va-li con.

Khi tiễn người đạo diễn ở ga, Gu-li-a nói với ông:

— Thế nào bác cũng chiếu bộ phim này cho bố cháu xem với nhé. Nếu cháu không được thấy bố cháu, thì cháu muốn rằng ít nhất bố cháu sẽ nhìn thấy cháu!

Cô rất muốn đến Mát-scơ-va, đến căn nhà cũ của mình, đến đường phố của mình và trường học của mình ở Mát-scơ-va.

Nhưng mẹ thì không sao có thể đi khỏi Ô-đét-xa được.

Đành phải quen dần với cuộc sống mới và trường mới.

Nhưng quen dần cũng không phải là dễ. Và hình như ngay cả bàn học trong lớp ở đây cũng không tiện lợi bằng, bảng đen treo cũng không đúng chỗ của nó và cả trẻ con ở đây cũng thế nào ấy.

Ở nhà, Gu-li-a than phiền với mẹ rằng trong giờ ra chơi, tai ù lên vì ồn quá, rằng các cậu bé ranh con thường hay ngáng chân hoặc giật bím tóc và ở trường này không thể nào học được.

— Không việc gì, rồi sẽ quen thôi, — ở nhà mọi người đều bảo với cô thế.

— Suốt đời không bao giờ quen được! — Gu-li-a giận dữ nói.

Cô không tha thứ cho trường mới, trước tiên vì nó ở Ô-đét-xa, chứ không phải ở Mát-scơ-va.

Có một bạn, cố gắng lắm mới ngồi rón đến cuối giờ học, Gu-li-a đóng ập cánh cửa trường nặng nề sau mình và nói với các bạn cùng lớp:

— Trường quái gì! Nếu có thể cuốc bộ từ đây về Mát-scơ-va, thì mình cũng bỏ đi thôi.

‘ Bọn con trai nghe thế.

— Thì ai giữ mày lại đâu? — một đứa kêu lên. — Con bé Mát-scơ-va, gồm thật!

— Mày tưởng chúng tao cần mày lắm đấy à? — một đứa khác chêm vào. — Muốn cút đi đâu tùy mày. Chúng tao sẽ chỉ đường cho và cho mày dù tất cả các thứ để đi đường...

Và nó định cho Gu-li-a một cái tát, nhưng có vài cô bé da kịp đến giúp cô.

— Không được đụng đến nó! — các cô đồng thanh kêu lên. — Chúng tao nói chuyện với nhau thì việc gì đến chúng mày.

— Để nó đừng lên mặt! Chẳng phải là cô-rô-li-ê-va^[7], mà chỉ là Cô-rô-li-ô-va thôi!

— Cô-rô-li-ô-va, thế thì đã sao? Nó là nữ nghệ sĩ đấy.

— Nữ nghệ sĩ! — một cậu bé khinh bỉ dẫn lại từng tiếng, và cả bọn cười rộ lên.

— Đúng, đúng! — các cô bé kêu lên. — Nữ nghệ sĩ thật đấy! «Con gái của người du kích».

— Thế à? — một cậu bé trong bọn hỏi.

— Thật mà! Chúng mình lấy danh dự thiếu niên mà thề đấy!
— các cô bé nói. — Ở đấy, nó phi ngựa, kéo ngựa ra khỏi đồng lầy và đấu tranh với phú nông nữa đấy, còn với các cậu thì thờ gì!

— Nhưng dù sao thì cũng đừng có lên mặt! — một cậu bé cứng cáp, mắt đen láy nói, rồi tò mò nhìn Gu-li-a. Và bỗng nhiên nói thêm: — Thế ngựa của mày bây giờ ở đâu rồi?

— Không phải của tớ, Gu-li-a nói. — Của các chú bộ đội Hồng quân.

— Ngựa Hồng quân thì càng phải biết cưỡi mới được, — một đứa nào đấy nói.

— Lúc đầu, tớ không biết, nhưng rồi học được một chút, — Gu-li-a trả lời.

— Một chút à! — Li-ô-li-a, cô bạn ngồi cùng bàn với Gu-li-a, thốt lên. — Cậu đã nhảy qua hàng rào chắn kia mà!

— ừ, tớ đã phải làm thế...

Cả Gu-li-a, cả những học sinh con trai và con gái khác, không ai nhận thấy rằng cuộc cãi cọ đã được dập tắt và đã chuyển thành câu chuyện công việc, thậm chí câu chuyện thân mật nữa, như thế nào. Câu chuyện kết thúc thế này: Gu-li-a dẫn cả bọn về nhà mình, theo con đường hai bên trồng cây — gọi là đường Ấm-cúng — và đãi những người bạn mới của mình tất cả những thức ngon mà cô tìm thấy trong nhà: những quả táo đỏ hồng tươi ngon, bánh mì với mứt.

Và chẳng bao lâu, Gu-li-a bắt đầu cảm thấy trường không còn ồn ào quá nữa, các cô bé rất dễ thương và ngay cả trong bọn con trai cũng có những đứa hoàn toàn không phải là xấu.

Nhưng chỉ mới bắt đầu quen với trường, thì cô lại phải đi xa. Nhưng lần này, đi đến Ki-ép, nơi đang chuẩn bị quay bộ phim mới.

Trước ngày cô lên đường không lâu, ông Vơ-la-đi-mia Đa-ni-lô-vích Cô-rô-li-ốp đến Ô-đét-xa.

— Bố à, — Gu-li-a nói khi bố đã được nghỉ ngơi sau khi đi đường và cả hai bố con đi ra phố, — con yêu cầu bố một điều này nhé. Hết sức yêu cầu đấy! Nhưng bố hãy hứa với con sẽ thực hiện đi đã.

Lúc bấy giờ đã cuối tháng sáu. Mặt trời miền Nam nung nấu gay gắt đến nỗi phải nấp dưới bóng cây dẻ và cây keo rậm rạp, đứng thành hàng ở hai bên vỉa hè, mới chịu được. Chỉ thỉnh thoảng mới có con gió nhẹ từ ngoài biển thổi vào mang theo hơi mát.

Bố ngạc nhiên nhìn Gu-li-a:

— Sao bố lại có thể hứa được với con điều gì mà bố không biết ?

Gu-li-a suy nghĩ một tí rồi nói:

— Con hứa với bố rằng suốt tháng con sẽ không xin bố thêm gì nữa, cả kem, cả tiền đi ngồi đu quay.

— Nào, thế việc gì, hử con? — bố càng ngạc nhiên hơn.

Bố ạ, hôm nay, con tập hợp bọn trẻ lớp chúng con lại và bố thết kem cho tất cả chúng con nhé. Và cho tất cả chúng con ngồi đu quay nữa. Được không, bố?

— Thế lớp con có bao nhiêu bạn?

— Băm hai. Nhưng bố đừng sợ, bây giờ nhiều bạn đã đi các nơi rồi. Nhưng cũng phải đến khoảng hai mươi người đấy...

Ông Vơ-la-đi-mia Đa-ni-lô-vích vung tay và nói:

— Sao, con muốn làm bố phá sản ngay lập tức, trong một ngày à?

Gu-li-a bối rối mỉm cười:

— Không, bố ạ! Chừng ấy chỉ bằng phần kem của một mình con ăn trong cả tháng thôi. Và cũng bằng chừng ấy lần con được ngồi đu quay thôi. Con đã tính tất cả rồi.

Bố nhếch mép cười:

— Ừ, thế cũng đáng khen đấy, mùa hè mà con cũng làm toán à...

Nhưng Gu-li-a ngắt lời bố:

— Đừng cười con, bố ạ, con hứa là con sẽ không xin thêm bố thêm một xu nhỏ nào trong suốt tháng. Nhưng bố có hiểu không, chẳng bao lâu, con phải đi xa rồi và sẽ lâu không thấy mặt các bạn!

Ông Vơ-la-đi-mia Đa-ni-lô-vích rút ví đựng tiền trong túi áo vét-tông và đếm năm mươi rúp, sau đó lại thêm hai mươi rúp nữa.

— Đủ rồi! — Gu-li-a thì thầm. — Cả tiền kem lẫn tiền ngồi đu quay ở Ác-ca-đi!

— Cả tiền tàu điện nữa, — bố nói. — Con có thể gọi cả bọn được rồi.

Vui mừng khôn xiết, Gu-li-a vụt chạy đi mời các bạn nhỏ. Cô chạy từ nhà này đến nhà khác. Đứa thì bắt gặp ngoài sân, đứa

thì ở ngoài đường, đứa thì ở bờ biển, và những đứa không gặp được thì cô nhờ người đi báo tin hỏa tốc khắp nơi. Và cô dặn mọi người nhất thiết phải tập hợp đúng bảy giờ tối. Ở Ác-ca-đi. Không được đến muộn.

Chiều hôm ấy, còn lâu mới đến bảy giờ, nhưng Gu-li-a và khách khứa của mình đã trang trọng ngồi quanh những chiếc bàn tròn nhỏ của công viên cạnh bờ biển. Tất cả im lặng và từ từ cố kéo dài sự khoái trá của mình, ngoáy những chiếc thìa con, thận trọng chạm vào những viên kem ngọt và lạnh đọng trong những cốc pha-lê mờ đục vì hơi nước.

Gió biển thổi căng phồng những lều vải thô che trên các bàn con, như những cánh bướm, hắt hơi mát vào mặt nóng hổi của các đứa bé.

Tối hôm đó, sung sướng nhất là Gu-li-a. Ở bàn của cô đặc biệt vui, nhộn. Và khi tất cả đã ngồi vào ngựa gỗ và các xe trượt có vẽ hoa và khi vòng đu quay bắt đầu xoay tròn theo một điệu nhạc rè rè, loảng xoảng của một cái máy hát, thì Gu-li-a cảm thấy mình sung sướng hết chỗ nói.

Ông bố đứng cạnh vòng đu quay, và mỗi lần con gái hiện ngang trên mình ngựa bạch phi qua sát ông, ông vẫy tay cho con, còn Gu-li-a thì âu yếm mỉm cười với bố, đầy vẻ biết ơn.

Một tháng sau, khi giúp bố xếp đồ đạc vào va-li, Gu-li-a hỏi:

— Bố ơi, bố có đủ tiền đi đường không? Bố đã tiêu bao nhiêu tiền cho con và các bạn con còn gì!

Bố thở dài:

— Ừ, rõ ràng là bố phải cuốc bộ về Mát-sơ-va.

Rồi ông vỗ vai con và thêm:

— Không sao, con ạ, tiền của bố hãy còn đủ. Chính con suốt tháng qua không hề ăn kem, con đã giữ lời hứa. Nói thật, nhiều lúc bố cũng muốn cho con chén đấy, nhưng vì...

— Con hiểu rồi, — Gu-li-a ngắt lời bố. — Bố giáo dục cho con chứ gì?

— Không, theo bố thì chính tự con giáo dục cho mình đấy, con ạ.

Và ngay hôm đó, bố đã ra đi, còn Gu-li-a thì chẳng bao lâu cũng chuẩn bị cho ngày lên đường của mình.

VA-RI-CA VÀ VA-XI-LIN-CA

Xưởng phim Ki-ép hóa ra lại to hơn xưởng phim Ô-đét-xa nhiều. Ở đây, Gu-li-a thích tất cả — cả màu xanh nhạt, dịu dàng, không làm chói mắt trong các buổi quay phim, cả những lần quay phim lớn và cả việc ở xưởng mọi người đều niềm nở đón cô như một nữ nghệ sĩ vào nghề lâu năm.

Người đạo diễn nói chuyện với cô cũng nghiêm chỉnh như với tất cả các diễn viên khác. Ông giải thích cặn kẽ từng cảnh một mà cô phải đóng, nên Gu-li-a bắt đầu hiểu rõ ràng và sâu sắc hơn thế nào là nghệ thuật của diễn viên.

Còn vai của Gu-li-a lần này cũng không dễ.

Cô phải hiểu thấu và thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ lớn mà Va-ri-ca, cháu gái của người thợ mỏ già, phải chịu.

Để cô đi sâu được vào vai mình đóng tốt hơn, người đạo diễn đưa cô đến mỏ và cùng cô đi xuống tận tầng lò nữa.

Nín thở, Gu-li-a lắng nghe câu chuyện của những người thợ mỏ lâu năm kể lại rằng thời trước phải làm việc trong những tầng lò tồi tàn ấy thật là nguy hiểm. Bọn chủ tiếc tiền mua thiết bị tốt hơn, nên thường xảy ra nạn sụt lò.

Gu-li-a hình dung cảnh người thân của thợ mỏ khủng khiếp lắng nghe mười hai tiếng chuông như thế nào. Những tiếng chuông đó báo hiệu ở tầng lò có tai nạn.

Trong phim mà Gu-li-a đóng, vang lên mười hai tiếng chuông.

Khoác vội chiếc khăn choàng, Va-ri-ca, cháu gái người thợ mỏ già (đó chính là Gu-li-a), chạy theo những người lớn đến tầng lò, để biết xem lần này tai họa giáng xuống người nào.

Trên cang, dưới tấm vải bạt, cô đã đoán ra những bàn tay, cái vai và cái đầu quen thuộc.

Và đây, Va-ri-ca đang đứng, cúi khom xuống người ông nội làm thợ mỏ nằm trong quan tài. Cô ta đứng, đầu vẫn choàng cái khăn mà cô đã khoác vội khi chạy ra khỏi nhà.

Cô khủng khiếp nhìn bộ mặt không cử động của ông già và thấy hình như từ lâu lắm rồi cô đã biết người thợ mỏ khắc khổ đó với những râu bạc hoa râm ở mép và cằm, cô nhớ lại ông đã chăm sóc cho cô thế nào và gọi cô là cháu gái yêu khi cô còn bé tí.

Và hoàn toàn quên mình là Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va, chứ không phải là Va-ri-ca, cô khóc sụt sùi.

Nhưng bỗng nhiên giọng người đạo diễn phá tan bầu không khí yên lặng:

— Từ đâu! Lập lại toàn cảnh!

Và Va-ri-ca lại cúi đầu xuống, Trước mặt cô một người trong quan tài. Mắt người đó nhắm lại, những cánh tay dài và mệt mỏi để lên ngực,

Nước mắt của Gu-li-a tự nhiên tuôn trào và từng giọt to rơi xuống những cánh tay đó.

Ngay sau khi buổi quay phim kết thúc, và khi Gu-li-a đã chạy về nhà rồi, người diễn viên đóng vai ông nội vừa hút thuốc vừa nói:

— Các bạn có biết không, tôi cảm thấy hình như mình đã chết thật. Tôi nằm và thấy những giọt nước mắt nóng hổi rơi trên tay. Thú thật là tôi sợ quá. Tóc gáy dựng đứng lên!

Mọi người bật cười.

Còn một diễn viên khác, không thể nào đóng đạt được vai của mình, nói thêm:

— Thật là lạ, đóng với cô bé đó, nếu đóng không thành thật, giả dối, thì ngượng thế nào ấy. Mình chỉ đóng vai như học thuộc lòng, còn cô bé đó ở bên cạnh thì đau khổ, sợ sệt, khóc lóc một cách thật sự. Thế thì làm sao mà đóng giả dối được.

Và mọi người đồng ý với anh ta: đóng phim với Gu-li-a, không thể đóng tồi được.

— Cô bé đó sẽ đóng trội hơn tất cả chúng ta, — người đạo diễn nói. — Nếu bộ phim được trót lọt, thì Va-ri-ca của chúng ta sẽ nổi tiếng đấy!

Điều đó đã đến trước khi bộ phim mới xuất hiện trên màn ảnh, Va-xi-lin-ca, con gái của người du kích, đã đi trước Va-ri-ca.

Khi Gu-li-a trở lại Ô-đét-xa, cô thấy trên những tấm quảng cáo đồ sộ, dán khắp thành phố, một cô gái tóc vàng, khi thì đi ngựa, khi thì lội trong bùn đến tận gối, khi thì đứng cạnh cây bạch dương.

Đó là Va-xi-lin-ca, con gái của người du kích. Và đó cũng là Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va.

— Hạnh phúc thật! — ở trường các bạn gái mới của Gu-li-a nói. — Đấy, con người hạnh phúc!

Còn Gu-li-a thì chỉ cau có và lắc đầu không bằng lòng:

— Hạnh phúc không lớn lắm đâu, — cô nói. — Về nhà, chỉ nghe thấy toàn là: «đừng có tự kiêu» và «đừng có tự kiêu». Mà tự kiêu thế nào được khi mình sắp sửa phải học lưu lại năm thứ hai. Chẳng môn nào có điểm cả. Vả lại mình đóng Va-xi-lin-ca cũng chưa phải hoàn toàn tốt. Đến Va-ri-ca thì hình như mình đóng được khá hơn.

Nhưng nếu bản thân Gu-li-a chưa hài lòng lắm với mình trong vai Va-xi-lin-ca, thì ở xưởng phim, dù sao mọi người cũng đều đánh giá cao công lao người nữ nghệ sĩ bé con.

Một bận, người ta mời Gu-li-a với mẹ đến xưởng dự buổi liên hoan ra mắt bộ phim mới.

— Đây này, — mẹ nói, — người ta gửi cho con một giấy mời riêng đấy. Xin đừng có tự kiêu đấy nhé!

Gu-li-a đặt giấy mời lên bàn:

— Lại «đừng có tự kiêu» rồi? Thế thì tốt hơn con chẳng đến đấy.

— Tùy con, — mẹ nói.

Gu-li-a khe khẽ hát bài ca nào đấy và bắt đầu lấy giấy trắng bọc bì những cuốn sách giáo khoa đã nhàu của mình.

Khi mẹ đã sửa soạn xong, bà hỏi con một lần cuối:

— Thế nào, con ở nhà hử?

— Vâng, ở nhà, — Gu-li-a nói.

Bà mẹ bật cười:

— Thôi đi cô, mặc áo đi!

Gu-li-a vui mừng hân lên và vội vàng mặc chiếc áo dài mới.

Nhưng dù sao hai mẹ con cũng đã đến muộn.

Buổi họp long trọng đã qua một nửa rồi, khi Gu-li-a cùng mẹ khe khẽ bước vào phòng và ngồi vào dãy ghế cuối.

Gu-li-a đang đưa mắt tìm người quen trong đám đông thì bỗng nghe thấy:

— Do làm việc rất tốt trong bộ phim *Con gái của người du kích*, Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va đóng vai Va-xi-lin-ca được tặng thưởng...

Gu-li-a kéo tay áo mẹ:

— Mẹ!

Mẹ quay lại:

— Xin đừng có tự kiêu đấy! — bà vỗ vào vai con, cười và nói.

— ...tặng thưởng những bức chân dung của các nhà văn hào Nga vĩ đại...

— Người ta sẽ cho bao nhiêu bức chân dung? — Gu-li-a thì thầm và bắt đầu đếm đầu ngón tay: — Pu-sơ-kin, Gô-gôn, Léc-mông-tốp, Nê-cơ-ra-xốp... Mẹ, thế Giu-cốp-ski có vĩ đại không?

— Yên con, — mẹ nói, — hãy nghe tiếp.

— ...những bức chân dung của các nhà văn hào Nga vĩ đại, một tủ sách, ba bộ đồ chơi để bàn và một bể nuôi cá.

Mọi người vỗ tay.

Trong giờ giải lao, Gu-li-a hỏi mẹ:

— Mẹ này, thế thì chúng ta đặt bể nuôi cá ở đâu? Nhà ta bây giờ đã chật lắm rồi.

— Nếu bể to quá, thì chúng ta xin láng giềng cho đặt nhờ bên họ vậy.

— Sao được, thế khi họ đi làm việc, cá sẽ chết đói đấy. Mẹ nghĩ sao, không xin phần thưởng nào khác được sao, mẹ?

— Phần thưởng gì?

— Chiếc xe đạp thì hay!

— Hừ, thế thì con chẳng còn có thì giờ để học nữa. Quay phim vừa xong, lại bắt đầu đi xe đạp. Hiện nay thì giờ đối với con quý lắm, phải đuổi kịp lớp chứ!

— Ờ, thế thì con sẽ xin một thứ hoàn toàn không phải mất thì giờ! Mà lại chiếm ít chỗ.

— Cái gì thế?

— À, cái để chỉ thì giờ ấy mà. Đồng hồ. Đồng hồ đeo tay. Mẹ ạ, con cần đồng hồ đeo tay thế nào, mẹ không tưởng tượng được đâu!

— Sao lại không tưởng tượng được, khi mà suốt năm con chỉ nói đến cái đó! Thôi được, khi nào có tiền, nhất định mẹ sẽ mua đồng hồ cho con.

— Thì chính mẹ cũng đã nói như thế suốt năm rồi, mà đồng hồ không có, vẫn hoàn không có.

Gu-li-a thờ dài.

Và vài ngày sau, người ta lại gọi cô đến xưởng phim, vào phòng ông giám đốc.

Ông giám đốc trình trọng bắt tay cô và hỏi cô có hài lòng với các quà tặng không.

— Rất, rất hài lòng, — Gu-li-a nói. - Nhưng cháu chỉ muốn một thứ khác. Tất nhiên, nếu có thể được.

— Thế cháu muốn gì nào?

— Nếu như... được chiếc đồng hồ! — Gu-li-a thì thầm. — Dù nhỏ, rất nhỏ cũng được, nhưng miễn là đồng hồ đeo tay!

— Sao không được, được chứ! — ông giám đốc nói, dường như câu chuyện không phải về chiếc đồng hồ đeo tay, mà là về vật gì bình thường nhất. — Cháu sẽ có đồng hồ.

Và thực vậy, hôm sau, trên tay Gu-li-a, chiếc đồng hồ con đã kêu tích tắc, đồng hồ rất nhỏ, nhưng dù tất cả các kim, đinh ốc và bánh xe tí xíu, thường có ở tất cả các đồng hồ thực sự.

— Hừ, bây giờ thì con sẽ không để một phút nào trôi qua vô ích, — Gu-li-a trịnh trọng nói với mẹ.

— Để rồi xem, — mẹ nói.

NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA GU-LI-A

Kỳ thi đến gần.

— Kỳ thật, — Gu-li-a nói với các bạn gái khi cùng ở trường về, — kỳ thật, chúng mình sắp phải lên lớp bảy rồi nhỉ! Điều đó thật là lạ, đến mức không thể tin được. Mình cảm thấy hình như chỉ vừa mới học lớp bốn.

Lúc đó đang tiết xuân. Gió ấm, dịu dàng, đượm mùi biển và rong. Trên đại lộ Duyên-hải tấp nập rất đông người. Các cô bé bán những cành hoa xuân đầu mùa, và ở ngoài nắng đã rộn rịp cảnh mua bán kem.

Sau những buổi học dai dẳng trước kỳ thi, khi Gu-li-a cùng các bạn gái của mình chạy ra phố, thì cô cảm thấy hình như ở thành phố đang có ngày hội và sắp xảy ra cái gì hay lắm.

Các kỳ thi đều qua trôi chảy. Trong thời gian đó, Gu-li-a đã hoàn toàn quên hẳn rằng có một dạo cô đã là nữ nghệ sĩ, là Va-xi-lin-ca, Va-ri-ca, mà chỉ nghĩ độc một điều: cô là nữ sinh, nhất thiết phải học lên được lớp này qua lớp khác.

Và cô đã lên lớp.

Sau đó, người ta lại gọi cô đến Ki-ép, ở đấy, lúc bấy giờ đang quay bộ phim mới cho thiếu nhi tên là *Cuộc khiêu vũ trá hình đầy ánh sáng*.

Đáng tiếc là thời tiết để quay bộ phim đó lại không thích hợp. Mặt trời rất ít khi ló ra khỏi mây đen. Mùa hè đó mưa nhiều, và những người dựng phim — giống như những phi công chờ đợi

thời tiết tốt để máy bay cất cánh được — luôn luôn lo lắng nhìn lên bầu trời và nguyên rủa «ông trời».

Thế nhưng các diễn viên trẻ con thì lại vui mừng vì những ngày u ám ấy. Trong những ngày đó, chúng hoàn toàn được tự do; đối với chúng, đó là những ngày nghỉ hè như của tất cả các học sinh.

Trong thời gian nghỉ, Gu-li-a lại tìm cho mình những công việc mới. Cùng với bạn gái Va-li-a của mình — cô này cũng đóng trong bộ phim ấy, — Gu-li-a bắt đầu đến vườn Bách thú.

Gu-li-a bao giờ cũng yêu súc vật, nhưng hình như chưa bao giờ cô tốn nhiều thì giờ cho chúng như trong mùa hè ấy.

Cô đã trở thành nhà động vật học trẻ tuổi và hơn nữa lại đỡ đầu cả hai chú gấu con, là Gơ-ri-sca và Mi-sca.

Cô tự mình cho chúng ăn phô-mát tươi trong chậu tôn, nhìn xem chúng trèo lên lưới sắt hay mài răng bằng cách lần lượt gặm thanh gỗ.

Chẳng bao lâu, các con gấu con đã quen với cô, chúng chìa cẳng ra khỏi chuồng cho cô, và khi cô vào chuồng thì chúng cào vào chân cô, giống như những con mèo con.

— Tốt hơn là cậu đừng vào với chúng, Va-li-a nói. Mặc dù bé, nhưng chúng vẫn là gấu. Nếu chúng đớp cậu vào chân, thì tuột hết da cậu đấy.

— Làm sao mình lại phải sợ gấu con à! — Gu-li-a đáp. — Mình đã vào chuồng với chó sói đấy. Với con nào, cậu biết không, với con sói già hói trán ấy cơ.

— Vào với chó sói?! — cô bạn gái ngạc nhiên vung tay và thốt lên.

— Thì sao! — Gu-li-a nói để yên lòng bạn. — Nếu chó sói mà mình cho nó ăn, thì sau đó cũng có thể vuốt ve, vỗ về như chó nhà thôi, nó còn nằm ngửa và sượng nhản rang ra nữa. Cậu hãy thử mà xem!

Nhưng Va-li-a hoàn toàn không muốn thử...

Mặt trời mãi vẫn chưa ló ra. Mùa hè đã hết. Xưởng phim quyết định đi khỏi Ki-ép để mong kiếm ánh nắng.

Trước ngày lên đường, Gu-li-a lại đến vườn Bách thú lần nữa để tạm biệt những chú gấu con của mình.

Qua một mùa hè, chúng lớn lên như thổi và bắt đầu giống các con gấu lớn. Nhưng hầu như ngày nào Gu-li-a cũng đến thăm chúng, nên không nhận thấy điều đó. Ngày cuối cùng trước khi lên đường, cũng như mọi bận, Gu-li-a vào chuồng với chúng, cô bắt đầu đùa với con Gơ-ri-sca. Bỗng cô cảm thấy có ai kéo chân mình ở phía sau. Cô quay lại. Đó là con gấu con thứ hai, Mi-sca. Nó đứng trên hai chân sau và lắc lư bên này bên kia. Gu-li-a cúi xuống lấy cái bát nước và hắt nước vào mõm nó. Nó thở phì phì, rũ sạch nước và, rõ ràng phát cáu lên, bỗng nhiên lấy cẳng ôm chặt Gu-li-a đến nỗi cô cảm thấy xương mình kêu răng rắc.

Cô chạy ra cửa. Các con gấu đuổi theo. Cô kéo cửa — cửa không mở. Cửa đã cài then từ phía ngoài. Thế này là thế nào? Ai lại có thể khóa cô trong chuồng với các con gấu? Còn các con gấu thì thở phì phò thẳng vào mặt cô, cố sức bắt cô. Có thể là chúng đùa, có thể là chúng giận.

Khó khăn lắm Gu-li-a mới vùng ra khỏi những cẳng nặng nề của gấu và trèo lên cái thang dựng sẵn ở chuồng. Cả hai con gấu

không bỏ lỡ một phút, bò theo cô. Và đây rồi, đến bậc cuối cùng: không trèo đi đâu được nữa.

Gu-li-a nhìn xung quanh và lập tức quyết định nhảy phóc xuống đất. Và trước khi các con gấu kịp tụt xuống theo cô, thì Gu-li-a đã luồn qua cửa con của máng cho thức ăn và dùng cả hai chân hai tay bò ra ngoài.

— Sao cậu lại không kêu lên, hử? — Gu-li-a nghe một giọng nói run run của ai đẩy phía trên mình.

Cô đứng lên và thấy hai nhà động vật học trẻ tuổi bạn của mình là Dâu tây và Cá mè. Tên thật của chúng đều là Ni-cô-lai, còn Dâu tây và Cá mè chỉ là gọi đùa để phân biệt chúng mà thôi. Má của Dâu tây rất đỏ, còn Cá mè thì gầy đét và liên thoảng giống như cá mè.

— Sao cậu lại không kêu lên, hử? — Cá mè nhắc lại. — Mình với Dâu tây đã hẹn nhau chỉ mở khi nào cậu kêu lên. Mà cậu thì cứ như ngậm tăm, im thin thít. Bọn mình cứ tưởng mọi việc êm thấm cả.

— Thế nghĩa là các cậu khóa mình lại phải không?

— Chúng mình.

— Để làm gì, hử?

— Ừ, để chúng mình xem xem... — Cá mè nói.

— Để thử xem cậu to gan thế nào, Dâu tây ngắt lời. — Con Va-li-a nó bảo cậu không sợ gì cả, chui vào chuồng với cả chó sói già. Nên chúng mình muốn tự thử xem có đúng thế không...

— Các cậu muốn thử à? - Gu-li-a vừa nói vừa mặt nhọc thở dốc sau chuyện vất vả với các con gấu — À thế mình sẽ khóa cả hai cậu trong chuồng cọp để thử xem các cậu thế nào nhé!..

— Gu-li-a ạ, cậu đừng giận, — Dâu tây hối hận nói. — Nếu cậu chỉ kêu lên một tí thôi thì Lập tức chúng mình đã mở cho cậu ra ngay rồi, nhưng cậu cứ im.

Gu-li-a không trả lời gì cả, gạt tay và đi ra phía cổng vườn Bách thú. Đến chỗ ngoặt, cô ngoái cổ lại. Cá mòi và Dâu tây vẫn đứng nguyên chỗ cũ và vung tay nói cái gì có vẻ sôi nổi lắm.

Ngày hôm sau, xưởng phim rời khỏi Ki-ép.

Bọn trẻ con được hưởng những ngày cuối hè ở giữa những nhánh núi Các-pát, bên bờ xanh mát của sông Bu-gơ.

Thật là không có nơi nào mà người diễn viên chiếu bóng không bước chân đến!

Gu-li-a cùng với các bạn trẻ khác sống trong một ngôi nhà trắng của nông trang, cứ chiều chiều lại hát vang những bài ca U-cơ-ren, tắm trong giòng suối chảy siết. Đó là quãng thời gian tuyệt đẹp...

Những cuốn sách mà Gu-li-a mang theo cứ nằm mãi ở đáy va-li. Chỉ thỉnh thoảng, trong thời gian quay phim hay khi nghỉ ngơi, sau một chuyến đi chơi thú vị, Gu-li-a lo lắng sức nhớ đến công việc học hành của mình. «Họ sướng thật, — cô nhìn những người diễn viên lớn tuổi và ngẫm nghĩ: — muốn đóng phim bao nhiêu cũng được, chẳng bị học lưu lại năm thứ hai. Còn đây thì chẳng biết làm cái gì: hoặc là đóng phim, hoặc đi tắm hay ôn bài địa lý. Thôi được! Về thành phố, sẽ học sông và núi, còn ở đây thì mình sẵn có sông núi thật!»

Nhưng cả khi về thành phố, cô cũng không học được. Ngay ngày đầu tiên sau khi trở lại Ki-ép, cô bị ốm.

Lúc đầu, cô chỉ nằm một chỗ, thậm chí không cởi áo. Cô tưởng chỉ bị mệt xoàng do đi đường. Đầu đau, tai buốt. Cô rất muốn than thở với một người nào đấy, nhưng mẹ không có ở thành phố vì đã đi công tác trong ba, bốn ngày. Mà than thở với người ngoài, cô không thích.

— Cháu sao thế, Gu-li-a? — bà láng giềng của cô hỏi. — Cháu ốm à?

— Không, không. Cháu tập vai của cháu đấy. Cháu phải đóng vai cô bé ốm trong phim, — Gu-li-a bịa ra như thế.

— Cháu đóng vai đó hay quá đấy, — và láng giềng nói. — Đưa trán, bác sờ xem nào. Ôi, cả nhiệt độ cháu cũng lên cao đây này!

Rồi bà đắp chăn cho Gu-li-a và nhẹ nhàng bước ra khỏi nhà.

Chỉ vài giờ sau, mẹ Gu-li-a nhận được bức điện:

«Về ngay Gulia ốm».

«CHỈ CÓ ĐỪNG KÊU!»

Trong phòng yên lặng và tối tăm. Mẹ đã che chiếc khăn lụa vào ngọn đèn để bàn; những bức rèm ở các cửa sổ đã được buông xuống.

— Người ốm đâu? — người bác sĩ già lau kính và hỏi.

Mẹ vén chiếc khăn trùm lên cái chụp đèn.

— Thưa bác sĩ, cháu đây ạ. Đây, bác xem kìa!

Bác sĩ ngồi trên chiếc ghế cạnh giường Gu-li-a.

— Tôi đã biết trước là sẽ như thế này đây, — mẹ vừa tháo khăn bịt trên đầu Gu-li-a ra, vừa than thở. — Bác nghĩ xem tiết trời thu lạnh thế này, mà cháu nó chỉ mặc độc một chiếc áo mỏng đóng phim dưới trời mưa như cầm chính đồ ấy.

— Nhưng mà chúng con chỉ chờ có cơn mưa đó, — Gu-li-a nói.

— Lúc đầu cần ánh nắng, còn sau thì lại cần mưa tầm tã thực sự.

Bác sĩ lắc đầu.

— Ủ, cô bé ạ, nghề cháu không nhẹ nhàng đâu. Vất vả lắm.

Và ông cúi xuống Gu-li-a.

— Bác sĩ ạ, bác cắt hộ cháu cái tai đáng nguyên rủa này đi, — bỗng nhiên cô nói quả quyết.

— Để làm gì? — bác sĩ ngạc nhiên hỏi.

— Để không còn cái gì đau nữa!

Bác sĩ phì cười:

— Còn nếu đầu đau, thì cháu cũng sẽ bảo bác cắt đầu đi, phải không? Không được, cô bé thân yêu ạ, bác sẽ để tai lại cho cháu, còn chích tai thì bác sẽ chích. Nhè nhẹ thôi. Cháu đừng sợ.

— Cháu chẳng sợ đâu, — Gu-li-a đáp.

— Thật không? — bác sĩ hỏi. — Để xem!

Sáng sớm, bác sĩ lại đến với cả một va-li dụng cụ.

— Thực cháu không sợ chứ? — nghiêng đầu nhìn Gu-li-a qua cặp kính, ông hỏi. — Có thể là hôm qua vì nóng nảy mà cháu nói khoác thôi? Hôm qua, nhiệt độ cháu nóng thật đấy.

— Cả hôm nay, cháu cũng không sợ, — Gu-li-a nói. — Nhưng bác chích mau lên nhé!

— Chà, cháu hấp tấp quá! — bác sĩ nói và bắt đầu xếp ra chiếc khăn trắng tinh những con dao con sáng loáng và những chiếc kim dài.

Gu-li-a liếc nhìn những vật sáng loáng ấy và nghĩ bụng: «Chỉ có đừng kêu! Đã nói là tôi không sợ, rồi bỗng nhiên kêu vỡ họng ra! Thì thật là xấu hổ...»

— Nào, cháu yêu của bác, — bác sĩ nói và đi đến gần giường tay cầm một vật gì sáng và nhọn, — mẹ sẽ giữ cháu một tí nhé.

— Không cần, — Gu-li-a nói. — Khi nào người khác giữ thì lại càng sợ hơn. Tốt hơn là để tự cháu giữ tay mẹ cháu.

Và cô nắm chặt tay mẹ bằng những ngón tay nóng bỏng vì sốt.

— Nào, thế là xong, — bác sĩ nói.

Gu-li-a thở phào và mờ mắt ra.

Trên tay của mẹ in hằn tất cả những ngón tay của Gu-li-a: năm vết đỏ.

— Lúc này con có đau không? — mẹ hỏi.

— Thế mẹ?

Bà mẹ bật cười.

Còn bác sĩ thì nhìn Gu-li-a với một vẻ mặt vừa nghiêm trang, vừa âu yếm.

— Bác phục cháu đây, thành thực phục đây! — ông vừa nói vừa bắt đầu xếp vào va-li những kim và dao sáng loáng.

Cuối cùng, khi bác sĩ đi rồi, Gu-li-a nói với mẹ:

— Sao con cảm thấy vui ghê! Chính con cũng không hiểu vì sao, mẹ ạ. Không, à con hiểu. Thứ nhất vì bây giờ con dễ chịu hơn. Thứ hai vì việc chích tai đã qua rồi. Còn thứ ba vì con không kêu. Mẹ biết không, lúc này con đau và sợ lắm.

— Mẹ biết, Gu-lênh-ca ạ, — mẹ nói. — Và mẹ cũng biết con mẹ cừ lắm. Thôi, bây giờ cố ngủ đi, sau việc chích tai, con cần nghỉ thật tốt.

— Chẳng phải cố đâu mẹ ạ, — Gu-li-a đáp. — Chưa bao giờ con thấy buồn ngủ ghê gớm như bây giờ. Và mẹ cũng đi nghỉ đi.

Và cô ngủ thiếp rất say.

Thế là bắt đầu khỏi bệnh.

Gu-li-a vừa rửa ráy xong, tươi tỉnh nằm trên giường đệm trắng tinh, sạch sẽ, trong tay cầm cuốn sách. Cô vui thích nhìn ra cửa sổ và theo dõi xem những cây ở ngoài sân dần dần rụng lá như thế nào. Cô vui thích đọc được những điều mới và xem lại những điều cũ, và cảm thấy hình như chưa bao giờ cô hiểu tất

cả sâu sắc và rõ ràng như lúc này, còn thơ thì chưa bao giờ cô chóng thuộc như bây giờ.

Các bạn trẻ thường đến thăm cô, mang đến cho cô khi thì những bông hoa cuối mùa, khi thì táo, lê đầu mùa.

Có một bận, Gu-li-a đang nằm dài với cuốn sách của Léc-mông-tốp mở rộng trong tay, cô không đọc mà chỉ lặp đi lặp lại mãi những dòng thơ này:

*Vâng, tôi nguyện sẽ suốt đời kiên định,
Như anh, hỡi người bạn thép của tôi...*

thì ở phòng ngoài vang lên tiếng chuông rụt rè

Cửa đã mở, nhưng hồi lâu không thấy ai vào phòng. Gu-li-a chỉ nghe tiếng dặng hắng và tiếng thì thầm ngắt quãng.

— Cái gì ngoài kia đấy? Mẹ ơi, có ai đến thế?

— Mình với Cá mòi đây! Mình với Dâu tây đây! — từ phòng ngoài hai giọng nói trả lời.

— Sao cứ giậm chân tại chỗ thế? — Gu-li-a kêu lên — Các cậu vào đây nhanh lên!

Chúng bước vào và ngồi chung trong một cái ghế cạnh Gu-li-a.

— Nào, các cậu kể đi! Sao lại im thế? Ở vườn Bách thú có gì mới không?

— Chẳng có gì mới cả, — Cá mòi nói. — À, người ta vừa mang đến những con rắn mới. Thuộc miền nhiệt đới.

— Thuộc miền gần nhiệt đới, — Dâu tây chữa lại. — Từ Áp-kha-di đến.

— Bao nhiêu con? — Gu-li-a hỏi.

— Năm mươi tư, — Dâu tây nói.

— Năm mươi sáu, — Cá mòi chữa lại.

— Ủ, thế thì rất nhiều đấy!

— Khá nhiều, — Dâu tây đồng ý.

Gu-li-a ngạc nhiên:

Thế mà các cậu bảo chẳng có gì mới! Nào, còn gì nữa?

— Con sói già chết rồi.

— Thế à! Tiếc thật!

— Nhưng người ta lại mang đến ba con sói con mới. Chúng mình nhận đỡ đầu chúng. Hai con có vẻ hiền lành, còn con thứ ba thì lập tức chạy trốn và cắn chết hai con công.

Gu-li-a ngạc nhiên nhồm dậy.

— Sao thế được?

— Người gác không trông coi đến nơi đến chốn. Người ta đã bắt và nhốt nó lại rồi.

— Ai? Người gác à?

— Con sói con chứ!

— Còn các cậu thì trông coi cái gì?

— Lúc đó chúng mình đang coi răn.

— Ê, các cậu! Chẳng phải là người đỡ đầu, mà chỉ là những con quạ thôi!

Cá mòi và Dâu tây bẽn lẽn nhìn nhau.

Sau đó, Dâu tây vừa thở vừa mở cái gói giấy và lôi ra hai sợi lông công.

— Tặng cậu làm kỷ niệm.

Gu-li-a nhìn hai đứa bé có vẻ trách móc.

— Các cậu cứ giữ lấy làm kỷ niệm. Các cậu hãy làm những con quạ cắm lông công vậy! [\[8\]](#)

Hai đứa bé bật cười.

— Chúng mình sẽ nhớ mãi điều ấy. Còn cậu thì cứ cầm đi. Những sợi lông công đẹp làm sao!

Và thật ra, những sợi lông công rất lộng lẫy. Trên một cái lông có một điểm xanh thẫm lẫn vàng ánh, còn trên cái kia thì có một chấm xanh lục.

Sau khi im lặng ngòì rán lại tí nữa, Cá mòi và Dâu tây sửa soạn ra về. Đến cửa, chúng dừng lại.

— À, chút nữa quên! — Cá mòi sực nhớ và nói. — Chúng mình vừa họp hội nghị. Người ta chia tất cả thành ba nhóm: nhóm tiền tiến, nhóm dự bị trở thành tiền tiến và nhóm tụt hậu.

— Thế mình rơi vào đâu? Chắc vào nhóm tụt hậu?

— Không, vào nhóm tiền tiến.

— Nhưng mình ốm kia mà!

— Cái đó không kể. Chúng mình khỏe mạnh, nhưng lại chỉ được vào nhóm dự bị thôi.

— Vì chuyện mấy con công, — Dâu tây nói.

— Vì chuyện con sói con, — Cá mòi chữa lại.

Và chúng ra về.

CÂU CHUYỆN VỀ MÔN ĐỊA LÝ

Gu-li-a đã khỏi bệnh.

Một vài lần người ta quay cô mấy cảnh nữa trong bộ phim *Cuộc khiêu vũ trá hình đầy ánh sáng* (bây giờ không quay ngoài trời, mà quay trong lầu của xưởng phim), và Gu-li-a lại về Ô-đét-xa, đến trường của mình.

Trước ngày khởi hành không lâu, cô bắt đầu học để đuổi kịp lớp. Nhưng hóa ra cô bắt tay vào việc muộn quá. Lớp học đã đi trước xa rồi. Và Gu-li-a lại phải bắt đầu một thời gian rất vất vả.

Vì bây giờ ai ai cũng biết tiếng cô, nên cô càng cảm thấy nặng nề và khó chịu là học trò chậm tiến. Trên báo chí, người ta đã viết về cô, nhiều người nhớ cô qua phim ảnh, và cả những trẻ con không quen biết đi ngoài đường phố cũng nhận ra cô.

— Trông kìa, Va-xi-lin-ca trong phim đấy!

— Đúng. Chính là nó. Con gái của người du kích!

Những người lớn, khi làm quen với Gu-li-a, thường nói với cô:

— Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va ạ! Tất nhiên, tất nhiên chúng tôi biết về cháu quá, chúng tôi đã trông thấy cháu. Thế cháu học hành ra sao? Nhất định phải là học sinh ưu tú chứ?

— Không, — Gu-li-a ảo não đáp và cố vội vàng tránh xa.

Một chị nhà báo từ Mát-scơ-va đến xưởng phim Ô-đét-xa. Chị đặt cho Gu-li-a bao nhiêu câu hỏi đủ các loại: nào là Gu-li-a đóng phim đã lâu chưa, nào là trong các vai thì cô thích vai nào nhất, nào là cô cảm thấy hài lòng về công việc của mình không?

— Chẳng cảm thấy tí nào cả, — Gu-li-a nói.

— À, sao lại thế? Thế em không định làm nữ nghệ sĩ sao?

— Em không định làm?

— Hay thật, — chị nhà báo nói và bắt đầu viết cái gì đấy trong sổ tay của mình.

Điều đó làm Gu-li-a bối rối, và cô ngừng trả lời các câu hỏi. Nhưng chị nhà báo không tha.

— Sao em lại im? Đóng phim khó không?

— Khó, — cuối cùng Gu-li-a đáp.

— Sao lại khó?

— Phải đứng yên, không động đậy, mà ruồi lại cắn dưới chân.

Chị nhà báo vung tay lên, phì cười. Gu-li-a cũng không nhịn cười được.

— Thế em học ra sao? Tất nhiên là giỏi?

— Học tồi, — Gu-li-a nói, và lập tức nụ cười biến mất trên môi cô.

— Có thể nào lại tồi được? — chị nhà báo ngạc nhiên và đẩy cuốn sổ tay ra.

Gu-li-a không trả lời gì. Cô không thể nói rằng việc học tập đối với cô trong thời gian gần đây là chỗ yếu nhất.

Một bận, Gu-li-a ở trường trở về nhà khóc sụt sùi. Vứt tung cái cặp trên đi-văng, cô ngồi lên bệ cửa sổ và lấy ngón tay gõ lên kính.

— Thế đấy, — cô nói, — bây giờ là cả một câu chuyện!

— Có gì lại xảy ra thế? — mẹ hỏi. — Câu chuyện gì?

— Về môn địa lý! — Gu-li-a đáp. — Hôm nay, con bị gọi lên bảng, nhưng con trả lời thế nào được, nếu không biết một tí gì cả?!

— Vì sao con không biết tí gì cả?

— Con đã bỏ lỡ nửa năm rồi!

Và, úp tay vào mặt, cô khóc nức nở.

— Đấy, con nói thật, — cô vừa khóc vừa nói, — suốt đời bây giờ con chỉ học đọc một môn địa lý thôi. Mặc kệ chiếu bóng, nếu vì nó mà gây ra bao nhiêu chuyện khó khăn!

Bà mẹ lặng nhìn Gu-li-a trong mấy phút. Cuối cùng bà nói:

— Này, Gu-li-a, bây giờ mẹ muốn nói chuyện đứng đắn với con. Con khóc cái gì kia chứ?

— Nếu mẹ biết rằng hôm nay, con bị xấu hổ thế nào trong giờ địa lý, thì mẹ chẳng hỏi con thế!

— Thế trong việc đó lỗi tại ai?

— Nhưng mà con không thể làm hai việc cùng một lúc: vừa đóng phim, vừa đi học.

— Thế thì thôi đóng phim.

— Tiếc lắm.

— Thế thì bỏ trường vậy.

— Mẹ nói gì lạ vậy! Sao lại thế được?

— Sao không được? Nếu học như con bây giờ, thì thà bỏ học còn hơn. Chiếu bóng hoàn toàn không có liên quan gì ở đây cả. Lý do giản đơn nhất là vì con không có tính cương quyết.

Gu-li-a nhìn mẹ có vẻ phật lòng và lau khô nước mắt.

— Sao lại không có? — cô hỏi.

— Tất nhiên, không có, — mẹ nói. — Trên đời này có bao nhiêu người phải vừa làm việc, vừa học tập. Và họ kịp làm rất tốt. Còn con thì chẳng kịp làm gì cả. Con mang cả một va-li sách đi, nhưng không thể tự bắt mình giờ sách ra đọc. Thế thì còn làm thế nào được! Rõ ràng là phải giúp con...

— Giúp thế nào?

— Mời người kèm thêm con vậy. Để kéo con lên mới được.

Gu-li-a cắn môi.

— Mai mẹ sẽ đến gặp ông hiệu trưởng, — bà mẹ bình tĩnh nói tiếp, — xin ông giới thiệu cho một sinh viên nào đấy, hoặc là một người học lớp cao hơn con. Mà cũng có thể là một học sinh ưu tú lớp con cũng được.

— Không, — Gu-li-a nói khẽ và bướng bỉnh cúi đầu. — Con không muốn.

— Sao không muốn? Con sẽ học dễ hơn...

— Nhất định không! — Gu-li-a nhắc lại và cương quyết đứng dậy. — Con không cần người kèm. Chưa đến mức phải như thế.

CAO ĐIỂM THỨ HAI

Trong một vài tháng, Gu-li-a đấu tranh với các môn địa lý, lịch sử, đại số, nhưng cái chính là với bản thân mình.

Học thuộc lòng bài ngày mai, trả lời xuất sắc một lần thì chẳng khó lắm. Nhưng học bù lại những bài đã mất, đã bỏ qua, cứ đuổi mãi, đuổi mãi, quay trở lại học những cái mà người khác đã học thuộc từ lâu rồi, — để làm việc đó thực ra cần phải có rất nhiều lòng chịu đựng và tính kiên trì.

Kỳ thi đến gần.

Cửa bao lơn và cửa sổ mở toang, hương thơm ngọt ngào của hoa hồng và hoa keo đưa vào tận phòng. Rất gần thôi, chỉ rẽ ngoặt khỏi đường phố yên tĩnh là biển đang rào rạt chuyển động. Thật chẳng dễ dàng gì mà ngồi nhà trong một ngày tuyệt đẹp như thế này, nhất là khi mình chỉ mới lên mười ba tuổi, mà ở ngoài bờ chiếc thuyền con đang đợi.

Nhưng Gu-li-a đặt sách lên bàn, treo tám bản đồ địa lý trên tường và cùng các bạn gái chuẩn bị thi.

— Tổ quốc ta là nước lớn nhất trên thế giới, — cô trịnh trọng bắt đầu nhắc lại chương đầu của sách giáo khoa địa lý.

Gu-li-a thì cứ kể, còn các bạn gái của cô — mà trước đây cô đã bịa ra những biệt hiệu buồn cười là Li-ô-li-a Bánh rán và Li-na Bánh xèo — thì cũng không chịu bỏ phí thì giờ vô ích: Li-na lấy bút chì xanh tô màu những cây cọ bên bờ Ba-tu-mi trong cuốn giáo khoa địa lý, còn Li-ô-li-a vẽ lên bìa cuốn bài tính đại số chân dung của một người nào đấy.

Gu-li-a nghiêm nghị chăm chăm nhìn Li-ô-li-a và Li-na. Cô nói:

— Sẽ không có môn thi vẽ đâu, còn thi địa lý thì các cậu sẽ trượt đấy. Thậm chí các cậu chả nghe mình kể cái gì cả.

Li-ô-li-a và Li-na đặt bút chì ra một bên.

— Sao nói thế! Sao lại bảo chúng mình không nghe! Cậu kể tiếp đi!

Gu-li-a bước từng bước dài, đi trong phòng từ góc này đến góc kia.

— Muốn đi qua Tổ quốc ta từ biên giới phía Tây đến Vơ-la-đi-vô-stốc bằng tàu lửa tốc hành phải mất mười hai ngày đêm...

— Giá được thế có phải tốt không! — Li-na trầm ngâm nói. — Cứ đi mãi, đi mãi và chẳng cần môn địa lý nào nữa.

— Hừ, nói thế! Không có địa lý thì cậu không đi xa được đâu, — Gu-li-a nói và giở sang trang khác của cuốn giáo khoa. — Bây giờ đến các biển. Cậu có muốn bơi ở biển không, Bánh rán?

— Cứ thế này thì mình sẽ bơi trong kỳ thi đấy. Cậu kể đi, còn mình sẽ nhớ.

Gu-li-a nói rất lâu về các biển, còn Li-ô-li-a và Li-na ngồi chống tay lên bàn, lắng nghe biển thật đang rì rào ngoài cửa sổ.

— Giá bây giờ được đi tắm nhỉ! — Li-na thở dài.

— Hãy gượng đã, còn kịp chán, — Gu-li-a nói. — Bây giờ đến núi, cậu nói đi.

— Mình à? — Li-na sợ hãi, — Mình chỉ biết về giới động vật của đồng bằng thôi, như ngựa, cừu, bò...

— Chính cậu là bò ấy! Nào, đừng lười nữa, kể đi.

— Cậu bắt đầu, rồi đến mình...

Thỉnh thoảng nhìn vào sách, cả ba cô đã «vượt qua» được những ngọn núi.

— Nóng quá! — Li-ô-li-a rên rỉ. — Thôi, chúng mình đi tắm một chốc thôi vậy. Đầu óc sẽ tươi tỉnh hơn!

— Không, — Gu-li-a nghiêm nghị đáp. — Đã học thì phải học cho ra trò! Phải qua hết môn địa lý.

—Hết tất à? Một lượt thôi! Thế ngày mai?

— Ngày mai sẽ ôn lại.

— Thế bao giờ thì tắm?

Gu-li-a không trả lời gì cả.

Cô bắt Li-ô-li-a và Li-na ngồi trong phòng cho đến năm giờ chiều. Cuối cùng đến khi cô gấp sách lại, cả hai cô kia đều không tin ở điều may mắn của mình.

— Gu-li-a, lẽ nào đã xong rồi à?

— Xong rồi! Bây giờ thì ra biển! Các cậu tưởng rằng mình không muốn tắm sao? Mình còn muốn hơn các cậu nữa kia!

Và cả ba cô bé đua nhau chạy theo ngõ hẻm về phía, mà từ đó vang lên tiếng động rào rạt, âm âm của sóng biển. Chiếc thuyền con trắng có sọc đỏ, nhổ sào rời khỏi bờ.

— Mặc cho nó tự trôi, — Gu-li-a nói và cất mái chèo, cô nằm xuống đằng sau lái.

Những làn sóng xanh rờn nhịp nhàng đưa con thuyền lên rồi lại hạ xuống. Gió biển mát mẻ, như một bàn tay mát dịu, vuốt lên má nóng hổi của các cô, vôn vê làn tóc và cổ áo.

Gu-li-a say mê hít thở không khí biển ngon lành.

— Các cậu ơi, — cô nói, — sống trên đời này thích làm sao, thú làm sao!

— Ừ, thích thật đấy, nếu không có các kỳ thi, — Li-na thở dài nói.

Gu-li-a trầm ngâm trong giây phút, rồi chậm rãi nói:

— Còn mình thì lại thích thi. Tuy hơi sợ một tí, nhưng lại hay.

— Gu-li-a, cậu nói dối.

— Không, xin lấy danh dự đấy, mình không nói dối đâu. Các cậu có biết không, trước kỳ thi, mình có cảm giác như trước khi nhảy xuống nước. Vừa lạnh vừa sợ, nhưng khi đã nhảy xuống nước rồi, thì thấy nóng và vui ngay.

Li-ô-li-a nhún vai:

— Hừm, với ai thì vui, còn với ai thì chẳng vui lắm.

— Nhưng nếu muốn thật vui thì cái đó tùy cậu thôi.

Và đây rồi, ngày thi đã đến. Buổi sáng hôm ấy thật đặc biệt làm sao, vừa xanh, vừa trong, dường như đã được những làn gió biển làm thoáng và những đợt sóng biển rửa sạch.

Gu-li-a mặc chiếc áo dài trắng vừa mới là xong. Cô cảm thấy dễ chịu trong chiếc áo sáng sủa và sạch sẽ đó, không có một nếp nhăn nhỏ, một vết bẩn con. Chăm chú ngắm vào gương, cô chải đầu và đi đến trường.

Bà mẹ đứng hồi lâu bên cửa sổ nhìn theo bóng con. Vẻ mặt của Gu-li-a vừa tập trung, vừa hớn hờ thế kia, trước đây chỉ thấy khi cô đi đóng phim mà thôi.

Trong lớp, lúc đó im lặng và trang nghiêm. Trên bảng treo một tấm bản đồ Liên-xô lớn, sặc sỡ những vết màu nâu, xanh và

lam.

Bà giáo địa lý Vê-ra Ăng-đơ-rê-ép-na, tóc bạc, trầm tĩnh mặc chiếc áo đẹp, mà Gu-li-a mới thấy lần đầu, đang chấm thi cho cô bạn gái của Gu-li-a là Li-ô-li-a. Những người trong ban chấm thi chăm chú lắng nghe tiếng nói lấp bắp lí nhí, hầu như không nghe của Li-ô-li-a. Thước chỉ trong tay cô chờn vờn trên tấm bản đồ, được hình như nó không biết phải dừng lại ở điểm nào.

— Trượt rồi! — Li-na, cô bạn ngồi bên cạnh, lo sợ rĩ tai Gu-li-a. — Và mình cũng sẽ trượt thôi. Ôi, mình sợ quá chừng. Còn cậu!

Gu-li-a nghĩ bụng: «Mình có sợ không?» và trả lời:

— Không, mình không sợ.

Và khi giọng nói của bà Vê-ra Ăng-đơ-rê-ép-na vang bên tai cô: «Cô-rô-li-ô-va!», thì Gu-li-a rời khỏi chỗ rất nhanh. Trong bọn trẻ con thậm chí có đứa nào đó bật cười. Nhưng cô không ngoái lại nhìn, chạy bổ lên phía bàn ban chấm thi, với dáng điệu hình như đó không phải là cái bàn, mà là cái hàng rào chắn và dù thế nào cô cũng phải vượt qua bằng được.

Cô cảm thấy hình như bà Vê-ra Ăng-đơ-rê-ép-na không nhìn thẳng cô, có vẻ lo lắng và không tin tưởng, và Gu-li-a sức nhớ đến cái ngày rủi ro và đáng xấu hổ khi cô phải đứng cúi đầu cạnh cái bản đồ «câm» ấy, mà không thề chỉ được một con sông, một ngọn núi nào. Thật là lạ: lúc đó, tấm bản đồ địa lý to lớn kia, nó thực sự đã trở thành câm như hến, chẳng nói được gì với Gu-li-a cả; còn bây giờ đây chỉ cần liếc nhìn vào nó, thì mỗi một nét nhỏ, mỗi một đường cong của nó đã gọi cho cô nhớ và thầm nhắc cho cô tất cả.

— Bốc phiếu thi đi, Cô-rô-li-ô-va, — bà Vê-ra Ăng-đơ-rê-ép-na nói.

Tim Gu-li-a như thất lại và trong nháy mắt ngừng đập. Cô nhìn vào những tờ giấy kẻ ô sẵn hoàn toàn giống nhau.

«Trong số đó, cái nào là của mình đây? Thôi, mặc, cái này, thứ ba từ bên trái».

Cô mở phiếu ra và đọc to:

— «Miền Đông Xi-bê-ri của Liên-xô».

Và bây giờ trí nhớ của cô ngoan ngoãn mở ra trước mắt cô trang sách giáo khoa, trong đó viết như thế này:

«Đất đai nhiều núi của miền Đông Xi-bê-ri nằm giữa sông Ê-ni-xê-i và bờ Thái-bình-dương».

Và cố gắng để không nói nguyên văn theo sách giáo khoa, Gu-li-a không lấy hơi, bắt đầu nói một mạch.

Cái thước chỉ dài, bằng gỗ, theo những lời nói của cô, nhẹ nhàng lướt theo tấm bản đồ, khi thì vẽ theo những đường cong màu đen của các con sông, khi thì vòng theo những chấm màu xanh của các hồ.

Bà Vê-ra Ăng-đơ-rê-ép-na nghe cô nói lúc đầu với vẻ lo lắng, dần dần với vẻ ngạc nhiên và cuối cùng với một nụ cười đặc biệt, trầm ngâm. Khi Gu-li-a bỏ thước chỉ xuống trong giây lát, bà nhìn những người cùng trong ban chấm thi với vẻ mặt tự hào và hình như có ý hỏi: «Các anh thấy không, con bé thế đấy?»

— Tốt lắm! Tốt lắm! Ưu! — những người trong ban chấm thi đồng thanh nói.

Và Gu-li-a đặt thước chỉ lên bàn, nhè nhẹ về chỗ mình. Má cô nóng bừng, còn đôi môi thì tự nó còn tiếp tục mấp máy, có lẽ là chúng còn đang nói thêm gì nữa về miền Đông Xi-bê-ri.

Trên đường về nhà, cô chạy nhanh như gió.

— Mẹ ạ! «Điểm ưu»! — cô kêu lên khi còn ở ngoài ngưỡng cửa.

Và bỗng nhiên, như bị sưng sốt vì một ý nghĩ gì đột ngột, Gu-li-a im lặng và ngồi xuống cạnh bàn, gục đầu vào tay.

— Gu-lênh-ca, con nghĩ gì? — mẹ hỏi.

— Con chẳng biết nói với mẹ thế nào, — Gu-li-a trầm ngâm đáp. — Buồn buồn một tí.

— Buồn? — mẹ ngạc nhiên hỏi. — Vì sao? Nhưng chính hôm nay con thắng lợi kia mà?

— Không, không buồn. Con nói không thật đúng. Hình như trống trải thế nào ấy. Đấy, mẹ có hiểu không, bao nhiêu ngày con vội vã, cố đuổi kịp lớp và luôn luôn sợ là mình sẽ không kịp. Và bây giờ hình như bây giờ con đã nhảy ra cửa tàu, khi nó còn đang chạy. Đã đến nơi rồi! Và bây giờ không còn đâu để đi nữa.

Mẹ lắc đầu.

— Gu-li-a, sao lại thế! Đã đến nơi rồi thế nào được? Đường của con chỉ mới bắt đầu thôi. Lẽ nào tự con không cảm thấy điều đó?

— Vâng, tất nhiên, — Gu-li-a nói. — Mẹ ạ, mẹ có biết không, hôm nay, trong buổi thi, chẳng biết vì sao, con sức nhớ lần con đã vượt qua hàng rào chắn như thế nào. Trong *Con gái của người du kích*, mẹ có nhớ không? Con Xíp-cô chút nữa thì nó vứt con

xuống. Và lúc đó, nó có thể vút con xuống thật đấy, nếu con không giận nó ra trò.

— Thế bây giờ con giận ai?

— Giận mình... Chẳng phải là chuyện đùa, đến nỗi suýt nữa thì mẹ mời người kèm cho con! Người kèm à!

— Mẹ chỉ dọa con thôi, Gu-li-a ạ.

— Mẹ tỉnh thật, mẹ biết nên dọa thế nào. Thế là con sợ lắm, mà do sợ lại trở thành can đảm lên. Con đã vượt hàng rào chắn thứ hai rồi đấy.

— Gu-lênh-ca ạ, hàng rào chắn đó cao hơn cái trước một ít. Sau này, hàng rào chắn sẽ càng cao hơn nữa.

— Cả những cái đó con cũng sẽ vượt nốt! — Gu-li-a reo lên và bỗng nhiên tung tấm bản đồ cuộn tròn lại lên đến tận trần nhà.

— Gu-li-a, yên đi con, sao lại khinh thường môn địa lý thế?

Gu-li-a khéo léo bắt cuốn bản đồ đang rơi xuống trong tay.

— Không, con kính trọng nó, con yêu mến nó. Nhưng cho đến trước mùa thu, con sẽ giấu tất cả những tấm bản đồ này ở một chỗ nào thật kín! Và cả sách giáo khoa nữa.

NHỮNG BỨC THƯ TỪ KHẮP NƠI

Nhưng Gu-li-a lại cần đến cả tấm bản đồ, cả sách giáo khoa địa lý nữa. Mà lại cần đến ngay.

Cô có một mối liên lạc thư từ rất thú vị, nếu trong tay không có tấm bản đồ Liên-xô và cuốn sách giáo khoa địa lý cũ và có công đó, thì thật khó mà hiểu tường tận được.

Từ bốn phương của Tổ quốc bay về vô số thư, đề tên Gu-li-a, theo địa chỉ của xưởng phim. Gu-li-a nhìn lên bản đồ hồi lâu, tìm những tỉnh và thành phố mà từ đó thư đã gửi đến.

«Nữ nghệ sĩ Gu-li-a kính mến! Tôi vô cùng cảm động xem bộ phim mà chị đã đóng. Vâng, không phải chỉ một mình tôi, mà tất cả các đồng chí của tôi nữa, những người lính Hồng quân thuộc quân đoàn Viễn Đông. Giá chị có thể đến đây thăm chúng tôi nhĩ, xem chúng tôi, những người lính Viễn Đông, sống như thế nào giữa các đồi núi trọc? Chẳng bao lâu, tôi sẽ mãn hạn và sẽ trở về nông trang tập thể của mình ở tỉnh Vô-rô-nhe-giơ. Nếu chị không kịp đến đây, thì nhất định thế nào cũng đến nông trang của chúng tôi nhé. Chị sẽ thấy cuộc đời của chúng tôi ở đây tuyệt như thế nào. Tôi sẽ chỉ cho chị tất cả. Nông trang của chúng tôi đã trở thành vững mạnh, chúng tôi đã đưa nó lên rất cao. Thôi nhé, chào nữ nghệ sĩ Gu-li-a kính mến.

Người bạn trung thành của chị».

Gu-li-a nhìn miền tận cùng của Tổ quốc — miền Viễn Đông và nghĩ rằng thật là đáng lạ lùng và ngạc nhiên, ở một nơi xa xôi, nữ sinh của trường trung học Ô-đét-xa.

Rồi cô tìm trên bản đồ tỉnh Vô-rô-nhe-giơ và định bụng có một lúc nào đấy nhất định sẽ đến thăm chính nông trang này mà ở đây người ta đã xây dựng một cuộc sống tuyệt vời như thế.

Nhưng mở bức thư thứ hai, thứ ba, thứ tư, Gu-li-a đâm ra lúng túng. Người ta mời cô đến cả thành phố Xu-mư, cả Pôn-ta-va, cả Ta-sơ-ken xa xôi, cả Ác-khan-ghen-sơ nữa... Một đoàn viên thanh niên cộng sản ở thành phố Xu-mư viết cho Gu-li-a rằng cô «đã đóng được vai của mình một cách rất chu đáo» và nếu cô sẽ tiếp tục rèn luyện mình, thì chắc chắn sẽ trở thành Nghệ sĩ nhân dân.

Và mỗi người viết thư cho Gu-li-a đều kể điều gì đấy về mình, về cuộc đời của mình.

Đọc những thư ấy thì thật là hết sức thú vị và hấp dẫn.

Nhưng có một bức thư nhận được từ Thái-bình-dương của những thủy thủ đoàn viên thanh niên cộng sản làm Gu-li-a đặc biệt phân vân. Họ viết cho cô rằng trong thời gian đi ngoài khơi, họ đã tìm được trong góc hổng của chiến hạm một tờ báo có ảnh của Gu-li-a. Theo lời thư thì rõ ràng là họ, cũng như nhiều người khác, đều tưởng cô là một diễn viên lớn tuổi đóng vai thiếu nữ. Họ yêu cầu đồng chí Cô-rô-li-ô-va, nữ nghệ sĩ trẻ tuổi, có tài, kể tỉ mỉ cho họ về sinh hoạt của giới nghệ thuật, về những dự định sáng tác của mình, về những bộ phim trong đó cô đã tham gia hoặc sẽ tham gia.

Đọc xong bức thư đó, Gu-li-a nghĩ ngợi.

— Mẹ ạ, — cô nói, — mẹ khuyên con trả lời họ như thế nào?

— Cái gì thế?

— Họ tưởng rằng con là người lớn. Vâng, người lớn đấy! Và họ muốn con viết cho họ về giới nghệ thuật và về dự định sáng tác của con. Thế thì con biết viết về cái đó thế nào được?

— Không sao, — mẹ nói. — Con cứ viết cho họ thật giản dị, con bao nhiêu tuổi, học lớp mấy và không có dự định sáng tác nào cả. Nếu con lại giả vờ là lớn tuổi hơn, khôn ngoan hơn bản thân, thì thư sẽ trở nên lố bịch đấy.

Gu-li-a làm đúng như thế. Cô viết cho những người thủy thủ một bức thư kể cận kê về đời mình, về trường học, về kỳ thi vừa rồi và việc cô không đóng phim đã từ lâu. Ngoài lề cô viết thêm:

«Có phải trên các chiến hạm bao giờ cũng có những con thú nhỏ gì đấy mà thủy thủ yêu mến không? Ở trên chiến hạm của các anh có chú gấu con hay chú cáo con nào không? Tôi là nhà động vật học trẻ tuổi đã lâu năm và tôi rất yêu bất kỳ con vật nào, từ những con nhím, chuột bạch cho đến con voi».

Gu-li-a nhận ngay được vài bức thư trả lời. Những người thủy thủ viết cho «nhà động vật học trẻ tuổi đã lâu năm» một cách nghiêm chỉnh và kính trọng về đời sống trên chiến hạm, về những động vật lạ ở biển, giống như hoa, mọc dưới đáy Thái-bình-dương, về cuộc sống kỳ lạ dưới đáy biển.

Đáng tiếc là, té ra trên chiến hạm không có chú gấu con, chẳng có chú cáo con nào cả, chứ còn nói gì đến voi nữa. Trong số tất cả những đại diện của loài động vật, trên chiến hạm chỉ có một, mà lại là bình thường nhất, đó là chú mèo Va-sca. Nó rất cừ chỉ vì đã hai lần đi du lịch vòng quanh thế giới và đã bắt được chuột trên đảo Cu-ba.

— «Thái-bình-dương», — Gu-li-a đứng cạnh tấm bản đồ và đọc tên viết trên một khoảng trống rộng lớn màu xanh lam nhạt. — «Đảo Cu-ba».

Và vừa suy nghĩ về chiếc chiến hạm xô-viết đi dọc ngang trên đại dương, Gu-li-a mơ ước được chóng lớn và cũng sẽ lên đường đi du lịch xa. Mơ ước của cô đã được thực hiện trước khi cô chờ đợi nó.

Thật ra, cô được đi, tuy không phải xa lắm, chỉ đến Cơ-ri-mê thôi, nhưng ngay cả chuyến đi ấy, nếu tưởng tượng một chút, thì cũng có thể coi như một chuyến đi du lịch thật sự.

A-RƠ-TẾCH

«Bố yêu quý! Con rất sung sướng, bố ạ, con sẽ đi A-rơ-tếch! Đó là phần thưởng do con đóng phim và cũng là phần thưởng do con đã lên lớp tám với kết quả tốt... »

Ngồi vào bàn, Gu-li-a vội vã viết. Bên cạnh, trên ghế đặt một chiếc va-li không, mở rộng, còn trên đi-văng thì xếp cẩn thận tất cả «bộ cánh» đơn giản của Gu-li-a: cái áo dài trắng cô mặc hôm đi thi, những áo xa-ra-phan sắc sỡ và những áo mai-ô.

«...Bố ạ, bố nghĩ xem, con được đi tàu thủy đến Xê-va-stô-pôn và từ đó sẽ đi ô-tô đến A-rơ-tếch cơ! Bây giờ ở nhà ta, tất nhiên, câu chuyện chỉ xoay quanh A-rơ-tếch. Thậm chí con đã xếp xong cả đồ đạc rồi, dù hôm nay mới hăm ba, mà đến mùng một mới đi cơ. Chao ôi, đợi lâu quá! Con được phiếu đi nghỉ ở Trại dưới, sát ngay bên bờ biển. Thế mới tuyệt chứ! Con đang sung sướng không thể nào tả được! »

Những ngày của tuần ấy kéo dài lê thê. Gu-li-a cảm thấy hình như kim đồng hồ của cô không chạy nữa, mà đứng im một chỗ. Và Gu-li-a luôn luôn đưa đồng hồ lên tai, lắng nghe xem nó có chạy không.

Nhưng, trăng đến rằm thì tròn, sao đến tối thì mọc.

Và đây rồi, chiếc ô-tô-buýt màu xanh lam đang đưa Gu-li-a phóng nhanh trên đường núi trắng. Phía trước là A-rơ-tếch!

Núi bao vây quanh xe, cái thì trọc lóc, cái thì như có tóc quăn vì cây cối mọc um tùm. Con đường như bị cắt ở mép phía bên phải, vì nó đi sát trên bờ vực thẳm.

— Ôi, hẹp quá! — cô bé ngồi cạnh Gu-li-a kêu lên, khi chiếc ô-tô-buýt lọt vào giữa vách đá và vực thẳm.

— Đừng sợ, — Gu-li-a nói. — Cậu bám lấy mình này.

Con đường uốn khúc và ngày càng lên cao. Những mảnh xám xám, giống như bông, bò lan khắp nơi xuống phía dưới.

— Khói! — một đứa nào đấy trong bọn trẻ ngạc nhiên kêu lên.
— Khói từ đâu kéo đến thế này?

— Không, đó không phải khói đâu, hơi nước đấy, — một đứa khác đáp lại.

— Đó không phải là khói, cũng chẳng phải hơi nước. Mây đấy, — một chú thiếu niên tiền phong da rám nắng, mắt đen, đầu đội chiếc mũ thêu con.

— Ôi, chúng mình lên cao quá! — bọn trẻ tranh nhau nói. — Cao hơn cả mây!

Chiếc ô-tô-buýt chạy vòng quanh sườn đá và bắt đầu hãm phanh từ từ chạy xuống thấp. Khi đi qua khỏi cổng Bai-đa-rư, thì ở phía dưới liền mở ngay ra một khoảng xanh mênh mông.

— Biển! — bọn trẻ con reo lên.

— Biển, Hắc-hải! — cô bé ngồi cạnh Gu-li-a trầm ngâm nói. Chỉ sáng nay, lần đầu tiên, cô mới được trông thấy biển ở Xê-va-stô-pôn, khi tàu lửa đưa cô từ Mát-scơ-va đến đó.

— Vì sao gọi là biển đen nhỉ, khi chính nó màu xanh?

— Khi trời sáng sủa, thì nó xanh, — Gu-li-a nói, — còn khi có bão táp, nó thường như hoàn toàn đen.

Và bây giờ con đường đã chạy đến gần, rất gần biển, bắt đầu nghe rõ tiếng sóng âm âm và rào rạt vỗ vào bờ rồi rút ra, kéo

theo sỏi đá.

— Đến nơi rồi! — người tài xế nói và lái xe vào cổng mở rộng.

Phảng phất thơm mùi nhựa cây trắc bá lẫn mùi hoa.

... Ngay ngày hôm đó, Gu-li-a cùng một vài bạn trẻ chạy đến xem vườn hoa.

Trẻ con từ bốn phương kéo về A-rơ-tếch. Nào là trẻ con Xi-bê-ri, Cáp-ca-dơ, cả trẻ con Bi-ê-lô-rút-xi, U-dơ-bê-ki-stăng. Giọng nói như hát của U-cơ-ren hòa lẫn với thổ âm ồ ồ của những người ở vùng sông Vôn-ga.

Vườn hoa thật lớn. Những đường đi, những lối mòn dẫn lên núi, rồi lại đưa xuống thấp, đến tận bờ biển và chạy tản đi các phía. Trong vườn hoa, ở dưới thấp trồng những cây cọ lá to rộng tua tủa những đầu nhọn, những cây mộc lan lá dày như da, những cụm phong lan to màu hồng. Còn ở cao hơn, trên các sườn đồi, óng ánh lá xanh vàng nhạt của những cây trăn, vươn trên những chùm lá nhọn hình tháp của các cây tùng.

Từ đằng xa nổi lên một ngọn núi cao, thẫm màu vì lá cây xanh. Nó giống như một con thú to, màu nâu xám, nằm phủ phục sát biển và uống nước.

— Ay-u Đắc — Hòn Gấu! — một đứa nào đó trong bọn trẻ nói.
— To thật!

— Không to lắm. Ở Cáp-ca-dơ, chỗ chúng mình, có nhiều núi còn cao hơn, — chú bé da rám nắng, mắt đen nói, chính nó đã giải thích rằng không phải khói mà là mây, khi xe chạy trên núi. Nhưng lúc đó, đi đường, đầu nó đội chiếc mũ thêu con, còn bây giờ nó đội mũ pa-na-ma trắng, như tất cả các trẻ khác.

— Thế cậu ở đâu đến? — Gu-li-a hỏi.

— Cậu có biết Ca-bác-đa không? — chú thiếu niên tóc đen hỏi lại Gu-li-a, thay câu trả lời. — Cậu có biết làng Ken-gie không? — Rồi nó nhìn thẳng vào mắt Gu-li-a.

— Không, mình chưa hề nghe nói bao giờ, — Gu-li-a đáp, — Ca-bác-đa mình có nghe, chứ Ken-gie bây giờ mình mới nghe lần đầu.

Rồi, im lặng một tí, cô lại hỏi:

— Thế vì sao cậu được thưởng phiếu đi nghỉ?

Gu-li-a cũng đã biết trước rằng đợt đi nghỉ này đặc biệt, hầu hết các trẻ đều được thưởng phiếu đi nghỉ do có công gì đấy với Tổ quốc. Trong số bọn trẻ đến đây có những thiếu niên tiên phong mà cả nước đều biết tiếng.

— Mình nuôi ngựa, — chú bé ở Ca-bác-đa vui vẻ trả lời, lộ những hàm răng trắng bóng. Ba con: Cô-stích, Ca-dơ-bếch và Da-ua-bếch.

— Nuôi cho ai? — một đứa nào đó trong bọn hỏi.

— Còn cho ai nữa? Cho đội Kỵ binh đỏ. Chính mình cũng là «kỵ sĩ» đấy.

— Thế cậu là Ba-ra-sbi à? — Gu-li-a vui mừng hỏi, cô nhớ là cô đã đọc về cậu bé đó trong tờ *Sự thật thiếu niên tiên phong*. — Ba-ra-sbi Kham-gô-cốp!

Và cô giương mắt nhìn chú bé có thân hình cân đối, gầy gầy, mắt sắc mà hoàn toàn cô không ngờ lại được gặp mặt.

— Mình cũng yêu ngựa, — cô nói. — Và cũng biết cưỡi ngựa.

Ba-ra-sbi nhìn cô tỏ ý không tin. Nhưng chẳng bao lâu, chúng đã trò chuyện với nhau, và Gu-li-a có cảm tưởng hình

như cô đã quen biết cậu «ky sĩ» nhỏ tuổi ở một làng miền núi tên là Ken-gie này từ lâu rồi.

Nửa giờ sau, bọn trẻ con đã biết đứa nào ở đâu đến, tên là gì. Trong số bọn trẻ, té ra có những anh hùng thật, như một thiếu niên tiền phong đã cứu được chiếc máy bay (chú đốt lửa lên, và người phi công hiểu là không thể hạ cánh được), một chú khác đã bắn được hai con chó sói, và một chú thứ ba đã cứu được một đứa bé con ra khỏi đám cháy...

— Thế cậu cũng đã cứu được người nào đấy chứ? — Gu-li-a hỏi một cô bé thấp thấp, mắt đen láy.

— Không, mình nhạt bông. — cô bé trả lời, khó nhọc lắm mới nói lên được những tiếng Nga. — Cậu có biết Tát-gi-ki-stăng không?

Gu-li-a chăm chú nhìn khuôn mặt tròn, hơi rộng và ngăm ngăm đen.

— Mam-la-cát! — cô nhận ra. — Na-khan-gô-va! Tất nhiên mình biết. Mình thấy ảnh cậu đăng trên tất cả các báo. Về cậu mình đã biết tất cả, tất cả, cả việc cậu nhạt bông bằng hai tay, cả việc cậu được tặng thưởng huân chương Lê-nin do thành tích của cậu. Và cả lúc cậu ở điện Cơ-rem-lanh, mình cũng đã nghe kể rồi.

Từ ngày đó, Gu-li-a kết bạn với Mam-la-cát và Ba-ra-sbi.

Gu-li-a dạy cho Mam-la-cát những bài ca và điệu múa Nga. Còn Ba-ra-sbi cuối cùng đã tin rằng cô bé Mát-sơ-va tóc vàng này biết cưỡi ngựa thật và bắt đầu dạy cho cô cưỡi ngựa theo kiểu «ky sĩ».

«Chà, giá bây giờ mình được đóng phim phải vượt qua vật chướng ngại thế nào nhỉ! — Gu-li-a suy nghĩ, nhớ lại bao nhiêu khó khăn cô đã gặp phải trong khi vượt qua hàng rào chắn đầu tiên. — Mình sẽ tỏ ra cưỡi ngựa lành nghề như thế nào! »

Chính vì muốn «cưỡi ngựa lành nghề» đó mà Gu-li-a đã một lần phải lấu cá. Cô bí mật trốn giờ yên lặng buổi trưa, và giờ yên lặng của cô đã trở thành giờ hoạt động nhất trong ngày.

Nhưng ở đây lại gặp một trở ngại bất ngờ. Mam-la-cát nhận thấy sự vắng mặt bí mật của cô và nhất định từ chối không chịu nghỉ trưa, trong lúc những người khác không nghỉ. Cô ấy cũng chẳng thích gì giờ yên lặng cả.

Điều đó làm cho Gu-li-a lúng túng. Nhất là khi có hai cô bé nữa cũng theo gương cô, không chịu nằm ngủ trưa. Nhưng có thể nào vì thế mà bỏ cuộc cưỡi ngựa đi chơi trên núi tuyết vời được!

Và thế là Gu-li-a nghĩ cách thoát ra khỏi tình thế khó khăn này. Cùng với tất cả bọn trẻ, cô ngoan ngoãn nằm lên giường. Nhưng khi các cô bạn lảng giềng đã ngủ rồi, thì cô nhẹ nhàng dậy và len lén đi trên đầu ngón chân đến cửa, ở ngoài cửa mặt trời miền Nam tỏa ánh nắng chói chang.

Trên con đường chạy thi của Vườn hoa Trên, Ba-ra-sbi Kham-gô-cốp đã đợi cô. Nó cưỡi trên mình con ngựa tía và tay nắm dây cương giữ một con ngựa khác màu lông sáng hơn một ít.

Khấp mình vàng rực lên dưới ánh nắng, con ngựa sốt ruột giậm móng và vươn cổ, hình như thì thầm điều gì đó vào tai con ngựa của Ba-ra-sbi.

Gu-li-a nhảy phóc lên yên ngựa, cảm thấy một niềm vui vẻ tự hào rằng bây giờ cô làm việc đó chẳng cần phải cố gắng tí nào cả.

Ba-ra-sbi thì không nói không rằng, giật cương, và chúng phi trên con đường chạy thi, sau đó lại phóng ra ngoài hàng rào vườn hoa, chạy trên đường núi.

Gió nhẹ thoảng hơi mát và thổi mùi thơm của cây ngải cứu vào mặt chúng, về phía bên phải, sau vực sâu thẳm và tối, vịnh của Hắc-hải xanh ánh lên như thép, về phía bên trái lờm chờm nổi lên những tảng đá dựng đứng phủ đầy rêu.

— Phải về trại sớm sớm, — Gu-li-a nói và hăm ngựa lại đi chậm hơn trên con đường hẹp. — Nếu người ta biết chúng mình trốn khỏi giờ yên lặng, thì chúng mình sẽ khốn khổ đấy.

Và trước khi ở phía dưới vang lên tiếng kèn đồng, bọn trẻ đã kịp phóng ngựa nhanh về trại. Buộc ngựa vào chỗ, chúng chạy luôn về nhà mình mà ở đây — ở A-rơ-tếch người ta gọi là «lều». Gu-li-a len lén chui tọt lên giường.

Mam-la-cát nằm cạnh, mắt nhắm, thở đều. «Hay quá! — Gu-li-a nghĩ bụng. — Chẳng người nào biết gì cả. Chu rồi! »

Nhưng, bỗng nhiên trên mặt của Mam-la-cát đang ngủ, nở ra một nụ cười láu lỉnh.

— Mình nằm mơ lạ quá! — cô ta duỗi dài chân tay và nói.

— Mơ thế nào? — Gu-li-a thì thảo hỏi để khỏi đánh thức các bạn láng giềng.

— Mình nằm mơ thấy... hình như là tất cả bọn trẻ đều ngủ, còn cậu và Ba-ra-sbi thì cười ngựa... Giấc mơ xấu, không thành thực.

— Do đâu cậu biết thế, Mam-la-cát?

— Mình biết thế. Cậu dậy, mình cũng dậy. Cậu vào công viên, mình cũng vào công viên. Và sau đó, cậu phóng di, còn mình vẫy tay chào cậu và quay trở về.

— Mam-la-cát thân yêu! Đây là lần cuối cùng. Nhất định là lần cuối cùng. Chính mình cũng biết thế là không tốt. Nhưng cậu biết đấy, mình rất cần học cưỡi ngựa! Rất cần! Nhưng học vào lúc nào được? Ở đây thì mọi lúc đều đã ghi vào thời gian biểu cả rồi: ăn sáng, ăn trưa, điểi danh, tắm, bơi thuyền, đi tham quan, lửa trại... Còn ở nhà thì càng bận.

— Thế cậu đánh lừa mình làm gì? — Mam-la-cát buồn rầu trách.

— Đấy, chính là điều xấu! — Gu-li-a hối hận nói. — Mình không muốn lừa ai cả... Và sẽ không bao giờ! Cả cậu, cả các anh chị phụ trách, cả mọi người! Cậu tin mình không, Mam-la-cát?

— Mình tin, — Mam-la-cát nói. — Đừng giận mình nhé... Và cũng đừng tự giận mình đấy!

Và cô vỗ vỗ vào má Gu-li-a.

TRONG RỪNG AY-U ĐÁC

Ngày này qua ngày khác, thời gian trôi càng nhanh.

Xung quanh là những địa điểm mới tuyệt đẹp và những bạn bè mới thật tốt.

Cùng với các bạn trẻ, Gu-li-a tắm biển, chơi vô-lây trên bãi, đánh quần vợt trên sân, nhặt sỏi trên bờ biển, dùng vợt bắt bướm bướm cho bảo tàng của trại. Bướm bướm ở đây rất kỳ lạ — to, cánh rộng và màu sắc thì không thể tưởng tượng được: sắc đen pha lẫn phần vàng, sắc trắng tô thêm đường viền xanh lam, màu da cam điểm những chấm xanh thẫm giống hệt như những chấm trên lông công.

Gu-li-a và Ba-ra-sbi bắt được những con đẹp nhất. Cả hai đều chạy rất nhanh và dùng vợt rất khéo.

Một vài ngày sau, khi Gu-li-a và các bạn của mình tập hợp ngoài hiên câu lạc bộ của trại, sau buổi uống trà, thì anh Li-ô-va, trưởng ban phụ trách thiếu nhi, đi vào. Anh nói:

— Ngày mai, chúng ta sẽ hành quân, đi đến tận đỉnh núi Ay-U Đác.

Câu lạc bộ của trại được bố trí trong một ngôi nhà con, trắng và thanh, bốn phía đều có hiên trống bao quanh. Ba phía hiên trông ra vườn hoa, còn phía thứ tư trông ra biển. Ở đây, lúc nào cũng dịu mát và ồn ào: gió thổi vào những tấm màn che bằng vải thô, trông như những cánh bướm.

Trong nhà kê những tủ sách và những tú kính trưng bày đá sỏi, bọ rầy, bướm bướm, thằn lằn và rong biển. Nhưng hầu như không bao giờ trẻ con tập hợp ở đây. Câu lạc bộ thực sự lại ở ngoài hiên kia. Chúng đánh cờ, đọc sách, vẽ báo tường sau những chiếc bàn con trắng kê sát tay vịn của hàng hiên. Nếu ở ngoài biển sóng to, thì luôn luôn phải lấy khăn lau bàn, còn báo tường phải mang sang phía hiên bên kia trông ra vườn.

Bọn trẻ đồng loạt nhảy lên và vây quanh anh Li-ô-va.

— Ngày mai, đúng sáu giờ sáng, — anh nói tiếp, — chúng ta thức dậy.

Và anh dặn dò bọn trẻ phải chuẩn bị cho cuộc hành quân như thế nào.

Sau đó, tất cả chạy tán loạn về lều của mình, chuẩn bị ba-lô và tất cả những cái gì cần thiết cho chuyến đi.

Buổi sáng, đội bốn cùng anh Li-ô-va, chỉ huy trưởng hành quân, và chị Xô-nhi-a, phụ trách đội, lên đường.

Gần tối, những người bộ hành đã đến đỉnh núi Ay-u Đác. Bọn trẻ căng lều vải bạt, nhóm lửa trại, và những đứa trẻ trực nhật bắt tay chuẩn bị bữa ăn tối.

Đêm không trăng, tối om và im lặng.

Đống lửa âm ỉ cháy, và lửa bò lan ra bốn phía. Trong giây lát, nó ẩn trong đám khói đen, và sau đó, cùng với tiếng nổ lẹt đẹt, nó lại nhô ra ngoài và bốc lên với những ngọn lửa cao bùng bùng. Tia lửa bay trên khoảng trống giữa rừng giồng như những con đom đóm đỏ.

Yên lặng. Và bỗng nhiên, ở cạnh đâu đây, con cú mèo rúc lên một hồi. Tiếng kêu buồn buồn, có vẻ ngái ngủ, dường như cú

đang hỏi điều gì đấy.

— Nó nói gì thế? — Mam-la-cát hỏi.

— Nó hỏi: «Ngủ? Ngủ? » — Gu-li-a nói. — Nhưng không ai trả lời nó cả.

— Không! Ba-ra-sbi lên tiếng. — Nó nói khác kia.

Lập tức Mam-la-cát và Gu-li-a quay lại phía nó, hỏi:

— Thế nó nói gì?

Nó kêu «cú cú nao». Mèo kêu «nao», còn nó thì «cú cú nao».

— Không, mèo kêu «meo», — một đứa nào đó nhận xét.

— Nhưng ở chỗ chúng mình, mèo lại kêu «nao» kia, — Ba-ra-sbi nói.

Tất cả lại im lặng. Nhưng những cành cây lại vừa cháy vừa nổ rầm rầm to hơn, và ngọn lửa bùng lên cao hơn, chiếu sáng mặt bọn trẻ con và những lều trắng thấp thoáng ở xa. Bây giờ lửa chiếu sáng tất cả khoảng trống giữa rừng.

Nhưng quanh đồng lửa càng sáng bao nhiêu, thì bóng tối bao bọc bức tường cao của khu rừng rậm rạp, vây quanh khoảng trống, càng dày đặc bấy nhiêu.

Bọn trẻ tự nhiên lo sợ, ngoảnh nhìn phía rừng tối đen như mực đó, và tất cả đều muốn ngồi sát vào nhau, xích lại gần đồng lửa.

— Chắc ở trong rừng ban đêm sợ lắm nhỉ, — một cô bé khe khẽ nói.

— Có người thì sợ, mà có người không, một giọng con trai đồng dục đáp. Và sau một phút im lặng, cũng cái giọng đó lại hỏi: — À, bây giờ có ai vào rừng một mình không nào?

Không ai trả lời nó cả.

— Có thể cho mình đi không? — bỗng nhiên Gu-li-a nhảy lên và hỏi. — Có được không?

Trong đôi mắt cô phản chiếu ánh lửa.

— Để làm gì? Để tỏ ra can đảm ư? — Li-ô-va hỏi.

— Không, không phải thế, — Gu-li-a nói. — Chỉ là để thử mình thôi.

— Không, Gu-li-a! — Li-ô-va quả quyết nói. — Không thể được. Đợt đi nghỉ của các em mới đến chỉ có mấy hôm, các em hoàn toàn không biết nơi này. Trong rừng này có những bụi rậm không đi qua được, có những lùm cỏ và khóm cây gai nhọn và dữ. Như cây mây chẳng hạn.

— Còn có cây gai móc mèo, — Xô-nhi-a, chị phụ trách, người nhỏ nhắn giống như một cô bé, nói thêm.

— Đúng, đúng! — Li-ô-va đáp lại. — Cây đó có cành giống như cangk thú. Còn trên cangk có những ngón quắp lại giống như vuốt. Nhưng mà độc nhất là cây lá han. Cây đó nó vừa quào này, vừa cắt này, vừa làm ngứa bồng này. Và nó còn tiết ra nhựa độc nữa.

— Nếu đụng phải lá han thì sao? Bồng à?

— Còn sao nữa! Giống như đụng phải cây lá ngứa. Chỉ khác là bị bồng vì cây lá ngứa, thì chỉ sau một giờ sẽ khỏi thôi, còn bị bồng do cây kia, một tháng vẫn không khỏi.

Li-ô-va vút thêm những cành khô vào đồng lửa và nói tiếp;

— Nào, các em, sáng mai chúng ta vào rừng, anh sẽ chỉ cho các em tất cả những cây và cỏ ấy. Còn bây giờ, thôi đi ngủ đi... Ban ngày, các em đi nhiều rồi, bây giờ đã đến lúc nghỉ đấy.

Tất cả đứng dậy và đi tản về các lều. Cạnh đồng lửa còn lại anh Li-ô-va và chị Xô-nhi-a ngồi trực.

Xung quanh trở nên hoàn toàn yên lặng. Chỉ có trong cỏ, những con dế không ngừng kêu rì rì.

— Cả hai ngồi trực làm gì? Cô đi ngủ đi, — Li-ô-va nói. — Và rạng đông thì ra thay phiên cho tôi.

— Thế này có hay hơn không, — Xô-nhi-a hỏi. — Anh đi nằm trước, sau đó lại thay phiên cho tôi, và tôi sẽ ngủ đến sáng.

— Thôi được, — Li-ô-va đồng ý. — Cô đánh thức tôi đúng một giờ sau nhé.

Và Li-ô-va đi ra. Anh nằm ở đằng sau một cái lều, lấy áo vét-tông phủ lên mình.

Xô-nhi-a ngồi lại bên đồng lửa một mình. Hoàn toàn yên lặng. Chỉ có những cành cây khô kêu rảng rặc trong đồng lửa.

Xô-nhi-a nhìn chiếc đồng hồ con của mình. Những kim hình như đứng im một chỗ. Chị đặt đồng hồ lên tai. Không, đồng hồ không đứng, vẫn chạy. Nhưng mà sao chạy chậm thế! Mà xung quanh thì tối om và hiu quạnh làm sao!..

Bỗng nhiên chị nghe phía sau mình có tiếng thì thảo. Chị giật mình quay lại. Thì ra là Gu-li-a.

— Chị Xô-nhi-a, — cô nói, — cho em vào rừng nhé! Chỉ đến cửa rừng, rồi quay lại thôi!

— Em đã đánh cược với bọn trẻ phải không? Đánh cá chứ gì?
— Xô-nhi-a hỏi.

— Không, không phải vì thế. Em muốn thắng sự sợ hãi...

Và trong đôi mắt cô bé ánh lửa chiếu sáng, Xô-nhi-a nhận thấy lòng quyết tâm sắt đá.

«Mà có lẽ phải rèn luyện cho trẻ con lòng dũng cảm chẳng?»
— Xô-nhi-a suy nghĩ.

— Anh Li-ô-va sắp dậy rồi, em hãy xin anh ấy.

— Thế bao giờ anh dậy?

— Mười một rưỡi...

— Thế còn lâu! Em chỉ chạy trong nháy mắt và quay lại ngay. Sao, được không, chị?... Em quay lại ngay thôi mà!

Và không đợi trả lời, Gu-li-a ù chạy trên khoảng trống giữa rừng. Cái áo trắng của cô thấp thoáng trong ánh lửa, rồi khuất hẳn trong bóng tối...

Chạy qua khỏi khoảng trống đen cửa rừng, cô ngoái lại nhìn. Ngọn lửa chập chờn đùa vui với cô. Hình như đồng lửa vẫy cô bằng những cánh tay đỏ và nói với cô:

«Đừng sợ, mình ở đây! »

Cô đã muốn chạy trở lại, những bông có cái gì quất mạnh vào mặt cô.

— Ôi, cái gì thế? — cô thốt lên. — Ai đấy?!

Cô cảm thấy giọng nói của mình như là của ai khác, lạ lẫm, chưa nghe bao giờ. Tim cô thắt lại. Cô lấy tay sờ quanh mình và chạm phải cành cây.

«Mình ngốc thật! Lại đi sợ cái cành cây!» — cô suy nghĩ và thì thầm:

— Mình không sợ! Không sợ! Không sợ!

Đứng yên một phút, cô định đi xa hơn, cho đến khi mắt thật quen với bóng tối.

Cô đi theo đường rừng mòn, mở rộng mắt nhìn vào bóng tối dày đặc.

Cô bỗng nhớ lại khi còn bé tí, cô sợ phòng tối, và mẹ thường khuyên cô: «Gu-lênh-ca, tối hoàn toàn không đáng sợ...»

Phải, lúc bấy giờ, bóng tối thực ra không đáng sợ. Nó trùm lên chiếc giường con của cô như một cái màn ấm vậy. Còn bây giờ, ở đây, trong rừng tối om này, bóng tối hoàn toàn khác hẳn. Nó đầy những cái gì lạ lẫm, bí mật lẫm... Xung quanh hình như là những con quái vật gì đấy. Phải nhìn thật tinh tất cả xung quanh. Phải lấy tay sờ thân cây và cành cây để hiểu rằng chúng không phải là quái vật. Phải nghe thật thính mọi âm thanh của rừng để không hoảng sợ những tiếng rì rào, cọt kẹt, sột soạt...

«Ừ, người ta nói: «Sợ hùm, sợ cả cứt hùm», không phải là vô cớ», — Gu-li-a suy nghĩ.

Và bỗng nhiên cô hiểu rõ do đâu mà có những nhân vật hải hùng trong các truyện cổ tích, như tinh Mãng xà, quỷ Dạ xoa...

«Ừ, chẳng có quái vật nào hết. Nhưng nếu có con thú nào đấy xông vào mình thì sao?»

Trong đời mình, cô đã trông thấy những con chó sói, những con gấu và hơn nữa đã tự tay mình cho chúng ăn, vuốt ve chúng, nhưng đó là ở vườn Bách thú, chứ không phải ở trong rừng, Và không phải ban đêm, mà là ban ngày. Không, tốt hơn là đừng nghĩ đến điều đó nữa!

«Ngọn lửa nhỏ đỏ có còn cháy không ?» — cô tự hỏi, giống như hồi bé cô thường hỏi mẹ.

Gu-li-a lại ngoái nhìn, nhưng đồng lửa không còn chiếu ánh sáng cho cô qua những cành cây nữa.

«Lẽ nào nó đã cháy hết rồi? — Gu-li-a ngẫm nghĩ. — Không, không thể thế được. Chị Xô-nhi-a đang ngồi cạnh đồng lửa. Chốc nữa, anh Li-ô-va lại đến. Họ sẽ giữ lửa suốt đêm. Mình đã đi lang thang đến đâu rồi đây? Và bọn của mình ở phía nào nhỉ?»

Đến đây Gu-li-a mới hiểu rằng đã từ lâu cô không còn đi theo con đường mòn nữa. Cô không ngờ rằng mới đi một chốc mà đã đến ngay chỗ rừng rậm như vậy. Cô chạy lao trở lại, thì bỗng có cái gì đẩy búa thật chặt vào vạt váy.

«Cây gai móc mèo!» — Gu-li-a nhớ lại lời của anh Li-ô-va.

Đúng, tất nhiên là nó đấy. Cành nó đang rộng ra, như những cẳng thú tham lam, tựa hồ như muốn bám vào ai đấy. Gu-li-a muốn gỡ váy ra, nhưng những gai nhọn đã đâm vào tay, vào chân cô.

Cô tù binh bé nhỏ kia bị quào chày máu, cố hết sức giật ra để được tự do...

Trong lúc đó, Xô-nhi-a đánh thức Li-ô-va.

— Được, được, ngay bây giờ, — anh lắp bắp nói, nghĩ rằng Xô-nhi-a đánh thức chỉ để anh thay phiên trực cho chị.

Đôi mắt kinh hãi của Xô-nhi-a nhìn anh.

— Có chuyện gì thế?

— Vâng, có chuyện, — chị nói: — Gu-li-a nó đi rồi!

— Đi rồi?! — Và lập tức Li-ô-va vụt đứng dậy. — Đi đâu?

— Vào rừng. Một mình... Ôi, tôi lo quá!

— Thế sao cô lại cho nó đi?!

— Tôi không cho... Có điều là tôi không giữ được nó thôi, — Xô-nhi-a trả lời như gần khóc.

Li-ô-va rút chiếc đèn pin trong túi ra.

— Nó đi về hướng nào?

— Về phía đó! — Xô-nhi-a đưa tay chỉ về phía bên phải.

— Cô ở lại bên đồng lửa, tôi đi tìm nó, — Li-ô-va nói.

Và trong chốc lát, anh đã biến mất trong bóng tối.

Xô-nhi-a vút thêm những cành cây khô vào lửa. Chị có cảm giác như bây giờ rừng tối hơn nữa.

Chị thấy một chấm sáng nho nhỏ bò chậm chậm trong bóng tối. Đó là ánh đèn pin của Li-ô-va. Chắc Li-ô-va đã giơ đèn cao trên đầu mình.

Thình thoảng chấm sáng chập chờn đó khuất sau những cây, rồi lại hiện ra ở một nơi nào đấy xa hơn, sờ soạng bốn phía và chờn vờn bơi đi xa hơn.

Chẳng mấy chốc, bọn trẻ đã tập hợp quanh đồng lửa bùng bùng cháy sang. Có đứa nào đấy, sau khi thức giấc, biết rằng Gu-li-a đã biến mất. Và bằng cách nào đấy không rõ, toàn đội đều đã biết tin ấy.

— Các em, thế là không tốt, — Xô-nhi-a nói. — Thôi thế này nhé: các em nhỏ về giường nằm ngủ, lớn ở lại đây.

— Chúng em tất cả đều lớn! — các đứa bé không hài lòng kêu lên.

Thực ra, chúng chỉ nhỏ tuổi hơn bọn lớn một ít thôi, nhưng bọn lớn thì coi chúng như bé con thật.

— Thôi được, — Xô-nhi-a nói. — Bây giờ các em hãy kéo chăn và áo bông đến đây, không thì các em sẽ cảm lạnh đấy.

Chưa bao giờ ở A-rơ-tếch lửa lại cháy nóng như trong đêm hôm ấy trên đỉnh núi Ay-u Đắc.

Bọn trẻ hơ tay trên lửa và nói:

— Đêm kéo dài lắm rồi.

Bọn nhỏ chẳng bao lâu đã ngủ thiếp, cuộn tròn trong chăn, còn bọn lớn vẫn cố chống những mi mắt mệt mỏi nhìn vào rừng. Thật là hãi hùng khi nghĩ rằng ở đâu đó, trong bóng tối, một cô bé hoàn toàn một thân một mình đang lạc trong rừng thẳm, run lấy bầy vì lạnh và sợ, mà cô bé đó lại chính là Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va, hàng ngày vẫn cùng với tất cả bọn trẻ chơi vô-lây, đánh quần vợt, cưỡi ngựa cùng với Kham-gô-cốp và chèo thuyền rất cừ khi bọn trẻ đi thuyền ra biển.

Và bỗng nhiên Ba-ra-sbi vỗ tay kêu lên:

— Đèn pin! Đèn pin! Đi đến đây! Chắc là họ đấy.

— Đâu? Đâu? — bọn trẻ giật mình choàng dậy.

— Kia kia!

Từ trong bóng tối, chấm sáng nhỏ chập chờn tiến gần lại...

— Xô-nhi-a! Chị tha lỗi cho em! — Gu-li-a kêu lên và chạy xô tới chị phụ trách.

— Cẩn thận, bóng đấy! — Xô-nhi-a giận dữ kêu lên và gạt Gu-li-a ra xa đồng lửa.

— Em biết, tội em to lắm! — Gu-li-a nói tiếp và quỳ xuống trước Xô-nhi-a. — Nhưng dù sao em vẫn mừng là em không nhát gan. Không, lúc đầu em thấy nhát gan, nhưng rồi từ sự hãi

mà trở nên bạo gan. Các bạn có biết, — cô quay lại nói với bọn trẻ đang tò mò nhìn cô từ bốn phía, — mình đã chiến đấu với cây gai móc mèo như thế nào không?

— Thôi được, thôi được, — Li-ô~va ngăn cô lại. — Cái đó thì rõ rồi. Thôi, các em đi ngủ ngay đi. Còn Xô-nhi-a, cô cũng đi nằm đi.

Xô-nhi-a và bọn trẻ đứng dậy và đi về phía các lều trắng đằng xa.

— Chị giận em phải không? — Gu-li-a hỏi. — Phải không, chị Xô-nhi-a?

— Chị giận! — Xô-nhi-a nghiêm khắc nói. — Rất giận! Nhưng dù sao thì em cũng can đảm... chị không như thế được. Chị ngồi bên đống lửa một mình cũng hơi sợ...

Những tiếng kèn đồng đánh thức Gu-li-a dậy. Chạy ra khỏi lều, cô thấy ở tận chân trời, trên mặt biển, mặt trời đỏ rực, tròn như cái đĩa, đã mọc. Ở trên và xung quanh mặt trời tỏa ra những tia sáng chói lọi khắp nền trời. Trong đời mình, Gu-li-a chưa bao giờ thấy được khoảng rộng mênh mông như thế, biển chói lòa như thế, ánh hào quang rực rỡ tung bừng như thế. Thậm chí trong giây lát, cô nheo mắt lại và hít căng lồng ngực luồng không khí trong lành, phảng phất đượm vừa mùi rừng, vừa mùi biển. Và cô lại thấy rất dễ chịu đến nỗi quên hẳn bao nỗi lo âu, buồn phiền vì cô mà các anh chị phụ trách và các bạn trẻ đã phải chịu đựng.

CHIẾU BÓNG Ở A-RƠ-TẾCH

Đội trở về trại lúc gần tối. Đến giờ xếp hàng điểm danh buổi sáng, thì trưởng ban phụ trách đã nghiêm khắc quở mắng Gu-li-a trước toàn trại. Cô phải nghe không ít lời cay đắng. Li-ô-va nói rằng hành động của cô phải coi là đặc biệt nghiêm trọng, vì cô đã vi phạm kỷ luật trong thời gian hành quân. Cô bắt mọi người phải lo lắng. Vì cô mà bọn trẻ con gần như suốt đêm không ngủ được... Không phải là lần đầu tiên cô đã vi phạm điều luật và tập quán ở A-rơ-tếch.

Và khi trưởng ban phụ trách nói những điều đó, Gu-li-a cau mày và cắn môi, cô buồn rầu nghĩ rằng bây giờ cô lại bị lạc đường, không biết lối mòn đâu nữa, như đêm tối trong rừng.

Trong nhà ăn, hầu như cô không chạm tới món ăn sáng, và suốt ngày cô đi lặng thinh, vẻ mặt nhăn nhó. Cô không giận các anh chị phụ trách. Cô tự giận mình.

«Con ranh! — cô nhắc đi nhắc lại gần như khóc. — Nó không thể sống yên ổn được như những trẻ khác. Trước kia thì bỏ trốn giờ yên lặng, còn bây giờ lại dẫn xác chạy vào rừng ban đêm!»

Tay chân cô bị quào đến rớm máu. Và nhìn những vết sây sát của mình, Gu-li-a tức giận suy nghĩ:

«Đáng kiếp mình thật! Cây gai móc mèo cừ đấy! Rõ ràng nó mọc chính là để bắt giữ những đứa như mình».

Ngay cả việc cưỡi ngựa, cô cũng đã từ chối, khi Ba-ra-sbi đề nghị với cô sau giờ uống trà buổi chiều. Cậu bé liếc nhìn Gu-li-a, không hiểu cô ta ngồi bó gối trên ghế dài đang suy nghĩ cái gì.

Gu-li-a suy nghĩ về điều này đây:

«Rồi mình sẽ tiếp tục sống trên cuộc đời này thế nào đây? Cần phải rèn luyện để trở thành can đảm như Va-xi-lin-ca của mình trong phim. Nhưng mà kết quả lại không thế! Thế là bây giờ các anh chị phụ trách nghĩ rằng ở A-rơ-tếch này không còn ai xấu hơn mình nữa...»

Nhưng những người phụ trách thiếu nhi không nghĩ thế. Họ hiểu rằng: những cái gì đã xảy ra, đối với Gu-li-a sẽ không phải là vô ích.

Ngày hôm sau, người ta mang đến A-rơ-tếch bộ phim mới — *Con gái của người du kích*. Điều đó làm cho những người phụ trách lúng túng. Chính vì Gu-li-a đã đóng vai chính trong phim ấy! Làm thế nào đây? Cô đã phạm lỗi như thế, mà sau đó lại đem chiếu cô lên màn ảnh sao? Chắc là cô sẽ tự kiêu hơn và càng khó bảo hơn. Nhưng chẳng lẽ lại từ chối không chiếu bộ phim mà người ta đã đặc biệt mang đến cho A-rơ-tếch! Không thể nào tước mất sự vui thích của toàn trại!

Khi được biết sau bữa ăn tối sẽ chiếu phim và trong phim có một nữ đội viên thiếu niên tiên phong của A-rơ-tếch là Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va tham gia, bọn trẻ xôn xao bàn tán:

— Cô-rô-li-ô-va nào đấy? — một đứa hỏi.

— Cái cô đang đem đi vào rừng một mình ấy mà, — đứa khác đáp lại.

— Cái cô cưỡi ngựa chẳng kém gì thằng Ba-ra-sbi. Và bơi thì cừ tuyệt, — đứa thứ ba nói.

Tối đến, bọn trẻ bắt đầu đi theo sát gót Gu-li-a. Chúng khẩn khoản đề nghị:

- Cô-rô-li-ô-va, cậu kể xem, cậu đóng phim như thế nào đi?
— Được, được, mình sẽ kể, — Gu-li-a nói cốt cho qua chuyện.
— Sau buổi chiều. Không thì xem không thú nữa.

Và tuy bọn trẻ đã cam đoan rằng dù thế nào chúng vẫn sẽ thích thú như thường, nhưng Gu-li-a vẫn thuyết phục chúng chịu khó chờ.

Trước buổi chiều, cô suy nghĩ mãi có nên đi xem hay không. Còn phải nói gì nữa, con gái của người du kích tốt lắm đấy, mà lại bị người ta quở mắng trong giờ điểm danh của trại! Bây giờ thì còn mặt mũi nào mà nhìn bọn trẻ nữa.

Cuối cùng Gu-li-a quyết định, dù thế nào cũng cứ đi. Vì chính trong việc này cũng cần có can đảm! Có cả đàn trẻ con đi kèm theo, Gu-li-a tiến vào lối đi của vườn hai bên trồng cây, đến cửa câu lạc bộ đang mở rộng.

- Không phải là Cô-rô-li-ô-va mà đúng là cô-rô-li-ê-va, — một cô lớn trong bọn con gái mỉm cười nói với theo Gu-li-a.

Gu-li-a quay lại nhìn và không lúng túng trả lời:

- Ở trường thỉnh thoảng chúng nó vẫn gọi đùa mình như thế đấy.

Tối hôm đó, phòng chiếu bóng không chứa hết được tất cả người xem. Không chỉ có bọn trẻ và những người phụ trách thiếu nhi, mà cả các bác sĩ, các người nấu bếp, các bà phục vụ. Phải kéo thêm từ nhà ăn và nhà bếp những ghế con, ghế dài, ghế đầu kê dọc tường.

Quanh Gu-li-a lập tức bắt đầu ồn ào huyên náo, vì đứa nào trong đội của cô — nhất là những cô bé— cũng đều muốn ngồi

gần Gu-li-a cả. Những người phụ trách đi giữa hai hàng ghế để cố giữ trật tự và yên lặng.

Cuối cùng trong phòng tắt đèn, và sự xôn xao cũng dịu hẳn. Tất cả im lặng. Trên màn ảnh bùng lên dòng chữ:

CON GÁI CỦA NGƯỜI DU KÍCH

Xưởng phim Ô-đét-xa sản xuất

Vụt thoáng qua trên màn ảnh tên của đạo diễn, các diễn viên, người lớn và trẻ con (trong số trẻ con thì ở hàng đầu là tên Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va), và trên màn ảnh hiện lên một cô bé tí hon và mập mạp. Nó đứng trên đôi chân mũm mĩm và nhìn xem mẹ nó đang trồng một cây con.

— Gu-li-a, cậu đấy à? Cậu? — bọn trẻ thì thảo xung quanh. — Người ta quay cậu khi cậu còn bé tí phải không?

— Yên đi! — Gu-li-a ngăn chúng lại. — Đó chưa phải mình. Nghĩa là mình đấy, nhưng mà một cô bé khác đấy. Trong thời gian quay phim, mình không thể lớn lên chóng thế.

— Thế khi nào đến cậu thật?

— Sắp rồi. Xem kìa.

Và thật vậy, cây con bé tí kia, trước mắt của người xem, đã biến thành một cây bạch dương đang tơ, dịu dàng; cô bé con tí hon kia cũng đã lớn lên, và bây giờ mọi người nhận ra nó đúng là Gu-li-a.

— Gu-li-a! Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va! — cả phòng xôn xao lên.

Vâng, đúng là Gu-li-a đấy, Gu-li-a đang ngồi trong phòng, chỉ có nhỏ hơn một tí, đi chân đất, có vẻ nghịch ngợm và mặc chiếc

váy con ngắn. Bây giờ tên nó là Va-xi-lin-ca. Nó chạy nhanh trong làng, đuổi nhau với trẻ con ở nông trang, phi trên mình ngựa bạch ra chỗ chẵn ngựa ban đêm.

Nhưng kìa tai họa đã xảy đến: một người râu rậm, vè mặt cau có, bí mật đuổi con ngựa Xíp-cô của nông trang vào ruộng lầy và trói chân ngựa lại. Va-xi-lin-ca thấy thế, lao vào cứu con ngựa. Lội trong ruộng lầy, thở hổn hển, nó cởi trói ở chân cho ngựa và kéo ngựa ra khỏi ruộng lầy. Rồi sau đó, nữ anh hùng bé tí, Va-xi-lin-ca, nhận ra và can đảm vạch tội kẻ thù đang âm mưu ẩn trốn...

Lim dim mắt vì ánh sáng chói lòa vừa bật lên, Gu-li-a đứng dậy và cùng với đám trẻ con đi về phía lối ra.

Trời đã tối lắm. Trong bóng tối nghe rõ tiếng biển dâng lên rào rạt hình như nó đang nằm trần trọc trên giường...

— Nào, cậu kể đi! — bọn trẻ từ bốn phía thúc giục Gu-li-a, khi cả đám tiến bước trên đường.

— Kể cái gì chứ? — Gu-li-a hỏi lại và hít thật mạnh không khí mát mẻ và mẫn mẫn.

— Thế rồi cái gì sẽ xảy ra với Va-xi-lin-ca nữa?

— Cái đó thì mình không biết...

— Thôi, thế thì cậu muốn kể gì cứ kể đi! Cậu đóng tuyệt quá!

— Không, thế chưa phải đã tuyệt, — Gu-li-a nghiêm trang nói.

— Trong bộ phim khác, *Tôi yêu*, theo mình thì mình đóng khá hơn nhiều. Trong đó, mình đóng Va-ri-ca. Cháu gái người thợ mỏ.

Và Gu-li-a kể lại rằng để hiểu sâu những người thợ mỏ làm việc như thế nào, cô đã cùng người đạo diễn xuống hầm mỏ,

đến tận lò chợ nữa.

— Khi chúng mình ra khỏi hầm mỏ, — cô đi chậm bước cùng bọn trẻ trên đường và nói, — người ta kể cho chúng mình rằng cái hầm mỏ ấy trước kia là hầm mỏ nguy hiểm nhất trong cả vùng. Lúc đó, bác đạo diễn hỏi một người thợ già chuyên việc trục hàng lên xuống ở hầm mỏ: «Các đồng chí có thường đánh mười hai tiếng chuông không?» (Người ta đánh mười hai tiếng chuông khi chở người thợ mỏ bị tai nạn.) Và người thợ trả lời: «Trước kia gần như cứ mỗi ca, chúng tôi lại phải một lần đánh. Còn bây giờ cũng xảy ra, nhưng mà hiếm».

— Ôi, khiếp nhỉ! — một đứa nào đó khe khẽ nói. Thế cậu không sợ à?

— Không, không sợ lắm, — Gu-li-a đáp. Mình biết bây giờ ở hầm mỏ đó không còn nguy hiểm như trước nữa. Chỉ có thật khiếp là khi ở dưới mỏ bỗng nhiên đèn tắt. Các cậu thử nghĩ xem: tối om như mực, mà mình chỉ có một mình thôi. Bác đạo diễn đi đâu đấy, đi nói chuyện với những người thợ mỏ. Lúc đó, mình đứng và không biết làm gì cả. Chà, mình đã nghĩ là chết rồi! Xung quanh hoàn toàn im lặng, im lặng như tờ. Chỉ có nghe tiếng nước ở đâu đấy chảy róc rách. Bỗng nhiên mình thấy có ngọn lửa nhỏ chiếu sáng. Ngọn lửa tiến gần về phía mình, và mình thấy người thợ mỏ đang cầm cây đèn đi tới, còn bên cạnh ông ta là bác đạo diễn. Lúc đó, người ta đưa chúng mình với người thợ mỏ lên trên mặt đất trong một cái lồng thang máy, giống như cái nền trống không có khung, và ở phía bên trên, ở trên mặt đất, mình cảm thấy rất sang đến nỗi đau cả mắt.

— Thế ở trong hầm mỏ người ta cũng quay phim cậu à? — trong bóng tối, một giọng con trai nào đấy hỏi.

— Không, ở hầm mỏ người ta không quay phim chúng mình.

— Mà nói chung, người ta quay phim thế nào hở? — một cô bé con chạy lên phía trước và hỏi. — Từ đầu đến cuối một lúc cả bộ phim hay sao?

— Không, tất nhiên không quay một lúc được, — Gu-li-a nói. — Quay phim rất khó. Đóng phim cũng rất khó. Các cậu có biết không, chúng mình với bác đạo diễn thật đổ mồ hôi sôi nước mắt mới quay được độc một cảnh với con ngựa đấy? Trước khi đóng phim đó, mình chưa bao giờ cưỡi ngựa. Và thế là phải học cưỡi ngựa. Lúc đầu đi có yên, rồi sau đi không yên. Va-xi-lin-ca đi ngựa không có yên gì cả, vì nó là con gái nông dân, chứ không phải là người đi ngựa chuyên môn. Và còn phải học đi đủ kiểu, bước một, nước kiệu, nước đại, và thêm vào đó, còn phải vượt qua hàng rào chắn. Khi lần đầu tiên mình vượt qua hàng rào chắn, mình sợ đến nỗi suýt nữa lộn nhào từ trên mình ngựa xuống. Và khi mình kéo con Xíp-cô ra khỏi ruộng lầy, những con đĩa bám vào chân mình. Sau khi quay xong, vất vả lắm người ta mới rút chúng ra được.

Bọn trẻ nín thở lắng nghe. Và bỗng nhiên, một cậu nhỏ nhất hỏi:

— Thế ai đóng vai con ngựa?

Gu-li-a quay lại.

— Sao lại ai? — cô ngạc nhiên hỏi. — Ngựa chứ còn ai nữa.

— Thế mà nó đóng hay quá! — cậu bé khoái trá nói.

— Nhưng với diễn viên đó cũng phải làm việc ra trò mới được đấy, Gu-li-a đáp. — Lâu mãi nó cứ không chịu nghe mình đấy.

Và suy nghĩ một tí, cô nói thêm:

— Nhưng thường thì các đạo diễn cũng gặp khó khăn với bọn trẻ con chúng mình. Chính vì không thể liên tiếp tập nhiều lượt với chúng mình.

— Vì sao? Vì sao không thè? — lập tức vài giọng hỏi.

— Vì nếu chúng mình cứ tập đi tập lại, nghĩa là lặp đi lặp lại mãi chỉ một việc thôi, thì kết quả chẳng ra sao cả, — Gu-li-a nghiêm trang giải thích. — Chính vì thế các đạo diễn cố gắng để bọn trẻ con chúng mình phải làm được ngay một lượt, như khi chơi ấy. Ủ, mà thỉnh thoảng chẳng đạt được gì cả. Thỉnh thoảng bọn trẻ con không vâng lời hoặc là bắt đầu càn quấy. Thế là phải mắng chúng mới thôi. Người đạo diễn tốt thì biết đối xử với cánh mình.

— Thế ông ấy đối xử với cánh các cậu có tốt không? — Cậu bé rất thích con ngựa đóng phim, lại hỏi một cách đứng đắn.

Xung quanh cười rộ lên. Và sau đó lại vang lên nhưng giọng nói sốt ruột:

— Cậu kể tiếp đi! Còn mày, I-go, đừng ngắt lời nữa! Gu-li-a, cậu kể đi!

— Thế là... — Gu-li-a lại bắt đầu. — Mình dừng lại ở đoạn nào nhỉ?

— Ở đoạn người đạo diễn phải biết cách đối xử với bọn trẻ con.

— Phải! — Gu-li-a nói. — Người đạo diễn tốt cũng như là một người thầy tốt. Khi quay phim thì ông nghiêm nghị, nhưng sau đó ông hiền lành. Nếu hiểu được ông ta muốn gì, thì có thể làm ra trò mọi việc cũng không khó lắm. Nhưng điều chính trong công việc với bọn trẻ con chúng mình là tính nhẫn nại. Nếu

người đạo diễn không nhận nài, thì chẳng được việc gì hết thảy. Điều quan trọng nhất là phải hiểu người ta đòi hỏi gì ở mình. Và khi người đạo diễn kể toàn bộ tình tiết, làm cho cậu thích thú việc đóng phim rồi, thì mọi việc sẽ trôi chảy đâu vào đó ngay.

Gu-li-a lặng yên một lúc.

— Cái chính là thái độ đối xử.

Càng nghe Gu-li-a nói, bọn trẻ càng thấy thêm kính trọng cô hơn: sao mà nó biết cả! Chẳng khác gì người lớn. Nó nói những chữ như là «tình tiết», «thái độ đối xử», «cảnh»... Biết những chữ như thế, lại đóng phim, thế mà hoàn toàn không lên mặt! Nó chỉ kể về những khó khăn, còn về việc nó đóng tuyệt như thế thì không có một lời nào...

Nếu không đến giờ đi ngủ, thì Gu-li-a còn kể lâu nữa về công việc đóng phim của mình.

Tất cả tản về các lều. Bây giờ trời nên hoàn toàn yên lặng.

Gu-li-a nằm trên giường cạnh cửa sổ, và một hồi lâu, lâu lắm, cô điểm lại trong trí nhớ tất cả mọi việc đã xảy ra buổi tối hôm ấy: cả bộ phim nhắc nhở cho Gu-li-a nhớ lại rất nhiều chuyện, cả bọn trẻ rất dễ thương, háo hức nghe tất cả những điều cô kể cho chúng. Và trái tim cô lại tràn ngập một niềm vui không bờ bến! Sống ở trên đời này dễ chịu làm sao, thích thú làm sao!

Cục bấu dựng đứng và xù xì của Ay-U Đắc, tức là của Hòn Gấu, vươn lên đến tận những ngôi sao. Và thỉnh thoảng từ trên nền trời đen như mực, những ngôi sao sa bay xuống thấp khuất sau lưng con gấu già cỗi đó.

Và vắng vắng, ngay bên cạnh, ở bên dưới, tiếng biển đang vỗ sóng vào bờ, đang gầm vang và làm việc: kéo theo mình bao

nhiều sỏi đá...

ĐẾN MÁT-SCƠ-VA!

Một tháng tròn vui vẻ trôi qua lúc nào không biết. Xung quanh có bao nhiêu cái mới, điều hay mà Gu-li-a không biết phải xem cái gì trước, làm điều gì trước.

Ngày ra đi đã đến gần.

Thì giờ không còn đủ cho Gu-li-a nữa, vì cô muốn làm trăm công nghìn việc trước khi đi, nào là thu nhặt đủ một bộ sưu tập về sỏi đá ở A-rơ-tếch cho bảo tàng tự nhiên địa phương, nào là học thêm vài ngón đi ngựa đặc biệt khó của Ba-ra-sbi, nào là thi để lấy huy hiệu «Hãy sẵn sàng lao động và phòng thủ».

Hầu hết các môn đã thi xong, cả bơi lội lẫn chèo thuyền, chỉ còn lại môn khó nhất đối với Gu-li-a là bắn súng và ném lựu đạn.

Nhưng những kim đồng hồ con của Gu-li-a thì bây giờ chẳng chịu nghe ai cả, chúng cứ chạy hết sức nhanh...

Phải chia tay với A-rơ-tếch, với các bạn mới thật là tiếc!

Thêm vào đó, lúc này, Gu-li-a lại có thêm một người bạn bốn chân nữa, đó là chú cáo con mà cô nuôi và rất yêu nó. Cáo tên là «Vàng».

Đó là một con thú bé tí tẹo và dễ thương. Bộ lông hung hung của nó vừa dày lại vừa mềm đến nỗi chỉ muốn vuốt ve mãi không chán. Mút đuôi dài xù lông tơ của Vàng trắng nõn. Ngực cáo cũng trắng, giống như đeo yếm trắng. Còn mắt của nó bé tí và long lanh, nó nhìn rất láu lỉnh, tựa hồ như đã nghĩ ra được

mưu mẹo gì đấy mà không ai được biết, — chẳng phải vô cơ mà cáo lại mỉm cười ranh mãnh thế.

Lần đầu tiên khi Gu-li-a đem cho cáo những xương gà để nó ăn trưa, thì Vàng sốt ruột rít lên, kêu ăng ăng. Và Gu-li-a chưa kịp đổ xương trước mặt nó, nó đã giận dữ nhảy xổ vào thức ăn và vùi xương xuống đất rất nhanh.

— Mày nghĩ rằng tao sẽ lấy lại à? — Gu-li-a phì cười và hỏi nó. — Ôi, mày tham ăn thế! Coi chừng, tao sẽ dạy cho mày hết tham.

Và từ đó, hàng ngày, cô chạy đến với Vàng, cho nó ăn và không cho nó vùi thức ăn xuống đất. Còn Vàng thì rít lên kêu ăng ăng, lòng lộn trong chuồng, nhưng dần dần rồi nó cũng bắt đầu ngoan ngoãn vâng lời. Chẳng bao lâu, cáo thậm chí đã quyến luyến với cô bé nuôi nấng mình. Mỗi lần Gu-li-a bỏ đi, cáo buồn kêu như than vãn và rên ư ử. Cô lại vuốt ve Vàng trên lưng, trên ngực trắng và nói với nó:

— Vàng, đừng khóc! Chị đi không lâu đâu. Nhưng mà chẳng bao lâu, chị đành phải vĩnh biệt Vàng đấy, chị đi xa lắm, về nhà với mẹ!

Và khi những trại viên A-rơ-tếch bắt đầu chuẩn bị cho tối lửa trại chia tay cuối cùng của mình để trở về nhà, thì một tin đặc biệt bay đến tai chúng: tất cả Trại dưới, cả hai trăm đội viên thiếu niên tiên phong và những người phụ trách được mời về Mát-sơ-va, đến điện Cơ-rem-lanh!

Sự may mắn đó dành cho tất cả những ai ở Mát-sơ-va cũng như những trẻ phải đi tàu qua Mát-sơ-va. Còn Gu-li-a thì sẽ trở về Ô-đét-xa.

Khi được biết tin về bức điện từ Mát-scơ-va, suốt đêm cô không ngủ được. Cô muốn đi đến điện Cơ-rem-lanh quá. Và thêm nữa, đã lâu lắm rồi cô không ở Mát-scơ-va, cô rất nhớ thành phố ruộm thịt của mình và nhớ bố! Nhưng đi thế nào đây? Cần phải xin phép bố mẹ. Và lẽ bố mẹ lại không trả lời ngay, và bọn trẻ đi rồi mà không có cô thì sao? Bây giờ đã mùng sáu tháng chín, mà đến rằm tất cả sẽ đi rồi. Làm sao đây? Gửi điện ư? Nhưng trong điện làm sao kể hết được, làm sao nói cặn kẽ được mình muốn đi Mát-scơ-va đến mức nào, việc đó cần thiết và quan trọng ra sao. Thôi, đành phải gửi thư vậy, cho bố ở Mát-scơ-va và cho mẹ ở Ô-đét-xa.

«Mình sẽ gửi không tem, — Gu-li-a định bụng thế. — Thư phát chắc sẽ đến nhanh hơn».

Cô thức dậy lúc tờ mờ sáng và tự mình mang đến bưu điện hai bức thư, từ đầu đến cuối đầy những lời lẽ van xin.

Sau đó lại bắt đầu những ngày thật là hồi hộp, lo âu. Nếu bố đồng ý, mà mẹ không cho phép thì sao? Hay là ngược lại? Hay là bố mẹ định trước tiên phải trao đổi thư từ với nhau đã? Và khi còn thư đi thư lại, thì bọn trẻ sẽ đi Mát-scơ-va rồi!

Thấy người đưa thư nào đến, Gu-li-a đều chạy dầm bõ về phía họ, và một ngày hàng chục lần cô đến phòng ban quản trị của trại xem những chồng thư dày cộm gửi đến. Và đến khi cô cảm thấy hình như sẽ không có và không thể có thư trả lời được, thì cô nhận được một lúc hai bức điện, một bức từ Mát-scơ-va, bức kia từ Ô-đét-xa.

«Chờ hôn», — bố viết.

«Đi đừng ở lâu Mátscova hôn», — mẹ viết.

Gu-li-a, vung vẩy hai bức điện trong tay, chạy đến vườn hoa để kể cho mọi người nghe về niềm vui lớn của mình.

Và tới đến, trên bãi, đóng lửa trại chia tay hừng hực cháy.

Chú bé chơi đàn phong cầm, đội viên thiếu niên tiên phong ở Cô-ơ-rô-ma; khó nhọc lắm mới giữ được chiếc đàn phong cầm nặng trĩu trong đôi tay, đang trịnh trọng và thành thạo dạo nhạc bằng những ngón tay mảnh khảnh của mình. Và bỗng chú bắt đầu chơi một điệu nhảy gì đấy sôi nổi rộn ràng.

Chân bọn trẻ tự dưng giậm dật và vai bắt đầu nhún nhảy.

Và kia, hai cậu bé bạo nhất đã rời khỏi chỗ và bắt đầu nhảy điệu đứng lên ngồi xuống.

Gu-li-a, đứng ở hàng đầu, khe khẽ giậm chân theo nhịp. Cô muốn nhảy lắm, nhưng lúc đó chưa có một cô bé nào trong bọn dám rời khỏi hàng, mà vào nhảy đầu tiên thì ngưỡng ngưỡng thế nào ấy.

Nhưng, thật hoàn toàn bất ngờ, có người nào đó bỗng từ sau lưng đẩy cô một cái, cô không kịp gượng lại và bị xô vào tận chính giữa vòng.

Thôi, đã thế thì đành phải thế vậy!

Thế là cô vung vẩy chiếc khăn mùi-xoa và nhảy lượn trên bãi, khi thì quay về người này, khi lại quay về người khác đang nhảy, nhẹ nhàng lướt giữa những người đó, khi thì tiến lên phía họ, lúc lại lùi xuống. Cô cảm thấy hình như tất cả đang cùng nhảy với cô — cả những cây trắc bá màu lam, cả ngọn núi Ay-U Đác và cả bầu trời nữa...

Trẻ con nhảy múa, hát vang và lần lượt ngâm thơ... Và khi trời đã tối hẳn, lần lượt các pháo hoa, cái này tiếp sau cái khác, bay

vút lên trên nền trời đen sẫm, tung ra những bông lửa nhiều màu khác nhau. Cả bầu trời hình như tươi tỉnh hẳn lên. Cứ mỗi lần pháo nổ, ở trên cao lại tô đậm nét hình thù của các đám mây, và ở dưới lại hiện rõ ra những cây và khóm cây trước đây chìm trong bóng tối.

Gu-li-a nhìn lên ánh lửa rực rỡ đó và nghĩ bụng:

«Sao chúng ta được hạnh phúc thế này? Chúng ta đã làm gì để đáng được hưởng nó? Một tháng tuyệt vời ở A-rơ-tếch, và bây giờ lại còn được đến Mát-scơ-va, đến điện Cơ-rem-lanh nữa! Ôi! A-rơ-tếch mến yêu của chúng ta! Tổ quốc thân yêu của chúng ta! Ta sẽ làm tất cả vì Người. Vì Người ta sẽ không tiếc gì hết!»

Và ngày hôm sau, chiếc tàu lửa tốc hành «Xê-va-stô-pôn — Mát-scơ-va» đã vùn vút chạy như bay qua những thảo nguyên và những cánh đồng U-cơ-ren. Ngoài cửa sổ toa tàu, những hàng cây dương, lá khô vàng đã bắt đầu rụng, đang chạy lùi về phía sau.

«Nhanh hơn nữa! Nhanh hơn nữa!» — Gu-li-a giục con tàu, và cô mong sao những ngôi nhà trắng ở U-cơ-ren, những cánh quạt của cối xay gió — tất cả những cái mà cô yêu mến vô cùng — lần này hãy chong chóng nhường chỗ cho những nếp nhà xếp bằng thân cây gỗ và những cây thông thân đỏ đáng yêu.

Trên thành tàu, phía bên ngoài của một toa có chằng một tấm vải to, đỏ thắm, với dòng chữ:

«Cảm ơn Đảng và Chính phủ đã cho đến A-rơ-tếch đầy ánh nắng!»

Trong các toa của thiếu niên không bao giờ im tiếng hát. Đâu đây văng vẳng tiếng đàn phong cầm. Đó là cậu đội viên bé tí ở

Cô-stơ-rô-ma đang chơi một bài gì đấy.

Khi tàu đi chậm lại để tiến vào một ga lớn nào đấy, thì trên thành một toa tàu xuất hiện tờ báo tường thiếu nhi. Phía trên những dòng chữ sắc sỡ viết tên tờ báo:

A-RƠ-TẾCH — MÁT-SCƠ-VA

Một đám đông nhanh chóng xúm xít cạnh tờ báo. Người ta đọc những bài thơ vui, những bài bút ký và biết được rằng hai trăm thiếu niên tiền phong ở Trại dưới đã béo ra đến một tấn và cao lên thêm những bốn mét. Và khi tàu lại chuyển bánh, thì từ trong đám đông vang lên những tiếng hô: «Tạm biệt các bạn ở A-rơ-tếch!», «Chúc các bạn lên đường mạnh khỏe!», «Gửi lời chào Mát-sơ-va!», còn bọn trẻ con da rám nắng, vui vẻ, thò đầu ra cửa toa tàu, đưa khăn mùi-xoa và những chiếc mũ lính thủy trắng không lưỡi trai, có chữ «A-rơ-tếch» vàng ánh vẫy những người tiền chúng, chúng vẫy mãi cho đến khi ga đã khuất đằng sau xa tít...

Đêm cuối cùng đã đến. Bên ngoài cửa sổ, trăng đã lên, và thật lạ lùng trăng không chịu chậm hơn tàu, mặc dù nó vẫn đứng nguyên một chỗ.

«Còn chín giờ nữa, thì đến Mát-sơ-va», — Gu-li-a nằm sát cửa sổ ngẫm nghĩ. Và từ chỗ nằm phía bên trên, bàn tay rập rúng của Ba-ra-sbi thò xuống sờ vào vai cô:

— Gu-li-a, ngủ à? Sắp đến Mát-sơ-va rồi!

Trong bọn trẻ không đứa nào ngủ đêm đó. Tất cả đều nằm mơ mơ màng màng lắng nghe tiếng bánh xe lăn trên đường ray kêu lạch cạch. Khi thì đứa này, lúc thì đứa khác vén rèm lên và

nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia, trong bóng tối, thấp thoáng những tia lửa đỏ và trên mặt đất những ô vuông cửa sổ sáng vụt qua rất nhanh.

Và cuối cùng, Mát-sơ-va đây rồi! Những tấm ván sân ga kêu lộp cộp dưới bước chân hành khách. Đám đông trên sân ga tránh dần ra.

— Hãy nhường lối cho thiếu niên!

Các trại viên A-rơ-tếch ngồi trong những chiếc ô-tô-buýt xanh, mới toanh đi giữa thành phố Mát-sơ-va.

Gu-li-a biết rất rõ những đường phố ấy, cô để ý từng ngôi nhà mới mọc lên trong khi cô không có mặt ở đây.

Những chiếc ô-tô-buýt đã đỗ trước khách sạn. Đám trẻ con vui nhộn tràn ngập cả phòng ngoài của khách sạn.

Ồ! Ở khách sạn thú biết bao, ở đó chỉ có người lớn khi đi công tác được ở mà thôi!

Từ cửa sổ buồng mình, Gu-li-a lại trông thấy điện Cơ-rem-lanh. Những chiếc kim vàng trên mặt đồng hồ đen bóng trên tháp cao đang tiến đến gần con số «10».

Đợi đến ngày mai còn lâu quá!

Gu-li-a gọi điện thoại cho bố đến chỗ làm việc, ở nhà hát.

— Bố ơi, bố đến chóng lên nhé, không thì ngày kia không gặp nhau được đâu. Hôm nay, chúng con sẽ đến Cung thiếu niên. Còn ngày mai sẽ vào điện Cơ-rem-lanh.

Sau đó, cô gọi điện cho Ê-rích:

— Ê-ra-stíc! Mình đến Mát-sơ-va rồi, thật là tuyệt, có phải không, cậu? Ngày kia, mình sẽ đến nhà cậu đấy. Ngày mai vào

điện Cơ-rem-lanh. Cậu biết không, hở? Hôm nay, chúng mình sẽ đi Cung thiếu niên. Ê-rích ạ, ôi, mình sợ làm sao! Người ta giao cho mình nói lời chào mừng đấy, cậu ạ! Ở điện Cơ-rem-lanh!...

...Kim vàng đồng hồ ở tháp Spát-ski chỉ chín giờ tối. Gu-li-a vừa từ Cung thiếu niên trở về. Cô nhìn qua cửa sổ ra đường phố rộng, tràn ngập ánh sáng.

Mong sao đêm này chóng qua!

Những ngôi sao đỏ trên đỉnh Cơ-rem-lanh sáng rực trên nền trời thu tối đen. Và kia kìa, lá cờ đỏ mà Gu-li-a đã gọi là «ngọn lửa nhỏ» khi cô còn bé tí.

Và thế là cuối cùng trời đã bắt đầu sáng. Những chiếc ô-tô-buýt mới toanh, chạt ních các cô, các cậu thiếu niên trong bộ lễ phục lính thủy, đang tiến vào cổng điện Cơ-rem-lanh và chạy trên con đường hai bên trồng toàn thông con.

MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

Đi bách bộ trên đường trong vườn A-lếch-xăng, ông Vơ-la-đi-mi-a Đa-ni-lô-vích Cô-rô-li-ốp đợi Gu-li-a. Ông đã hẹn với con gái là sẽ gặp nhau ở cổng Bô-rô-vít-ski của điện Cơ-rem-lanh.

Ánh mặt trời tà đang nô đùa và chiếu sáng trên những cửa sổ và những tháp cổ kính, trên những răng cưa của tường điện Cơ-rem-lanh đứng cao hảnh trên khu vườn ở bên dưới. Đồng hồ trên đỉnh tháp Spát-ski đã điểm chuông nhiều lần, mà vẫn chưa thấy Gu-li-a đi ra.

Ông bố bắt đầu lo ngại. Có lẽ ông đến muộn chẳng, và bọn thiếu niên đã đi qua rồi trước khi ông đến? Nhưng chính là Gu-li-a phải đợi ông trong vườn như đã ước hẹn kia mà! Mà cũng có thể người ta cho thiếu niên đi về qua những cổng khác? Qua cổng Spát-ski hay cổng Tơ-rô-ít-ski? Cũng có thể là Gu-li-a đi xe từ điện Cơ-rem-lanh về thẳng khách sạn cùng với tất cả bọn thiếu niên.

Làm thế nào đây? Đợi nữa hay là đến đằng ấy? Hay là tốt hơn cả cứ gọi điện xem sao?

Và bỗng ông nghe một giọng nói lạnh lạnh:

— Bố ơi, con đây!

Ông quay lại và thấy Gu-li-a. Cô chạy trên đường, sung sướng, mặt ửng hồng, tay vung vẩy chiếc mũ trắng không có lưỡi trai. Khi con gái chạy đến gần mình và đã lấy lại hơi, ông nói:

— Thế nào, Gu-li-a! Ở điện Cơ-rem-lanh, con có phát biểu chứ?

Gu-li-a gật đầu.

Có, nhưng mà hoàn toàn không phải như con muốn. Một trăm lần tồi hơn. Giá bây giờ người ta lại gọi con vào Cơ-rem-lanh nhỉ!

Bây giờ làm sao được, con có thể nói thế nào thì đã nói thế ấy. Đừng buồn!

— Không, con không buồn, con chỉ tiếc thôi. À, bố có biết các bác tặng cho chúng con cái gì không? Xúc Xu!

— Sao lại Xúc Xu?

— Vâng, toàn bộ đấy nhé! Và cả một biệt thự trắng có những tháp con, và vườn hoa với đủ loại cây và thuyền nữa! Các bác gọi chúng con đến Cơ-rem-lanh chính là vì việc ấy.

—Ồ, quà tặng to quá! — ông bố nói. — Nhưng mà việc xảy ra thế nào?

— Bây giờ con sẽ kể tất. Bố này, ta hãy ngồi xuống ghế dài đi. Con muốn kể cho bố tất cả ngay một lúc! Con sốt ruột lắm rồi.

Và sau khi cả hai bố con đã ngồi xuống một chiếc ghế dài, ở chỗ không có ai cả, Gu-li-a nói:

— Chà, bố này, giá bố biết được trong điện Cơ-rem-lanh tuyệt như thế nào và các bác tiếp chúng con ra sao nhỉ!

Và cô bắt đầu kể. Vì cảm động nên cô nói lộn xà lộn xộn, nhưng ông bố vẫn hình dung được rõ ràng hôm nay trong gian phòng của Cung điện Lớn việc gì đã xảy ra.

Trên bàn đặt những đĩa đầy lê và nho, bày la liệt những tấm sô-cô-la. Bọn trẻ con yên lặng, luống cuống nhìn về phía những cánh cửa trắng thiếp vàng, cao và nặng.

Và kìa, các vị lãnh đạo Đảng và Chính phủ đã vào phòng... Gu-li-a kể, còn ông bố thì vừa nghe con, vừa suy nghĩ theo ý mình. Mới hồi nào Gu-li-a bé tí của ông còn phải dắt tay đưa đi vườn trẻ nhỉ? Thế mà bây giờ đây, nó đã được dự chiêu đãi ở điện Cơ-rem-lanh. Và kể thật là hay, thật là trang trọng về điều này: «Các vị lãnh đạo Đảng và Chính phủ đã vào phòng... »

— Bố, bố không nghe con! — Gu-li-a làm gián đoạn mất ý nghĩ của bố.

— Không, bố nghe, nghe đây! Kể tiếp đi con!

Và Gu-li-a tiếp tục:

— «Chào các cháu của trại A-rơ-tếch!» — chúng con nghe thấy thế. Rồi chúng con tặng hoa cho tất cả các bác. Rồi các bác yêu cầu chúng con có cái gì thì kể. Các bạn thì thảo, nháy mắt cho con: «Gu-li-a, ra đi» Anh Li-ô-va và chị Xô-nhi-a, phụ trách chúng con, gật đầu. Thế là con tiến lên phía trước và nói mấy lời chào mừng. Nhưng không hiểu vì sao không phải giọng con mà là giọng ai đấy, bố ạ. Con nói mà tự mình không nhận ra được.

— Đó là vì cảm động đấy, — ông bố nói. — Ngay cả người lớn thỉnh thoảng cũng còn cảm động, khi phát biểu nữa là. Nào, kể tiếp đi, sau đó rồi thế nào nữa?

— Các bác bảo chúng con kể chuyện ở A-rơ-tếch thế nào, nghỉ ngơi ra làm sao. «Trong các cháu, ai can đảm nhất?», — các bác hỏi thế. Lúc đầu, các bạn im cả vì còn ngượng. Rồi sau, chúng bảo là: «Ba-ra-sbi bạo nhất trong số con trai, còn trong số con

gái thì Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va. Bạn ấy đi ngựa giỏi và dám một mình ban đêm vào rừng đầy ọ. Gu-li-a, cậu kể đi!» Con thì thầm nói với các bạn: «Mình chả vừa nói rồi còn gì». Nhưng đến đây, may cho con, Ba-ra-sbi đã nhận lời kể. Bạn ấy đứng đối hết chân nọ đến chân kia và nói: «Ở A-rơ-tếch, chúng cháu nghỉ rất tốt. Chúng cháu nghỉ rất vui ở A-rơ-tếch». Con hiểu ngay là bạn ấy không biết nói về cái gì. Mà thật đấy, khó mà nghĩ ngay ra được, phải bắt đầu từ chuyện gì. Nhất là nói tại cung điện càng khó. Phải không, bố?

— Ủ, tất nhiên. Thế Ba-ra-sbi kể cái gì?

— Bạn ấy kể cái gì gì đấy về trường học... Rồi cũng như người ta vẫn thường nói trong những dịp như thế này: «Bây giờ chúng cháu sẽ lao vào học tập với những nguồn sức mạnh mới». Và, bỗng nhiên, bạn lại đứng im, Bạn ấy chẳng biết nói gì nữa. Hoàn toàn lung tung. Các bác hỏi: «Nhưng các cháu đã làm gì ở A-rơ-tếch nào? Có tắm bể không?» — «Có tắm ọ», — «Có trèo lên ngọn núi Ay-u Đắc không ?» — «Có trèo ọ». — «Có bơi thuyền buồm không ?» «Có bơi ọ.» «Thế thì nghỉ vào lúc nào?» — «Thế cũng là nghỉ đấy ọ», — Ba-ra-sbi nói và bật cười, Và tất cả cũng cười theo, «À, ra thế đấy, thế cũng là nghỉ», — các bác bảo thế, Và sau đó, các bác yêu cầu chúng con hát một bài, Chúng con hát bài ca của trại A-rơ-tếch, chính bài này chúng con thường hát nhất ở A-rơ-tếch. Bố có biết không? «Chúng ta phơi nắng, nước da đen sạm» Chúng con hát đoạn đầu và tất nhiên cả điệp khúc nữa: «A-rơ-tếch của ta ơi, A-rơ-tếch của ta ơi, nhớ Người đời đời», nhưng các bác bảo chúng con: «Hình như các cháu không hát đến đoạn cuối cùng. Ở đấy có nói gì về Xúc Xu đó mà». Chúng con bạo lên và hát vang: «Ở mũi A-rơ-tếch có Xúc Xu».

Chỉ hát đến đấy thì các bác nói với chúng con: «Nào, có lẽ là phải tặng Xúc Xu cho A-rơ-tếch, để nó không còn dơ ra ở mũi A-rơ-tếch nữa!» Tất cả chúng con reo to: «Cảm ơn ạ!» Và có một bạn nào đấy trong bọn chúng con thốt lên: «Ở mũi A-rơ-tếch không còn Xúc Xu!» Và tất cả lại cười rộ lên.

Gu-li-a lặng im. Cô hình dung ra cái biệt thự trắng ẩn mình trong đám cây xanh rậm rạp của vườn hoa. Mới cách đây không lâu, chỉ từ xa, từ bờ A-rơ-tếch, hay từ ngoài biển, khi bọn thiếu niên đi thuyền buồm, chúng đều ngắm nghía cái dải cát hẹp và dài cắm sâu mãi ra ngoài biển, Thế mà bây giờ đây cái mũi đất quuyến rũ ấy, cái vườn hoa râm mát ấy, cái biệt thự trắng tinh ấy, tất cả, tất cả đã được tặng cho những trại viên A-rơ-tếch! Tặng hẳn!

— Và đến đấy thì buổi chiều dài chấm dứt phải không? — Ông bố hỏi làm gián đoạn ý nghĩ của Gu-li-a.

— Không, không!—Gu-li-a sực nhớ lại. — Đến đấy mới bắt đầu cuộc vui. Bố ạ, bố có biết Ba-ra-sbi nó nhảy điệu lê-dơ-ghin-ca^[9] cừ như thế nào không? Ba-ra-sbi Kham-gô-cốp. Nó duỗi hai tay và hiên ngang lượn mình trong gian phòng, thật quả là tuyệt! Mồm vừa kêu: «A-xá!» — thế là đôi chân đã lướt như bay! Chân nó sao mà nhẹ nhàng khéo léo, dường như tự chúng lướt trên ván sàn ấy.

Gu-li-a lại trầm ngâm trong giây lát.

— Ôi, bố ạ, ở trong điện Cơ-rem-lanh thật là tuyệt quá chừng! — cô nói và thở dài. — Tuyệt đến nỗi không thể nào tả lại được!

PHỤ TRÁCH NHI ĐỒNG THÁNG MƯỜI

Gu-li-a trở về nhà, đến Ô-đét-xa.

— Ở nhà ta sao cái gì cũng thay đổi cả thế này! — cô nhìn quanh tứ phía và nói với mẹ. — Cái trần nhà trở nên thấp hơn hay sao ấy?

— Mà cũng có thể là con cao hơn? — bà mẹ cười đáp.

Mùa thu đã đến, nhưng Gu-li-a cảm thấy hình như mùa hè từng bừng náo nức, với chuyến đi A-rơ-tếch và Mát-scơ-va, vẫn chưa hết.

Ngay hôm đầu tiên khi Gu-li-a trở về, Li-ô-li-a và Li-na chạy đến nhà, và cả ba cô cùng đi xem tuần lễ phim.

Tuần lễ phim lần đó kéo dài đến mười ngày. Người ta chiếu cho trẻ con xem một ngày hai phim liền, và Gu-li-a trở về nhà với đôi mắt sung húp.

— Gu-li-a, con nghe đây, — cuối cùng mẹ nói với cô. — Đến bao giờ mới chấm dứt những trò tiêu khiển vô tận ấy, hử? Bao giờ thì con bắt tay vào việc học hành? Con định cứ ăn không ngồi rồi suốt năm, chỉ trước kỳ thi mới cầm đến sách, có phải không?

— Không, mẹ ạ, — Gu-li-a nghiêm chỉnh trả lời. — Mẹ biết đấy, chính con cũng mệt vì đi xem phim nhiều thế và con cũng muốn học hành lắm chứ. Nhưng không có con, các bạn không đi xem được. Con phải giảng giải cho các bạn nghe về bí mật của nghề quay phim.

— Không có con, chúng nó cũng hiểu được, — mẹ nói. — Còn nếu hôm nay con không ngồi học, thì ở trường con sẽ gặp bao nhiêu điều không hay. Còn nghiêm trọng hơn cái «câu chuyện về môn địa lý» của con nữa. Con phải biết thế.

Gu-li-a không cãi lại mẹ. Chính tự cô đã hiểu rằng đã đến lúc phải bắt đầu học tập chăm chỉ từ lâu rồi. Thậm chí cô còn vui thích nghĩ rằng cuối cùng những ngày thường, những ngày lao động, bình tĩnh, đều đặn sẽ thay thế chuỗi dài những ngày tươi vui, tưng bừng như ngày hội.

Gu-li-a bắt tay vào việc. Trên bàn cô, núi sách giáo khoa lại mọc lên. Trên tường, cạnh bàn, xuất hiện một bản thời khắc biểu giống hệt như bản giờ tàu chạy. Ở đây cũng ghi đúng giờ «đến», giờ «đi» — giờ đi từ ga «Giường» đến ga «Bàn học». Cũng ghi rõ tên các môn học và các chương, các phần cần phải ôn lại, hoặc như cô nói cần phải «đi qua».

Bây giờ thì cô tự mình từ chối khi mọi người rủ cô đi xem chiếu bóng hoặc đi xem hát.

— Mình phải mở hết hơi chạy thật nhanh, — cô nói, — để bù lại chuyến đi Mát-sơ-va. Đôi khi mình cảm thấy hình như mình đã biến thành chiếc tàu lửa tốc hành: mãi mãi phóng đi đâu đấy.

Cô say mê lao vào công việc ở trường và công tác thiếu nhi, từ chối mọi việc khác. Bây giờ cô là phụ trách nhi đồng tháng Mười. Nhiệm vụ khó khăn — giáo dục cho trẻ nhỏ, bồi dưỡng và phát triển tính cương quyết, lòng dũng cảm và sức mạnh của ý chí cho chúng — làm cô quan tâm thật sự.

Đặc biệt Gu-li-a suy nghĩ nhiều về việc làm sao điều khiển cuộc họp mặt đầu tiên để bọn nhi đồng thật thích thú. Và cô định bụng sẽ bịa ra một truyện cổ tích hời hợt nào đấy. «Bọn trẻ con thích truyện cổ tích hời hợt. Thêm nữa, đó là sự thử thách đầu tiên đối với lòng dũng cảm của chúng. Chỉ cần làm sao truyện kết thúc cho có hậu là được».

Và trên đường đi đến trường, Gu-li-a sáng tác truyện cổ tích hời hợt có hậu đó.

Chiều tối, trong phòng thiếu nhi đã tập hợp gần hai mươi đứa bé: lớp một «B». Chúng đều là những học sinh thực sự rồi, và tự mình — không cần người phụ trách — đã đi đến buổi họp mặt nhi đồng tháng Mười.

Bước vào hành lang, Gu-li-a đã nghe thấy những giọng nói lo lắng.

— Lỡ chị ấy không đến thì sao? — một cô bé có những bím tóc tết, tên là Li-ca, nói.

Bọn con trai nhìn ra hành lang.

— Chị đang đi đấy! — anh của Li-ca là Mi-ca reo lên. — Tao sẽ ngồi cạnh chị ấy.

— Còn tao sẽ ngồi cạnh phía bên kia, — Li-ca cũng kêu lên.

— Các em, yên lặng! — Gu-li-a đóng cửa sau lưng mình và nói. Các em, chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành thiếu niên, mà làm ồn như còn bé tí.

Bọn trẻ con lập tức im lặng.

— Nào, kể cho các em nghe cái gì đây? — Gu-li-a hỏi, khi tất cả đã ngồi xung quanh cô. — Có muốn nghe truyện cổ tích hời

hùng không?

— Muốn ạ! — bọn nhi đồng reo lên.

— Thế các em có sợ không?

— Không ạ!

— Mà nếu chị tắt đèn và kể trong bóng tối?

— Cũng thế thôi, không sợ.

— Được, để xem các em có dũng cảm hay không.

Gu-li-a đứng dậy và vặn cái núm điện trên tường. Phòng trở nên tối om đến nỗi Gu-li-a phải mò mẫm tìm cái ghế của mình.

— Nào, các em nghe đây...

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em. Anh tên là I-va-nu-sca còn em gái tên là A-lô-nu-sca. Một hôm, I-va-nu-sca nói:

«Anh nghe đồn rằng trên thế gian này có một con chằn tinh, nhưng anh chưa thấy bao giờ. A-lô-nu-sca, chúng ta hãy đi tìm nó xem».

Và hai anh em ra đi. Họ đi, đi mãi và lạc vào rừng. Rừng rậm, tối, tối om như mực... Xung quanh chẳng thấy gì cả...

— Như chúng ta ở đây, — một đứa nào đó trong bọn nhi đồng nói.

— Yên nào!

Bọn trẻ con nín thở.

Trong phòng trở nên yên lặng đến nỗi chị phụ trách thiếu nhi Li-u-ba lúc đó đi qua hành lang phải ngạc nhiên.

«Sao họp lạ thế?» — chị nghĩ bụng và khe khẽ hé mở cửa lớp.

Xuyên qua khe hở, một giọng nói nho nhỏ nhưng rành rọt vang đến tai chị:

— ...A-lô-nu-sca cùng với I-va-nu-sca cứ đi và thấy ở trong rừng có một túp nhà gỗ nhỏ. Họ đi vào. Nhưng ở đấy không có ai cả. Trông trải và tối om. Trong ống khói, gió thổi ù ù... Và bỗng họ nghe tiếng lộp cộp... Có ai đó bước vào phòng ngoài và cái gậy sắt gõ trên nền nhà kêu lộp cộp. Một cụ già đi vào nhà. Cụ gầy đét, lưng còng và chột mắt. Váy cụ đen sì, áo cánh đen sì và khăn trùm cũng đen sì.

Cụ nhìn bọn trẻ con bằng một mắt và nói:

«A! Khách đã đến? Thế là tốt. Vừa vặn hôm nay tao chẳng có gì chén bữa tối cả».

«Nhưng chúng tôi no rồi ạ!» — I-va-nu-sca và A-lô-nu-sca cùng nói.

«Thế nhưng tao đói. Tao sẽ nướng chúng mày và đánh chén...» Một đứa nào đấy cạnh Gu-li-a khẽ thốt lên tiếng «eo ôi!» — Sao, sợ à? — Gu-li-a hỏi.

— Không sao, chị kể đi, — Mi-ca nói.

Và Gu-li-a lại tiếp tục kể truyện cổ tích hãi hùng của mình:

— Cụ già cầm cái xẻng trong tay và bảo I-va-nu-sca: «Ngồi lên đây, tao sẽ đặt mày vào lò».

A-lô-nu-sca oà lên khóc.

«Ôi! Sợ quá!»

Còn I-va-nu-sca thì vút lên người A-lô-nu-sca cái áo lông cừu và rí tai em:

«A-lô-nu-sca, hãy giả vờ làm con cừu con đi, hãy húc và kêu:
«Me-e-e!»

A-lô-nu-sca làm y như thế. Nó chạy quanh nhà và kêu:

«Thật là một con cừu ngốc nghếch) — mụ già nói,

Rồi mụ tóm lấy A-lô-nu-sca vứt ra cửa. A-lô-nu-sca đứng một mình cạnh cửa đóng trong rừng tối om và khóc.

«I-va-nu-sca, anh yêu quý của em! I-va-nu-sca!..»

Một đứa nào đó trong bọn nắc to.

— Bật đèn nhé? — Gu-li-a hỏi.

— Không cần, — trong bóng tối, những giọng nói vang lên. Và Gu-li-a tiếp tục:

— A-lô-nu-sca khóc, còn I-va-nu-sca nói với mụ già:

«Bà hãy dạy tôi cách ngồi trên xềng thế nào, không thì tôi không chui vào lò được đâu».

«Dạy thì chẳng lâu đâu, — mụ đáp. — Xem đây này».

Rồi mụ ngồi lên trên xềng, còn I-va-nu-sca thì cố hết sức đút cái xềng vào lò! Mụ già không kịp kêu lên. I-va-nu-sca lập tức đóng cửa lò lại và chạy ra khỏi túp nhà gỗ.

Ở ngoài, A-lô-nu-sca đang đợi. Cô bé vứt cái áo lông cừu ra khỏi mình và nói:

«Vĩnh biệt chần tinh! Chúng tao đã chịu khổ vì mày nhiều lắm rồi».

Và cả hai anh em chạy về nhà mình. Từ đó, họ sống dễ chịu hơn trước...

Truyện cổ tích kết thúc.

Trong phòng tối om, im lặng đến nỗi có cảm giác hình như bọn nhi đồng đã ngủ. Gu-li-a vặn cái núm điện, và ánh sáng chói lọi hắt vào mắt mọi người. Bọn trẻ con nheo mắt, ngẩng đầu lên.

Và vừa vặn lúc đó, cửa mở Li-u-ba đi vào.

— Cái gì vừa xảy ra thế? — chị hỏi.

— Chúng em vừa nghe truyện cổ tích hãi hùng, — bọn nhi đồng đồng thanh đáp. — Nghe trong bóng tối đấy!

— Sao lại phải nghe trong bóng tối? — Li-u-ba ngạc nhiên. — Hình như là hôm nay, ở trường ta, lúc nào cũng có điện kia mà.

— Chúng em cố ý tắt đấy, — Gu-li-a nói.

Li-u-ba ngạc nhiên nhìn cô. Gu-li-a bối rối.

— Thế thì sao, không nên à?

— Mình sẽ bàn riêng với em về điều đó, — Li-u-ba nói. — Còn các em bé hãy về nhà đi. Đã đến giờ rồi đấy.

Và khi trong phòng chỉ còn lại hai người, Li-u-ba suy nghĩ và bắt đầu nói một cách nghiêm chỉnh:

— Nói chung, em kể truyện cổ tích khá đấy, về điều đó phải khen em thật. Chính mình đã đứng ngoài cửa, nghe không chán đấy. Nhưng em hãy giải thích xem: em dọa bọn trẻ con để làm gì?

— Em có dọa chúng đâu, — Gu-li-a đáp. — Em bồi dưỡng đức tính cho chúng đấy chứ. Em muốn rằng chúng sẽ can đảm và không sợ những truyện cổ tích hãi hùng.

— Thế thì em cần gì phải tắt đèn?

— Để có vẻ hài hùng hơn. Trong rạp hát, khi nào diễn cũng phải tắt đèn là gì.

— Gu-li-a, em đến buồn cười,— Lí-u-ba mỉm cười, — Trong rạp hát chỉ ở phòng xem tối thôi, còn ở trên sân khấu vẫn sáng đấy chứ.

— Nhưng nếu trên sân khấu diễn cảnh ban đêm?

— Cũng thế thôi, cũng có thứ ánh sáng gì đấy. Nêu không, thì chẳng ai thấy gì cả.

— Nhưng ở đây, cả sân khấu, cả phòng xem, tất cả đều trong một phòng thì sao, — Gu-li-a vẫn chưa chịu.

— Nhưng chỗ em đây không phải là rạp hát, mà là cuộc họp mặt nhi đồng. Chúng là những đứa bé con kia mà! Em dọa chúng, thế thì đêm chúng sẽ không ngủ được... Trước khi đem áp dụng những kinh nghiệm đó, cần hỏi ý kiến người nào đấy lớn hơn mình chứ. Giáo dục đức tính cho trẻ con chẳng phải chuyện đùa đâu.

Gu-li-a phật lòng nhăn mặt và muốn cãi lại điều gì đấy, nhưng bỗng bất giác cô nhớ lại: cách đây không lâu lắm, Cá mòi và Dâu tây đã khóa cô lại trong chuồng gấu để thử lòng can đảm của cô như thế nào...

— Được, — cô nói, — em sẽ thận trọng hơn. Em sẽ hỏi ý kiến. Em chỉ xin cứ để em phụ trách, đừng lấy mất bọn nhi đồng của em thôi.

Sau cuộc nói chuyện đó, Gu-li-a không còn dám làm những thí nghiệm mạo hiểm về giáo dục nữa.

Trước khi dự định bày một trò chơi mới hoặc chọn một cuốn sách nào đấy cho nhi đồng, cô cố gắng nhớ lại xem, khi cô còn

bé như chúng, thì cô thích cái gì nhất, lúc bấy giờ cái gì đã làm cô sợ, cái gì dễ hiểu, cái gì không.

Cô bắt đầu chuẩn bị cho các buổi họp mặt một cách chu đáo. Giờ từng trang sách, cô suy nghĩ xem có cần giải thích hoặc kể thêm cái gì cho bọn trẻ con không.

Gu-li-a thích «kể thêm», và bọn trẻ con rất thú vị khi cô bắt đầu tự mình bịa ra đoạn tiếp của truyện cổ tích.

Cô thường cùng bọn nhi đồng của mình đi chơi xa — bằng tàu điện và đi bộ — và tổ chức trong bọn chúng một đội thể thao khá ra trò.

Bọn nhi đồng tự hào về chị phụ trách của mình và háo hức chờ mỗi kỳ họp mặt.

Nhưng Gu-li-a không được hoạt động lâu với các em nhỏ.

Mẹ cô lại chuyển công tác đến Ki-ép, và Gu-li-a phải cùng đi với mẹ. Ngay trước hôm lên đường, cô dẫn bọn nhi đồng đi xem chiếu bóng để tiễn biệt chúng. Ở đấy đã xảy ra một sự gặp gỡ bất ngờ. Sau bộ phim chính, vào cuối buổi chiếu, người ta chiếu phim thời sự.

Trước mắt người xem, chập chờn hiện ra những đường phố Mát-sơ-va, những cuộc thi đấu thể thao trong một sân vận động thủ đô, kênh đào Mát-sơ-va — Vôn-ga... Và bỗng Gu-li-a thấy cái phòng hình bầu dục trong điện Cơ-rem-lanh mà cô nhớ rõ mòn một, những cột cao với những trang trí bằng đồng đen và đám thiếu niên tiền phong mặc đồng phục lính thủy của trại A-rơ-tếch.

Những bộ mặt quen thuộc: Ba-ra-sbi Kham-gô-cốp, Mam-la-cát hơi lay động và tiến gần đến mắt cô...

Và đây rồi, chính là cô — Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va. Đây không phải là con gái của người du kích, không phải là Va-xi-lin-ca, và cũng chẳng phải là Va-ri-ca, mà là một cô nữ sinh, đội viên thiếu niên tiên phong, hoàn toàn giống như cô bây giờ, chỉ có khác là hơi thấp hơn một tí.

— Gu-li-a! Gu-li-a! Chị đấy! — bọn nhi đồng reo lên.

— Yên lặng, sao các em kêu lên thế! — Gu-li-a nói.

Tim cô đập mạnh. Cô vui mừng và lạ lùng chính mắt mình được trông thấy lại tất cả những điều mà cô đã khắc sâu trong trí nhớ. Hơn nữa, có lẽ lần này cô được thấy nhiều hơn: rất nhiều chi tiết khác nhau mà trước đây cô không kịp nhận thấy vì quá mừng và cảm động.

Và, tất nhiên, chỉ có trên màn ảnh, cô mới tự thấy mình được, tự thấy Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va, trong buổi chiều dài ở điện Cơ-rem- lạnh.

Xem xong phim thời sự, cô dẫn bọn nhi đồng đi qua đường, còn mình thì quay trở lại rạp chiếu bóng, để được xem lại một lần nữa những trại viên A-rơ-tếch trong điện Cơ-rem-lạnh.

Cô còn muốn ở lại xem cả buổi chiếu thứ ba và thứ tư nữa, nhưng cô không đủ tiền mua vé.

KHE HẸM LẠNH

Gần đến mùa xuân, Gu-li-a cùng mẹ đã trở lại Ki-ép. Hình như lần này, hai mẹ con sẽ ở lại lâu dài tại chỗ mới. Gu-li-a rất thích căn nhà mới ở Ki-ép, thích đường phố mà mẹ và cô ở đấy, và thích nhất là bây giờ cô đã có phòng riêng.

Lần đầu tiên trong đời, cô tự xếp đặt phòng riêng theo ý của mình, theo cách của mình. Một tường ở phòng cô là «tường mùa đông» — ở đấy treo giày trượt băng và trong góc dựng đôi thanh gỗ trượt tuyết; một tường khác — «tường mùa hè», thì có vợt đánh ten-nít, mấy quả bóng trong túi lưới. Một chú sóc xù lông, xin ở vườn Bách thú về, vui vẻ nhảy nhót chuyển từ giá sách đến bàn và từ bàn lên bệ cửa sổ. Gu-li-a đã dạy cho nó thuần, nên con vật bé nhỏ kia đã dám ngồi trên vai cô một cách tin cậy và đưa đôi mắt đen lánh như hạt cườm nhìn cuốn sách của cô.

Giờ đây, cái gì của Gu-li-a cũng mới cả: phòng mới, tường mới, bạn gái mới, và cô nghĩ rằng cả cuộc đời cô bây giờ cũng sẽ đi lên theo một hướng mới.

Nhưng cơn bệnh «cũ», bị bỏ mặc đã ngăn trở điều đó.

Trước đây khá lâu, trong một bận quay phim, Gu-li-a bị cảm lạnh rất nặng. Từ đó đến nay cô thường ốm dặt luôn.

— Phải kết liễu cái món này một lần cho dứt hẳn! — bác sĩ nói sau khi khám bệnh cho Gu-li-a. — Chúng tôi sẽ cho cháu đi Ô-đét-xa, đến vùng cửa sông.

Lại đến Ô-đét-xa! Gu-li-a vừa vui lại vừa buồn. Được trở lại thành phố quen thuộc và thân yêu, được thở không khí trong lành đượm mùi biển của nó, được gặp lại các bạn cũ thì thật là thú vị. Nhưng phải từ bỏ những hy vọng về cuộc sống mới thì thật là đáng tiếc.

Nhưng muốn hay không muốn, khi mùa hè mới đến, người ta đã gửi Gu-li-a đến vùng cửa sông. Đến Ô-đét-xa, cô chỉ ở lại thành phố vền vẹn có một giờ rưỡi, thậm chí cô không kịp chạy đến căn nhà cũ và gặp lại các bạn cũ.

Cô hơi buồn, vì ở đây, ở thành phố quen thuộc này, cô cảm thấy mình như một người khách tình cờ, một hành khách qua đường.

Thật như trên người, ở sân ga và trên các đường phố lân cận, cô không nhận ra được một bộ mặt quen thuộc nào cả!

Gu-li-a đi đến địa điểm tập trung, nhìn xem những bạn trẻ nào cùng đi với cô đến nhà an dưỡng. Ở đây đã có một vài chú bé, nhỏ tuổi hơn Gu-li-a nhiều, và một cô bé, có thể là cùng tuổi. Cô bé có những bím tóc đen dài và đôi mắt đen, hơi nheo lại. Khi muốn nhìn cái gì đấy, cô lấy cặp kính gọng sừng trong túi ra và đưa lên mắt trong giây lát.

— Chị cũng đi vùng cửa sông à? — Gu-li-a hỏi.

— Vâng, đi vùng cửa sông.

— Từ đâu đến?

— Từ Ki-ép.

— Tôi cũng từ Ki-ép!

Gu-li-a liền trở nên vui hơn. Và rõ ràng là cô bé kia cũng vui vì đã gặp bạn đường cùng quê, cùng lứa tuổi. Hai cô ngồi trên va- li, lấy những thức ăn đi đường ra và vừa đãi nhau những miếng bánh mì kẹp chả, những quả táo cuối cùng, vừa bắt đầu tán chuyện.

Bây giờ Gu-li-a biết rõ cô bé tên là Mi-ra Gác-ben và đang theo học lớp dương cầm ở Nhạc viện.

Gu-li-a rất thích những chữ: «theo học lớp dương cầm» và tự nhiên cảm thấy kính trọng người bạn gái mới của mình.

Sau đó, hai cô bé đã cùng đi với nhau, không rời nhau ra một bước. Đứng cạnh nhau ngay trên mũi ca-nô, chúng nhìn những làn bọt sóng dài rẽ ra ở hai bên sườn ca-nô, nhìn xem trong đám sương mù nóng bỏng ven bờ hiện dần lên những nét mờ ảo của bờ biển đang tiến gần lại.

Mi-ra đeo kính vào, và mãi cho đến tận bến tàu, cô không cất kính ra nữa. Lần đầu tiên, cô thấy biển, thấy những con cá heo và rất nhiều chim hải âu háu ăn, luôn mồm kêu riu rít.

Làng mà nhà an dưỡng thiếu nhi ở đấy gọi là Khe hẻm Lạnh. Không biết do đâu mà có tên đó. Ở đây không có gì là lạnh cả — ngay đến đá sỏi cũng được ánh nắng mặt trời.

Trên bến tàu, những chú bé rám nắng, mặc áo quần trắng, đội mũ pa-na-ma trắng vành rộng, chạy ùa ra đón các đứa bé mới đến. Một đứa trong bọn muốn xách giúp chiếc va-li hộ Gu-li-a.

— Cảm ơn, — Gu-li-a nói. — Thế các bạn ở nhà an dưỡng à ? Ở đây đã lâu chưa?

— Tôi là Tây-ban-nha, — cậu bé mỉm cười đáp. — Biết ít tiếng Nga lắm.

— Mi-ra, cậu nghe không? Đó là những trẻ con Tây-ban-nha đấy!

Nhưng lúc đó, có một thanh niên cao — chắc là anh phụ trách ra lệnh cái gì đấy cho đội của mình. Cậu bé hơi bối rối, nói lắp bắp cái gì đấy bằng tiếng Tây-ban-nha, rồi đặt va-li của Gu-li-a xuống đất và chạy về chỗ mình. Toàn đội tiến theo người phụ trách dọc theo bờ, và lúc đó, một cô gái trẻ măng mặc áo dài xanh lam tiến đến trước những người mới đến.

—Ồ, thế là các em đã đến, — cô nói. — Chúng tôi chờ các em đã lâu rồi. Chúng ta vào ăn sáng đi. Tên tôi là Vê-ra.

— Thế chị cũng chữa bệnh ở đây à? — Mi-ra hỏi.

— Không! — Vê-ra nói. — Có lẽ các em cho tôi là cô bé chứ gì? Tôi là giáo viên phụ trách lớp bé nhất ở đây.

Và chị dẫn bọn trẻ con mới đến vào một tòa nhà nhỏ, màu trắng, nép mình sau những bụi cây tử đinh hương rậm rạp, suýt soát cao gần đến mái nhà.

— Vê-ra, chị nói giúp em rõ, — trên đường đi Gu-li-a hỏi, — phải chăng những trẻ con kia là người Tây-ban-nha thực, từ Tây-ban-nha đến, hở chị?

— Đúng, người Tây-ban-nha, từ Tây-ban-nha đến đấy, — Vê-ra đáp. — Bọn trẻ con ngoan lắm, tất cả chúng tôi ở đây đều mến chúng nó.

— Con của các anh hùng à? — Mi-ra hỏi.

— Và trong bọn chúng, một vài đứa chính là anh hùng đấy, — Vê-ra nói. — Chúng đã đắp chiến lũy, đào chiến hào. Một vài đứa lớn tuổi hơn cả trong, bọn còn chiến đấu nữa cơ.

— Mi-ra, chúng ta chạy đến với chúng đi! — Gu-li-a nói và nắm tay bạn. — Chốc nữa sẽ ăn sáng.

— Không được, — Vê-ra ngăn chúng lại. — Trong những ngày đầu tiên, các em phải cách ly. Bây giờ chị giao các em cho chị Ôn-ga Páp-lốp-na, giáo viên của các em, và chị ấy sẽ giải thích cho các em rõ tất cả.

Ôn-ga Páp-lốp-na là một người đàn bà đứng tuổi, nghiêm nghị, đầu đội chiếc mũ nhỏ bằng vải thêu kim tuyến, tóc đen đã điểm hoa râm. Chị không tươi cười tí nào, khô khan đón bọn trẻ ở ngay ngưỡng cửa buồng ngủ của chúng.

Lúc đó, cả hai cô bé đã kịp mặc áo tắm và bên ngoài mặc chiếc áo xa-ra-phan dai, sặc sỡ, và trên vai vắt khăn tắm, chúng đã chuẩn bị để chạy xuống bãi bơi.

— Trước khi bác sĩ khám, không được bơi lội gì hết cả, — Ôn-ga Páp-lốp-na nói.

— Các bác sĩ khi nào cũng cho phép em bơi cả mà! — Gu-li-a không hài lòng nói lí nhí. — Năm ngoái, ở A-rơ-tếch, em đã thi xếp hạng kia mà — bơi lội và chèo thuyền...

— Ở A-rơ-tếch năm ngoái là một chuyện, còn ở đây lại là chuyện khác.

Từ buổi gặp mặt đầu tiên đó, giữa Gu-li-a và chị Ôn-ga Páp-lốp-na bắt đầu chạm trán nhau. Ôn-ga Páp-lốp-na là một người rất nguyên tắc. Cách ly là cách ly, không lôi thôi gì hết: phải ngồi ở nhà hay là chơi trong mảnh vườn con trước nhà mình. Mặc

cho cả nhà an dưỡng vui chơi: đi xem chiếu bóng, đi dạo, đi bơi lội, còn mình thì giống như bị giam, không được hưởng một chút ân huệ nào hết.

Giờ yên lặng là giờ yên lặng, không lơ mơ gì hết: phải nằm và thậm chí không được nói khề một lời với cô bạn láng giềng nằm cạnh nữa.

— Các em đến đây để chữa bệnh, thế thì chúng tôi sẽ chữa bệnh cho các em, — Ôn-ga Páp-lốp-na nói. — Các em cố muốn hay không muốn cũng vậy.

Tất nhiên, Gu-li-a muốn chữa lành bệnh, nhưng, ngoài ra, hàng ngày cô còn muốn thêm cái gì đấy nữa: chèo thuyền, bơi thi, buổi tối đi dạo trên bờ và ngắm đường trăng chạy dài trên mặt biển, còn trong giờ yên lặng thì cùng Mi-ra học thêm vài chữ Tây-ban-nha.

Chính vì thế mà hầu như hàng ngày đều xảy ra va chạm giữa cô và chị Ôn-ga Páp-lốp-na.

Gu-li-a phát cáu, còn Ôn-ga Páp-lốp-na thì vẫn bình tĩnh, sốt sắng và nghiêm nghị như trước, và điều đó lại càng làm cho Gu-li-a tức điên lên được.

— Khô như rơm, — Gu-li-a nói, — chẳng còn tí tình cảm con người gì nữa!

— Thật là đứa bó khó bảo, — Ôn-ga Páp-lốp-na nói. — có tài nhưng khó bảo.

Gu-li-a tiếc nhất là vì chế độ khắc nghiệt mà cô không chơi với các bạn Tây-ban-nha được nhiều thời gian như cô mong muốn.

Suốt một tuần lễ bị cách ly. Sau đó, chữa bệnh và lại chữa bệnh: hết tắm bùn, đến chạy điện, lại giờ yên lặng; cứ mỗi ngày một giờ rưỡi giờ yên lặng! Mà ngày ở đây ngắn hơn ở bất cứ trại hè nào, vì rằng khi sương chiều vừa xuống thì thôi, không được ra vườn nữa.

Tuy vậy, Gu-li-a đã kịp kết bạn với bọn trẻ con Tây-ban-nha. Không biết tiếng thì cô dùng lắm mọ để nói chuyện với chúng, bằng bộ điệu, bằng nụ cười và chút ít bằng lời — cả tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Tây-ban-nha mà cô học lỏm được ngay trong câu chuyện.

— Lạ thật, — cô nói với Mi-ra, — ở Tây-ban-nha chúng có những trường thú vị thế nhỉ! Trong một năm, chúng học qua hết cả môn đại số, cả môn hình học và môn vật lý Còn năm sau thì cũng những môn đó, nhưng học tỉ mỉ, chu đáo hơn. Mà chúng không có giờ ra chơi giữa các tiết. Học liền tù tì một mạch nửa ngày không nghỉ.

— Làm thế nào cậu biết được tất cả những điều đó? — Mi-ra hỏi.

— Chúng kể với mình.

— Kể thế nào được?

— Kể thế nào... mình cũng chẳng biết kể thế nào cả. Chỉ biết là mình hiểu hết. Hôm qua, mình còn học được cả một bài ca Tây-ban-nha nữa. Thật là một bài ca tuyệt trần, về cậu Pê-pê nào đó đi vào sân nuôi gà vịt. Trong bài ca nghe rõ cả tiếng ngỗng kêu quang quác, tiếng gà cục tác. Bằng tiếng Tây-ban-nha thì nó rất hay! Nhất định cậu phải soạn phần nhạc đệm cho bài hát này. Mi-ra, cậu soạn nhé?

Rồi Gu-li-a lại chạy đến với bọn trẻ con Tây-ban-nha. Cô kết bạn thực sự với bọn lớn tuổi, nhất là với cô bé Côn-si-ta Khô-ra-bô và cậu bé là Kha-vi-e Gôn-xa-lét. Hai đứa ấy nói tiếng Nga khá nhất bọn, và Gu-li-a hỏi chúng không chán về cuộc chiến tranh mà chúng đã thấy và hơn nữa đã tham gia.

— Ở đây bầu trời yên tĩnh thật, — có một bạn, Côn-si-ta ngửa đầu lên nhìn bầu trời mùa hè xanh thẫm và nói.

— Yên tĩnh à? Cậu muốn nói gì? — Gu-li-a hỏi, nhưng trước khi Côn-si-ta kịp trả lời, thì cô đã đoán ra cô bé Tây-ban-nha muốn nói gì.

Chắc có lẽ là hải hùng lắm nhỉ, khi trên bầu trời xanh thanh bình như thế kia, ầm ầm rú lên tiếng động cơ máy bay địch, từng đàn từng đàn lũ lượt lượn trên thành phố, còn xung quanh thì nhà cửa sập đổ ngổn ngang và mặt đất rung động vì những tiếng nổ.

«Chẳng lẽ một lúc nào đấy cả chúng ta cũng phải trông thấy và chịu đựng những cảnh như vậy ư?» — Gu-li-a nghĩ thầm.

Và cô thông cảm, âu yếm nhìn những đứa trẻ lạnh lợi ấy, có nước da ngăm ngăm đen, những cặp mắt sinh động và nồng nhiệt, mặt gầy gầy và gầy gọn với những hàm răng trắng muốt.

Trong số trẻ con Tây-ban-nha, nhiều đứa hao hao giống bọn nhí đồng mà Gu-li-a phụ trách. Chúng đều vui tươi, khỏe mạnh, nhưng chỉ cần nhìn xem chúng khát khao, vội vàng chạy đến với những anh chị hoặc những người đồng hương của chúng, cũng đủ hiểu rằng chúng nhớ nhà, nhớ những người thân thích ruột thịt như thế nào.

Gu-li-a không biết nên làm vui lòng chúng bằng cái gì. Hàng ngày, cô mua cho chúng khi thì quít, khi thì kẹo, bưu thiếp có tranh vẽ, quạt giấy, khi thì chuỗi hạt bằng vỏ ốc và đủ loại lật vật khác.

Bọn trẻ con gọi đùa cô là <<Mát-re-xi-ta>, nghĩa là «Bà mẹ bé tí. Những giấy màu của kẹo, thì chúng cẩn thận vuốt phẳng phiu và cất đi để kỷ niệm về cô. Còn quít thì chúng chén thả cửa.

— Chẳng có gì là lạ cả, — Gu-li-a nói. — Ở Tây-ban-nha, một năm, cam chín những bốn lần kia mà. Dân Tây-ban-nha không có cam không sống nổi. Cũng như mình với cậu không có khoai tây vậy.

Và cô lại gọi Mi-ra ra bờ đến quán mua quít, kẹo cho bọn trẻ Tây-ban-nha, mua cho mình và bạn gái bốn cái kem, tờ tạp chí điện ảnh số mới nhất ở quán bán sách báo.

BÚC ĐIỆN

Gu-li-a chỉ còn ở nhà an dưỡng có một tuần nữa, thì bỗng nhiên cô phát hiện ra rằng tiền mẹ cho cô để mua vé về Ki-ép và chi tiêu dọc đường không biết đã tiêu vào đâu mất.

Trong giờ nghỉ, nằm trên chiếc giường xếp đặt ở góc vườn chơi râm mát (bác sĩ cho phép cô và Mi-ra trong giờ yên lặng được ở ngoài vườn), Gu-li-a lẩm nhẩm tính toán những khoản chi tiêu của mình:

— Tiền kem ở Ô-đét-xa — một rúp và ở đây — mười hai rúp; quà tặng các bạn Tây-ban-nha — tám hộp bằng vỏ sò, mỗi hộp bốn rúp — năm hai rúp, tổng cộng bốn lăm rúp. Kẹo và bánh ngọt — năm sáu rúp; — bốn lăm và năm sáu vị chỉ tám mốt. Quít... chẳng nhớ là bao nhiêu... Còn chuỗi hạt, dây thắt lưng có khóa bằng bạc, bưu thiếp, tạp chí, quạt...

— Cậu lẩm nhẩm cái gì đấy? — Mi-ra ngẩng đầu lên khỏi gối hỏi. — Cậu đã già khụ thể mà còn học ôn lại bàn cữu chương đấy hả?

— Cữu chương với cữu chiếc gì! — Gu-li-a thở dài. — Mình chỉ còn vền vện có một rúp thôi.

— Còn tiền đi đường cậu đã dành riêng rồi chứ?

— Không.

— Thế mà cậu nói chuyện ấy một cách thản nhiên như vậy được à?

— Thế thì mình phải làm gì? Khóc ư?

— Không khóc, nhưng mà cậu sẽ đi về nhà thế nào, mình muốn biết đấy.

— Cả mình cũng muốn biết, — Gu-li-a cười gằn, nói. — Muốn thế nào cũng không đi tàu được rồi. Mình chỉ có thể cuốc bộ được thôi. Có lẽ cái lưỡi sẽ đưa mình đến Ki-ép vậy^[10].

— Còn từ đây đến Ô-đét-xa thì thế nào? Bơi à?

— Đến Ô-đét-xa thì bơi...

Mi-ra trở mắt nhìn Gu-li-a.

— Gu-li-a, mình không hiểu cậu sẽ sống trên đời này thế nào nữa ? — Mi-ra hỏi.

— Mình chẳng biết thế nào... — Gu-li-a trầm ngâm đáp. — Sống qua quít vậy. Thôi, chẳng sao, mình sẽ đánh điện về nhà.

— Thế tiền gửi điện cậu lấy đâu?

— Vay cậu.

Mi-ra bật cười.

— Thế tiền vé cho mình cậu lấy đâu? Mình cũng chỉ có những đồng vét túi đấy thôi để đi đường.

— Thì vay của người nào đấy vậy. Cũng có thể đến lúc đó thì mình sẽ nhận được tiền nhà gửi.

Và Gu-li-a bắt đầu thảo bức điện, vừa đọc thành tiếng vừa đếm đầu ngón tay từng chữ:

— «Tiền tiêu hết. Chấm. Mẹ giận không? Chấm hỏi. Gửi con tiền đi đường nhé, bao nhiêu tùy mẹ có thể. Con hôn mẹ. Gulia». Tất cả hăm lăm chữ. Và còn địa chỉ nữa chứ!

— Trời ơi, sao cậu trẻ con đến thế, hử Gu-li-a! — Mi-ra ngạc nhiên. — Cần gì phải hỏi mẹ có giận không, và còn thế này nữa,

trong điện việc quái gì phải thêm dấu chấm câu và cả dấu hỏi nữa? Chính đấy là những chữ thừa. Mình thì mình viết thế này thôi: «Gửi tiền. Hôn». Ba chữ. Ngắn và rõ.

— Không, Mi-ra ạ! — Gu-li-a hoảng sợ nhìn bạn. — Sau bức điện như thế thì hoàn toàn không thể vác mặt về với mẹ được.

— Ừ, theo mình thế cũng không được. Chính cậu đã nói là vì chuyển nhà mà đồng tiền của mẹ cũng eo hẹp kia mà.

— Hừ, — Gu-li-a thở dài, — bà ta có đứa con gái nhẹ dạ quá. Có thể nói là con ranh...

Gu-li-a hoàn toàn chán nản. Mi-ra ngồi ghé trên giường gần cô để an ủi bạn, nhưng trong nháy mắt, một tiếng rắc vang lên, và chiếc giường xếp ọp ẹp kia đã ngã khụy xuống đất.

Nằm bẹp trên cỏ, hai cô cười rộ lên...

— Mi-ra ạ, — Gu-li-a nói, — nào chúng ta vứt quách cái câu chuyện nặng nề này đi nhé. Đấy, cậu thấy không, ngay cái giường xếp cũng không chịu nổi nữa là, chân nó khụy xuống đấy.

Hai cô bé bắt đầu chữa giường xếp, kéo căng lại tấm vải bạt, nhưng ngay lúc đó. Ôn-ga Páp-lốp-na lại hiện ra trên đường con trong vườn. Chị ấy bao giờ cũng đến đúng vào lúc mà người ta không ngờ nhất!

— Các cô nghỉ thế đấy à? — chị hỏi. — Tôi đã bảo với bác sĩ mà, nghỉ ở ngoài vườn chẳng có gì tốt cả. Bây giờ hãy vào hiên ngay đi. Còn Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va, tôi sẽ viết thư cho mẹ cô rằng cô không biết tuân theo chế độ ở đây.

Gu-li-a không nói không rằng. Vác cái gối trên vai, dường như vác một vật gì nặng vô cùng, cô chậm rãi đi về phía nhà

trắng, nơi các cô lớn ở.

«Có thể chị ta viết thật đấy, chứ chẳng chơi đâu! — cô suy nghĩ. — Rồi thì tha hồ: thoát tiên là bức điện của mình, rồi đến bức thư như thế của chị ta nữa... Thôi đừng hòng vác mặt về nhà nữa!»

Những chẳng làm gì hơn được nữa, và ngay chiều hôm đó, một bức điện khẩn đã được đưa qua chiếc cửa sổ con của phòng điện báo.

«Phải chi tiêu bất thường không lường trước gửi tiền vé hôn Gulia».

Trở lại bờ biển nhà an dưỡng khi hoàng hôn xuống, Gu-li-a và Mi-ra cùng suy nghĩ xem những món chi tiêu nào đáng gọi là «bất thường» và «không lường trước». Bức điện được thảo ra theo lời khuyên của Mi-ra, và bây giờ thì Gu-li-a đang nát óc nghĩ xem khi về nhà sẽ giảng giải cho mẹ thế nào về bức điện.

— Thôi, buổi tối nghĩ sai, sáng mai nghĩ đúng, — cuối cùng cô nói. — Hơn nữa, đến Ki-ép cũng còn lâu.

Nhưng hóa ra, đến sáng mai cũng còn lâu thật.

Gu-li-a nằm thao thức trên giường, suy nghĩ kể làm sao thoát ra được tình trạng rối ren mà hiện cô đang lâm vào. Cô cần không phải chỉ tiền mua vé đến Ki-ép. Cô nhớ ra rằng cô đã mắc nợ tất cả, bất kỳ ai có thể vay được: cả chị Vê-ra, cả anh phụ trách thiếu nhi A-li-ô-sa, thậm chí cả Mi-ra mà cô mượn tiền để đánh điện.

Cô xót xa nhớ lại rằng khi tiền cô ở ga, mẹ đã dặn cô phải chín chắn thế nào, đừng đánh mất tiền ở dọc đường và đừng mua ở các ga những đồ vớ vẩn.

Còn cô thì đã nhẹ dạ xài hết cả tiền mẹ cho như thế này.

«Làm gì bây giờ? Ôi, làm gì bây giờ đây?»

Cô bắt đầu tính xem trung bình mỗi ngày cô đã tiêu bao nhiêu. Nhưng tính như thế cũng chẳng làm cô nhẹ nhõm hơn được tí nào. Trái lại, cô càng thêm kinh hoàng. Tính ra... đến hăm hai rúp một ngày! Và đó là không phải tốn tiền ăn! Gu-li-a nhớ lại là mẹ đã nói lúc tiền cô ở ga rằng ngay những cán bộ quan trọng khi đi công tác cũng chỉ được lĩnh hai mươi rúp một ngày đêm thôi.

Gu-li-a đâm nhức đầu.

«Nhất định thế nào cũng phải tìm ra lối thoát mới được. Không thể để vì mình mà mẹ và bố phải lo lắng chuyện tiền nong. Nhưng làm thế nào? Bán cái gì chẳng? Có cái gì có thể bán được? Áo dài lam chẳng? Áo ấy chẳng còn mới, đã bạc màu vì nắng rồi».

Và bỗng nhiên một ý nghĩ thoáng qua trong óc: chiếc đồng hồ!

Ừ, cái này mới thật có giá trị! Trong bóng tối, Gu-li-a sờ chiếc đồng hồ con của mình để trên bàn cạnh giường. Cô đặt nó lên tai. Những bánh xe kêu tí tách rành rọt, sột sắng, giống như một trái tim tí hon đang đập khe khẽ.

— Đồng hồ yêu quý của ta! — Gu-li-a nhìn vỏ đồng hồ bóng lộn nói.

Cô không thể tưởng tượng được làm sao cô có thể vĩnh viễn trao nó cho những bàn tay lạ nào đấy. Nhưng không còn lối thoát nào khác nữa! Nếu ở nhà không gửi tiền, thì phải bán ở đây. Còn nếu gửi, thì đến Ki-ép bán để trả nợ cho mẹ...

Đến đây, Gu-li-a yên tâm và cuối cùng ngủ thiếp đi trước lúc rạng đông.

GU-LI-A PHẠM TỘI

Những ngày cuối cùng của Gu-li-a ở nhà an dưỡng trôi qua không vui. Lòng cô nặng trĩu lo âu. Cô giận mình, giận tất cả, thậm chí cả Mi-ra. Nhưng, như thường lệ, vẫn là chị Ôn-ga Páp-lốp-na làm cô bức tức hơn cả. Sự va chạm giữa hai người ngày càng kịch liệt hơn. Gu-li-a thì khó khăn lắm mới giữ được mình không lỗ mãng với chị, còn Ôn-ga Páp-lốp-na thì ngày càng trở nên khô khan và bình tĩnh hơn.

Đôi lúc, Gu-li-a cở cảm giác rằng nếu như người đàn bà khắt khe, mô phạm máy móc ấy dù chỉ trong chốc lát nổi cáu, nóng nảy hoặc là cất to giọng lên, thì Gu-li-a sẽ tha thứ tất cả cho. Nhưng đằng này, chị ta cứ vẫn điềm tĩnh ngay cả lúc cãi nhau gay go nhất.

«Bia đá! Tượng đồng! Xác ướp!» — Gu-li-a bịa cho chị những biệt hiệu ấy.

Còn pho «tượng đồng» kia thì dù cở vẻ lạnh lùng và hình như cứng đờ thế, nhưng làm thế nào vẫn kịp đến mọi nơi, mọi chỗ mất trật tự, và Gu-li-a thường xuyên cảm thấy cái nhìn tinh sắc và chăm chú của chị chĩa vào mình.

Lần va chạm cuối cùng giữa hai người xảy ra vào buổi chiều, ngay trước hôm Gu-li-a lên đường.

Bọn trẻ con đang chơi vô-lây trên bãi còn chưa khô sau trận mưa rào không lâu nhưng nặng hạt.

Nếu như có Ôn-ga Páp-lốp-na ở nhà, thì chắc chắn cuộc đấu bóng chiều hôm đó trên bãi ẩm ướt đã không diễn ra được.

Nhưng sự việc lại xảy ra thế này, chiều đó chị ra bến tàu tiễn chân vị giáo sư đã đến khám bệnh cho nhà an dưỡng.

Trên bãi, đội nam đấu với đội nữ. Thắng lợi đang nghiêng về phía bọn con trai, nhưng chỉ một vài cú đập trúng đích đã bất ngờ thay đổi tình thế.

— Cố lên, các cậu ơi! Chúng ta sẽ cho chúng biết tay! — quên tất cả những tai họa và những chuyện khó chịu trong những ngày gần đây, Gu-li-a reo lên với các bạn gái.

Nhưng vừa vặn đúng lúc đó thì ở đằng xa Ôn-ga Páp-lốp-na đã hiện ra trong chiếc áo đi mưa bằng ni-lông và chiếc mũ trùm đầu nhọn hoắt.

— Cái gì thế, hở? — chị đứng chờ ra tại chỗ và cất giọng. — Tất cả đi vào nhà ngay lập tức!

— Chị Ôn-ga Páp-lốp-na! Cho chúng em chơi nốt! Thêm một tí tẹo thôi! — bọn con gái kêu lên.

— Chị Ôn-ga Páp-lốp-na ạ! Hôm nay là ngày cuối cùng của em mà, — Gu-li-a cố nói hết sức thân mật.

— Thế nào, cô muốn ôm đúng vào ngày cuối cùng hả? — Ôn-ga Páp-lốp-na hỏi dần từng tiếng như mọi lần. — Hãy vào nhà ngay bây giờ. Sau khi mặt trời lặn, cô không được ra ngoài trời, hướng hồ sau cơn mưa!

— Nhưng, chị Ôn-ga Páp-lốp-na ạ, đến mai, khi đi đường thì dù sau khi mặt trời lặn, em cũng cứ phải ra ngoài trời chứ...

— Thế thì hôm nay lại càng phải giữ mình.

Gu-li-a thẳng cánh ném quả bóng xuống đất và cầm đầu chạy về phòng ngủ của mình.

Ở đây, cô giận dữ bắt đầu chuẩn bị giường ngủ cho mình.

— Cậu sao thế, chuẩn bị ngủ rồi đấy à? — Mi-ra hỏi.

— Ừ.

— Thế ăn tối?

— Mình không ăn! Mình phải giữ mình! Đây này, mình sẽ nằm vào giường, sẽ xoa i-ốt từ đầu đến chân và trên đầu sẽ đặt tấm vải ép.

— Gu-li-a, cậu sao thế?!

Gu-li-a không trả lời gì cả, vừa nuốt nước mắt, tay cô vừa giăng tấm vải trải giường một cách dữ dội hơn.

— Gu-li-a, cẩn thận kéo cậu làm rách đấy!

Cô Mi-ra khôn ngoan kia vô tình đã thốt ra những chữ nguy hiểm với Gu-li-a đúng vào lúc đó.

— Đây, thì làm rách cho mà xem! — Gu-li-a thét lên.

Lấy răng cắn vào tấm vải, hai tay kéo mạnh ở góc về hai phía khác nhau. Tấm vải trải giường rách đánh soạt một tiếng.

— Diên à! — Mi-ra ngạc nhiên.

— Không may may! — Gu-li-a nói và ngạc nhiên nhìn tấm vải trải giường đã biến thành hai mảnh vải trắng, dài. — Đây là bài học cho chị ta. Chị ta làm tình làm tội mình suốt cả mùa hè!

Mi-ra không nói một lời, bước ra khỏi phòng.

Còn Gu-li-a thì lập tức cảm thấy xấu hổ và khổ tâm. Cô lấy kim, chỉ và vừa vùi vằng khâu những mảnh vải trải giường lại, vừa thỉnh thoảng liếc nhìn ra cửa.

Một đôi lần từ ngoài hành lang người ta gọi cô đi ăn tối, nhưng giấu kín việc mình đang làm, cô trả lời rằng cô đau đầu

và không muốn ăn.

Mà thực quả là không muốn ăn.

«Tệ thật! Nhục thật! — cô nghĩ bụng. — Mẹ nói đúng: mình không có tư cách, không biết tự chủ, không có ý chí thật! Mình đang lao xuống dốc, mà không tự ghim mình lại được. «Con gái của người du kích» tốt thế kia, mà lại xé toạc tấm vải trải giường của nhà an dưỡng xô-viết! Và cái chính là do cái gì kia chứ! Do chơi vô-lây! Không, tốt hơn là không nên khâu lại. Cứ để cho mọi người thấy mình làm bậy như thế nào!»

Nhưng dù sao thì cô cũng đã khâu xong tấm vải trải giường và nằm trên giường trước khi Mi-ra và những cô bé khác trở lại phòng ngủ.

Suốt đêm, cô cảm thấy dưới lưng mình đường khâu tai vạ đó cứ nhắc nhở đến tội lỗi của cô.

«Thôi, — cô nói với mình trong lúc mơ màng ngái ngủ. — Dù mình đã khâu lại rồi, nhưng thế nào ngày mai cũng cứ đến gặp chị Ôn-ga Páp-lốp-na và thú nhận lỗi. Mặc! Chị muốn làm gì với mình cứ làm. Đấy, chị ấy mới thật có tư cách, không như mình. Cừ khôi thật! Rắn như đá lửa! Thậm chí chưa lần nào chị to tiếng với mình cả, mà thật ra cũng đáng kêu lắm: vì mình đã phạm kỷ luật, đã xài phí sạch tiền... Nhớ lại thật xấu hổ!»

Sáng hôm sau, khi Gu-li-a vừa mới thức dậy thì người ta mang tiền của mẹ đến. Nhưng ngay cả việc đó cũng không làm cô vui mừng. Cô trả nợ tất cả những người cô vay và chuẩn bị đi đến gặp Ôn-ga Páp-lốp-na để thú lỗi của mình lần cuối, thì Ôn-ga Páp-lốp-na đã thân hành đến phòng ngủ của cô, tay cầm một bức thư.

— Đây, đưa thư này cho mẹ nhé, — chị nói.

— Mẹ? — Gu-li-a hỏi lại và bỗng nhiên không còn muốn thú lỗi nữa.

Ôn-ga Páp-lốp-na chăm chú xem hành lý của Gu-li-a có được xếp cẩn thận không, khuyên cô và Mi-ra cài tất cả khuy áo phanh-tô lại, vì hôm nay trời mát, và sau khi hẹn sẽ đi tiễn hai cô ở bến tàu, chị bước ra.

Gu-li-a cầm nguyên bức thư trong tay. Bức thư không dán kín — chắc là Ôn-ga Páp-lốp-na vẫn chưa mất hết lòng tin cuối cùng đối với cô.

Cất thư vào túi, Gu-li-a nhanh chóng chạy quanh các nhà. Trong lòng cô trở nên dễ chịu hơn — tất cả đều rất âu yếm từ biệt cô, tất cả đều nói với cô những lời thân ái nhất, khen ngợi cô và cảm ơn cô về những cái gì gì đấy.

«Thế nghĩa là mình không xấu lắm», — Gu-li-a nghĩ bụng và chạy vào nhà, chỗ bọn trẻ con Tây-ban-nha ở.

Ở đây, bao nhiêu cái bắt tay thật chặt, bao nhiêu cái hôn thân thiết và cả nước mắt nữa đã chờ cô, đến nỗi cô thấy choáng váng đầu. Để kỷ niệm, bọn trẻ đã tặng cho cô cả một đồng ảnh, đá sỏi con con, vỏ ốc, vỏ sò; một đứa nào đấy tặng một chuỗi hạt bằng hạt ô-liu, một đứa khác đeo vào tay cô một chiếc vòng bằng xương...

Nếu Mi-ra không thúc giục cô, thì chắc chắn cô đã trễ ca-nô rồi.

Khi Gu-li-a và Mi-ra chạy ra bến tàu, thì từ trong đám mây đen, mặt trời ló ra và chiếu ánh sáng vàng rực vào chỗ tay vịn ở thành ca-nô và tất cả những đồ bằng đồng khác.

Gu-li-a hoàn toàn trở nên vui vẻ — hình như tất cả những điều không may trong đời cô đã vĩnh viễn trôi qua rồi.

— Nhanh lên! Nhanh lên! — xung quanh mọi người kêu lên. — Không thì trễ đấy!

Hai cô vội vàng chạy lên thang tàu. Chỉ khi đến boong tàu, chúng mới trông thấy Ôn-ga Páp-lốp-na. Chị đứng trên bến, cách xa mọi người, đầu đội chiếc mũ vải muôn thuở, đã bạc màu và nhè nhẹ vấy tay.

Chẳng hiểu vì sao, Gu-li-a cảm thấy hình như chị buồn.

Chị đã tiễn đưa biết bao nhiêu lớp trẻ con trên bến tàu này rồi, người chị cô đơn, lo âu, mệt nhọc ấy!

Và, có lẽ, không một ai đã cảm ơn chị cho đúng mức...

«Nhưng có sao chị ấy lại viết thư cho mẹ mình? — Gu-li-a cay đắng nghĩ thầm. — Mẹ sẽ đau lòng, mà mình thì không được sửa chữa bằng những «giấy nhận xét gửi đến cha mẹ» đâu...»

Và khi bờ đã khuất hẳn trong sương mù, Gu-li-a với một sự cương quyết lạ lùng, mà chính cô cũng không ngờ được, đã lấy tờ giấy trong chiếc phong bì ngỏ ra.

«Phải biết chị ấy viết về mình thế nào, — cô nghĩ thầm. — Chắc là, chữi khỏe lắm đây!»

Nhưng có một giọng nói nào bên trong hình như ngăn cô lại: «Lẽ nào lại có thể đọc thư của người khác được?»

Gu-li-a lại dứt tờ giấy vào phong bì.

«Nhưng chính phong bì để ngỏ cơ mà, — cô thầm phản đối lại mình. — Chắc là chị Ôn-ga Páp-lốp-na cố tình làm thế để mình đọc thư đấy».

Và lại rút tờ giấy ra, cô bắt đầu đọc những dòng chữ đều đặn và rõ ràng.

Đó là một bức thư mà cô hoàn toàn không ngờ.

«...Con gái bà là một cô bé có tài và ngoan... — Ôn-ga Páp- lớp-na viết. — Tất cả chúng tôi ở đây, cả giáo viên và trẻ con, đều yêu mến cháu. Nhưng bác sĩ tìm ra rằng (chắc bà cũng đã biết về điều đó) do nhiều lần bị cảm lạnh nên đã có ảnh hưởng một chút đến tim của cháu. Cháu cần phải có một chế độ nghiêm túc, tất nhiên là khó thực hiện vì tính hiếu động của cháu. Tôi xin khuyên bà...» Tiếp sau, trên hai trang giấy, là một tràng dài những lời khuyên, những chỉ dẫn, những điều báo trước đủ loại. Và không có một lời than phiền nào về tính hỗn láo và cứng đầu cứng cổ cả!

Kèm theo bức thư có một mảnh giấy nhỏ có đóng dấu:

«Giấy nhận xét tư cách của nữ sinh trường trung học Ki-ép Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va, đến ở chữa bệnh từ ngày 20 tháng sáu đến hết ngày 20 tháng tám.

Thực hiện chế độ, tư cách rất tốt. Có thói quen giữ vệ sinh, sạch sẽ. Rất yêu tập thể và rất được các bạn mến».

Gu-li-a bối rồi, ngồi trên chiếc ghế dài ướt vì bọt sóng biển.

«Mình chẳng thấy gì xung quanh cả, chẳng hiểu thế nào cả, — cô tự nói với mình và nhìn về phía bến tàu đã khuất. — Giá bây giờ được quay trở lại bờ kia, thì mình biết nói với chị Ôn-ga Páp-lớp-na như thế nào...»

Nhưng chiếc ca-nô ngày càng đi xa bờ.

Trên tàu lửa, Gu-li-a viết bức thư sau đây bằng bút chì:

«Chị Ôn-ga Páp-lốp-na quý mến! Cảm ơn chị về tất cả sự săn sóc của chị, và xin chị tha lỗi cho em vì em đã là một cô bé vô kỷ luật như thế. Chắc chị còn chưa biết về tất cả những tội của em. Nếu người ta đưa cho chị xem tám vải trải giường khâu từ hai mảnh lại, thì chị sẽ biết đó là do em đấy. Em đã xé nó và em khâu nó lại. Nhưng em thề với chị rằng không bao giờ em để xảy ra như thế nữa. Em sẽ luôn luôn nhớ rằng chị đã biết tự chủ như thế nào.

Một lần nữa, em xin chị tha lỗi cho em. Xin gửi lời chào hết sức nồng nhiệt đến tất cả mọi người. Gu-li-a».

Càng đi gần đến nhà chường nào, trong lòng Gu-li-a lại càng lo lắng chường ấy. Khi còn ngồi trong toa tàu, cô đã nghĩ rằng vì cô mà mẹ sẽ không đi nghỉ phép hàng năm được, và dù thế nào đi nữa cũng phải trả lại mẹ số tiền đã tiêu phí.

Vì thế, ngày đầu tiên khi đến Ki-ép, cô đã mang chiếc đồng hồ của mình đến người thợ chữa đồng hồ nhờ bán.

— Loại đồng hồ này bán chẳng khó đâu, — người thợ đồng hồ nói. — Đồng hồ tốt đấy!

Gu-li-a thở dài và đi ra đường.

...Trong buổi uống trà tối, mẹ hỏi những món chi tiêu «bất thường» ở nhà an dưỡng là những món gì?

— Đủ loại, — Gu-li-a nói. — Tóm lại là tiêu cho cá nhân con.

Mẹ ngạc nhiên nhún vai và bắt đầu hỏi Gu-li-a về nhà an dưỡng, về chế độ ở đấy.

— Vào giờ này, chúng con sửa soạn đi ngủ rồi đây, — Gu-li-a nói và, theo thói quen, nhìn vào tay.

— Thế đồng hồ của con đâu rồi, Gu-li-a? — mẹ hỏi. — Sao con không đeo.

— Cái khóa ở dây bị hỏng.

— Đưa mẹ xem nào. Có thể chúng ta chữa lấy.

— Không! Đồng hồ cũng hỏng, và con đã đưa cho thợ đồng hồ rồi.

— Bao giờ chữa xong?

Gu-li-a ngập ngừng lắc đầu.

— Mẹ ạ, con đưa không phải để chữa mà để bán.

— Lại còn đến nỗi ấy nữa! Bán làm gì?

— Để trả cho mẹ tiền con đã tiêu phí ở nhà an dưỡng. Nói thật ra, đấy không phải là chi tiêu «bất thường», mà đúng là những món chi tiêu ngu ngốc đấy thôi — mua kem, kẹo, thắt lưng và đủ thứ vớ vẩn. Chỉ có một điều không tiếc là những tiền con tiêu cho các bạn nhỏ Tây-ban-nha. Còn những món khác, có thể không tiêu cũng được. Thôi, bây giờ cứ để mặc cho người ta bán đồng hồ. Tự con phải chịu trách nhiệm lấy.

Mẹ không đáp gì, chỉ liếc nhìn Gu-li-a. Cuối cùng, bà nói không to và có vẻ buồn buồn nữa:

— Con nghĩ thế ư? Không được, Gu-li-a ạ! Con thật dễ làm đường, mà cũng rất dễ ân hận. Như thế chẳng có ích gì cả.

Mẹ tưởng là con dễ dàng từ biệt chiếc đồng hồ của con sao? — Gu-li-a nói. — Con yêu nó như là nó sống,, Nhưng con muốn trả mẹ tiền.

— Vấn đề hoàn toàn không phải là tiền. Ngày mai, từ sáng tinh sương, con phải đến ngay ông thợ đồng hồ và lấy đồng hồ

lại. Mẹ không cho phép con bán nó, còn tiền thì sẽ liệu cách giải quyết sau. Hôm nay, mẹ đã được lĩnh tiền nghỉ phép hàng năm, nhưng muốn đi đâu cũng chẳng được vì còn nhiều công việc quá.

Gu-li-a cảm thấy ngượng ngịu phải thú nhận lỗi với chính mình, nhưng cô vui mừng vì câu chuyện gay go mà cô rất lo sợ, bây giờ đã qua rồi.

Và thật là thích, chiếc đồng hồ lại sẽ trở về với cô và lại sẽ khỏe, âu yếm kê tí tách trên tay cô. Nhưng mà mong sao ông thợ đồng hồ không kịp bán nó chiều tối hôm nay! Chính ông đã nói là đồng hồ như thế bán dễ — ai cũng muốn mua. Nhưng, có lẽ, ông chưa bán, chưa kịp.

Gu-li-a cúi xuống mẹ và nói vào tai mẹ:

— Rồi mẹ sẽ thấy bây giờ cuộc đời con sẽ trôi qua như thế nào. Thậm chí sẽ ngạc nhiên nữa cơ đấy, mẹ ạ!

QUYỀN ĐƯỢC VUI

Nhưng mẹ Gu-li-a chẳng có gì phải ngạc nhiên cả.

Cuộc đời trôi qua như nó thường vẫn xảy ra với Gu-li-a từ trước đến nay, nghĩa là khi lên voi, lúc xuống chó, khi thắng lợi, lúc thất bại.

Hôm qua, bài luận của cô được khen trước mặt cả lớp, và hơn nữa, được đọc to lên, còn hôm nay thì cô bị điểm «xấu» về môn vật lý, và bị quở mắng cũng trước mặt cả lớp.

— Một nữ sinh có khả năng, nhưng chẳng có hệ thống, chẳng có kỷ luật nào cả.

Ôi, giá mà tất cả mọi người đều biết rằng Gu-lí-a đang ước mơ rèn luyện cho mình chính những đức tính ấy — có hệ thống, có kỷ luật — như thế nào nhỉ! Nhưng chỉ có là biết tìm đâu ra được chúng, nếu như không có thói quen ngay từ nhỏ!

Điều đó không giống như học những kiểu quay khó nhất lúc trượt băng hay giành kỷ lục trong cuộc chạy đua cự ly ngắn. Và hơn nữa — trên đời này có bao nhiêu cái thú vị không thể bỏ qua được.

Đây này, Gu-li-a đã sửa chữa điểm số về môn vật lý: hai điểm «ưu» sau một điểm «xấu», cô đã tấn công vào môn hình học và đã học thuộc lòng toàn bản niên biểu về lịch sử Nga.

Và bỗng nhiên — một niềm vui mới, mà vì nó nên tất cả những «hệ thống và kỷ luật» vừa mới tạm chần chừ được một cách khó khăn đã bị rạn vỡ cả.

Gu-li-a từ bãi trượt băng trở về nhà, má đỏ hây hây, mặt vui vẻ hơn hở, đôi giày trượt băng cặp ở nách. Cô hài lòng nghĩ rằng cô chỉ còn phải tô màu lại tấm bản đồ địa lý đã vẽ rồi mà thôi. Mà việc đó thì rất thú vị! Gu-li-a rất thích vẽ, và những tấm bản đồ của cô thường đẹp hơn của tất cả các bạn cùng lớp.

Trong mắt cô còn lấp lánh ánh lửa phản chiếu trên tấm gương băng phẳng lì của bãi trượt. Trong tai cô còn văng vẳng điệu hành khúc vui nhộn như xé tan không khí băng giá.

Khe khẽ hát, cô chạy đến cầu thang và thấy sau chấn song sắt của hòm thư một chiếc phong bì.

— Của ai gửi thế này?

Gu-li-a lôi thư ra và nhận được nét chữ của Ê-rích.

Cô dừng ngay ở đầu cầu thang, đọc từ đầu đến cuối. Thư ngắn. Ê-rích rủ Gu-li-a đến Mát-sơ-va nghỉ đông.

Cậu ta viết rằng năm nay mùa đông ở Mát-sơ-va thật là kỳ diệu, đầy tuyết, rằng ở Xô-côn-ni-ki sẽ có cuộc thi trượt tuyết tuyệt vời và cuộc đấu «mê li» về trượt băng.

Cuối thư, cậu viết rằng cả bố Gu-li-a cũng đợi cô và hứa sẽ mua vé đi xem tất cả các nhà hát.

Đi Mát-sơ-va!... Chỉ độc ý nghĩ về chuyến đi Mát-sơ-va đã làm cho Gu-li-a hết sức vui. Ôi, thật là tuyệt được vào xem tất cả các nhà hát, tất cả các bảo tàng, từ bảo tàng Tơ-rê-chi-a-cốp^[11] cho đến bảo tàng Động vật học và Nhân chủng học! Cùng với Ê-rích lang thang qua những chốn cũ mà chúng đã cùng đi, cùng chạy hồi thơ ấu. Còn chiều tối, ngồi uống trà với bố, kể cho bố nghe về tất cả những việc xảy ra khi vắng bố. Và khuya, rất khuya, khoảng mười hai giờ đêm, bỗng nhiên cùng

bố đi dạo trên các đường phố Mát-sơ-va, dưới làn tuyết nhẹ, và lắng nghe tiếng đồng hồ ở Hồng trường điểm chuông... Chỉ có lấy tiền đâu đi đường bây giờ? Có thể chi thật ít, mua vé không có chỗ nằm, để được rẻ hơn. Vì hoàn toàn không nhất thiết phải ngủ ở tàu! Sau đấy, khi nào chả có thể ngủ bù được. Ở Mát-sơ-va cũng chẳng cần nhiều tiền — chỉ cần tiền đi tàu điện ngầm thôi. Còn những môn học bị bỏ lỡ vì vắng mặt, thì sau khi nghỉ đông, Gu-li-a sẽ học đuổi — học suốt ngày đêm. Chẳng phải là lần đâu mà cô phải học đuổi đâu.

Gu-li-a chạy như bay vào phòng, và không cởi áo ngoài, cô kể tất cả với mẹ ngay một lúc.

Lúc ấy, mẹ đang ngồi viết cái gì đấy trên bàn. Bà im lặng ngồi nghe Gu-li-a. Rồi sau đó nhìn chăm chăm vào Gu-li-a, bà nói:

— Con sẽ không đi đâu hết. Muốn có quyền được vui, thì trước tiên phải làm việc cho xứng đáng đã.

Mẹ không nói gì thêm nữa. Nhưng những chữ ấy đã đủ rồi. Gu-li-a cảm thấy hình như không phải mẹ, mà chính cô đã nói những lời nghiêm khắc và đúng đắn ấy. Muốn có quyền được vui, phải làm việc cho xứng đáng đã, nhưng lúc này, cô chưa làm việc được xứng đáng.

Ôi, muốn đi Mát-sơ-va xiết bao — muốn đến chết người đi được! Nhưng, có lẽ tốt hơn là cứ ở lại nhà, trái với ý muốn của mình và hoãn ngày hội lại cho đến khi có thể có toàn quyền cho mình được nghỉ? Thế thì mùa đông sẽ qua mất? Thôi, mặc kệ cho nó qua, sẽ có mùa đông khác!

Và cô không hề nói gì thêm với mẹ về Mát-sơ-va nữa.

Mẹ nhìn cô, có phần nào hơi lo lắng. Bà biết tính cô: đã thích cái gì, thì thích tha thiết, và từ bỏ dự định của mình, thì thật khó khăn lắm.

Nhưng Gu-li-a vẫn bình thản, niềm nở và hơn nữa dường như vui mừng vì điều gì đấy.

Điều gì đấy?

Còn trong óc Gu-li-a, một dự định mới đã xuất hiện.

BÍ MẬT CỦA GU-LI-A

Lúc cả nhà còn đang ngủ, Gu-li-a đã thức dậy.

«Việc gì tốt đã xảy ra trong thời gian gần đây? — cô tự hỏi. Vừa dậy, cô nhìn lại ngày hôm qua, đó là thói quen của Gu-li-a. — Thư của Ê-rích ư? Không. Thư chỉ mang đến sự phiền muộn mà thôi. Trượt băng ư? Không, không phải cái ấy... À! Dự định của mình! Bí mật của mình!»

Và Gu-li-a nhanh nhẹn mặc áo.

«Từ hôm nay, mọi việc sẽ tiến hành theo lối mới».

Cô đứng dậy, mở cửa sổ con. Một làn không khí tươi mát tràn vào phòng.

Gu-li-a khe khẽ hát:

Con sông đón ta bằng ngọn gió,

Ban mai đón ta bằng hơi thở...

Này, cô gái tóc quăn kia ơi,

Sao không vui lên với tiếng còi?

Đó là bài ca trong một bộ phim mới.

Tập thể dục xong, Gu-li-a bắt đầu trải giường. Phủ tấm khăn choàng thêu lên gối, cô cố làm cho cái giường trắng muốt của cô có vẻ thơm tất, nề nếp nhất.

Và trên bàn mình, cô thu dọn trật tự lắm đến mức không nhận ra được nữa.

Trước kia, sách nằm trên bàn lẫn lộn với vờ, đây thì mảnh bút chì gãy rơi lung tung, kia thì lọ mực nằm nghiêng như đang dọa đổ vào sách của thư viện. Bây giờ thì mỗi vật đều có chỗ của nó: các cuốn sách được trở về căn nhà thường xuyên của chúng, nghĩa là nằm trên giá, còn các quyển vở thì xếp cẩn thận từng chồng khiêm tốn nằm bên cạnh. Lọ mực, vắn nắp chặt, ngòi bút trên đầu bậc thang bằng cẩm thạch. Cuối cùng, những cây bút chì cũng vào nề nếp. Gu-li-a gọt nhọn tất cả, và bây giờ thì chúng vui vẻ thò những đầu nhọn hoắt từ trong một chiếc cốc bằng gỗ. Trên chỗ danh dự nhất — đầu bậc thang bằng cẩm thạch cạnh lọ mực, nằm gọn gàng chiếc đồng hồ của Gu-li-a.

Kinh hãi trước cảnh bận rộn ấy, con sóc trèo tít lên tận ngăn trên cùng của giá sách, nắp sau cuốn từ điển dày cộp, nó lo lắng nhìn xuống cái trật tự mới mà nó chưa hề thấy bao giờ.

Gu-li-a đưa ngón tay lên dọa nó và ngồi xuống cạnh cái bàn sạch sẽ, thoải mái và tiện lợi.

Trong căn nhà tràn ngập sự yên tĩnh dễ chịu của buổi sáng, trong khung cảnh ấy suy nghĩ thật là khoan khoái, ghi nhớ điều gì cũng thật là dễ dàng và giản đơn.

Buổi sáng trôi qua lúc nào không biết. Trước mắt còn cả một ngày nữa, mà Gu-li-a đã kịp giải xong mười bài tính đại số và đọc lại tất cả bài học về môn lịch sử trong cả tuần.

«Nếu mọi việc cứ tiếp tục như thế này, — Gu-li-a nghĩ bụng trên đường đi đến trường, — thì cuối cùng có thể mình sẽ là nữ sinh ưu tú. Khi đó chắc mình sẽ đạt được nguyện vọng ».

Một vài ngày qua. Mẹ nhìn Gu-li-a và ngạc nhiên. Nó làm sao thế nhỉ? Trước kia khó nhọc lắm mới đẩy nó đến trường đúng

giờ được, còn bây giờ nó thức dậy từ sáng tinh mơ. Trước kia, thường nó chạy vội đi học và để lại cái giường không xếp, trên bàn lộn xà lộn xộn đến nỗi chẳng đến gần được, còn bây giờ, khi nó đi học rồi, thì chẳng cần dọn gì nữa. Khi ở trường về, nó học tập, và hơn nữa, còn kịp giúp việc nội trợ cho thím Phơ-rô-xi-a, người giúp việc trong nhà.

«Nó cố gắng làm việc để xứng đáng được đi Mát-scơ-va đấy,» — bà mẹ nghĩ thầm.

Còn Gu-li-a đã quên hẳn chuyến đi. Bây giờ cô đã có một điều lo nghĩ khác rồi.

Ở Cung Thiếu niên cô ghi tên vào nhóm nhào lộn xuống nước.

«Mình phải chơi thể thao dưới nước, — Gu-li-a nghĩ bụng, — phải tập cho ra trò, thì nhất định người ta sẽ nhận. Chỉ có điều là phải cắt ngắn cái mớ tóc bù xù này đã ».

Cô nhét bộ áo tắm của mình vào cặp và trên đường đến Cung Thiếu niên chạy tạt vào hiệu cắt tóc.

— Bác cắt cho tôi «kiểu con trai» đấy nhé, — ngồi vào ghế, cô nói với người thợ cắt tóc.

Người thợ cắt tóc, tay cầm kéo, lược, lắc đầu và nói: Thế cô không tiếc sao? Tốt hơn là đến hè sẽ cắt... Không sao, Gu-li-a đáp, — đến hè cắt lần thứ hai.

Và dưới lưỡi kéo sắc, những mớ tóc dày, vàng, óng ánh rơi lung tung trên chiếc khăn trắng choàng lên vai Gu-li-a.

«Thế này cũng chẳng xấu, — nhìn vào gương thấy cái đầu con trai tinh nghịch, cô tự bảo, — chỉ có cô hơi mát một tí thôi».

Và Gu-li-a chạy vụt đến Cung Thiếu niên.

Cô tưởng tượng là ngay sau khi cô vào phòng bể bơi, người ta sẽ dẫn cô lên cầu nhảy ngay lập tức.

Nhưng, hóa ra còn lâu mới đến lúc được nhào lộn. Trước khi vào phòng, nơi có bể bơi, những người mới thường phải qua một vài giai đoạn: bác sĩ khám, sau đó tắm sạch sẽ và tập thể dục. Gu-li-a đã biết rằng nhiều bài tập thể dục phức tạp mà cô đã làm, giúp ích cho sự phát triển của bắp thịt.

Tươi tỉnh, sáng khoái, trong bộ áo tắm với con hải âu trắng ở ngực, cuối cùng Gu-li-a đã vào phòng bể bơi tràn ngập ánh sáng. Ngoài cửa sổ, những hoa tuyết đang rơi, thế mà ở đây thì như giữa mùa hè vậy — mùa hè thực sự với nhiệt độ ấm dịu và tiếng sóng vỗ oà oạp.

— Chúng ta bắt đầu từ chiều cao một thước, — cô gái tóc đen trong bộ áo tắm màu xanh nói.

Đó là Ô-lê-xi-a, huấn luyện viên nhóm nữ.

Gu-li-a cùng chị ấy leo lên vài bậc trên một cái thang dốc bằng kim loại. Gần sát dưới chân, tiếng nước nhè nhẹ vỗ.

Những lần nhào lộn đầu tiên, Gu-li-a cảm thấy dễ dàng và đơn giản, vì cô đã nhào lộn xuống nước nhiều lần từ những tảng đá ở A-rơ-tếch.

— Còn bây giờ sẽ nhảy từ chiều cao ba thước, — Ô-lê-xi-a nói, khi Gu-li-a đã nghỉ được chút ít.

Và chị dẫn Gu-li-a lên thêm mấy bậc nữa. Từ trên cầu nhảy, Gu-li-a nhìn xuống.

«Không sao, thế này có gì đáng sợ », — cô nghĩ thầm vì nhớ lại rằng những mỏm đá ở bờ biển chỗ trại A-rơ-tếch chẳng thấp hơn ở đây bao nhiêu cả.

— Thế này nhé, — Ô-lê-xi-a nói.

Và chị giải thích cho Gu-li-a rằng những lần nhào lộn trước, mở đầu cho cuộc tập luyện, chẳng đáng gọi là nhào lộn, mà chỉ là «những lần té ngã» mà thôi, nhưng nó chuẩn bị cho việc nhào lộn xuống nước.

Ô-lê-xi-a đứng, mặt nhìn xuống nước.

— Cần phải đứng ưỡn thẳng người ra thế này, — chị nói, — và đừng khom lưng, ngã nhào về phía trước. Như vậy thì nhất định đầu sẽ lao xuống nước.

— Em chẳng làm được thế, — Gu-li-a nói. — Ngã lộn đầu xuống dưới, thế sợ lắm.

— Em sẽ tập được và sẽ không sợ nữa, — Ô-lê-xi-a nói.

Và không khom lưng, dường như cái đó đối với Ô-lê-xi-a dễ như bỡn, chị nhẹ nhàng nghiêng toàn thân về phía trước và bay xuống... Một nháy mắt — và chị đã lao đầu xuống nước.

— Ôi! — Gu-li-a kêu lên một tiếng và nheo mắt lại. Nhưng Ô-lê-xi-a đã lên khỏi nước như chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Bây giờ đến lượt Gu-li-a phải nhào lộn. «Lộn cổ, ngã chết đây!» — Gu-li-a nghĩ bụng, nhưng cố nén và không nói gì.

ưỡn thẳng người, cô hồi hộp chờ mệnh lệnh.

— Nhảy! — Ô-lê-xi-a thốt lên.

Đầu gối Gu-li-a bắt đầu run. Cô lao xuống nước với một tiếng ầm vang và nước bắn tung tóe.

— Không sao, chẳng tồi, — Ô-lê-xi-a nói, khi Gu-li-a đã leo ra khỏi bể bơi và vừa đi vừa rũ nước. — Chỉ có điều là đừng đập chân, khi sắp nhào xuống. Nào, làm thêm một lần nữa nhé!

Và lại bắt đầu tập dượt. Khi Gu-li-a đã tập lao xuống nước không khom lưng và không đập chân, thì Ô-lê-xi-a nói:

— Và bây giờ em sẽ nhào lộn kiểu người lính.

— Kiểu người lính là thế nào? — Gu-li-a ngạc nhiên và nghĩ thầm: «Tốt đấy! Chắc là cái món này sẽ vừa vặn cần cho mình đây».

Ô-lê-xi-a lại đứng, mặt nhìn xuống nước, duỗi thẳng hai tay theo hai bên sườn, như hai tay cô đã gắn chặt vào thân mình và nhào thẳng người, hai chân xuống dưới.

Gu-li-a lại nhắm mắt trong giây lát. Nhưng Ô-lê-xi-a vẫn bình yên vô sợ và ra khỏi nước.

Gu-li-a im lặng đi đến mép cầu nhảy. Uốn thẳng người, cô cứng đờ ra giống như một pho tượng bằng kim loại, và ngay sau khi nghe hiệu lệnh «nhảy», cô liền rời khỏi cầu nhảy và bay xuống dưới.

— Tốt đấy! — Ô-lê-xi-a nói với Gu-li-a, khi gặp cô ở bậc cửa bể bơi. — Em học tốt thì sẽ nhào lộn kiểu chim én.

— Kiểu chim én à! — Gu-li-a mừng rỡ. — Thế đã sắp chưa?

— Sốt ruột quá, không chờ được sao? Cái gì cũng có thời gian của nó chứ. Cá chim nữa cũng không phải học một lần là bay ngay được.

— Nhưng em muốn chỉ một lần được ngay thôi, — Gu-li-a nói.

Nhưng «chỉ một lần» thì chẳng làm được gì cả. Ngày này tiếp ngày khác trôi qua trong những bài tập thể thao và trong những buổi chuẩn bị cho kỳ thi sắp đến. Nhưng tất cả những cái đó

phải làm kín đáo, lặng lẽ, để không một người nào đoán được bí mật của Gu-li-a.

Và cuối cùng, ngày bấy lâu chờ đợi đã đến. Bước ra khỏi nhà, Gu-li-a tự cảm thấy rằng bây giờ cách đi cách đứng và cả con người của cô có phần nào khác trước. Trong tháng gần đây, cô đã ưỡn thẳng người và ngẩng cao đầu.

Mi-ra Gác-ben đợi cô ở đằng góc. Mi-ra là người duy nhất được Gu-li-a thổ lộ điều bí mật của mình.

— Sao họ lại không nhận mình nhỉ? — bước cạnh Mi-ra và khoác tay bạn trong tay mình theo lối đàn ông, Gu-li-a lý sự. — Cậu nghĩ thế nào, hớ Mi-ra, họ sẽ nhận chứ? Sức khỏe mình, nhờ trời cũng khá lắm. Mẹ nói rằng khi lên một, mình đã được phần thưởng về sức khỏe tốt đấy nhé!

— Rồi sau cậu lại ốm, — Mi-ra nhắc.

— Ừ, nhưng mà chuyện xảy ra từ bao giờ kia mà! — Gu-li-a nói — Xảy ra và đã qua rồi. Ở nhà an dưỡng người ta chữa cho mình dù sao thì cũng rất tốt. Cảm ơn chị Ôn-ga Páp-lốp-na. Còn về sức chịu đựng của mình, thì chính cậu biết đấy, nó như thế nào. Và hình như mình cũng không nhát gan. Còn về học tập, thì bây giờ đã trở nên khá tốt, gần như là ưu tú nữa.

— Ừ, tất nhiên người ta sẽ nhận thôi, — Mi-ra nói cho yên lòng bạn, nhưng chẳng biết vì sao cô lại thờ dãi.

Gu-li-a chăm chăm nhìn Mi-ra.

— Rõ ràng là cậu phản đối?... Không tán thành à?

— Mình không muốn ngăn cản cậu. Nếu cậu đã quyết định thế thì cứ làm thế. Nhưng nếu đứng địa vị cậu, thì mình sẽ vào trường sân khấu tốt hơn. Chắc là cậu có tài...

— Không! Tài gì ở đây!

Gu-li-a lắc đầu rũ tóc và đưa tay cầm quả nậm của cánh cửa to và nặng. Mi-ra gọi với theo:

— Chúc cậu may mắn!

Mi-ra đi lại rất lâu trên vỉa hè để đợi Gu-li-a. Ngày hôm đó sáng sủa. Trời bắt đầu ấm lên, và những người quét đường đang cầm xẻng cào tuyết ướt, đã sẫm lại trên vỉa hè.

Mi-ra thấy hơi buồn.

«Đây, trên đời này người ta chia tay nhau như thế đấy, — cô nghĩ bụng. — Bây giờ thì Gu-li-a bắt đầu một cuộc đời hoàn toàn mới. Có lẽ không còn gặp nhau được nữa, chứ đừng nói đến việc chơi với nhau. Mà sao nó cứ nhất định muốn đi vào con đường khó khăn nhất thế?»

Và Mi-ra nhớ lại những câu thơ trong bài *Cánh buồm* của Léc-mông-tốp:

Còn nó, ngang tàng, khát khao bão táp,

Dường như trong bão táp có bình yên...

Hơn một giờ trôi qua. Chân Mi-ra đã lạnh cóng. Mặt trời đã qua phía khác, và hơi thở của buổi chiều bắt đầu thổi nhẹ.

Cuối cùng, cánh cửa nặng nề lại mở ra. Từ các bậc thềm vang lên tiếng gót giày, và vài cậu thanh niên vừa nói chuyện vui vẻ với nhau, vừa chạy ra. Chúng đi trên đường phố, nện bước rần rỏi.

«Những cậu ấy chắc là được nhận vào rồi, — Mi-ra nghĩ thầm. — Còn các cô không hiểu vì sao chưa thấy đâu cả. Chẳng lẽ chỉ một mình Gu-li-a vào trường quân sự?»

Và cuối cùng, cánh cửa gỗ sồi lại kêu ken két, và Gu-li-a hiện ra ở ngưỡng cửa.

— Thế nào? — Mi-ra hỏi khẽ.

Gu-li-a gạt tay và giận dữ lâu bầu:

— Người ta tìm thấy trong mắt cái gì gì đấy. Cả đời mình trông rõ tuyệt, ngay cả ở nhà hát chẳng bao giờ cần ống nhòm, thế mà ở đây, người ta bắt mình đứng cách xa cả một dặm đọc những cái quý quái chẳng có nghĩa lý cóc khô gì cả — bộ chữ cái: «a»... «s»... «ư»... Giá mà mình biết bảng treo đấy, thì mình đã học thuộc lòng từ trước rồi... Và mọi việc sẽ ổn.

— Thế cậu đào đâu ra những bảng đó?

— Hừ, sẽ xoay ở đâu đấy thôi. Ở bất cứ ông bác sĩ chữa mắt nào chả có.

— Nhưng chính mỗi ông lại có bảng chữ riêng của mình cơ đấy, Mi-ra nói. — Cái đó mình biết rõ.

— Còn cậu, hình như cậu mừng vì người ta không nhận mình, phải không? Kìa, nó lại vui nữa kia chứ. Bạn tốt thật!

— Gu-li-a, đừng giận mình, — Mi-ra nói. — Không thể nói là mình mừng, nhưng theo mình, hoàn toàn không nhất thiết con gái phải học ở trường quân sự. Đấy, cậu nghĩ xem, vì sao nhất định cậu phải vào ngành quân sự?

— Không, vấn đề hoàn toàn không phải là ở đấy, — Gu-li-a nói. — Nhưng, cậu hiểu không, thỉnh thoảng mình thấy sống khó khăn lắm. Mình hy vọng rằng trường đó sẽ giúp mình... Nó sẽ dạy cho mình quen kỷ luật thật sự.

Đúng vào lúc đó, một quân nhân đeo kính gọng sừng đi qua vội vã trước hai cô.

— Cậu thấy không, thấy không? — Gu-li-a nói to đến nỗi người kia phải ngoái cổ lại. — Quân nhân mà đeo kính đây. Vì sao ông ấy thì được, còn mình không được. Mình đã bảo: «Nếu thế thì hãy viết cho tôi đơn mua kính và cứ nhận tôi vào trường». Nhưng ông bác sĩ cứ cố chấp và thế nào cũng không chịu.

Về nhà, Gu-li-a nằm trên giường. Phơ-rô-xi-a gọi cô ăn trưa, nhưng Gu-li-a chỉ nói:

— Để sau, thím Phơ-rô-xi-a ạ, — và quay mặt vào tường.

Gần tối, cô ngủ thiếp, và trong giấc ngủ, cô mơ màng cảm thấy bàn tay của mẹ thận trọng sờ lên trán cô. Trong chốc lát, cô cảm thấy hình như mình lại trở nên hoàn toàn bé bỏng và mẹ sẽ bế cô lên.

— Mẹ ạ, cứ yên tâm, con không đau gì cả đâu, — Gu-li-a trả lời, không đợi mẹ hỏi. — Con nằm một tí rồi sẽ qua thôi.

Còn cái gì «sẽ qua», chính cô cũng không biết.

«Mình phải tiếp tục sống thế nào đây? — nhắm nghiền mắt và kéo căng cái khăn choàng cũ bằng len đan trên vai, Gu-li-a nghĩ thầm. — Mình đã mười lăm tuổi rồi, mà còn chưa làm được cái gì tốt và có ích cả. Sức lực có thừa, mà chẳng dùng được vào việc gì cả. Lẽ nào lại cứ trượt băng, trượt suốt chiều suốt tối, trượt đến chết ngất mãi sao? Giá mà đóng phim thì tốt hơn. Dù sao cũng là công việc thực sự. Và hơn nữa, thật là khó tự chủ mình để khỏi thất bại... Thử nghĩ xem có cách gì khác đây?

Nếu nói với mẹ rằng mình muốn công việc thực sự, lập tức mẹ lại khuyên mình giúp đỡ thím Phơ-rô-xi-a trong công việc

nội trợ. Còn thím thì cần nhẫn cần nhẫn: «Cô đã đánh vỡ bao nhiêu cốc tách rồi đấy! Tay cô chẳng phải tay làm dâu». Đấy, kết quả là lại cứ phải ngồi vào bàn ăn như các cô tiểu thư. Tất cả mọi thứ đều có người bưng đến tận nơi. Thật là xấu hổ!»

Gu-li-a ngủ thiếp đi, vẫn mặc cả áo ngoài. Và ngày hôm sau xảy ra một sự việc làm cho cô quên hẳn tất cả những phiền muộn và lo âu.

CAO ĐIỂM THỨ BA

Ở phòng chơi của trường học, cũng như mọi khi trong giờ giải trí, tiếng ồn ào huyên náo đủ các giọng không ngớt. Các cô gái ôm nhau, chậm chậm bước, còn các cậu trai thì chạy lui chạy tới, và các cô gái cầu nhàu kêu là «chúng nó quần mãi vào chân».

Hôm nay, tiếng ồn ào mất trật tự nhưng vui vẻ đó của nhà trường chỉ làm Gu-li-a bức tức. Cô bỏ vào lớp học lúc đó còn trống không, ngồi vào bàn học của mình, ở hàng thứ ba gần cửa sổ, và mở hù họa một cuốn sách nào đấy.

Nhưng lúc đó, cánh cửa hé mở, và Mu-xi-a Lê-bê-đê-va, cán bộ đoàn thanh niên cộng sản của trường, nhòm vào lớp.

— A! Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va!—cô nói. — Mình đang tìm cậu. Mình muốn nói chuyện với cậu đây.

— Với mình? — Gu-li-a ngạc nhiên và ngồi dịch ra.

Mu-xi-a ngồi xuống bên cạnh.

— Việc thế này này, — cô bắt đầu nói có vẻ khô khan và long trọng: — chúng mình nhận thấy, trong thời gian gần đây, cậu đã thay đổi khá rõ, Cô-rô-li-ô-va ạ.

— Thay đổi thế nào? — Gu-li-a lo lắng hỏi Lại.

«Có lẽ nào cả ở đây người ta cũng nhận thấy chẳng?» — cô nghĩ bụng.

— Thay đổi thành tốt hơn, — Mu-xi-a mỉm cười giải thích. — Rõ ràng là cậu đã trưởng thành lên. Cậu bắt đầu rèn luyện mình

một cách thực sự, cư xử với bản thân một cách có ý thức hơn... Nói chung, chúng mình nhận thấy cậu hoàn toàn xứng đáng đứng trong hàng ngũ đoàn thanh niên cộng sản.

Gu-li-a vừa bối rối, vừa vui mừng.

162

«Cái này đúng là cần cho mình đây, chính là cái cần cho mình đây», — cô nghĩ thầm và đột ngột đứng dậy. Cô nói:

— Cậu bắt đầu một cách làm cho mình nghĩ rằng hình như mình đã làm điều gì kinh khủng lắm. Mu-xi-a ạ, đây chính là hạnh phúc của mình đấy chứ! Chắc cậu cũng không biết rằng mình thường gặp khó khăn như thế nào vì đơn độc. Mình sẽ cố gắng làm người đoàn viên chân chính!

Mu-xi-a mỉm cười nhìn Gu-li-a và nghĩ bụng: «Tính tình nó thích thật! Sôi nổi, nồng nhiệt, hoạt động. Phải giúp nó ra trò. Nó sẽ được việc đấy».

Ở ngoài hành lang, vui vẻ và lạnh lạnh vang lên tiếng chuông.

— Thôi, hãy tạm nói thế thôi, — Mu-xi-a đứng dậy nói. — Lúc đầu, chúng mình sẽ xem xét tất cả, sau đó, ở khu đoàn sẽ kiểm tra lại cậu.

— Cái gì thế, thi à? — Gu-li-a hỏi.

— Ừ, có lẽ, còn quan trọng hơn thi nhiều, — Mu-xi-a đáp và đi ra.

Lớp học trong nháy mắt lại tràn ngập tiếng ồn ào vừa sục sôi ở ngoài hành lang.

«Thế chẳng sao, — Gu-li-a nghĩ bụng, — không được vào trường quân sự, nhưng lại được kết nạp vào đoàn. Chỉ cốt sao

vượt qua được kỳ thi này!»

Hai tuần sau, Gu-li-a từ khu đoàn trở về nhà. Gió tháng hai thổi mạnh từng hồi. Dựng đứng cổ áo bành-tô và quần kín khăn choàng cổ, những người bộ hành mình đầy tuyết bận rộn qua lại trên vỉa hè. Còn Gu-li-a cảm thấy hình như tất cả mọi người đều khoan khoái và vui vẻ như cô...

Chạy bay vào nhà, Gu-li-a chạm phải Phơ-rô-xi-a làm thím suýt ngã.

— Thím Phơ-rô-xi-a, mẹ đâu?

— Không có nhà.

— Thím Phơ-rô-xi-a, chúc mừng cháu đi, — Gu-li-a nói. — Cháu là nữ đoàn viên thanh niên cộng sản. Đoàn viên thực sự rồi!

Và cô chạy đến máy điện thoại:

— Mẹ, con có tin mới... Đừng lo, tin mừng đấy! Khu đoàn đã phê chuẩn rồi! Vâng, vâng, đã phê chuẩn rồi! Tất cả chỉ kết nạp năm người. Hoàn toàn không có vẻ trịnh trọng, mà lại cở vờ thân mật cơ. Người ta hỏi con: cô có thể biểu hiện sức mạnh của ý chí, làm một điều gì đặc biệt, chẳng hạn như đi đến một nơi nào thật xa, nếu người ta cử đi. Hoặc là một việc gì khác. Nhưng nói chung là thể hiện lòng can đảm. Con nói là con sẽ cố gắng. Còn bây giờ thì con đi đến bể bơi nhé... Con không thể ngồi nhà một mình đâu... Vâng, vâng, con sẽ không để cảm lạnh và không chết đuối đâu...

Nói xong, Gu-li-a mắc ống nghe lên.

— Ôi, thím Phơ-rô-xi-a, cháu vui mừng lắm và hạnh phúc làm sao! Thím biết không, cháu được kết nạp vào đoàn. Người ta sẽ

giao cho cháu đủ mọi thứ công việc, rất quan trọng đấy nhé. Và nếu cháu không làm được, thì sẽ xấu hổ vô cùng.

Phơ-rô-xi-a im lặng nghe, gật gật đầu, rồi lấy gấu áo tạp-dề lau mắt.

— Thím Phơ-rô-xi-a, thím sao thế? — Gu-li-a hoảng hốt.

— Không, vì thím mừng đấy thôi, — Phơ-rô-xi-a nói. — Trẻ thế mà đã được vào đoàn rồi.

Gu-li-a bật cười:

— Thì đoàn thanh niên chính là để kết nạp những người trẻ chứ. Thím biết không, hôm nay, cháu sẽ nhào lộn kiểu chim én đấy nhé.

— Ôi, sao lại thế? — Phơ-rô-xi-a hốt hoảng.

— Thế này, này! — Gu-li-a dang rộng hai tay. — Thím đừng sợ, cháu chẳng sao đâu.

Và hôn thím Phơ-rô-xi-a vài cái, Gu-li-a chạy ra khỏi nhà.

«Hôm nay, tất cả sao mà dễ thương thế này, tuyệt thế này, — Gu-li-a nghĩ thầm và chạy vội xuống cầu thang nhảy từng ba bậc một. — Trước đây không lâu, đã có một buổi chiều buồn làm sao, còn hôm nay thì thật là thích! Giá hôm nay, nhân ngày vui này, mình nhào lộn được kiểu chim én nhỉ!»

Lần trước, Ô-lê-xi-a nói với Gu-li-a rằng cô nhào lộn không ra kiểu «chim én» mà là kiểu chim sẻ. Bây giờ vừa bước trên con đường tuyết trắng và xốp như bông, Gu-li-a vừa cố gắng hình dung một cách rõ ràng từng động tác cần thiết mà cô sẽ phải làm trước khi nhào lộn.

Lớp gạch trắng men màu xanh nhạt của bể bơi lấp lánh ánh đèn điện sáng rực. Gu-li-a nhanh chóng thay áo trong phòng, và như thường lệ, mặc bộ áo tắm, cô leo lên cầu thang cao ba thước.

— Hôm nay, em sẽ nhảy từ năm thước, — Ô-lê-xi-a từ dưới nói vọng lên.

— Từ năm thước à? — Gu-li-a hỏi. — Thôi được.

Và cô leo thang lên cao thêm hai thước nữa. Khi đã đứng trên cầu nhảy, tự nhiên cô muốn nắm lấy tay vịn, nhưng tay vịn không có. Và do đó, Gu-li-a cảm thấy hình như cầu nhảy ít nhất là cao gấp hai lần so với chiều cao thực tế của nó.

Chân Gu-li-a khe khẽ run.

Nhưng từ dưới đã vang lên hiệu lệnh:

— Nhảy!

Và cố gắng tự chủ, Gu-li-a chạy lấy đà rất nhanh, nhảy lên, dang rộng hai tay, như đôi cánh, và bay xuống. Cô bay xuống, toàn thân ưỡn thẳng ra, tựa hồ như chim én thật. Một nháy mắt — và cô đã lao đầu xuống nước. Cả cột nước tung tóe bắn lên ngay ở nơi mà trước đây mặt nước phẳng lặng bình yên lấp lánh.

— Tốt, tốt! — Ô-lê-xi-a vui vẻ thốt lên. — Chỉ có điều là em không ước lượng đúng chiều cao, và do đó nước bắn tung tóe lên. Em đã lấy đà như khi nhảy từ ba thước. Cứ tập tiếp, rồi sẽ tránh được nhược điểm đó.

Gu-li-a lại leo lên cầu nhảy và nhào lộn giống như Ô-lê-xi-a đã dạy cho cô.

— Tốt lắm, tốt lắm! — chị huấn luyện viên nói.

— Bây giờ có thể đi chứ? — Gu-li-a hỏi.

— Có thể. Đi lên cao.

— Lên cao? Lên cao để làm gì?

— Nhảy!

— Từ ba thước, — Gu-li-a hỏi, — hay là một lần nữa từ năm thước?

— Không. Từ tám thước.

— Từ tám thước ư?!

— Sao, sợ à?

— Sợ, — Gu-li-a thú nhận.

Ô-lê-xi-a mỉm cười:

— Cố học đi, em sẽ nhảy được từ mười thước xuống kia.

— Không bao giờ em sẽ học được, — Gu-li-a thì thảo và thờ dài. — Ủ, thì đã sao, thử nhảy từ tám thước xem.

Và cô leo lên thang. Đây là cầu nhảy cao ba thước mà trước đây không lâu Gu-li-a đã học nhảy từ đấy. Đây, cái tiếp theo này — cao năm thước. Tức là còn phải lên cao nữa.

«Ôi, cao quá! — Gu-li-a nghĩ bụng. — Chết mất!»

Tim cô như dừng lại khi đứng từ cầu nhảy tám thước nhìn xuống.

Cô cảm thấy hình như cô đang đứng trên mái nhà ba tầng. «Tám thước, — Gu-li-a suy nghĩ, — và còn chiều sâu của bể bơi bốn thước nữa chứ, tất cả là mười hai thước!»

Đáy bể bơi óng ánh xuyên qua chiều dày của nước.

«Không, mình không thể, — Gu-li-a nghĩ bụng, — sợ lắm...»
Nhưng từ dưới đã vang lên hiệu lệnh của ô-lê-xi-a:

— Nhảy!

— Chị Ô-lê-xi-a!— Gu-li-a kêu lên, giọng run run nghe như không phải chính giọng mình. — Em chịu thôi!

Từ dưới lại vang lên mệnh lệnh có vẻ thôi thúc hơn:

— Nhảy!

Gu-li-a nghiêng răng lại.

«Mình đã nói ở khu đoàn rằng sẽ cố gắng hành động can đảm, — ý nghĩ thoáng trong óc cô, — thế mà bây giờ lại «em chịu thôi»... Không, xấu hổ lắm. Mình không sợ!»

Và, nheo mắt, cô lại chạy mấy bước lấy đà trên cầu nhảy, nhảy lên và lại bay xuống, với hai tay dang rộng, tựa hồ như chim xòe đôi cánh bay.

Cô bay khoảng vài giây, nhưng những giây đó cô cảm thấy hình như dài vô hạn.

— Ôi, em bay lâu làm sao! — Gu-li-a vừa nhô đầu ra khỏi mặt nước, thở phì phì và nói.

Ô-lê-xi-a đứng trên bậc thang, vẫy tay với cô.

— Nếu tình hình cứ như thế này mà tiến, — Ô-lê-xi-a nói, — thì đến mùng Tám tháng ba, em sẽ thi đấu để xếp hạng được đấy.

Gu-li-a ngửa đầu và nhìn lên trên — nhìn cầu nhảy cao tám thước.

— Thế em có thể nhảy thêm một lần nữa được không? — Cô hỏi.

— Một trăm lần cũng được, — Ô-lê-xi-a vui vẻ trả lời. — Hôm nay một lần, ngày mai hai lần và sau đó còn chín mươi tám lần nữa.

Gu-li-a lại leo lên cầu nhảy cao tám thước, và lần này không còn gì sợ nữa, giống như cô đã được chấp cánh, cô nhẹ nhàng rời khỏi bục ván và nhảy xuống, lao vào làn nước trong vắt.

MÔN VẬT LÝ VÀ BUỔI HÒA NHẠC CỦA LÊ-MÊ-SÉP^[12]

Kỳ thi đến gần.

Gu-li-a mang chú sóc của mình đến thả ở rừng đã bắt đầu xanh lá, ra ga tiễn mẹ đi Xô-si và trở về căn nhà trống trải của mình. Chỉ còn Phơ-rô-xi-a ở lại với cô thôi.

— Thím Phơ-rô-xi-a ạ, — Gu-li-a nói, — cháu sẽ không rời khỏi nơi này chừng nào chưa ôn xong toàn môn vật lý.

Và ngồi vào bàn, chống hai tay vào đầu, Gu-li-a miệt mài với cuốn sách giáo khoa. Anh nắng tháng sáu chiếu vào phòng. Cây keo trước cửa sổ đã nở hoa.

«Bây giờ ở ngoài sông Đơ-nhi-ép thích biết bao! — Gu-li-a buồn rầu suy nghĩ. — Giá thuê một chiếc thuyền thoi và bơi xuôi dòng nhỉ! Rồi sau đó nằm trên cát trắng và nhìn trời xanh»

Nhưng đó là sau kia, sau kỳ thi. Còn bây giờ phải quên hết mọi sự trên đời, trừ môn vật lý.

«Nhiệt»... Thật là trở trêu, phải ôn cái môn «nhiệt» tai vạ này trong lúc trời đang nóng đến không biết chui đâu cho thoát.

Lúc đó, từ dưới bếp vang lên giọng hát kéo dài của bài ca U-cơ-ren: «Em không phải là người cô-dắc mà sao em yêu anh thế».

«Chẳng biết thím Phơ-rô-xi-a làm từ bao giờ mà đã kịp xong tất cả? — Gu-li-a nghĩ bụng. — Mình chưa kịp ngoảnh đi ngoảnh

lại thì thím đã làm xong tất cả rồi, và thím lại ngồi hát bài ca «cô-dắc». Đấy, mình phải học tập thím ấy mới được!»

Và quả thực: ngay từ lúc gần chín giờ, mà mọi thứ trong nhà đều đã được thu dọn, trên bếp dầu lửa đánh bóng lộn, món ăn trưa đang âm ỉ sôi, còn Phơ-rô-xi-a ngồi bên cửa sổ, tay thêu miêng hát.

Thím thường hát như thế này: bắt đầu hát và dừng lại ở giữa chừng, khi thì phải căn sợi chỉ, khi thì phải nói với Gu-li-a cái gì đấy, khi thì phải vặn bếp dầu lửa. Rồi sau đó, thím lại tiếp tục đứng ngay ở chỗ đã dừng lại, coi như không có việc gì xảy ra cả. Những lúc dừng lại như thế làm Gu-li-a bực, và đôi khi vì thế mà giữa cô và Phơ-rô-xi-a có những va chạm nhỏ. Cả hôm nay cũng thế. Phơ-rô-xi-a đang kéo dài giọng hát bài ca yêu mến của mình:

Em không phải là người cô-dắc mà sao em...

Và dừng lại. Gu-li-a lắng nghe, chờ hát tiếp, nhưng Phơ-rô-xi-a lặng im.

Thím Phơ-rô-xi-a! — Gu-li-a khấn khoản. — Sao thím lại im đi thế?

— Gu-lênh-ca, — từ bếp vang lên một giọng nói giả vờ giận dữ, — không được phản ứng thế!

Và Phơ-rô-xi-a lại hát:

...mà sao em yêu...

Lại im lặng.

— Phơ-rô-xi-a, thím hát đi.

Nhưng ngay lúc đó, có người nào đấy gõ cửa.

Gu-li-a! — Phơ-rô-xi-a kêu lên. — Có nghe không, hử?

Ai gõ cửa đấy! Mà bếp dầu lửa của tôi đang tắt dây này.

— Mặc người ta gõ, — Gu-li-a từ phòng mình đáp lại, — Cháu còn phải học.

Hai người va phải nhau ở gần cánh cửa và cả hai cùng mở cửa. Na-đi-a, cô bạn cùng lớp của Gu-li-a, một trong những cô bé diện nhất và xinh nhất lớp, bước vào phòng ngoài.

— Gu-li-a, — Na-đi-a khó nhọc lấy hơi và nói, — cậu bỏ tất cả đấy! Lê-mê-sép đến Ki-ép rồi! Buổi hòa nhạc mê ly tuyệt trần đời đấy nhé! Có hai vé đây rồi!

— Cậu điên à?—Gu-li-a hỏi. — Thế còn môn vật lý?

— Vật lý hãy khoan đã. Lẽ nào cậu nỡ hy sinh Lô-mô-sép vì cái môn vật lý khốn nạn này hay sao?!

Gu-li-a im lặng.

— Đêm nay mình sẽ học «nhiệt», — Na-đi-a nói, uốn éo người trước gương và sửa lại những búp tóc quăn và những nếp áo dài.

Gu-li-a nhìn bạn mỉm cười và hơi nheo mắt.

— Cậu có thích mình nói cho cậu biết, — cô hỏi, — ở trường chúng nó đặt thơ về cậu thế nào không?

— Về mình à? Ai đặt? Thư nào?

— Không phải thư mà thơ kia. Nghe đây này:

Na-đi-a, Na-đi-a

Ấp ủ trong lòng hy vọng:

Bằng tóc vàng và áo xống

Chinh phục những trái tim thơ.

Chính cậu bịa ra cái ấy chứ gì! — Na-đi-a nói và hơi đỏ mặt.

— Cậu đừng giận, Na-đi-a ạ!

Nhưng Na-đi-a không định giận, vì ở lớp mọi người thường trêu nó, nên từ lâu nó cũng đã quen với chuyện ấy rồi.

— Gu-li-a, cậu biết không, — nó nói, — mình đã đánh đổi cho một con bé, mình đưa nó cái ảnh Lê-mê-sép hút thuốc, còn nó đưa mình ảnh Lê-mê-sép đội mũ.

— Thôi đi, cậu hãy vứt bém những anh chàng «hút thuốc» và «đội mũ» của cậu đi. Có thể nói, cuối cùng con người cũng phải tỉnh ngộ ra chứ...

— Thế cậu là con người đã tỉnh ngộ à? — Na-đi-a bật cười.

— Na-đi-a ạ, mình không nói đùa đâu, — Gu-li-a nghiêm trang nói. — Cậu biết đấy, mình dễ bị rủ rê lắm, nhất là lại có buổi hòa nhạc như thế. Thành ra phải tự kìm mình rất mạnh! Cậu tưởng là mình thích ngồi chây mò hôi ra thế này ư? Khốn nỗi, còn những năm mươi trang nữa. Cậu thấy không?

— Nhưng cậu đã học chúng suốt năm rồi kia mà.

— Không quan trọng! Chính cậu cũng đã học đấy chứ, nhưng chắc bây giờ cậu chẳng nhớ gì.

— Ừ, mình chẳng nhớ quý gì cả, — Na-đi-a nói và liếc nhìn vào gương.

— Thế thì hay ho gì? Cậu sẽ trượt trong kỳ thi tới.

Na-đi-a chỉ nhún vai.

— Gu-li-a, cậu suốt đời cứ đòi hỏi ở mình và ở người khác những cái gì không thể làm được. Nếu cậu không muốn thì chẳng ai ép! Thôi cứ ngồi đấy mà gào đi!

Và hôn chụt một cái vào má Gu-li-a, Na-đi-a chạy ra.

Cánh cửa chưa kịp đóng lại sau cô bạn, thì đã vang lên tiếng chuông điện thoại.

Một giọng con trai rụt rè gọi Gu-li-a đến song Đơ-nhi-ép bơi thuyền.

— Mình không đi được! Mình bận! Hãy để cho mình yên! — cô kêu lên giọng gần như méo, và đặt ống nghe xuống, cô lấy cái gối đi-văng đặt lên máy điện thoại.

— Dù chết cũng không đến máy nữa! — cô nói và đi đến cái bàn chất đầy sách. Cô ngồi lì mãi đến tận tối, nghiền môn vật lý.

Sau buổi ăn tối, cô nói với Phơ-rô-xi-a:

— Thím Phơ-rô-xi-a, ôi, nếu thím biết cháu đã bỏ lỡ buổi hòa nhạc hay như thế nào... Thôi, bây giờ thím hãy thay Lê-mê-sép hát cho cháu nghe vậy!

Và Phơ-rô-xi-a kéo dài giọng hát bài ca «cô-dắc» của mình, lần này hát liền một mạch không dừng lại.

BÁC Ô-PA-NÁT VÀ NA-ĐI-A

Trời hửng sáng. Bầu trời trong vắt, không một gợn mây, nên những cành cây keo lại càng vẽ đậm nét trên bầu trời.

Trong thời gian chuẩn bị thi, Gu-li-a đã đón bao nhiêu buổi rạng đông như thế rồi!

Trong phòng tắm, Gu-li-a dội nước lạnh khắp người, cô nghĩ bụng:

«Bây giờ đã là đoàn viên rồi mà thi không được điểm «ưu», thì thật là nhục. Mình sẽ còn mặt mũi nào nhìn mọi người nữa?... Ôi, sợ thật!»

Do nước lạnh và sự xúc động nên Gu-li-a bắt đầu run cầm cập như khi bị sốt rét. Cô vội vàng lấy khăn lông lau khô.

«Nhưng mà run như cây sậy, tất nhiên, cũng là ngốc. Từ cầu nhảy cao tám thước mình đã nhào lộn xuống, mà chẳng việc gì, vẫn nguyên vẹn. Còn đến kỳ thi, ở đấy có thể nào đi chẳng nữa, thì dù sao đầu vẫn sẽ còn nguyên trên hai vai thôi. Dù nó rỗng tuếch thế nào đi nữa, cũng vẫn là đầu...»

Gu-li-a vội vàng tập vài bài thể dục, mặc áo, ăn sáng ở bếp và đi ra khỏi nhà.

Phơ-rô-xi-a tiến cô đến ngưỡng cửa và còn đứng lúc lâu ở đầu cầu thang, nhìn qua tay vịn xuống bên dưới.

Ngoài đường yên lặng, mát mẻ, chưa có một bóng người nào. Chỉ có những người quét đường mặc tạp-dề trắng đang quét vỉa hè.

«Cả bên ngoài mình sẽ không tỏ cho ai biết là hơi sợ một tí, — tươi tỉnh bước trên đường, Gu-li-a nghĩ thầm. — Mình sẽ làm bộ mặt để không ai đoán được là mình đi thi. Dù sao những người quét đường cũng sướng thật, họ chẳng phải thi vật lý gì cả!..»

Và cô cầm quả nậm của cánh cửa trường.

Ở đằng cuối hành lang dài, bác Ô-pa-nát, người gác cổng trường, đang ngồi cạnh chiếc bàn con, hai tay chống vào má nhả nheo, đã sẫm màu. Bác đang thiu thiu ngủ.

Nghe tiếng chân, bác ngẩng đầu lên.

— Ô, con chim non buổi sớm! — bác mỉm cười với Gu-li-a.

— Chào, bác Ô-pa-nát thân mến! — Gu-li-a nói và ngồi ghé xuống bệ cửa sổ. — Những ngày tốt trời tuyệt làm sao! Nhưng vì những kỳ thi này mà phải ngồi đổ mồ hôi trong phòng ngột ngạt đấy, bác ạ. Giá mà được ra sông Đơ-nhi-ép nhi...

Ông già gật đầu.

— Không sao. Sẽ còn nhiều ngày tốt trời nữa. Sông Đơ-nhi-ép không chạy đâu mất mà lo.

Gu-li-a thân với bác Ô-pa-nát. Cô mang từ nhà đến cho bác thuốc lá, viết hộ thư — do bác đọc — cho các cháu ruột của bác ở Pôn-ta-va. Nhưng bác mến và nể Gu-li-a không phải vì thế, mà vì cô là một «cô gái thông minh». Nếu cô đã bắt tay vào việc gì, thì bao giờ cũng làm đến nơi đến chốn.

Bác Ô-pa-nát làm việc ở trường đã bốn mươi năm, và cuộc sống ở nhà trường, với tất cả những vui mừng và khó khăn của nó, đã thay thế gia đình và nhà cửa của bác. Bác giữ gìn những bản đồ của trường, cất giữ chìa khóa của các phòng và rất thích có mặt ở phòng vật lý, khi giáo viên làm thí nghiệm. Có nhiều

lần thí nghiệm của giáo viên vì sao đó không thành công. Thế là lúc ấy, bác Ô-pa-nát đến giúp. Bác cầm vững vàng những đồ thí nghiệm trong bàn tay già hơi run, xoay xoay nó trước mắt mình và cuối cùng hầu như lần nào bác cũng tìm ra được nguyên nhân không thành công.

— Ni-cô-lai Pê-tơ-rô-vích ạ, ở đây cần vặn cho nó chặt vào nhau, thì sẽ ổn thôi. Đây, anh thấy không?

Và mọi việc đều trôi chảy cả: cháy, sôi, tóe lửa, réo lên đúng như yêu cầu.

— Bác Ô-pa-nát này, — Gu-li-a đặt tay lên vai bác và nói, — từ lâu cháu muốn hỏi bác. Sao lạ thế? Bác chẳng học qua môn vật lý, mà sao đôi khi làm thí nghiệm, bác lại làm giỏi hơn cả thầy Ni-cô-lai Pê-tơ-rô-vích.

— Sao à? — bác lấy giấy quăn điếu thuốc và bình thản đáp. — Anh ấy là nhà lý thuyết, còn tôi là người thực hành. Hiểu không?

— Hừ, — Gu-li-a nhin cười nói. — Bác Ô-pa-nát này, thầy Ni-cô-lai Pê-tơ-rô-vích chấm thi có nghiêm lắm không? Cháu chưa thi với thầy đó lần nào cả.

— Rồi cháu sẽ thấy, — bác nói một cách bí ẩn và láu lỉnh nhìn Gu-li-a.

Gu-li-a lo lắng thở dài và nhảy phóc xuống khỏi bệ cửa sổ.

«Chóng đi cho rồi ! » — cô nghĩ thầm và đi đi lại lại dọc hành lang.

Cánh cửa vào đóng đánh sầm một cái. Na-đi-a vội vàng đi về phía Gu-li-a. Nó vẫn diện như trước, nhưng tóc thì chỉ chải qua loa và cổ áo đăng-ten lộn vào trong.

— Mình chết rồi... — Na-đi-a thì thảo nói như người sắp chết.
— Mình trượt mất thôi, cậu sẽ thấy đấy, trượt mất!

Và nó vội vàng lật hết trang này đến trang khác cuốn sách giáo khoa vật lý đã nhàu nát và vẽ dọc ngang lung tung.

— Cậu biết không, cả đời không gặp may... lại những điềm gở... Mèo chạy qua đường... Chẳng gặp một người gù nào cả... Thật như cố ý hại mình! Cái áo dài xanh lam may mắn của mình đưa đi giặt rồi! Và còn bà mình nữa chứ!... Mình đã xin bà nhúng ngón tay vào lọ mực, mà bà cụ nhất định chẳng chịu cho!

— Nhúng bà? Vào mực à? Để làm gì thế?

— Sao lại để làm gì? Cậu không biết à, — Na-đi-a ngạc nhiên.
— Đó là điềm lành tuyệt đấy nhé. — Nếu nhà cậu có người nào đấy nhúng ngón tay vào lọ mực trong lúc cậu đang thi, thì nhất định cậu sẽ xơi điểm «năm» thôi. Cùng lắm thì cũng «bốn».

Gu-li-a cười như nắc nẻ và do đó thấy dễ chịu và bình tĩnh ngay.

— Thật là tội nghiệp cho bà của cậu! — cô nói. — Lẽ ra cậu nhờ bà tắm trong mực thì còn hơn cơ.

— Cậu thì cái gì cũng cười được! Cậu trượt thì cậu sẽ không cười nữa! — Na-đi-a bực mình và đi đến cửa sổ khác, ở đấy đã tụ tập cả một đám học sinh.

Na-đi-a chỉ vừa mới đến với chúng nó, thì cả đám liền bắt đầu nói liến thoắng, làm ồn và nhộn nhịp hẳn lên.

Bác Ô-pa-nát cau mặt lườm bọn trẻ. Rồi cầm cái chuông con trong tay, không nói không rằng, bác lắc dữ dội làm cho tất cả bất giác đều giặt mình và ngoái cổ lại.

— Gu-li-a, — Na-đi-a kêu. — Cậu có gà cho mình không? Mình van cậu đấy!

Bác Ô-pa-nát nhìn Na-đi-a bằng cặp mắt đầy khinh bỉ và lại tiếp tục lắc chuông.

Bọn trẻ ai về lớp nấy. Từ phòng giáo viên cả một loạt ông giáo, bà giáo đi ra, người ở trường nhà cũng có, người lạ cũng có. Vừa nói chuyện khẽ với nhau, họ đi dọc theo hành lang vắng vẻ. Hết lớp này đến lớp khác cửa đã đóng lại. Kỳ thi bắt đầu.

Kim chiếc đồng hồ tròn treo trên tường ngoài hành lang đã nhích gần đến mười hai giờ. Nhưng trong các lớp lặng như tờ vẫn còn đang quyết định số phận của học sinh: ai sẽ lên lớp và ai sẽ lưu lại. Sau những cánh cửa kính mờ đục bao trùm một bầu không khí im lặng, căng thẳng, trang nghiêm thường có trong những ngày thi.

Ngoài hành lang chỉ còn một mình bác Ô-pa-nát đang đi lại.

Nhưng bỗng cánh cửa của lớp chín «B» mở tung ra, và một đám nam nữ học sinh ủa ra hành lang, vẻ mặt hồi hộp, còn nóng bừng vì kích động lo âu, chúng tranh nhau kể lại với bác Ô-pa-nát và với nhau: ai vớ phải câu nào mà «thoát» hay «bí».

Trong lớp trống không, Na-đi-a và Gu-li-a vẫn còn ngồi lại ở bàn cuối. Na-đi-a lấy chiếc khăn mùi-xoa thơm phức nước hoa và ướt đầm nước mắt lau mắt và mũi. Còn Gu-li-a thì nói với nó:

— Thôi, nín đi. Cậu sẽ bắt tay vào học ra trò đi và đến mùa thu sẽ thi lại. Trong mùa hè có thể kịp chán.

— Trong mùa hè? — Na-đi-a nắc lên. — Mùa hè mà lại phải học vật lý à?

Và nó lại nức nở to hơn.

— Được, mình sẽ giúp cậu, — Gu-li-a nói.

— Cậu giúp à! — Na-đi-a thở dài. — Cậu phải bận làm gì cái của nợ chán ngắt ấy nữa, khi cậu đã được điểm «ưu» rồi!

Bác Ô-pa-nát đi vào lớp trong tay cầm cái giẻ lau. Bác lau bảng, trên đó còn lại dấu phấn của những công thức nào đấy, mở cửa sổ lớp và xếp lại chiếc ghế thầy giáo vào chỗ cũ.

Sau đó, bác nhìn Na-đi-a đang khóc và nói chẳng ra vẻ thông cảm, mà cũng không ra vẻ trách móc:

— Ôi, cái môn vật lý đã làm cô bé đến nỗi thế!

XUÔI DÒNG

Kỳ thi khó nhất đã qua rồi, và Gu-li-a cho phép mình không học và nghỉ ngơi một buổi chiều.

Sau buổi ăn trưa, cô đi ra sông Đơ-nhi-ép.

Thuê một chiếc thuyền, Gu-li-a đẩy ra khỏi bờ, ngồi chắc hơn và cầm mái chèo.

«Mình sẽ đi xuôi dòng, — cô nghĩ bụng, — chèo sẽ nhẹ hơn».

Và chống nhẹ mái chèo, cô rời bến. Từ thuyền những làn sóng lăn tăn chạy ra. Những ngọn cây dương nhón rung rinh trên mặt nước. Chiếc thuyền nhẹ nhàng bơi.

Bờ sông xanh rờn nhanh chóng lùi về phía sau. Bãi cát ở ngay sát bờ bây giờ trông như một dải hẹp màu vàng. Thở trở nên dễ dàng và thoải mái.

«Giá được ngắm sông Đơ-nhi-ép này suốt đời nhỉ! — Gu-li-a nghĩ thầm. — Trên đời này thật chẳng có gì đẹp hơn!»

Cô ngoái nhìn lại phía sau. Thành phố đã khuất sau lớp sương mù chiều hôm.

«Ô, mình bơi đã xa quá rồi! Khoảng hai cây số, mà có thể hơn nữa đấy. Đã đến lúc trở về rồi chẳng?»

Cô cố hết sức chèo để quay thuyền lui, nhưng dòng nước cản lại. Nó lại đẩy thuyền phía lái quay về hướng thành phố và đưa đi xa hơn, xuôi theo dòng sông Đơ-nhi-ép.

Gu-li-a cố hết sức. Chiếc thuyền vẫn không chịu nghe cô. Nó cứ trôi đi xa, xa hơn mãi về phía theo ý dòng sông.

Vì đã lâu Gu-li-a không chèo và vì cố gắng mạnh quá nên vai, tay và lưng cô bắt đầu đau như dầm.

«Ngốc, ngốc thật! — Gu-li-a tự mắng mình. — Đêm sắp xuống rồi, mà mình còn đi xa thế! Bậy thật, nó sẽ đưa mình đến tận cửa sông, nếu trên đường thuyền không bi lậ».

Sông Đơ-nhi-ép nổi sóng. Gió nhẹ lúc gần tối càng ngày càng trở nên mạnh hơn, bướng bỉnh hơn. Xung quanh không thấy một ngôi nhà nào trên bờ, chẳng có một chiếc thuyền nào dưới sông. Chẳng còn hòng nhờ ai giúp đỡ được nữa. Mà bóng đêm thì ngày càng dày đặc.

Bặm môi, Gu-li-a đem hết sức vật lộn với dòng sông Đơ-nhi-ép. Khi thì cô vượt lên, khi thì nó lại thắng.

«Không được, — Gu-li-a nghĩ bụng, — như thế này sẽ không ăn thua gì cả, vì tay mình rã rời không giữ nổi mái chèo nữa rồi. Phải nghỉ một tí».

Và ngừng vật lộn với dòng sông, cô đặt mái chèo xuống. Dường như con sông chỉ chờ có thế. Khẽ lắc lư, nó đưa chiếc thuyền cùng với Gu-li-a đi, đi về phía mà nó cuốn tất cả mọi vật rơi vào trong dòng nước của nó, đi về xuôi, xuôi mãi.

«Không sao, không sao, mày chẳng đưa đi xa được đâu! — Gu-li-a nói. — Tao nghỉ một tí, rồi lại đấu với mày đây!»

Và sức nhớ một bài ca quen thuộc và yêu mến từ thời thơ ấu, cô cất giọng hát:

*Nếu trời nổi dông tố,
Chúng ta sẽ đấu tranh
Và độ sức với nó!*

Do những lời ca đẹp dễ và hùng tráng đó, và cũng có thể, do cả giọng hát của mình nữa — giọng hát trẻ trung và ngân vang — cô bắt đầu thấy bình tĩnh hơn.

Sau vài phút, cô cảm thấy tay đã được nghỉ ngơi, gân cốt ở vai đã được giãn ra. Cô lại cầm chèo và khoan thai, nhịp nhàng — như đã học được ở A-rơ-tếch — cô chèo cả hai mái chèo kế tiếp nhau.

— Tay trái, chèo này, tay phải, nạy này! — cô ra lệnh cho mình. — Tay trái, chèo này!

Và cuối cùng, chiếc thuyền cũng nghe theo cô, lái quay về phía xuôi dòng, mũi hướng về thành phố, và cứ lặn hụp trong mỗi đợt sóng, nó từ từ, từng thước một, tiến gần bến sông ở Ki-ép.

Gu-li-a hát:

Đằng xa, sau đông tố,

Có đất nước diệu kỳ!

Khi thuyền cô tiến gần đến bến sông, thì trời đã tối mịt. Nhận thuyền của cô, cụ già trông thuyền mắng cô hồi lâu:

— Cô là người cuối cùng đã về! Thế nào, cô định bắt tôi ngủ lại đây chờ cô, hả?

— Cụ ạ, cháu xin lỗi cụ, — Gu-li-a đáp. — Chính cháu cũng không muốn bơi đi xa, nhưng cháu bị dòng nước cuốn đi.

Mệt lử, cô lê bước về nhà. Hình như chưa bao giờ cô thấy đau ê ẩm mình mẩy như vậy. Phơ-rô-xi-a thương hại mang thức ăn cho cô đến tận giường.

— Thím Phơ-rô-xi-a, thím biết không, — Gu-li-a vừa ngấu nghiến ăn bánh bột lọc bọc anh đào vừa nói, làm bắn cả nước quả ra ngoài, — hôm nay thật là cháu đã bơi đến tận nơi khi ho cò gáy nào đấy, mà chẳng luyện tập tí gì cả...

— Ôi trời ơi, không luyện tập gì cả! — Phơ-rô-xi-a thông cảm lắc đầu.

— Chính vì như thế! Suýt nữa thì dòng sông cuốn cháu đi mất, thím hiểu không. Nhưng bài học này có ích cho cháu lắm, rồi thím xem. Thi xong hết các môn, ngày nào cháu cũng sẽ bơi thuyền để thật thạo hơn. Cháu sẽ đi suốt sông Đơ-nhi-ép từ đầu dòng cho đến cuối dòng và ngược lại.

— Ôi trời! — Phơ-rô-xi-a chỉ thở dài.

— Đúng, đúng đấy, suốt dòng sông Đơ-nhi-ép! Nhưng bây giờ cháu sẽ khôn hơn. Khi sức còn nhiều, thì bơi ngược dòng, và khi đã mệt, có thể xuôi dòng!..

Sáng hôm sau, Gu-li-a đến nhà Na-đi-a để mượn cuốn sách bài tập tính. Môn thi mới sắp đến là môn hình học. Na-đi-a không có nhà. Bà nội của nó, gầy và trông sạch sẽ (đúng là bà già đã từ chối không chịu nhúng ngón tay vào lọ mực) khuyên Gu-li-a ngồi đợi Na-đi-a về.

Chiếc áo dài xanh lam mùa nực nằm trên bàn ăn, dang rộng hai cánh tay áo (có lẽ chính đó là cái áo dài «may mắn»). Bà đang là những đường xếp trên áo.

— Tôi chẳng biết làm thế nào với nó nữa, — bà nói và lấy ngón tay thử sờ xem chiếc bàn là nóng chưa. — Na-đi-a nhà tôi thật khó bảo quá. Chẳng chịu giặt, chẳng chịu là cho mình. Đấy, cứ

diện vào rồi đi chơi, đó là điều quan tâm của nó. Thật, nó chỉ nhờn nhơ như con bướm lượn ấy.

Chiếc bàn là đốt bằng than củi ở bên trong chạy lui chạy tới trên lớp vải màu xanh lam đã phun nước, giận dữ nổ lép bép.

— Hôm qua, nó làm tôi buồn phiền quá chừng, — bà nói tiếp.

— «Cháu sẽ không thi hình học đâu. Và nói chung, cháu sẽ không thi gì nữa». — «Sao lại thế, sẽ không thi à?!» — tôi nói. Nó bảo:

— «Cháu sẽ xin hoãn đến mùa thu. Đến mùa thu, cháu sẽ thi cùng với môn vật lý một thể. Đằng nào thì cũng mất toi mùa hè rồi ! »

Bà tì mạnh trên chiếc bàn là, và vải màu xanh lam hơi trắng ra khi tấm kim khí nóng bỏng chạm phải. Chiếc bàn là càng nóng càng giận dữ nổ lép bép nhiều hơn, dường như nó, cũng như bà, đang giận Na-đi-a.

— Hoãn tất cả các môn thi đến mùa thu? — Gu-li-a ngạc nhiên. — Thế thì nó chẳng thi được đâu!

— Thì tôi đã bảo là nó không thi được mà, — bà thở dài. — Hôm qua, nó làm tình làm tội tôi đến phải khóc. — Bà cụp hoa cái bàn là trong không khí để cho nó nguội bớt. — Con ranh ấy nó muốn đuổi tôi xuống mộ đấy!

Và quệt nước mắt, bà đưa chiếc bàn là lên lớp vải màu xanh lam một lần cuối cùng nữa và đặt chiếc áo dài sạch tinh, bóng loáng ấy lên tấm ren phù trên giường.

Từ phòng ngoài nghe tiếng khóa mở lách cách.

— Nó về đấy, đồ bất trị, — bà nói. — Tôi chỉ thương nó: mồ cô! mồ cút, lớn lên không mẹ, bố thì đi công tác vắng luôn, thế là

thôi muốn gì làm nấy...

Na-đi-a, người thanh thanh, chân mảnh, tóc quăn, chạy vào phòng, vừa chạy vừa hôn vội bà, rồi hôn Gu-li-a và lập tức lao về phía giường.

— Cảm ơn, bà yêu quý! Cháu vừa xoay được cái vé đi xem hòa nhạc, và cháu cần áo dài mới là. Ôi, bà của cháu thì tuyệt, vàng mười đấy!

Và suy nghĩ một tí, nó nói thêm:

— Tất nhiên, khi bà không cầu nhau.

Bà chỉ thở dài và đi vào bếp.

— Na-đi-a, cậu nghĩ thế nào đấy? — Gu-li-a bắt đầu. — Định bỏ trường hay sao?

— Chắc bà đã kịp than thở với cậu chứ gì? — Na-đi-a hỏi. — Mình không nghĩ bỏ trường. Mà chỉ muốn hoãn những môn thi quý sứ ấy đến mùa thu. Muốn hay không, đằng nào đến mùa thu cũng phải thi vật lý, mình sẽ thi các môn khác luôn thể.

— Na-đi-a, cậu sẽ mắc cạ với cái món «luôn thể» của cậu đấy! Cậu đã khóc rống lên vì cái môn vật lý cách đây lâu chưa, hờ?

— Sao lại mắc cạ? Cậu nghĩ xem...

Và Na-đi-a bắt đầu chứng minh cho Gu-li-a hiểu vì sao nó cần phải hoãn các môn thi đến mùa thu. Thứ nhất là nó đã mệt lắm rồi sau một năm học tập, bây giờ không cái gì có thể lọt vào đầu óc nó được nữa, và qua mùa hè nó sẽ được nghỉ ngơi để lấy lại sức... Thứ hai là trong mùa hè trời mưa nhiều, học rất thích («Đằng nào cũng chẳng đi đâu được nữa, cậu hiểu chứ!»). Thứ

ba là, qua mùa hè, thầy giáo cũng sẽ được nghỉ ngơi và trở nên hiền lành hơn.

— Thứ tư là, — Na-đi-a tiếp tục, — thời gian gần đây, nói chung, mình không may mắn, hoàn toàn không may mắn chút nào cả! Tốt hơn là bây giờ không nên liều lĩnh.

Gu-li-a nghe nó và lắc đầu.

— Cậu biết không, — cô nói, — bơi xuôi dòng rất dễ, thật là thích. Chiếc thuyền hình như tự nó đi. Nhưng mà cậu thử quay lại xem. Cậu sẽ bị quật ngã mà không thoát ra nổi đâu!

Na-đi-a ngớ ngẩn nhìn Gu-li-a.

— Mình không hiểu, cậu nói thế để làm gì!.. Đẳng kia là thuyền, đẳng này là thi cơ mà. Hai thứ hoàn toàn khác nhau.

— Và hoàn toàn không khác nhau! — Gu-li-a hăng hái nói. — Cậu hiểu chứ, cái đó hợp với tất cả, hoàn toàn hợp với tất cả. Nếu mình chỉ hơi thả lỏng cho mình tự do, sống một cách dễ dãi, tức thì mình sẽ bị trôi xuôi dòng và không thể bơi vào bờ được. Cái đó phải nhớ suốt đời. Cái đó là chủ yếu, chủ yếu nhất!

Gu-li-a say sưa nói đến nỗi không nhận thấy bà của Na-đi-a đã vào phòng. Ôm trong tay cái bình pha cà-phê, bà đứng ở ngưỡng cửa, nghe Gu-li-a nói.

— Sự thật ai bẻ làm queo được, — cuối cùng bà nói. — Bà sống đã gần bảy mươi tuổi rồi, nhưng bà chỉ có thể nói hoàn toàn giống như Gu-li-a từng chửi một mà thôi. Buông xuôi dòng thì thật là nguy hiểm...

— Nhưng mà bà chẳng bơi thuyền bao giờ! — Na-đi-a ngắt lời.

— Đã có một thời, bà bơi còn nhiều hơn cháu nữa kia, — bà nhếch mép cười gằn.

Từ phòng ngoài vang lên tiếng chuông điện thoại.

Na-đi-a cầm cổ chạy ra khỏi phòng.

— Gu-li-a, gọi cậu đấy! — vang lên giọng nói chán ngán của nó.

— Gọi mình à? — Gu-li-a ngạc nhiên.

Trong ống điện thoại, một giọng nói oang oang làm rè cả máy. Gu-li-a đoán ngay đó là Phơ-rô-xi-a gọi. Phơ-rô-xi-a bao giờ cũng thét vào ống nghe như tuồng là đang ở xa Ki-ép hàng mấy nghìn cây số.

— Thím Phơ-rô-xi-a, — Gu-li-a nói, — thím nói khề một tí, cháu chẳng hiểu gì hết...

Phơ-rô-xi-a lại bắt đầu nói bình tĩnh hơn, và cuối cùng Gu-li-a nghe ra:

— Chạy về nhà nhanh lên, bố gọi điện từ Mát-sơ-va đấy! Nhanh lên!

— Bố! — Gu-li-a vui mừng. — Cháu chạy đây!

Và Gu-li-a suýt nữa đánh rơi chiếc ống nghe.

Khi chạy về đến nhà, tim cô đập mạnh đến nỗi cô không biết có thể nói cho bố một lời nào được nữa không. Nhưng trạm điện thoại liên tỉnh không gọi ngay lập tức, và Gu-li-a đã kịp thở.

Cô không nghe được tất cả những gì bố nói với cô, nhưng cô hiểu rõ điều chính là bố gọi điện cho cô để động viên tinh thần cô trong thời gian thi cử khó khăn.

Giọng của bố thân yêu, quen thuộc, hơi yếu đi vì khoảng cách quá xa, vang lên dịu dàng và âu yếm hơn bất cứ lúc nào.

Và Gu-li-a, với một niềm vui mừng đặc biệt, vừa lấy tay vuốt ve cái ống nghe màu đen, vừa nói:

— Vâng, vâng, con sẽ cố, bố ạ! Vật lý điểm «ưu» và văn học điểm «ưu»! Bố yêu quý của con, cảm ơn bố đã gọi điện!...

THÊM MỘT THỬ THÁCH

Từ bậc này đến bậc khác, Gu-li-a đã đi qua hết cái cầu thang dựng đứng và khó khăn của kỳ thi. Bậc này thấp hơn một ít, bậc kia cao hơn một ít, trước bậc này thì phải chuẩn bị lâu hơn để đi lên, trước bậc kia chỉ phải chuẩn bị ít hơn.

Và cuối cùng, khi tất cả các bậc đều đã được vượt qua, Gu-li-a có cảm tưởng hình như cầu thang không đến nổi cao như thế.

Gu-li-a đã thi rất tốt, nhưng không được nghỉ ngơi.

Trước mắt lại có những thử thách mới, lần này là về thể dục: thi đấu toàn thành về bơi lội và nhào lộn.

Sau những buổi ngồi cầm đầu trên sách vở, bây giờ Gu-li-a cảm thấy khoan khoái đặc biệt khi chạy ra bãi bơi.

Mùa hè đang ở vào thời kỳ sôi nổi nhất, và những buổi tập luyện ở bể bơi nay được chuyển ra bãi bơi ngay trên sông Đơ-nhi-ép.

Mũi của Gu-li-a đã bị nắng cháy tróc da, và toàn thân như nhuộm màu sô-cô-la, chỉ có mớ tóc vàng của cô thì sáng hơn.

Việc chuẩn bị được tiến hành rất tốt, dù ngay ngày mai cũng có thể từ cầu nhảy nhào lộn trước mắt cả thành phố Ki-ép. Chỉ thiếu một thứ: mũ cao-su. Nhưng thật như trên người, mũ cao-su mùa hè lúc bấy giờ không một cửa hàng nào có cả.

— Cậu biết không? — một bạn Mi-ra Gác-ben, người đã tham gia gần gũi nhất trong mọi công việc của Gu-li-a, nói với cô.—

Chúng ta sẽ viết thư đến Lê-nin-gơ-rát, thẳng đến xưởng «Tam giác đỏ» đặt mua mũ vậy.

— Cậu điên à! — Gu-li-a nói.

— Không, dù sao cậu cũng là nữ nghệ sĩ. Có thể họ biết cậu.

— Thiếu gì những nữ nghệ sĩ như mình! — Gu-li-a nói. Nhưng Mi-ra quả quyết lấy lọ mực, tờ giấy và ngòi thảo bức thư.

Sau vài phút, bản nháp bức thư đã đặt trước mặt Gu-li-a, viết bằng một nét chữ nhỏ và đẹp của Mi-ra:

«Gửi ban chấp hành đoàn thanh niên cộng sản xưởng «Tam giác đỏ».

Các đồng chí thân mến!

Xin các đồng chí thứ lỗi cho vì tôi đã nhờ các đồng chí việc này. Không biết rằng các đồng chí có còn nhớ tôi không. Tôi đã đóng trong nhiều phim: *Con gái của người du kích* và những phim khác. Bây giờ tôi sắp phải tham gia cuộc thi đấu toàn thành về bơi lội và nhào lộn. Tôi sẽ phải nhảy từ cầu nhảy cao mười thước, nhưng tôi không có mũ cao-su. Nếu các đồng chí có thể giúp tôi được thì...»

Gu-li-a lấy mắt đọc lướt bản nháp và cầm bút.

— «Cao mười thước» không cần. Đối với họ thì mình nhào lộn từ cầu nhảy cao bao nhiêu thước cũng thế thôi... «Và những phim khác» không cần. Mình đóng đã lấy gì làm nhiều phim đâu.

— Thế thì cậu vứt hết cả đấy! — Mi-ra nói và lấy tay che bản nháp lại.

— Và phải vứt cả bức thư này nữa, — Gu-li-a lầu bầu. — Gửi thế xấu hổ lắm. Xưởng đó thiếu gì công việc, mà phải bận tâm đến những việc vặt vãnh như cái mũ cao-su của mình?

— Nhưng cậu cần cái mũ chẳng phải để diện cho đẹp cậu, mà chính là để thi đầu toàn thành chứ.

— Thôi được, gửi đi! — Gu-li-a nói. — Chẳng biết làm trắng trơn thế này có kết quả gì không.

Rồi cau mày, cô chép lại bức thư.

Nhưng nghĩ đến thư thì cô lại thấy ngượng và khó chịu. Và vẫn như trước, cô lại chạy khắp các cửa hàng tìm mua mũ.

Và bỗng nhiên, vào một buổi sáng sớm tinh sương, hai ngày trước khi thi đấu, Phơ-rô-xi-a hốt hoảng đánh thức cô dậy.

— Người đưa thư đã đến. Cần phải ký: ở đây này và ở kia nữa!

Gu-li-a ngái ngủ cầm bút và ký «ở đây» và «ở kia».

Rồi sau đó, cô tháo sợi dây buộc cẩn thận một cái gói con có đóng dấu bưu điện Lê-nin-gơ-rát và một hình tam giác có đề chữ «Tam giác đỏ».

Trong gói có hai cái mũ cao-su tuyệt đẹp — một cái màu xanh lam có sọc vàng và một cái màu đỏ sọc trắng.

Nhưng chưa phải đã hết.

Trong gói bưu kiện đó, té ra lại còn hai đôi giày cao-su nhẹ như bấc. Lại nhất là những đôi giày đó vừa vặn đúng cỡ chân cô.

— Làm sao mà ở xưởng người ta lại đoán được số cỡ của mình nhỉ? — Gu-li-a ướm thử giày và ngạc nhiên nói.

Phơ-rô-xi-a cảm động đến rơm rớm nước mắt.

— Chẳng khác gì truyện cổ tích cả, — thím nói.

— Cháu lấy đôi giày và mũ màu xanh, — Gu-li-a nói, — còn đôi giày và mũ cao-su đỏ, cháu biếu cho Mi-ra. Tóc nó đen, màu đỏ rất hợp với nó.

Gu-li-a gói quà lại trong tờ báo và khi đó cô mới tìm thấy một bức thư nhỏ ở giấy gói.

«Va-xi-lin-ca thân mến! — những đoàn viên xưởng «Tam giác đỏ» viết. — Hãy giương cao ngọn cờ của Đoàn thanh niên cộng sản chúng ta, còn bạn sẽ cần bao nhiêu mũ cho tất cả các cuộc thi đấu, thì chúng tôi sẽ gửi bạn bấy nhiêu chiếc.

Gửi lời chào thanh niên cộng sản nồng nhiệt.

Những đoàn viên xưởng «Tam giác đỏ».

Gu-li-a đọc đi đọc lại bức thư đó đến mười lượt và chạy đến nhà Mi-ra.

Khi đi xuống cầu thang, cô nghĩ đến Lê-nin-gơ-rát, đến những bạn chưa quen biết đã gửi cho cô bức thư quý báu thế kia, đến việc nhất định cô sẽ đến Lê-nin-gơ-rát xem những cung điện, những công viên, những bờ sông bọc đá hoa cương và những nhà máy cũ nổi tiếng của thành phố.

«Thím Phơ-rô-xi-a nói đúng thật, — Gu-li-a nghĩ bụng: — chẳng khác gì trong truyện cổ tích!»

Còn Phơ-rô-xi-a, sau khi Gu-li-a đi rồi, bèn đóng cửa lại và ra đứng trên bao lơn. Chống tay lên thành chắn song, một lúc lâu nhìn theo cô bé mà thím rất yêu mến.

— Ôi, con bé dễ thương quá! Con bé đẹp quá!

Và cuối cùng, ngày hội thể dục đã đến. Gu-li-a. trong bộ áo tắm của mình, đầu đội mũ cao-su, đang trèo lên chiếc thang

lung lay đến cầu nhảy cao mười thước. Nhìn xuống dưới, trông bờ sông Đơ-nhi-ép rõ như trong lòng bàn tay. Trên bờ rải rác, lấp lánh những chùm sáng chói, đó là những chiếc áo dài, những chiếc mũ của vô số người đi xem chật ních cả chỗ ngồi, lấp lánh muôn màu dưới ánh nắng mặt trời.

Đội kèn trên bờ sông đang thổi một bài hành khúc vui nhộn. Và càng leo lên cao, Gu-li-a càng cảm thấy vừa lo lắng hơn, vừa vui mừng hơn.

Cuộc thi đấu nhào lộn đã gần đến lúc kết thúc. Gu-li-a phải nhảy cuối cùng.

Khi Gu-li-a đã leo lên tận đỉnh cao nhất và dừng lại giữa cầu nhảy bằng ván ghép, thì những tràng pháo tay nổi lên hoan nghênh người nhảy gần chót vừa lao xuống nước vẫn còn chưa ngớt. Cầu nhảy cao tám thước ở dưới thấp hơn nhiều.

Gu-li-a sức nhớ lại cô kinh hãi biết bao, khi lần đầu tiên nhảy từ độ cao đó. Đó là ngày cô được kết nạp vào đoàn.

Đứng vài giây, Gu-li-a đã chuẩn bị chạy lấy đà, thì lúc đó một chiếc tàu thủy ở rất gần rúc lên một hồi còi kéo dài và rền vang. Cả cái cầu nhảy rung lên và đu đưa như ngọn cây cao lúc trời gió. Gu-li-a khó khăn lắm mới đứng vững được. Cầu nhảy rung rinh mạnh. Nhưng rồi chiếc tàu thủy đã đi qua xa hơn, sóng trên sông bắt đầu lắng xuống. Cầu nhảy lại đứng nguyên.

Gu-li-a nhìn xuống dưới. Sau thời gian tập luyện, cô đã quen với độ cao như thế rồi, nhưng trước đây, ở dưới là bờ sông xanh và không có hàng nghìn cặp mắt đang hướng về cô. Tim cô đập mạnh quá đến mức như ngừng thở. Cô phải nhào lộn một kiểu phức tạp — quay một vòng rưỡi về phía trước.

«Mình sợ à? — Gu-li-a nghĩ thầm. — Không, mình không sợ!» Cô nhún mạnh, rời khỏi cầu nhảy, và trên không, cô đã co tròn người lại, hai tay ôm đầu gối vù bay xuống.

Khi bay trong không khí, cô lộn một vòng, ưỡn thẳng người ra như chiếc lò-xo và lao vào nước êm ru không một tiếng động, không bắn tung nước.

Trong nháy mắt đó, Gu-li-a cảm thấy hình như đã bay hàng thế kỷ.

Khi cô lại nhô đầu lên khỏi mặt nước và bơi đến chiếc thang, thì hàng nghìn, hàng vạn tiếng vỗ tay rào rào làm inh cả tai cô. Cô không trông thấy mọi người. Nhưng cô cảm thấy hình như cả bờ, cả dòng sông Đơ-nhi-ép đang vỗ tay.

Cô ngoái cổ nhìn về phía những người trọng tài và thấy một vài tấm biển cho điểm giơ cao lên. Trên mỗi tấm sáng rực con số «9» đỏ tươi. Đó là điểm số cao nhất mà người ta cho những vận động viên nhào lộn trong cuộc thi đấu hôm nay.

Mãi xẩm tối, cô mới từ sân vận động trở về nhà. Cũng như mọi khi, cô đi với người bạn gái trung thành của mình là Mi-ra.

— Gu-li-a, cậu may mắn lắm, — Mi-ra nói và bắt tay bạn, — mọi việc trên đời này của cậu đều thành công cả.

— Không, chẳng phải là may mắn đâu, — Gu-li-a ngẫm nghĩ và trả lời, — chỉ vì do mình cố gắng để đạt được tất cả. Theo mình, mỗi người đều tự làm cho mình may mắn. Mình cũng thế thôi.

— Mình rất tin ở cậu, — Mi-ra nghiêm trang nói.

Và sáng sớm hôm sau, Mi-ra vui mừng và cảm động chạy đến nhà Gu-li-a.

— Gu-li-a, ảnh của cậu ở trong báo U-cơ-ren Xô-viết đây này!

Và cô chìa cho Gu-li-a số báo mới.

Gu-li-a được chụp toàn thân trong bộ áo tắm.

Dưới tấm ảnh có ghi:

«Vận động viên nhào lộn giỏi nhất ở bãi bơi «Lá cờ hiệu»

Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va».

— Cậu có thích người «vận động viên nhào lộn giỏi nhất» này không? — Mi-ra hỏi.

Gu-li-a nhìn ảnh.

— Trời! Người ta chụp à! Chụp cả toàn thân! Chỉ có điều là hơi mờ.

— Thôi đi cậu, đừng bắt bẻ nữa! — Mi-ra nói. — Rất rõ nữa là khác. Hãy treo cái ảnh lên tường đi.

— Hừm! Tốt hơn là mình gửi cho bố. Mình biết chắc là bố mình thích lắm. Còn bây giờ mình sẽ đánh điện cho bố mẹ. Vì dù sao đứa con một của hai ông bà cũng đã lên lớp mười rồi và đã thành công trong cuộc thi đấu toàn thành! Chuyện ấy chẳng phải là cơm bữa đâu.

Và hai cô đi ra trạm bưu điện. Ngồi vào bàn, Gu-li-a viết hai bức điện cùng một nội dung gửi đến Xô-si và Mát-sơ-va.

«Thi xong thi nhào lộn nữa đâu còn nguyên không cảm không chết đuối hôn».

Và ký: «Nữ sinh lớp mười».

Đánh điện xong, Gu-li-a cảm thấy từ phút này cô bắt đầu được nghỉ.

NA-ĐI-A LẠI THAY ĐỔI Ý ĐỊNH

— Gu-li-a, người đưa thư lại đến đấy! — Phơ-rô-xi-a nói khi Gu-li-a vừa trở về nhà. — Này, cầm lấy.

Và thím chìa cho Gu-li-a chiếc phong bì nhỏ phòng căng. Trên đó, những nét chữ còng quèo, hoàn toàn như nét chữ trẻ con viết: «Thư riêng gửi Gu-li-a».

Thư đó của Na-đi-a.

«Gu-li-a thân mến, — nó viết, — cậu đừng nghĩ rằng mình điên hay là nhiệt độ mình lên đến 40 rồi. Mình đã quyết định không thi và lưu lại học năm thứ hai».

Gu-li-a nhếch mép cười:

«Đã quyết định»... Cái Na-đi-a này nữa! Có thể nghĩ rằng mọi người chỉ chờ quyết định của nó mà thôi!»

Và Gu-li-a lại đọc tiếp:

«Tuy thế, vẫn chưa hoàn toàn quyết định. Trước hết, mình muốn hỏi ý kiến cậu. Chính vì cậu là người bạn gái duy nhất của mình, và ngoài cậu ra, mình không còn ai hết, chẳng còn ai hết. Mình không thể nói với bà mình về điều đó. Và nói chung, đã bốn hôm rồi mình chẳng nói chuyện gì với bà nữa. Tất nhiên, bà nghĩ rằng mình chỉ là đứa lười biếng không muốn học trong mùa hè. Mình với bà đã xảy điều qua tiếng lại nhiều quá rồi vì những môn thi không may của mình. Mà nếu mình nói với bà là mình tự ý quyết định lưu lại học năm thứ hai rồi, thì hoàn toàn không xong. Mình hình dung được cảnh om sòm sẽ xảy đến ở

nhà mình!!! Tốt hơn là đề đến mùa thu sẽ nói điều đó, lúc đó thì đã muộn rồi...

Mình ở đây lúc nào cũng buồn. Ở biệt thự đây rất chán. Địa điểm thì kinh khủng. Mình chẳng biết những người nghỉ họ tìm thấy cái gì thích thú trong rừng và con sông ở đây. Chẳng có cái gì đặc biệt cả. Thời tiết quả thật là rất tuyệt, nhưng nóng không chịu được. Chỉ có chiều tối thì còn khá một chút, khi trên trời sao mọc đầy và xung quanh im lặng như tờ. Gu-li-a, cậu biết không, do buồn quá thậm chí mình cũng bắt đầu làm thơ đấy – vần gieo cũng được. Cậu đọc đi và viết cho mình biết về ý kiến của cậu.

Thân tặng Gu-li-a C.

*Tôi nhớ mãi phút tuyệt vời,
(dòng này mình mượn của Léc-mông-tốp, còn sau là của mình)
Cầm tay bạn quý dạo chơi khắp vùng.
Xung quanh chim hót vui mừng,
Muôn sao lấp lánh từng bừng trời xanh,
Vàng trắng khuyết giữa mông mênh,
Từ cao nhìn xuống long lanh sáng ngời.
Dưới chân sóng biển đổ hồi,
Bạn, tôi, hai đứa mãi ngồi lặng thinh.
Giờ đây, trơ trọi buồn tênh,
Với trang sách mở, một mình bên sông.
Bạn thân xa có biết không,
Để tôi cô quạnh trong lòng ngẩn ngơ...*

Đúng thế đấy, Gu-li-a ạ. Mình ở đây thật là một mình (tất nhiên, nếu không kể đến bà mình). Buồn kinh khủng. Người quen chẳng có ma nào. Xung quanh toàn là những người nghi thế nào ấy, với lũ trẻ con bé tí. Thậm chí muốn diện áo dài mới cũng chẳng biết mặc đi đâu cả. Bố chỉ đến vào ngày nghỉ. Còn bà thì độc chỉ lo lắng một việc: nấu ăn. Hình như ở trên đời này chẳng còn những vui thú tinh thần nào nữa. Ở biệt thự đây, hoàn toàn chẳng có gì để làm cả.

Nếu không có cái áo mà mình bắt đầu đan cho mình, thì đến chết buồn mất. (Đó sẽ hoàn toàn là một cái áo len kiểu nước ngoài đấy nhé! Hình tam giác đỏ, hình tam giác xanh, còn tay áo đỏ, cổ tay xanh. Trông hay đáo để. Khi nào đan chán thì mình giúi áo cho bà. Bà cầu nhàu một tí nhưng rồi vẫn đan).

Gu-li-a, cậu biết không, mình nghĩ rằng lưu lại học năm thứ hai ở lớp chín nói chung cũng có ý nghĩa đấy chứ, vì rằng dù thế nào thì mình cũng chẳng thi nổi. Ngoài ra, mình sẽ học dễ dàng hơn và sẽ có thì giờ để đọc. Mình sẽ đọc tất cả các tác giả cổ điển và một số sách khoa học. Cậu hãy viết cho mình về cuộc sống của cậu. Cậu hạnh phúc thật, mình nghe tin cậu nhào lộn từ cầu nhảy và đạt kỷ lục, chẳng như mình không may đang phải rục rạc ở cái xó biệt thự này.

Nhà mình ở đây có rất nhiều hoa. Chiều tối hoa thơm ngào ngạt thật là tuyệt trần, giá không có muỗi...

Mình chờ thư của cậu như nắng hạn chờ mưa... Hôn cậu thật chặt.

Người bạn yêu mến cậu, Na-đi-a».

Đọc xong, Gu-li-a cười rộ lên.

«Cái Na-đi-a này nữa! — cô nghĩ bụng. — «Lưu lại học năm thứ hai ở lớp chín nói chung cũng có ý nghĩa đấy chứ». Thôi, mặc nó, cứ để cho nó lưu lại! Phải đưa cho Mi-ra xem thư này mới được, nó sẽ cười vỡ bụng».

Gu-li-a gọi điện thoại cho Mi-ra.

— Cậu đến ngay nhé. Việc hỏa tốc.

Chưa đầy nửa giờ sau, Mi-ra đã có mặt.

Mời bạn ngồi trên đi-văng, Gu-li-a đưa thư của Na-đi-a cho Mi-ra xem.

Mi-ra đưa tờ giấy lên sát tận mắt. Lúc đầu, cô im lặng đọc một cách nghiêm trang, hơi cau mày, rồi bỗng nhiên ngả người trên đi-văng, cười sặc sụa.

— Cậu biết không? — chùi nước mắt, Mi-ra nói. — Theo mình, trên trần gian này chẳng còn ai khôn ngoan hơn cái Na-đi-a của cậu nữa! Tất nhiên, nếu không thể lên lớp mười được, thì chỉ còn có cách lưu lại học năm thứ hai ở lớp chín. Thế cậu sẽ trả lời cho nó thế nào? Nó chả đang chờ thư trả lời của cậu như nắng hạn chờ mưa cơ mà.

— Mình sẽ trả lời thế này: «Thôi, đừng làm khổ cái tâm hồn của cậu, cậu cứ tụt xuống vực thẳm! Nếu cậu không thể lên lớp được, thì cứ ở lại vậy».

— Còn về bài thơ, cậu sẽ viết gì?

— Mình sẽ khuyên nó đọc các tác phẩm cổ điển để biết rằng mình xoáy thơ của ai. Chứ không thì xoáy thơ của Pu-sơ-kin, lại bảo rằng của Léc-mông-tốp!..

Mãi đến mùa thu, khi năm học bắt đầu, Gu-li-a mới gặp lại Na-đi-a. Hai cô gặp nhau trong hành lang trường giữa giờ giải trí. Na-đi-a biết điều đã lưu lại học năm thứ hai và bây giờ hai cô học khác lớp nhau.

— Này Cô-rô-li-ô-va, — nó nói với Gu-li-a một cách khô khan, — mình cần nói chuyện với cậu... Tay đôi thôi!

— Ừ, thì chúng ta lại chỗ cửa sổ đi, — Gu-li-a đề nghị. — Ở đây tha hồ mà tay đôi.

Hai cô ngồi trên bệ cửa sổ. Na-đi-a lặng im.

— Thế nào? — Gu-li-a hỏi.

— Lẽ nào tự cậu không hiểu được sao?.. — Na-đi-a nói.

— Mình còn chưa hiểu thật.

— Đến thế thì chúng ta chẳng còn gì để nói chuyện nữa!

— Na-đi-a nói dần từng chữ và quay ra phía khác.

— Na-đi-a. Thôi đi, đừng đóng kịch nữa! Nếu muốn nói gì thì cứ nói đi.

— Na-đi-a quay phắt lại với Gu-li-a.

— Đừng đóng kịch à? Được! Cậu chẳng biết làm một người bạn tốt. Mình không bao giờ, không bao giờ nghĩ rằng tình bạn của chúng mình lại chấm dứt như thế. Hừm! Nó ở lớp mười, còn mình ở lớp chín... Thế thì giữa chúng mình còn có thể có cái gì đáng quan tâm chung được nữa?... Suốt giờ giải trí, cậu toàn khi thì đi với Khô-lô-đô-va, khi thì với A-ga-ni-an, khi thì với Su-ra Giu-cốp, còn đối với mình thì chẳng mấy may chú ý... Như tưởng là mình đã chết rồi! Mà cả đối với người chết, bạn bè cũng mang hoa đến mộ chứ...

Na-đi-a rơm rớm nước mắt. Nó nói tiếp:

— Mình bao giờ cũng nghĩ rằng tình bạn là tình bạn thực! Dù cậu ở trên Bắc cực còn mình ở Nam cực đi nữa, cũng kết bạn được kia mà. Thế thì cái gì chia rẽ giữa mình và cậu? Một bức tường thôi.

— Không, — Gu-li-a nói nghiêm trang và khe khẽ. — Không phải chỉ một bức tường.

— Thế hai à?

— Nhiều hơn. Na-đi-a, cậu hiểu không, đây nhé mình với cậu ngồi trên bệ cửa sổ suốt mười phút rồi, mà chẳng có chuyện gì để nói cả. Chẳng thỏa thuận với nhau được cái gì cả... Nào là Khô-lô- đô-va, nào là A-ga-ni-an, nào là Bắc cực, nào là Nam-cực — nói những cái vật vãnh ấy làm quái gì! Mình với cậu chẳng phải còn là bé con nữa, để cùng nhau nghịch đất, nghịch cát nữa. Mà là những con người gần lớn rồi, thế mà cứ tát bùn sang ao chẳng để làm gì cả. Không, mình biết kết bạn chứ, cậu nói không đúng đâu!..

— Với cái Mi-ra đen như cột nhà cháy ấy, có phải không?

— Ừ, với Mi-ra. Mình yêu mến và tôn trọng nó.

— Chỉ vì nó mê tí cậu thôi. Một điều: «Gu-li-a, cậu có tài», hai điều: «Gu-li-a, cậu thiên tài». Mà cậu cũng chỉ cần thế thôi. Cậu không thích nghe sự thật. Mình thì thế này này: mình nghĩ gì mình cứ nói toạc móng heo thẳng vào mặt!.. Có thể những điều mình nói với cậu bây giờ hơi thô đấy...

— Nếu nói cho cùng, thì không thô nhưng mà ngốc! — Gu-li-a tụt từ trên bậc cửa sổ xuống và nói. — Mình chẳng muốn giải thích gì thêm với cậu nữa.

— Cậu hãy chuyển lời chào và hãy hôn cái cô Gác-ben của cậu! — Na-đi-a kêu với theo Gu-li-a.

Gu-li-a ngoái cổ nhìn nó qua vai mình và chỉ nhếch mép cười.

— Đấy, cậu thật là thiên tài, Na-đi-a ạ, — cô nói. — Thiên tài chân chính!

Hai ngày sau, Gu-li-a nhận được một bức thư qua bưu điện thành phố.

«Gu-li-a! — Na-đi-a viết. — Sau hai đêm vừa qua, mình suy nghĩ lại rất nhiều. Chúng ta cần nói chuyện tay đôi với nhau một lần nữa. Ngày mai, vào giờ giải trí, mình sẽ ra cầu thang và sẽ chờ. Cậu không biết mình khổ tâm như thế nào. Na-đi-a trung thành với cậu và yêu mến cậu».

Phía dưới có ghi thêm: «Cậu đừng đưa thư này cho Mi-ra. Nó sẽ không cho cậu đi đâu... Và nói chung, cậu đừng tin nó! Giá cậu biết được tất cả về nó nhĩ...»

Bức thư thật là lố bịch và khó chịu, nhưng dù sao Gu-li-a cũng định ra cầu thang. Từ chối nói chuyện với bạn cũ kể ra cũng hơi bất tiện.

Chuông vừa mới reo, Gu-li-a đã ra đầu cầu thang và nhìn quanh Chưa có ai cả. Cô đi xuống thấp hơn và thấy Na-đi-a với mấy cô bé cùng lớp đang xúm quanh nó.

Na-đi-a ngồi trên bậc thang chân không giày, chỉ đi bít tất dài, nó đang khoe với các cô gái đôi giày mới của nó, đôi giày sơn có trang điểm một cái tua đặc biệt gì đấy.

— Trông đây này, trông đây này! — Na-đi-a say sưa nói. — Sơn này chẳng bao giờ bị nẻ cả đấy nhé, dù đi vào nước cũng thế

thôi, còn gót thì kiểu cái cốc con đấy!

Bọn con gái xem giày, còn Na-đi-a nói tiếp:

— Mê ly thật, đúng không? Đấy là bố mình đi công tác mang về đấy. Nào, đưa giày đây cho mình. Người ta đang đợi mình ở trên kia.

Nhưng không còn ai đợi nó ở trên cả. Gu-li-a đã quay trở lại hành lang từ lâu rồi, để không làm phiền Na-đi-a đang khoe khoang đôi giày mới và khổ tâm với những buồn phiền cũ của mình.

SỐNG RẤT TỐT!

Đó là năm cuối cùng ở trường trung học.

Tháng mười sắp qua, nhưng mặt trời vẫn còn sưởi ấm như mùa hè. Hình như mùa hè cố ý dùng dằng không muốn đi, để cho mọi người tha hồ nhìn bầu trời trong xanh và yên tĩnh, nhìn những ngọn lá nâu thẫm của cây sồi, giống như cắt ở một mảnh da thuộc vậy.

Trên tàu điện, người ta mang từ ngoại ô thành phố về những bó lá mùa thu sặc sỡ. Trên vỉa hè rắc đầy lá rụng như những đồng tiền vàng. Trong các cuốn sách và vở của các nữ sinh đã ép những ngọn lá phong đỏ rực, xòe ra như chân vịt.

Lúc bảy giờ, các đoàn viên đang chuẩn bị cho buổi dạ hội trọng thể của mình ở Nhà hát Ca kịch.

Tụi thành đoàn thanh niên cộng sản, người ta nói với Gu-li-a:

— Cô là diễn viên. Cô sẽ ngâm thơ. Hãy tự chọn lấy bài nào mà cô thích nhé.

— Nhưng mà tôi có phải diễn viên kịch đâu, — Gu-li-a lúng túng nói. — Tôi chỉ đóng phim và cũng đã lâu rồi. Còn ngâm thơ, nhất là ngâm ở trên sân khấu lớn của Nhà hát Ca kịch, thì dù thế nào tôi cũng không dám.

— Thôi, thôi, cứ lấy hết can đảm là được!

Và Gu-li-a lại phải lấy can đảm.

Cô ngồi rất lâu giờ từng trang sách của các nhà thơ yêu mến, nhưng cũng không thể chọn được bài nào. Khi thì cô thích đọc

Lưỡi dao găm của Léc-mông-tốp, khi thì thích đọc một đoạn trích trong *Những người đàn bà Nga* của Nê-cơ-ra-xốp, khi thì thích đọc *Trên chiến trường Cu-li-cô-vô* của Bơ-lốc. Cuối cùng, cô chọn một bài — chẳng phải bài thứ nhất hay bài thứ hai hay bài thứ ba — một bài thơ của Mai-a-cốp-ski — *Tốt*.

Tôi

đã đi thăm

gần khắp

địa cầu, —

đời sống

rất tốt,

và sống trên đời

cũng rất tốt! —

vừa đi lui đi tới trong phòng, cô cao giọng nhắc lại những lời thơ và bỗng nhiên dừng lại kiêu hãnh ngẩng đầu lên.

Còn cuộc sống huyền nào,

sôi sục chiến đấu

của chúng ta,

lại càng tốt hơn!

Gu-li-a giơ tay lên, còn từ bếp, bộ mặt hốt hoảng của Phơ-rô-xi-a đang ngó lên.

— Không sao, không sao đâu, thím Phơ-rô-xi-a ạ, — Gu-li-a nói, — cháu học thơ đấy mà.

Phơ-rô-xi-a hài lòng gật đầu và đi khuất sau cửa.

Buổi tối, Gu-li-a chạy đến nhà Mi-ra để xem bạn chuẩn bị như thế nào rồi, vì Mi-ra cũng phải biểu diễn trong buổi ca nhạc ở Nhà hát Ca kịch.

— Chẳng ra sao cả! — Mi-ra thất vọng nói. — Tay nó không chịu nghe mình, thật là nó không chịu nghe. Mình sẽ thất bại mất trong buổi ca nhạc này. Và sẽ làm hỏng buổi ca nhạc mất.

— Không, mình chẳng sợ cho cậu đâu, — Gu-li-a nói. — Rồi cậu biết, ai sẽ thất bại? Mình đấy!

— Không, cậu thì chẳng bao giờ thất bại đâu.

— Cậu tưởng thế thôi, Mi-ra ạ! Lần cuối cùng mình ngâm thơ trên sân khấu là lúc lên mười hai tuổi, — trong cuộc liên hoan thiếu niên tiên phong. Cũng ngâm thơ của Mai-a-cốp-ski — *Làm nghề gì?* Còn từ đó cho đến bây giờ, mình chưa hề...

— Dù sao thì cậu cũng không thất bại đâu, — Mi-ra nói. — Mình biết cậu!

Câu chuyện trên đây cứ lặp đi lặp lại mãi gần như hàng ngày cho đến tận trước buổi ca nhạc. Gu-li-a cùng Mi-ra đến Nhà hát Ca kịch nửa giờ trước khi bắt đầu buổi lễ, và từ sau những cánh gà hai bên sân khấu, hai cô nhìn xuống phòng xem đồ sộ vắng tanh, lòng các cô lại càng lo lắng hơn.

— Ôi chà! Như chui vào nước lạnh ấy! — Mi-ra thì thào.

— Còn mình thì nóng, — Gu-li-a nói.

— Ừ, thế thì cậu sưởi ấm tay cho mình vậy. Tay mình hoàn toàn lạnh cóng rồi. Chẳng biết sẽ chơi đàn sao đây!

Gu-li-a bắt đầu xoa những ngón tay lạnh buốt của Mi-ra.

Lúc đó, gian phòng xem đồ sộ kia cũng dần dần đầy người. Đàn vi-ô-lông, sáo, đàn công-tơ-rơ-bát trong dàn nhạc bắt đầu kêu lên loạn xạ. Những người chủ trì vội sửa lại cái khăn màu đỏ trải trên chiếc bàn. Và bỗng nhiên tất cả im lặng. Màn bắt đầu rung rung, rồi từ từ mở rộng ra, và phần long trọng của buổi dạ hội bắt đầu.

Gu-li-a và Mi-ra đứng sau cánh gà trên sân khấu. Những lời từ sân khấu vang đến đây hơi lạ tai: dù gần hơn nhưng nghe không trong. Những tràng vỗ tay vang lên từ phía dưới rào rào như tiếng ồn ngoài biển.

Những giọng nói chắc nịch và đanh thép của các diễn giả làm cho Gu-li-a yên lòng. Cô nắm chặt tay Mi-ra và thì thầm vào tai:

— Mọi việc sẽ tốt. Cậu sẽ thấy đấy!

Bây giờ thì cô lo lắng cho Mi-ra, cô bạn nhỏ nhắn trong gian phòng đồ sộ như thế kia, hơn là cho mình.

Trong giờ giải lao, tiện đường Gu-li-a chạy đến gương soi một tí. Từ trong gương, một cô gái, gần như người lớn, tóc vàng, mặc chiếc áo dài lụa đen có những tua ren trắng viền ở cổ, đang nhìn cô. Mặt hơi rộng một ít, với chiếc cằm tròn trĩnh và răn rỏi, với đôi môi bình tĩnh và âu yếm, với đôi mắt quả quyết, nhìn chăm chăm.

«Không, sự thực mình sẽ không thất bại đâu!» — cô nghĩ bụng.

Trên sân khấu, người ta đã đẩy chiếc đàn dương cầm ra, mở nắp đàn bóng lộn lên, và trên nắp, giống như trên mặt gương, những ngọn lửa của chum đèn treo đang lấp lánh nô đùa.

Mi-ra, mặt tái, hốt hoảng nhìn Gu-li-a.

— Men-đen-xôn! — trên sân khấu. Đoàn viên Mi-sa trịnh trọng thốt lên, dường như anh gọi chính Men-đen-xôn ngay tại đây. — «Rông-đô cáp-ri-xi-ô-dô»!

Nhưng thay cho Men-đen-xôn, một cô gái mảnh khảnh, gầy gầy, có những bím tóc đen huyền vấn quanh đầu, mặc chiếc áo dài bằng nhung xanh, đang rụt rè bước ra sân khấu.

— Nữ sinh Nhạc viện Ki-ép, Mi-ra Gác-ben! — Mi-sa giới thiệu cô với công chúng xong liền đi vào sau cánh gà, vờ dửng dưng như đã làm xong một việc quan trọng nhất.

Mi-ra ngồi trước đàn dương cầm và nhìn những phím đàn.

«Sao nó chưa bắt đầu nhỉ? — Gu-li-a lo sự nghĩ thầm. — Lẽ nào nó cảm động quá quên hết rồi chẳng?»)

Nhưng ngay lúc đó, Mi-ra lắc lư trên chiếc ghế, quả quyết đưa tay lên và hạ xuống những phím đàn.

Trong phòng vang lên những âm thanh đầu tiên rụt rè và khe khẽ.

«Hình như lúc đầu phải đánh khe khẽ như thế», — Gu-li-a yên tâm nghĩ bụng, rồi cô tức giận nhìn một người nào đấy béo phệ ngồi ở hàng đầu đang húng hắng ho thật là không đúng lúc.

Mi-ra càng đánh đàn càng vững vàng hơn. Trong mỗi âm thanh, cảm thấy rõ ràng cô đã làm chủ được mình, được nhạc cụ và cả người nghe.

Cạnh Gu-li-a, đằng sau cánh gà, có hai người đứng: một người đàn ông với bộ dạng nghệ sĩ và một người đàn bà đứng tuổi xinh đẹp.

— Chúc mừng chị, — người đàn ông thì thầm, — cô bé đã thành một nữ nghệ sĩ thật sự, gần thành thực rồi.

Gu-li-a đoán người đàn bà có mái tóc dày, hoa rậm kia là giáo sư của Mi-ra.

«Nào, xem nào, thử xem họ còn nói gì thêm nữa? »

Gu-li-a tiến gần hơn về phía hai người.

— Năng khiếu tuyệt vời và thanh tươi, bà giáo sư thì thầm nói với ông bạn của mình. — Nhưng nó cố tập lắm!..

Với một niềm cảm kích đặc biệt, Gu-li-a nhìn cô bạn gái, thường rất ít kể với Gu-li-a về những kết quả của mình, mà lại đánh giá rất cao mỗi một kết quả của Gu-li-a.

«Cô bạn yêu quý của tôi ơi! — cô nghĩ thầm. — Nó đứng trên sân khấu thật là hay và tự nhiên! Có thể tưởng rằng nó đã biểu diễn một trăm lần ở đây — Ở Nhà hát Ca kịch này rồi... Thế mà sao vừa rồi nó xúc động thế! Thiên tài chân chính bao giờ cũng khiêm tốn».

Gu-li-a không kịp nói tất cả những điều đó với Mi-ra. Những tràng vỗ tay vừa mới dứt, Mi-ra sung sướng và cảm động chạy ra sau cánh gà, thì từ sân khấu đã vang lên giọng nói vui vẻ của Mi-sa.

— Vơ-la-đi-mia Mai-a-cốp-ski! Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va ngâm *Tốt*.

— Nhưng nếu ngâm không tốt thì sao? — Gu-li-a vừa lăm bầm với Mi-sa, vừa nhẹ nhàng chạy ra sân khấu.

— Chà, còn lém nữa! — Mi-sa nói với theo cô.

Và trên sân khấu cao, rộng đã vang lên những lời thơ, chính những lời thơ mà hàng ngày thím Phơ-rô-xi-a đã được nghe trong tuần lễ gần đây:

Tôi

đã đi thăm

gần khắp

địa cầu, —

đời sống

rất tốt,

và sống trên đời

cũng rất tốt!

Những người nghe đã lập tức tin ngay cả Mai-a-cốp-ski lẫn Gu-li-a. Vì những lời giản dị và âm vang kia, thốt ra từ mồm một cô gái vừa khỏe mạnh, vừa cân đối có một sức thuyết phục lạ thường:

đời sống

rất tốt,

và sống trên đời

cũng rất tốt!

Gu-li-a cảm thấy mọi người hiểu cô, đồng tình với cô và vô tình thầm nhắc lại những lời thơ cô đã ngâm lên từ trên sân

khẩu. Và nhờ thế, giọng cô càng trở nên âm vang, mạnh mẽ, phong phú hơn:

Cứ sống đến trăm tuổi,

chúng ta

mãi mãi không già.

Năm này qua năm khác,

sinh khí

càng tăng gia.

Hỡi chiếc búa

với lời thơ,

hãy ngợi ca

quê hương của tuổi trẻ!

Gu-li-a đã ngâm xong.

— Thế mới gọi là vỗ tay chứ! — Mi-ra đón Gu-li-a ở sau cánh gà và nói. — Cậu nghe đấy, người ta vỗ tay hoan hô cậu như thế nào.

— Không phải mình mà là hoan hô Mai-a-cốp-ski đấy, — Gu-li-a nói. — Còn khi người ta vỗ tay hoan hô cậu, thì thực đúng là hoan hô cậu!

— Mà cũng có thể là hoan hô Men-đen-xôn?

— Ừ, thì một phần hoan hô Men-đen-xôn. — Gu-li-a bật cười.

Và cả hai cô, lòng nhẹ nhõm, chạy xuống phòng, xem những người khác biểu diễn trong buổi ca nhạc sẽ xúc động, lo âu như thế nào, mà chính hai cô vừa mới trải qua.

LÀM NGHỀ GÌ?

Mùa hè lại đến, mùa hè hào phóng, mến khách, trù mển. Gu-li-a thi xong những môn cuối cùng, và những học sinh tốt nghiệp đã chung tiền làm lễ mãn khóa.

Bây giờ, một vấn đề được đặt ra một cách nghiêm túc, khẩn trương cho tất cả những người hôm qua còn là học sinh: làm nghề gì? ...

Gu-li-a có thói quen việc gì cũng hỏi ý kiến Mi-ra. Và không đợi bạn từ biệt thự trở về, Gu-li-a tự mình đến với Mi-ra để cùng nhau suy nghĩ và bàn bạc.

Trong rừng thông, thơm nức mùi nhựa lá kim đã được sưởi nắng qua một ngày hè. Gu-li-a đi tàu lúc sáu giờ chiều. Mặt trời tà tỏa ra những tia sáng dài và rộng trên mặt đất đầy lá kim và trên những thân cây thông màu đỏ nhạt.

Mi-ra trông thấy Gu-li-a qua cửa sổ nhà bếp lúc đang chuẩn bị ăn tối. Cô reo lên vui vẻ: «Gu-li-a đã đến!» — và thò đầu ra khỏi cửa sổ, vung vẩy con dao làm bếp.

— Hình như cậu muốn cửa sổ mình đây, hở? — Gu-li-a cười nói.

Cô chạy vào bếp và lập tức tham gia vào việc nấu ăn.

— Đưa cho mình cái tạp-dề, Mi-ra! — cô nói.

Và, vén tay áo, đeo tạp-dề vào, Gu-li-a bắt tay vào việc — gọt cả một bát to đầy khoai tây, rồi sau đó bắt đầu thái nhỏ củ cải đỏ và cà-rốt trên thớt.

Mẹ Mi-ra âu yếm nhìn Gu-li-a, ngắm nghía vẻ tháo vát, vui nhộn của Gu-li-a đang làm việc nội trợ ở trong bếp nhà mình.

— Gu-li-a của con thật là tuyệt, — bà nói với con gái, khi Gu-li-a cầm thùng chạy đi xách nước.

— Thế con chẳng đã nói với mẹ là gì! — Mi-ra kiêu hãnh trả lời.

— Chúng ta thu xếp cho khách của chúng ta nằm đâu nào? — mẹ Mi-ra hỏi, khi Gu-li-a đã quay trở lại.

— Bác đừng bận tâm gì cho cháu cả. Cháu đã chọn chỗ cho mình rồi: nhà bác có cái trần rất tốt.

— Nhưng trên đó chẳng có gì để nằm ngủ cả.

— Lo gì, cháu với Mi-ra sẽ kéo cỏ khô lên đấy. Chúng cháu sẽ dậy sớm và đi tắm. Phải không, Mi-ra? Con người chẳng cần gì hơn nữa?

Mi-ra đồng ý với Gu-li-a rằng con người chẳng cần gì hơn nữa.

Đêm đến, trên trần nhà, trên những ôm cỏ khô mới cắt, phảng phất mùi ngải cứu và bạc hà, hai cô cùng tâm sự với nhau một câu chuyện quan trọng.

— Cậu có biết trong óc mình nảy ra ý nghĩ gì không? — Gu-li-a nói. — Mình muốn vào Học viện thủy lợi cải tạo chất đất. Tốt nghiệp ở đấy, mình sẽ đi đến một vùng sa mạc nào đó: đào kênh và đấu tranh với cát...

— Đến sa mạc ư?! À, lại tìm đâu ra được một ẩn sĩ ở sa mạc nữa đấy! Nhưng mà không có người thì cậu có sống được đâu! Không, cái đó hoàn toàn không hợp với cậu.

— Hợp chứ! — Gu-li-a bướng bỉnh nói. — Người ta nghĩ về sa mạc hoàn toàn không đúng, Mi-ra ạ. Một anh chàng đi nghiên cứu mới về đã kể cho mình nghe rằng ở đây công việc hay tuyệt vời. Anh ta cứ thuyết phục mình mãi là nên vào học viện ấy.

— Cứ mặc cho hẳn ta thuyết phục! Đừng có nghe hẳn! Sa mạc thật là chán ngấy! Và hơn nữa, cậu vốn thích nước thể kia, thích bơi lội, chèo thuyền, mà nước ở sa mạc thì chỉ có trong cái chai nước đi đường hoặc trong cái bình-tong thôi!

— Chính vấn đề là ở chỗ phải đưa nước đến cho sa mạc. — Gu-li-a ngắt lời bạn. — Và khi đó, cả sa mạc cũng sẽ trở nên xanh rì, sẽ biến thành vườn cây. Và cái đó có thể diễn ra ngay trước mắt cậu, dưới bàn tay của cậu. Không, mình muốn đi sa mạc!

— Thế còn sân khấu, điện ảnh? Bao giờ mình cũng nghĩ là cậu sẽ vào trường sân khấu kia đấy. Và bây giờ thì bỗng nhiên — moi đâu ra cái thủy... gì gì đấy, ngay cái tên cũng không thể nói lên được.

— Chính mình lúc đầu cũng rất muốn vào trường sân khấu. Nhưng cậu biết không, nếu là một nữ nghệ sĩ chân chính, bẩm sinh cơ, thì mình không thể nghĩ cái gì khác ngoài sân khấu được. Nhưng mình có hàng ngàn nguyện vọng. Mà nguyện vọng lớn hơn cả là mình mong được tham gia vào một việc gì đấy khó khăn, quan trọng, mình muốn đấu tranh, muốn gặp đủ hạng người, muốn đi khắp đất nước ta.

— Gu-li-a, cậu yêu đời khiếp quá! Chính vì thế đấy!

— Ủ, đúng, mình yêu đời. Giá mà cho mình ba cuộc đời, thì có lẽ mình vẫn thấy ít, mình vẫn xin: hãy cho tôi thêm một cuộc đời thứ tư nữa. Nhưng nếu tất cả chỉ có một cuộc đời thôi, thì

mình chẳng rõ nên bắt đầu từ cái gì... Muốn cả cái này lẫn cái kia, và cả cái này lẫn cái kia mình đều muốn cả một mâm đầy.

— Tham thế! — Mi-ra nói.

— Chính thế!

Gu-li-a bật cười khe khẽ trong bóng tối.

— Đúng, Mi-ra thân yêu, mình tham lắm. Nhưng mà cậu đừng tưởng, mình còn hào hiệp nữa đấy. Mình cần nhiều lắm và cũng không tiếc gì hết. Mình cảm thấy nếu vì một sự nghiệp to lớn nào đấy, mình sẽ sẵn sàng hiến cả đời mình. Mà chẳng suy nghĩ tính toán gì đâu. Cậu có tin mình không? Mình không khoác lác đâu.

— Mình tin, — Mi-ra nói khẽ. — Mình yêu cậu chính là vì cái đó. Chỉ có điều là mình luôn luôn cảm thấy lo sợ cho cậu thế nào ấy.

— Sao lại sợ thế làm gì!

Gu-li-a tìm trong bóng tối bàn tay của bạn với những ngón mảnh dẻ nhưng mạnh và vuốt ve nó.

— Đừng sợ, Mi-ra thân yêu! Mọi việc sẽ tuyệt cả. Trước mắt chúng ta đời sống tươi đẹp biết bao. Chẳng phải vô cớ mà chúng ta sinh ra trong thời buổi thế này và trên đất nước thế này.

Trăng nhìn qua chiếc cửa sổ con trên trần nhà, và giống như tuyết, ánh trăng phủ lên những ôm cỏ khô xôm xộp và bù xù.

Hai cô bắt giắc ngẩng đầu lên và cùng thốt lên:

— Thích quá!

Cả hai bật cười vì sự trùng nhau về ý và lời đó.

— Nào, chúng ta đi lang thang một lát nhé, — Gu-li-a nói.

— Mình cũng muốn đề nghị với cậu như thế!

Hai cô sờ soạng tìm giày trong đám cỏ khô và đi vào chân, rồi thận trọng tụt từ trần nhà xuống vườn.

Bầu trời đen đầy sao, còn mặt trăng thì tựa hồ như đậu trên ngọn cây dương đen sẫm.

Mi-ra đưa kính lên mắt, ngửa đầu nhìn lên cao hồi lâu.

— Cậu thấy không, — cô nói, — đó là chòm sao Thiên-lang... Giá mà mình không đi vào con đường âm nhạc, thì nhất định mình sẽ trở thành nhà thiên văn đấy. Nhưng mình chẳng phải chọn ngành chọn nghề gì nữa, mình chỉ có một con đường thôi.

— Thế cũng là hạnh phúc đấy! — Gu-li-a nói.

Mi-ra gật đầu.

Bất giác hai cô lại lặng im, lắng tai nghe tiếng ngân vang của những côn trùng ăn đêm nào đấy và chậm rãi đi trên con đường loang lổ những sọc ánh trăng và những bóng cây đen.

— Mi-ra!— bỗng nhiên Gu-li-a nói khẽ. — Cậu nghe mình đấy chứ?

Mi-ra giật mình và quay bộ mặt tái nhợt vì ánh trăng về phía bạn.

— Cái gì, Gu-lênh-ca?

— Mình chẳng biết nói với cậu thế nào... — Gu-li-a cau mặt, bắt đầu nói. — Cái này rất, rất quan trọng.

Cô lấy hơi và bẻ cành cây cầm ở tay.

— Cậu hiểu không, mình thấy hình như mình yêu một người... Không, không phải là hình như! Mình yêu anh ấy lắm,

đến nỗi mình thấy vừa sợ, vừa vui và cả vừa hơi đau nữa... Mình biết, cái đó sẽ không hết bao giờ. Vĩnh viễn như thế.

Mi-ra đưa những ngón tay mảnh dẻ của mình, âu yếm vuốt ve tay bạn.

— Anh ấy là ai, Gu-lênh-ca? — Mi-ra thì thầm hỏi.

Gu-li-a lặng im một tí.

— Bây giờ thì mình chưa nói. Cậu đừng giận mình. Chẳng hiểu vì sao bây giờ mình khó nói tên anh ta thế. Cậu hiểu không? Chính vì cho đến bây giờ, chỉ có mình và anh ấy biết về điều này thôi. Và mình hơi tiếc nếu hoàn toàn mất điều bí mật đó của mình... Tốt hơn là có lúc nào đấy, mình sẽ đưa anh ấy đến nhà cậu. Chắc cậu sẽ biết ngay, chính là anh ta đấy. Chỉ xin cậu một điều là cậu cứ làm bộ như không biết. Và bây giờ đừng hỏi mình gì nữa nhé. Được chứ?

— Tùy cậu ... — Mi-ra nói. — Mình rất mừng cho cậu, rất mừng...

Hai cô còn đi lâu nữa trên những con đường đầy ánh trăng, trên những đám cỏ lấp lánh sương đêm, lòng tràn đầy sung sướng và biết ơn nhau.

Mi-ra thấy tự hào vì chính cô ta là người đầu tiên được Gu-li-a tin cậy cho biết cái điều bí mật dễ thương và quý báu như thế.

Còn Gu-li-a thì liếc nhìn người bạn quý của mình và nghĩ rằng trên đời này không một người nào có tấm lòng vừa khôn ngoan, vừa nhạy cảm hơn.

LÚC RẠNG ĐÔNG

Ngày này qua ngày khác, tháng nọ tiếp tháng kia — một năm nữa trôi qua. Tháng sáu năm bốn mốt đã đến.

Đêm đêm thường có những trận mưa rào. Ban ngày bầu trời xanh quang đãng. Phảng phất thơm mùi lá dẻ tươi và hoa hồng. Người ta bán hoa hồng ở mỗi góc phố, nào là hồng đỏ, hồng trắng. Những lẵng hoa đặt ngay trên vỉa hè.

Những tấm áp-phích to dán khắp thành phố

Ngày chủ nhật 22 tháng sáu sẽ làm lễ khánh thành sân vận động mới của thành phố.

Gu-li-a đã lên năm thứ hai Học viện thủy lợi cải tạo chất đất. Cô đã kết hôn với chính anh chàng đã kể cho cô nghe rất hay về các sa mạc. Đó chính là người mà cô không muốn gọi tên trong đêm trăng đáng ghi nhớ, khi cô cùng Mi-ra đi dạo trong vườn, đó là Xéc-gây của cô.

Xéc-gây, cũng như Gu-li-a, là một vận động viên rất say mê thể thao. Khánh thành sân vận động mới đối với cả hai người là một sự kiện, một ngày hội thực sự.

Nhưng, thật là bực, từ chiều, trời phủ đầy mây đen. Nhìn ra cửa sổ, Gu-li-a nói với Xéc-gây:

— Giá đêm nay trời sáng sủa lên một tí nhỉ! Không thì ngày hội đi đứt mất!

Đêm tĩnh mịch, tối như bưng và ẩm ướt. Cây keo ngoài cửa sổ đứng lặng im phăng phắc, không một cành lá lay động. Trong phòng ngột ngạt. Nửa đêm thức giấc, Gu-li-a nghĩ bụng: «Chắc là sắp có cơn dông. Mong sao chong chóng lên! Ngột ngạt không thở được nữa».

Và thật ra thì qua giấc mơ văng vẳng đến tai cô những tiếng âm âm vang động, xa xa giống như tiếng sấm rền vang.

Sáng tinh mơ, mẹ và Xéc-gây đánh thức Gu-li-a dậy. Cả hai đã ăn mặc chỉnh tề.

— Máy giờ rồi?—Gu-li-a hỏi. — Chẳng lẽ đã đến giờ rồi cơ à?

— Đã đến giờ rồi, Gu-lênh-ca ạ! Đã đến giờ rồi! Mặc áo nhanh lên.

Gu-li-a nhìn cả hai người, thấy bộ mặt lo âu, nghiêm nghị một cách bất thường và hiểu ngay: có chuyện gì đã xảy ra.

— Có chuyện gì thế? — cô hỏi.

Bằng những lời lẽ hấp tấp, ngắn ngủi, vội vàng, cả hai người đã kể cho cô nghe tất cả. Chỉ vừa mới tờ mờ sáng, lũ máy bay oanh tạc của Đức đã ném bom xuống vùng ngoại ô thành phố Ki-ép. Sân bay ở Xô-lô-min-ca bốc cháy, đồn Vô-lưn-ski bốc cháy.

— Thế nghĩa là vừa rồi không phải cơn dông, — Gu-li-a nói. — Mà là chiến tranh!

Và chỉ đến lúc đó, khi nói lên cái danh từ ấy, Gu-li-a mới hiểu rõ rằng đời sống hòa bình và hạnh phúc đã chấm dứt trong một thời gian lâu, kẻ thù hung bạo đã xông vào đất nước và nó đã ở đây, ngay trên thành phố.

— Thôi, tôi đi đây, — Xéc-gây nói và cầm mũ cát-két của mình, dường như đi nghe bài giảng ở Học viện.

— Đến phòng quân vụ à? — Gu-li-a hỏi.

Xéc-gây gật đầu và hôn cô, rồi đi ra.

— Chắc là phải sửa soạn đồ dùng cho nó, — mẹ luống cuống, nói. — Vào bộ đội thì phải mang theo những gì nhỉ?

— Cái gì giản đơn nhất, — Gu-li-a đáp. — Một bộ áo lót, khăn lau mặt... Hình như thìa nữa.

— Ôi, trời ơi! — Phơ-rô-xi-a nghe tin Xéc-gây sắp vào bộ đội thì khóc than, nhưng Gu-li-a nhìn thím nghiêm nghị và có vẻ trách móc.

— Thím Phơ-rô-xi-a, thím sao thế! — cô nói. — Lẽ nào chúng ta có thì giờ để khóc ư?

Và Phơ-rô-xi-a ngoan ngoãn lau nước mắt.

Đến trưa, cả ba người đàn bà áp sát tai vào loa truyền thanh, và Gu-li-a nghe thông cáo của Chính phủ, mỗi chữ mỗi lời của bản thông cáo đều vang lên lòng căm hờn và chí kiên quyết.

Gu-li-a lắng nghe, sợ bỏ sót dù là một chữ, và đến khi giọng nói trong loa truyền thanh vang lên những lời trang trọng và giản dị: «Sự nghiệp của chúng ta chính nghĩa. Kẻ thù nhất định sẽ bị đánh ta. Thắng lợi nhất định thuộc về chúng ta», thì cô cảm thấy hình như cô đợi chính những chữ ấy.

Bây giờ chẳng có gì đáng sợ. Lao động cật lực, chiến đấu kiên cường, chịu đựng tất cả mọi nỗi khổ cực mà chiến tranh đem đến.

Sự nghiệp của chúng ta chính nghĩa, Chúng ta nhất định thắng.

Gu-li-a nhìn mẹ và Phơ-rô-xi-a. Mặt của họ vừa trang trọng, vừa bình tĩnh.

NHÍM CON

Đêm khuya, Gu-li-a cùng mẹ len lỏi qua bóng đêm dày đặc, theo những đường phố vắng tanh, đi ra khỏi thành phố thân yêu. Thành phố Ki-ép đã bị inh tai váng óc, trở nên cảnh giác đề phòng tựa hồ như đang lắng nghe cái gì đấy. Hiệu lệnh phòng không vừa mới báo yên xong. Cần phải đi gấp để kịp lên tàu trước lần báo động sau. Một giờ nữa, đoàn tàu của Viện hàn lâm Khoa học U-cơ- ren sẽ đi về phương Đông rất xa. Gu-li-a đi cùng với đoàn tàu đó.

Cô xách trong tay chiếc va-li con, trong đó đựng những chiếc áo cánh tí hon, những tã lót, những tấm vải trải giường bé tí của đứa con sắp ra đời của cô. Gu-li-a đã cùng với mẹ và thím Phơ-rô-xi-a chuẩn bị những đồ dùng trẻ con đó một cách nâng niu biết bao! Tận dụng từng phút rồi rãi giữa các buổi học, cô cắt, khâu, đan. Trước đây, cô tin chắc bao nhiêu rằng đứa con đầu lòng của cô sẽ có đủ tất cả những thứ cần thiết trong những năm đầu tiên của cuộc sống: một phòng sáng sủa, chiếc giường con tiện lợi, chậu tắm, xe nôi. Nhưng bây giờ thành ra lại hoàn toàn khác hẳn. Tất cả những đồ vật của đứa con chỉ vền vện xếp gọn trong một chiếc va-li nhẹ.

Cái gì sẽ đến với con người bé nhỏ còn chưa ra đời kia? Gu-li-a đi trong bóng tối, không nhận ra được những đường phố quen thuộc từ bé nữa. Cô cảm thấy hình như những ngôi nhà nín lặng kia đang nhìn cô và tiễn đưa cô với một vẻ trách móc âm ỉ thể nào ấy.

Nhưng nếu cô không có con mọn thì lẽ nào cô xa rời chốn này để về hậu phương thật xa hay sao? Thế thì cô đã nắm chắc khẩu súng trường trong tay — cô cũng biết bắn súng — và cùng với Xéc-gây đi ra mặt trận rồi.

Còn bây giờ thì dù thế nào người ta cũng không nhận cô. Và cô phải giữ gìn bằng được đứa con trai của mình (chẳng hiểu vì sao, cô tin chắc rằng đứa con trong bụng nhất định sẽ là con trai). Giữ gìn nó, bất chấp cái chết đang kéo đến như một đám mây đen đe dọa cả cuộc sống.

Đứa con của Gu-li-a mở mắt chào đời ở một thành phố xa mặt trận, ở U-pha, thủ đô của Bát-skia. Cũng ở đó, nó đã sống qua mùa đông đầu tiên của đời mình.

Ngọn gió thảo nguyên lạnh lẽo rít lên trong ống khói. Ngoài cửa sổ là đường ven thành phố, kết thúc ở khe hẻm.

Gu-li-a ngồi trên giường trong căn phòng của một tòa nhà trắng ba tầng. Bên cạnh, đứa con trai bé tí của cô nằm trên chiếc gối. Cô thường hay nghịch cái dùm tóc tơ cón con màu sáng của nó, do dùm tóc đó mà Xa-sa của cô còn được đặt thêm một tên tục là «Nhím Con». Nhím Con ưỡn người ra, thò hai bàn tay mũm mĩm ra khỏi chăn và chìa hai nắm tay hồng hồng bé tí tẹo cho mẹ. Gu-li-a đã biết rõ tất cả những thói quen dễ thương của nó: cả việc ưỡn người ra khi thức giấc, cả tiếng kêu trong cổ giống như tiếng bồ câu gù, cả những cái đạp chân nhanh, hết chân này đến chân kia.

— Mẹ, xem kìa! — Gu-li-a cười. — Nhím Con hình như đang đi xe đạp ấy!

Gu-li-a cảm thấy đứa con đối với mình thân yêu ruột thịt đã từ lâu lắm rồi, hình như nó đã ở bên cô suốt đời vậy.

Ngắm nghía đứa con tóc trắng trắng và vui vẻ đó, cô cúi đầu xuống con rất thấp và vô tình tóc cô cù vào nó, làm cho nó cười sặc sụa, phô hai chiếc răng con trắng nõn ở hàm dưới, và nó vui mừng đưa hai chân bé tí tẹo của mình, bọc trong những chiếc giày đan đầu tiên, đập vào đầu mẹ.

Bây giờ, Nhím Con đối với Gu-li-a là nguồn vui lớn nhất. Lúc không có nó — khi nó ngủ hoặc bà bế đi chơi — cô cảm thấy nặng nề không chịu được...

Ở U-pha, lúc bấy giờ còn ít cảm thấy chiến tranh. Tối tối, ở các nhà cửa sổ vẫn sáng, đèn điện ngoài đường vẫn sáng như thời bình, và thật kỳ lạ, tất cả mọi người đều bình thản với việc đó, chẳng có ai đòi phải che kín cửa sổ và tắt đèn ngoài đường phố. Thực ra thì dân U-pha còn chưa biết thế nào là tắt đèn phòng thủ. Chiến tranh còn xa đây lắm! Nhưng các đơn vị bộ đội vừa đi rầm rập qua các đường phố, vừa hát ngày càng thấy thường xuyên hơn. Đó là một bài ca chiến đấu mới, với điệp khúc hùng hục lòng cương quyết mãnh liệt và hùng mạnh:

Hãy để lòng hờn căm cao thượng

Sôi sục trào lên như ngọn sóng!

Tiến hành chiến tranh nhân dân,

Chiến tranh thần thánh.

Còn đài và báo thì hàng ngày lại đưa đến những tin tức bi đát làm cho người ta thấy tối tăm mặt mũi. Khi từ loa vang lên những âm thanh lạnh lạnh, như những giọt nước rơi, âm vang,

của tiếng nhạc mở đầu buổi phát thanh, thì tim Gu-li-a như thất lại. Cô cảm thấy bây giờ đây người ta sắp nói: «Sau những trận chiến đấu lâu dài đầm máu, bộ đội chúng ta đã rời bỏ...»

— Mẹ ạ, — Gu-li-a nói trong một ngày buồn bã và lo âu như vậy, — nghĩ xem: con phi công phát-xít hai mươi bốn tuổi đã bắn vào trẻ con trên bờ biển ở A-na-pa! Người ta in cả-tên nó đây này: Hê-le-na Rây-sơ...

Gu-li-a vút tờ báo ra một bên và lấy tay che mắt. Không, đọc những điều đó đã khó chịu rồi, còn tưởng tượng ra thì hoàn toàn không thể được.

Nhưng trái với ý của mình, cảnh tượng đã xảy ra vẫn cứ hiện lên trước mắt cô, với tất cả những tinh tiết cụ thể và rõ rệt nhất.

Cát trên bãi biển trắng mịn và óng ánh vàng. Những làn sóng ấm áp nhẹ nhàng xô nhau lên bờ cát và khe khẽ rút ra. Những đứa bé trần truồng da rám nắng đang mãi mê cúi xuống đắp nặn cái gì đó bằng cát ướt. Trên khắp bãi biển trông rõ những chiếc mũ pa-na-ma trắng của chúng. Những đứa bạo nhất trong bọn chạy đền gần biển và sau đó lại kêu the thé lên chạy trở lại, khi làn sóng bọt trắng phau ồn ào đuổi theo chúng.

Sang sáng, người ta đưa bọn trẻ con từ tất cả các nhà an dưỡng thiếu nhi ở A-na-pa đến đây.

Và bỗng nhiên, trên nền trời trong xanh, một chiếc máy bay hiện ra. Nó bay thấp dần, thấp dần và bất ngờ, trong khi đang bay là mặt đất, nó nổ súng. Nổ súng vào những đứa bé con trần truồng ấy không có một tí gì để bảo vệ cho mình cả!

Máu trẻ con tươi đỏ trên cát trắng. Còn chiếc máy bay kia, sau khi đã làm xong việc của nó, bình thản bay vút lên cao,

giống như con chim điều hâu, và khuất trong mây.

Gu-li-a cố không suy nghĩ nữa về việc đã xảy ra trên bờ biển nắng chói ấy, nhưng không thể nào không suy nghĩ được cái con Hê-le-na Rây-sơ ấy nó thế nào? Chắc là tóc trắng, mắt xanh, mà đẹp nữa cũng nên...

Nhưng làm sao biết được tên nó? Nghĩa là đã hạ được máy bay nó? Nếu thế thì thật là hay. Nhưng còn bao nhiêu đứa như nó nữa, ngày đêm đang bay lượn trên đất nước xô-viết, sẵn sàng đem cái chết đến cho con cái chúng ta!

Và đến mùa thu, vào một ngày đen tối, mưa tầm tã, đài phát thanh từ Mát-scơ-va truyền đến những lời kinh khủng này:

«Sau những trận chiến đấu ác liệt kéo dài trong nhiều ngày, bộ đội ta đã rút lui khỏi thành phố Ki-ép».

Gu-li-a nằm suốt ngày trên giường.

Từ lúc đó, chỉ cần nhắm mắt lại là cô thấy rõ mồn một thành phố Ki-ép thân yêu, thấy cả thời thơ ấu và niên thiếu của mình.

Tất cả những cái đó hãy còn gần đây đến nỗi, đôi lúc, Gu-li-a cảm thấy hình như nếu thật muốn thì tất cả có thể quay trở lại, giống như lúc bé, khi nằm chiêm bao thấy giấc mơ xấu. Có khi đang ngủ, nếu nghĩ rằng: mong sao mọi việc lại sẽ tốt! Và nằm trở mình, thì giấc mơ sẽ trở thành tốt ngay.

Gu-li-a cố không suy nghĩ về Ki-ép nữa. Nhưng không thể không suy nghĩ về thành phố thân yêu của mình được. Tim cô tê tái, khi tưởng tượng, dù chỉ trong một phút, rằng ở căn nhà của mình, trong phòng của mình, bọn phát-xít đang làm chủ; rằng mùa xuân, cây keo trước cửa sổ vẫn cứ nở hoa và sẽ nở hoa dưới thời phát-xít, rằng dòng sông Đơ-nhi-ép vẫn hùng vĩ,

mênh mông tuôn nước lũ tràn bờ như xưa, và những cây dương vẫn soi bóng, xuống dòng sông chỗ bãi bơi... Chính ngay chỗ bãi bơi mà cô vá Xéc-gây rất yêu và gọi là «Ngôi nhà trên sông của chúng ta».

Và Gu-li-a sức nhớ đến cái ngày nắng ấm và gió lộng trên sông Đơ-nhi-ép. Hai người cùng bơi thuyền, tập luyện chuẩn bị cho cuộc thi đấu mùa hè. Từ xa, một chiếc tàu thủy trắng, to chạy đến làm dâng lên những đợt sóng nặng nề.

Gu-li-a hất đầu chỉ về phía mà từ đấy những gợn sóng lặn tăn chạy lại về phía họ. Xéc-gây chẳng cần lời nói đã hiểu ngay cô. Anh mỉm cười, tì mạnh lên mái chèo, và chiếc thuyền lướt nhanh đến gần thành tàu cao như cái nhà. Làn sóng cao, dập dờn đưa họ lên đầu ngọn sóng, và những hạt nước nhỏ, mát — như cả một trận mưa — rơi xuống đầu và vai của họ.

Chiếc tàu thủy đồ sộ kia, sau khi đã đưa họ trong dòng sông, như trên chiếc đu, lại tiếp tục đi theo đường của mình, còn Gu-li-a cùng với Xéc-gây quay trở lại nhà thuyền, ướt từ đầu đến chân, nhưng sung sướng như trẻ con.

Cũng buổi tối hôm ấy, hai người đi dạo trên những đường phố ngoại ô tĩnh mịch, tràn ngập ánh trắng xanh lam, và Xéc-gây đọc cho Gu-li-a nghe những bài thơ về tình yêu.

— Thế bây giờ anh đọc về cái gì khác nữa đi, — Gu-li-a khẩn khoản xin.

— Về cái gì khác thì anh không thể, — Xéc-gây đáp.

Và cô rất vui mừng vì anh ta không thể đọc về cái gì khác nữa. Những việc ấy gần gũi biết bao! Những việc ấy đã lâu biết bao! Gu-li-a không thể nào yên lòng được với ý nghĩ rằng những

đường phố ngát hương kia, mặt nước phẳng lặng của dòng sông Đơ-nhi-ép trong xanh kia, thành phố thân yêu của tuổi thanh niên của cô, của tình yêu tràn đầy hạnh phúc của cô, — tất cả những cái đó đã bị cướp giật khỏi tay cô, trở thành nơi cấm địa đối với cô, cô không thể nào đến được.

Cô thấy lòng tê tái, khi nghĩ rằng tất cả những cái đó bây giờ đang, nằm trong tay quân thù, bây giờ chúng có thể nhìn Ki-ép từ đỉnh núi cao và thấy rõ thành phố rộng rãi thoải mái nằm dài trên sông như thế nào. Những lâu đài, những công viên kia xây dựng có phải là cho chúng đâu? Cái sân vận động mới thân yêu kia có phải để cho chúng đâu?

Nhưng, cũng có thể, ở Ki-ép chỉ còn lại những đồng gạch vụn? Trường học có còn nguyên vẹn không?

Và Gu-li-a hình dung đường phố thoải thoải dốc đồi, hai bên trồng đầy những cây dẻ cổ thụ. Gu-li-a yêu mến đường phố ấy xiết bao, đường phố Lê-nin! Ở đây đặc biệt thích nhất là về mùa xuân, khi những cây dẻ nở hoa. Và còn nữa, trong những ngày xuân đầu tiên, sau những cơn mưa, khi những dòng nước chảy dữ dội từ trên cao xuống dưới thấp. Trẻ con, thả những chiếc tàu thủy tí hon theo những dòng nước đó, và những tàu ấy trôi xuôi xuống dưới thấp thật xa, đến mãi tận đại lộ Cơ-rê-sa-tích! Còn ở bên trên, sau cửa tò vò, là những bậc thang bằng đá dẫn đến một tòa nhà bốn tầng màu trắng. Đó là trường học mà Gu-li-a đã học ở đấy...

Bây giờ bác Ô-pa-nát già cả, tội nghiệp ở đâu rồi? Có thể là bọn đao phủ phát-xít đã hành hạ bác? Bác là một cụ già kiêu hãnh, không bao giờ chịu cúi mình trước chúng. Và cái gì đã đến với thím Phơ-rô-xi-a? Thím không cùng đi với Gu-li-a, vì

không muốn xa bố mẹ già đang ở lại nông thôn. Ai biết được bọn Đức đã làm gì thím rồi! Có thể là chúng đã lừa về Đức, bắt đến cái xứ sở nô lệ phát-xít, như bao nhiêu người đàn bà U-cơ-ren khác. Còn Mi-ra? Ý nghĩ về cô bạn gái, ngày đêm dày vò Gu-li-a. Mi-ra là người Do-thái, mà bọn Hít-le thì giết tất cả những người Do-thái, ngay đến những đứa bé con như Nhím Con, chúng cũng chẳng tha. Mà nếu Mi-ra không kịp đi khỏi Ki-ép thì sao? Bây giờ bọn trẻ Tây-ban-nha ở đâu rồi? — Gu-li-a nghĩ bụng. — Chính chúng cũng có thù hận với bọn phát-xít. Còn Ba-ra-sbi gan dạ và vui tươi đâu rồi? Ê-rích, người bạn quý nhất từ thời thơ ấu, ở đâu? Tất nhiên là cả bọn ấy bây giờ đang ở ngoài mặt trận, đang chiến đấu... Ôi, những chàng trai, những người bạn dễ thương làm sao! Cuộc sống khoáng đãng biết bao đã mở rộng trước mặt các bạn, tựa hồ như biển rộng — nhìn từ những ngọn núi ở A-rơ-tếch — mênh mông, không bờ không bến, đang lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Nhưng, bỗng nhiên tất cả chấm dứt. Trước mắt Gu-li-a hiện ra hình ảnh đất nước U-cơ-ren thân yêu, đang đau thương, bị cày nát bởi những quả bom phá, bị dày xéo bởi những xích sắt xe tăng nặng nề, và mỗi ngày sự lo âu cho Mát-scơ-va, cho tất cả cái gì quý báu nhất trên đời này càng thêm tăng lên, đau buốt nhức nhối trong tim.

Gu-li-a khó mà hình dung được thủ đô Mát-scơ-va tối om, khắc khổ, tua tủa những súng đại bác, những chiến hào chống tăng. Cô cảm thấy hình như thủ đô cũng vẫn như trước kia, trước chiến tranh, — vẫn sáng sủa, ồn ào, tưng bừng, náo nhiệt, cuộc sống vẫn sôi sục, và đêm đêm những ngôi sao đỏ của điện Cơ-rem- lạnh vẫn ngời sáng.

Gu-li-a buồn rầu và run sợ lắng nghe những bản thông báo trong đài phát thanh. Càng ngày quân thù càng tiến gần hơn, gần mãi về phía Mát-scơ-va... Một mối cảm hờn chồng chất nặng nề, một sự xúc phạm không thể nào tha thứ được trôi dạt trong lòng Gu-li-a... Và một giọng nói trong thâm tâm vang lên: «Không được rầu rĩ, không được mất can đảm! Phải trả thù! »

«Mình có thể không? — Gu-li-a nghĩ thầm. — Có đủ sức mạnh, có đủ kiên trì không? Và đi thế nào được? Vì tất cả đời mình là ở đây này! »

Gu-li-a cúi xuống với Nhím Con, còn nó thì hau háu tóm lấy mớ tóc của cô và kéo mạnh về phía mình đến nỗi Gu-li-a thay đau phải kêu lên.

«Thằng này khỏe thật! — cô nghĩ bụng. — Nó nắm chặt như là muốn giữ mình lại. Không, không thể đi xa Nhím Con được... phải sống vì nó. Mà có lẽ, tốt hơn, đúng hơn, chết vì nó. Nếu không đưa ngực ra mà che chở cho những trẻ con nước ta như nó, thì đời sống của chúng sẽ không còn gì nữa. Chính con phi công phát- xít chẳng đã bắn những đứa bé con trên bãi bễ ở A-na-pa là gì. Cả Nhím Con nữa, nó cũng bình thản bắn, nếu như lúc ấy Nhím Con chơi ở đó. Mà Nhím Con thì chỉ mới bắt đầu sống thôi... Nghĩa là phải lấy ngực... lấy tim mà bảo vệ cho nó!»

TRONG BỆNH VIỆN

Mặc chiếc áo lông cộc, trắng xóa vì cái rét bốn mươi độ dưới không, Gu-li-a chạy trên đường phố.

Nhà, cây, đá — tất cả mọi vật xung quanh, như ở Xứ băng tuyết trong các truyện cổ tích, đều bị những hoa tuyết lấp lánh dưới ánh mặt trời phủ kín. Cả những hàng lông mi của Gu-li-a cũng trắng xóa. Thu hai bàn tay lạnh cóng trong ống tay áo lông thú, cô chạy mỗi lúc một nhanh hơn. Đúng ba giờ sau, cô phải trở về nhà để cho Nhím Con bú.

Lần đầu tiên sau những tháng dài dằng dặc, Gu-li-a cảm thấy nhẹ nhõm và phấn khởi trong lòng. Sáng sớm hôm nay, đài phát thanh đã truyền đi một tin mừng. Các đơn vị quân ta đã giành được thắng lợi ở ngoại vi Mát-sơ-va. Bọn Đức đã bị đánh bật đi, bỏ lại nhiều xe tăng bẹp dúm và cháy trụi, hàng nghìn tên bị giết và bị thương.

Mát-sơ-va...

Trong âm ẦY chứa đầy bao ý nghĩa

Đối với trái tim người Nga!

Mà trong đó biết bao lời đáp vọng! —

trên đường đi, Gu-li-a nhắm đi nhắm lại những dòng thơ của Pu- sơ-kin. Hôm nay, cô cảm thấy sức mạnh dạt dào chưa từng thấy.

Cô nhẹ nhàng chạy một mạch trên những bậc của cầu thang bệnh viện quân y. Đã hai tháng nay, cô làm việc ở đây.

Đoàn thanh niên cộng sản gửi cô đến đây thật là tốt! Lần đầu tiên khi Gu-li-a đến bệnh viện này, cô nói với đồng chí ủy viên quân vụ rằng cô sẵn sàng hoàn thành bất cứ công việc gì, dù chỉ là lau sàn nhà. Cô muốn làm việc gì thật nặng nề chịu đựng, dù là một phần nhỏ tí ti, nỗi đau khổ mà những người nằm trên giường bệnh kia đã phải chịu đựng. Nhưng lúc này, người ta chỉ giao cho cô đọc báo cho các thương binh nghe và viết hộ thư cho họ.

«Ừ, tất nhiên, — cô mỉm cười nghĩ bụng, — mình chẳng có tài cán gì hơn, nên chỉ đọc báo và viết thư...»

Chiều hôm qua, cô đọc to bài Tổ quốc của A-lếch-xây Tôn-stôi trong phòng bệnh viện.

«Không sao, chúng ta sẽ được trận». Những chữ đó làm Gu-li-a rất thích.

— «Tổ quốc chúng ta, — Gu-li-a đọc to, — ngày càng mở rộng và củng cố, không có một sức mạnh nào lay chuyển được. Cũng như trước đây, nó sẽ nuốt chửng sạch sành sanh cả bầy lũ giặc Đức kia. Việc đó đã xảy ra và nhất định sẽ xảy ra».

«Không sao, chúng ta sẽ được trận».

Đặt tờ báo lên đầu gối, Gu-li-a nhìn quanh. Từ bốn phía, mọi người nhìn cô, mắt hơi láu lỉnh.

— Chúng ta sẽ được trận! — một người nào đấy nói.

— Rõ ràng là chúng ta sẽ được trận! — từ góc khác có những tiếng đáp lại.

Điều đó do những người đã chịu đựng biết bao đau đớn cả ở ngoài mặt trận, cả ở trong bốn bức tường trắng của bệnh viện nói lên.

Gu-li-a lặng im nhìn họ và nghĩ bụng:

«Nếu họ đã nói như thế, nghĩa là thực sự chúng ta sẽ được trận!»

Việc đó xảy ra chiều hôm qua — lúc còn chưa có tin chiến thắng ở ngoại vi Mát-scơ-va.

Những thánh giả hôm qua của cô đã biết tin mừng này chưa nhỉ?

Trong phòng bệnh viện có những người đau nặng, ở đó không phải bao giờ cũng mở đài phát thanh được.

Trong bệnh viện thật ấm cúng. Những người thương binh chống nạng đón Gu-li-a ở đầu cầu thang. Họ đợi cô đến từ lâu rồi. Và khi Gu-li-a, cả người trắng xóa, tươi tỉnh vì giá lạnh, bị những thương binh «đi được» xúm quanh, bước vào phòng, thì những thương binh nằm ở giường cũng cố ngóc đầu dậy để nhìn cô và nghe giọng nói vui vẻ của cô được rõ hơn.

Không kịp ngồi, Gu-li-a vội đọc rành rọt từng lời bản thông báo cuối cùng, chép vội bằng bút chì.

Chừng vài giây, ở trong phòng im phăng phắc. Rồi người ta bắt đầu nói ồn ào hẳn lên. Mọi người bắt Gu-li-a đọc lại bản thông báo một lần nữa, rồi lại một lần nữa.

Và đến đây bắt đầu câu chuyện — câu chuyện đàn ông, câu chuyện chiến đấu về tình hình chiến lược, về những điều gì có thể chờ đợi trong thời gian tới. Gu-li-a nghe một tí, rồi lại gần cửa sổ, ở đó, trên chiếc giường ngoài cùng, trung úy Xa-sa Cơ-li-

mốp, một sĩ quan trẻ tuổi nhất trong phòng, đang nằm. Đó là một thanh niên khoảng hai mươi tuổi, mắt xám màu tro, trán rộng dô ra. Thấy Gu-li-a, anh trở nên vui vẻ, mỉm cười, và Gu-li-a hiểu ngay rằng đã lâu rồi anh chờ phút cô đến gần giường anh.

— Thế nào, Xa-sa? — Gu-li-a hỏi. — Đang khỏi dần đấy chứ? Cô cố không nhìn vào chân, ở dưới đó hẳn rõ lên chỗ cụt ở chân Xa-sa. Hai chân anh và những ngón tay đều bị cắt cụt.

— Vâng, hình như tôi sẽ qua được đấy, — Xa-sa đáp. — Hơn nữa lại có những tin mừng thế kia... Không chân cũng nhảy múa được.

— Vâng, Xa-sa ạ, ta đánh tan hoàn toàn! — Gu-li-a vui vẻ nói. — Quân ta đã nện cho bọn Đức, nện chí tử!

— Đã bắt đầu rồi đấy! — Xa-sa nói khề. — Tôi nghĩ rằng bây giờ mọi việc sẽ cứ như thế mà tiến! Cái chính ở đây là làm được một bước ngoặt... Ôi, giá mà được sống đến tận cùng, đến ngày hoàn toàn thắng lợi!

— Chúng ta sẽ sống, — Gu-li-a nói. — Tất nhiên sẽ sống đến lúc ấy.

Xa-sa thở dài.

— Đời tôi còn có thể làm được việc gì đấy. Hừ, chẳng còn chân, song vẫn còn đầu. Bây giờ nằm ở đây, mà trong óc tôi thì cứ thấp thoáng hiện ra những công thức toán học. Và thật là lạ — tôi nhớ rõ lắm, hình như là trang sách đang mở trước mắt.

Và Xa-sa kể cho Gu-li-a nghe rằng anh vẫn giữ được cuốn nhật ký mà khi còn ở trong đơn vị du kích, anh đã ghi chép các

bài giải toán học và những ý nghĩ khác nhau — về đời sống, về lòng dũng cảm, về tình bạn chân chính.

— Cuốn nhật ký này giúp tôi nhiều lắm đấy, — Xa-sa nói. — Phải nói rằng giữ được nó thật là tuyệt. Lạ thật, nó vào sinh ra tử với tôi trong mọi lúc gian nan! Đấy chúng nó đã làm tôi như thế này, thế mà cuốn nhật ký vẫn còn nguyên vẹn.

Xa-sa lặng im một lát, rồi nói thêm:

— Đấy, cuốn nhật ký, nó đây, ở dưới gối tôi. Chị lấy mà xem.

— Được chứ? — Gu-li-a vui mừng hỏi.

Cô thận trọng nâng góc gối lên và kéo cuốn nhật ký bìa bằng vải sơn đen ra. Cả cuốn nhật ký chi chít viết đầy những dòng chữ, những con số li ti như những chuỗi hạt cườm con.

Trên trang đầu, Gu-li-a đọc những dòng thơ của Pu-sơ-kin:

Khi trong ta lửa tự do rực cháy,

Khi tim ta còn sống cho thanh danh,

Người bạn hỡi, hiến dâng cho tổ quốc

Những ngọn triều kỳ diệu của lòng anh!^[13]

Xa-sa nhìn Gu-li-a bằng đôi mắt rớm lệ và cảm động. Rõ ràng là việc đọc cuốn nhật ký đó đem lại cho anh một niềm vui chưa xót nào đấy.

— Chị đọc tiếp đi! — anh nói.

Và Gu-li-a lại đọc:

Nước Nga sẽ chứng tỏ:

Nó có những con người,

Nó có tương lai.

Nê-cơ-ra-xốp.

«Vâng, Gu-li-a nghĩ thâm, — đúng là có những con người, chẳng phải tìm đâu xa...»

Cô âu yếm nhìn Xa-sa và thận trọng đưa bàn tay vuốt ve tóc trên đầu anh đã cắt ngắn như một chú bé.

— Tóc đã mọc rồi đấy, — Gu-li-a nói. — Chẳng bao lâu sẽ chải đường ngôi được, như trên tấm ảnh mà anh đã đưa tôi xem ấy.

— Hừ, không tóc cũng vẫn sống được, — Xa-sa mỉm cười và lại thở dài. — Mong sao chóng bình phục để về nhà. Gu-li-a, nào chúng ta hãy viết thư cho bố mẹ già của tôi đi.

— Ừ, chúng ta viết, — Gu-li-a nói và mở cái cặp con của mình ra.

Một phút sau, trên chiếc bàn con đầu giường cạnh Xa-sa, đã để lọ mực, và Gu-li-a đặt tay lên tờ giấy trước mặt mình, viết thư theo lời Xa-sa đọc. Xa-sa tựa lưng trên gối, nhắm mắt chậm rãi đọc:

— «Bố mẹ và em Vê-ra thân yêu! Con đang bình phục, chẳng bao lâu sẽ ra bệnh viện. Theo như người ta nói, việc mổ xẻ được tiến hành khá tốt. Tất nhiên con bây giờ không còn được như trước, nhưng dù sao vẫn còn sống, và chúng ta sẽ lại gặp nhau. Bố mẹ hãy gửi thư cho con nhanh lên nhé... »

Xa-sa đã thấy mệt.

— Thôi, chị tự viết tiếp hộ những điều biết về tôi. Và bảo rằng đừng gửi bưu kiện gì đến. Tôi ở đây có đủ mọi thứ rồi...

Gu-li-a đắp cho Xa-sa ấm hơn và nhè nhẹ bước ra khỏi phòng mang theo bức thư viết dở dang.

Ngày ngày hôm đó, cô đã viết nốt và gửi thư đi.

Bức thư ấy thật là khó! Phải viết tất cả sự thật không giấu giếm gì về việc Xa-sa phải chịu đựng khổ xẻ như thế nào, mà đồng thời lại phải động viên được tinh thần ông cụ, bà cụ. Gu-li-a đã nghe Xa-sa kể nhiều về họ. Cô cảm thấy hình như cô đã đến thăm họ nhiều lần trong túp nhà nhỏ không xa ga xép lắm, — bố Xa-sa là nhân viên hỏa xa, — hình như cô đã được nghe em gái của Xa-sa là Vê-ra chơi đàn ghi-ta, đã thấy bố Xa-sa, trước đây vốn là dân đánh cá ở vùng Vôn-ga, xe chỉ câu như thế nào. Gu-li-a viết rằng cả gia đình có thể tự hào về người con trai như thế, về người anh như thề, rằng Xa-sa, khi ở ngoài mặt trận cũng như ở trong bệnh viện, xử sự rất tốt, rằng bây giờ cái khó khăn lớn nhất đã qua rồi. Chẳng bao lâu, Xa-sa sẽ khỏe mạnh, người ta sẽ làm cho anh bộ chân giả, và anh có thể trở về nhà.

Nhưng Xa-sa đã không trở về nhà được.

XA-SA VÀ XÉC-GÂY

Xa-sa nằm sốt li bì.

Gu-li-a trực bên giường anh, cố đoán mỗi một ý muốn của anh. Anh nằm nhắm mắt và thở dốc nặng nề, đứt quãng. Có người nào đấy nhẹ nhàng bước vào phòng. Gu-li-a quay lại. Đó là bà hộ lý. Bà lấy tay ra hiệu cho Gu-li-a ra ngoài hành lang.

— Giáo sư gọi, ông ấy ở phòng riêng.

Giáo sư già ngồi trên ghế bành, gõ ngón tay lên bàn. Ông đang đợi Gu-li-a.

— Cô này... — ông chậm rãi nói.

Gu-li-a lo lắng và sợ hãi nhìn ông, cô sợ phải nghe những điều ông sẽ nói với cô.

— Cần phải mang Xa-sa ra phòng ngoài cùng.

Đúng thế rồi! Gu-li-a cảm thấy như có cái gì đâm nhói trong tim. Cô hiểu chữ mang người ốm ra có nghĩa là gì rồi. Thường người ta vẫn mang những người hấp hối ra phòng ngoài cùng, để những người nằm cạnh không thấy họ chết và không biết về cái chết của họ.

— Không, — Gu-li-a quả quyết nói. — Nếu đưa anh ấy ra đấy, thì anh sẽ đoán ra được. Đưa anh ấy vào phòng trực nhật có được không?

— Được, — giáo sư nói. — Đưa anh vào phòng trực nhật cũng được.

Khó khăn lắm mới giữ được nước mắt, Gu-li-a đi vào phòng trực nhật của các chị y tá. Trong phòng, lúc đó chẳng có ai. Gu-li-a gọi bà hộ lý. Cả hai người bắt tay ngay vào việc: bà hộ lý rửa sàn, còn Gu-li-a thì kê lại bàn ghế để xếp chỗ cho người bệnh nằm tiện hơn và mắc lên cửa sổ những tấm màn con bằng vải bằng sạch. Ánh nắng chói lọi của ngày xuân chiếu thẳng vào cửa sổ. Người ta đã mang Xa-sa vào đây. Anh mở mắt ra và lập tức nheo mắt lại. Gu-li-a lấy trong tủ ra một cặp giấy to và dựng trên bàn con cạnh đầu giường Xa-sa để che mắt anh khỏi bị nắng chói.

Xa-sa không còn đủ sức để nói nữa, nhưng anh nhú lông mày ra hiệu cho Gu-li-a không cần che nắng cho anh. Gu-li-a cất cái cặp giấy đi, và Xa-sa khe khẽ gật đầu. Thế nghĩa là cô đã hiểu anh.

Cúi xuống Xa-sa, Gu-li-a cố đoán xem anh còn cần gì nữa.

Anh nhúc nhích một tí.

— Nóng quá, — anh mấp máy môi nói. — Cởi chăn cho tôi.

Gu-li-a chỉ để lại trên người Xa-sa tấm vải trắng mỏng. Anh lại khe khẽ gật đầu:

— Thế là tốt.

Gu-li-a cầm khúc tay cụt của Xa-sa trong tay mình và đếm mạch.

— Gọi bác sĩ, y tá đến, — cô bảo khẽ bà hộ lý.

Xa-sa giật mình và mở mắt ra.

— Không sao, không sao, Xa-sa thân mến, — Gu-li-a nói để anh yên lòng. — Đến lúc uống thuốc rồi.

Cánh cửa hé mở, và giáo sư, bác sĩ và y tá trưởng bước vào phòng trực nhật.

Nhưng Xa-sa thậm chí không nhìn họ. Anh ta thở dốc khó nhọc lắm và hình như không còn sức để làm gì khác nữa. Gu-li-a hiểu rằng bây giờ thì cả giáo sư lẫn bác sĩ chẳng còn ai cứu anh được nữa.

Cô không nhớ mình đã đứng cạnh giường Xa-sa bao lâu, cô quên tất cả, cả Nhím Con nữa...

Sau khi chết, mặt Xa-sa trở nên sáng sủa, nghiêm nghị.

— Thôi, — giáo sư nói với cô như người ta thường nói với những người thân nhất, — trường hợp này chẳng làm gì được nữa. Cô hãy về nhà nghỉ đi.

Khi về nhà, ngay từ ngưỡng cửa, Gu-li-a đã nhận thấy rằng mẹ có điều gì buồn và xúc động.

— Gì thế? Nhím Con ốm à? — cô khẽ hỏi mẹ và nhìn vào giường con.

— Không, nó khỏe, — mẹ đáp và giấu vội cái gì đấy vào ngăn bàn.

— Xéc-gây? — Gu-li-a hỏi khẽ hơn nữa.

— Ủ, Gu-lênh-ca ạ, — mẹ nói gọn. — Bạn nó viết... Nhưng cái đó còn phải kiểm tra lại. Có thể là nhầm lẫn...

Gu-li-a nhắm mắt lại trong giây lát.

— Mẹ đưa con xem, — cô nói với mẹ và ngồi xuống giường.

Bà mẹ chìa cho cô bức thư xếp hình tam giác. Gu-li-a đưa những ngón tay tựa hồ như bị tê cứng, chậm rãi mở tờ giấy kẻ ô

vuông. Một tấm ảnh rơi trên đầu gối cô. Ai đấy? Từ trong tấm ảnh, một cô gái mỉm cười nhìn cô, tóc xõa bay theo gió lộng.

Gu-li-a không nhận ngay được mình trong chiếc ảnh chụp cách đây không lâu mà cô đã tặng cho Xéc-gây trong giờ phút hạnh phúc nhất của đời mình, bây giờ nó lại trở về đây như người mang tin bất hạnh.

«...Chồng chị, — trong thư viết, — đã hy sinh vì mảnh đại bác địch trúng vào thái dương. Trong tấm thẻ đoàn viên thanh niên cộng sản của anh, chúng tôi đã tìm thấy tấm ảnh của chị...»

— Gu-lênh-ca, con nằm xuống đi, — mẹ nói với cô và đắp cho cô chiếc khăn choàng cũ bằng len. — Cả người con run lẩy bẩy như sốt thế này.

Gu-li-a nằm rất lâu, không nhúc nhích, mở rộng mắt nhìn qua cửa sổ lên bầu trời xám tối. Cô không thể khóc. Ý nghĩ của cô rối tung. Cô đồng thời nghĩ đến cả Xéc-gây lẫn Xa-sa, nghĩ rằng họ không còn được trông thấy thắng lợi.

Nhím Con thức giấc. Nó kêu to, bực tức, hình như là tất cả mọi người đều có lỗi về việc nó đã ngủ quên bữa ăn tối.

Gu-li-a bế nó và dường như cảm thấy mình dễ chịu hơn vì đứa con bé bỏng, ấm áp và hay vùi vỉnh này đang cọ quây trong tay cô.

— Nhím Con, Xê-ri-ô-giênh-ca^[14], — cô nói, và chính bản thân cô cũng không ngờ cô đã gọi đứa bé bằng tên bố nó mà nó không được thấy mặt bao giờ cả.

Cho bú xong, cô lại đặt Nhím Con nằm trong chiếc giường của nó và đứng nhìn con mấy phút. Sau đó, cô ngồi viết thư cho người nhà của Xa-sa ở một thành phố ven sông Vôn-ga.

Cô viết, suy nghĩ chín chắn từng chữ, lựa chọn từng lời âu yếm và an ủi nhất đời.

Ở cuối thư cô viết:

«Chúng ta sẽ không tha thứ cho quân thù về cái chết ấy. Chúng ta sẽ không bao giờ quên cái chết của chồng, của con, của anh em chúng ta, những người, cũng như Xa-sa, yêu mến cuộc đời, ánh nắng và rất muốn sống. Tôi xin thề với ông bà rằng nhất định chúng tôi sẽ trả thù cho người con yêu quý của ông bà».

Khi Gu-li-a viết xong thư, trời đã khuya lắm.

Và chính trong phút đó, cô hiểu rằng cô đã quyết định ra tiền tuyến chiến đấu.

Cùng với thư, Gu-li-a gửi cho người nhà Xa-sa cả cuốn nhật ký bìa màu đen của anh ta chứa đầy những con số và những tư tưởng trong sạch của tuổi trẻ.

Ở NHÀ

Ngày giờ trôi qua. Mùa đông đã sắp hết. Gu-li-a làm việc luôn tay. Người ta có thể gặp cô ở khắp nơi: khi thì ở trong thư viện, sau chiếc bàn trao sách, khi thì ở phòng băng bó, ở đây cô cúi gập người xuống các thương binh, thận trọng băng cho họ, khi thì ở trên sân khấu sáng trưng của câu lạc bộ bệnh viện, lúc ấy, cô cất áo bờ-lu mặc chiếc áo dài nhung màu nâu của mình, ngâm thơ cho những người thương binh, đầu và tay quần bông băng trắng, chân kẹp trong những thanh gỗ buộc xương gãy, ngồi nghe.

Và khi sức nhớ là đã trễ bữa ăn của Nhím Con, thì Gu-li-a vội vàng khoác áo chạy về nhà.

Lúc đó, Nhím Con khóc đã mệt lử... Mẹ Gu-li-a cố cho nó uống nước ngọt, nhưng Nhím Con thì hất cái thìa con và giận dữ vùi vĩnh khóc to hơn.

Khi đó, bà ngoại đáng thương lại bắt đầu bế nó đi quanh quần trong phòng, hát cho nó, kể chuyện cổ tích cho nó, nhưng chẳng ăn thua gì. Nhím Con chẳng cần bài hát, chẳng cần chuyện cổ tích, nó chỉ muốn sữa mẹ thôi.

Và khi Gu-li-a chạy như bay vào phòng, vút vội chiếc áo ngoài khỏi mình và ngồi trên giường với Nhím Con, cô liền thanh minh như trẻ con:

— Xin lỗi mẹ, con chẳng biết mấy giờ.

— Xin lỗi con trai của mình chứ xin lỗi gì mẹ! — bà ngoại trẻ tuổi nói. — Con làm nó chết đói đấy.

Còn Nhím Con đã dịu, môi nó bú chùn chụt, mắt lơ mơ ngủ, nó đưa cái tay mũm mĩm có ngón như thắt chỉ xoa trên má Gu-li-a. Cô đưa môi bắt lấy và hôn cái tay bé tí đó, và vừa vuốt ve cái trán đỏ đỏ mồ hôi, cô nhìn con qua dòng lệ. «ôi, niềm hạnh phúc của mẹ, làm sao mẹ có thể xa con được?» — Gu-li-a nghĩ thầm.

Tất nhiên, chính bản thân cô hiểu rất rõ rằng mẹ cô vất vả khó khăn như thế nào với Nhím Con khi cô không có nhà. Nhím Con đã biết đứng chập chững trên đôi chân bé tí trong chiếc giường con đan, lung lay, và lúc này không thể để nó một mình được, dù chỉ trong một phút. Bế nó trên tay suốt ngày thì nhọc lắm. Nhím Con mới bảy tháng đã to và nặng hơn con người ta lên một. Gu-li-a cũng hình dung rất rõ rằng hàng ngày bế nó từ tầng ba xuống sân, quấn chăn bông cho nó, đặt nó ngồi trong chiếc xe trượt tuyết con và kéo nó đi chơi, thì thật là vất vả.

Gu-li-a biết rất rõ tất cả những điều đó, và cô rất đau đớn thấy mẹ cô ngày một yếu sức và gầy đi. Nhưng Gu-li-a còn biết thêm một điều khác — mà hiện nay cô chưa nói gì ở nhà cả rằng đối với cô, chẳng còn có con đường nào khác.

Cứ mỗi ngày, Gu-li-a lại càng thêm tin chắc rằng chỗ của cô là ở ngoài kia, ở trên tuyến đầu của mặt trận, nơi đang diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt nhất.

TỪ BIỆT

Xuân đã đến, đó là một mùa xuân sôi nổi, nắng ấm ở Bát-skia. Trên đường phố nghe rộn ràng tiếng dòng nước chảy. Đó là ngày mùng Một tháng năm. Ngày mùng Một tháng năm đầu tiên của chiến tranh... Gu-li-a chạy vội về nhà. Cô mặc quân phục, một chiếc áo ca-pốt dài thắt đai. Từ lâu, cô đã làm việc ở sở chỉ huy sư đoàn, và khi thấy cô mặc quân phục, bà mẹ chẳng ngạc nhiên gì.

— Sao về sớm thế? — bà hỏi.

— Mẹ ạ, — Gu-li-a nói giọng run run, — con về để từ biệt mẹ. Con ra tiền tuyến.

— Lẽ nào người ta động viên cả con nữa ư? Con có con mọn kia mà...

— Con tình nguyện đi, mẹ ạ. Con không thể làm khác được. Mẹ sẽ chăm sóc cho Nhím Con còn tốt hơn con. Mẹ tha lỗi cho con vì con đã để lại cho mẹ một mối bận rộn ấy.

Bà mẹ lặng im nhìn Gu-li-a dường như không hiểu lời nói của con. Sau đó, bà hỏi khẽ, thậm chí không cãi lại con:

— Thế bao giờ con đi?

— Đoàn tàu quân sự sẽ chuyển bánh sau một giờ rưỡi. Nhưng cần phải có mặt ở sở chỉ huy sớm hơn.

Và, cố gắng để nói vui vẻ hơn, cô thêm:

— Mẹ ạ, nướng cho con vài chiếc bánh rán để đi đường.

Sau đó, cô đến bên chiếc giường đơn.

Nhím Con lúc đó không ngủ mà đang đứng thẳng người, tay nắm chặt thành giường và một chân giẫm lên gối.

— Mẹ! — nó nói bằng một giọng trầm trẻ con và toàn thân chìa về phía Gu-li-a.

Đó mới là lần thứ ba hay thứ tư trong đời nó gọi chữ «mẹ» ấy.

Gu-li-a cảm thấy rằng chỉ suýt nữa những giọt nước mắt của cô đã trào ra rồi. Cô im lặng bế Nhím Con trong tay và cùng với con ngồi bên cửa sổ.

Khi bà mẹ đã chuẩn bị hành lý cho cô lên đường, Gu-li-a đặt Nhím Con ngồi trên đầu gối và ngắm nhìn con hồi lâu. Nhím Con cau đôi mày trắng lông tơ, sờ ngòai sao trên chiếc mũ ca-lô của mẹ và bập bẹ nói cái gì đấy bằng thứ tiếng riêng của mình, không ai hiểu được. Còn Gu-li-a thì cố ghi nhớ kỹ hơn đôi bàn tay con của nó với những chiếc móng tí hon, cái trán tròn và hơi dô, cái gáy vái những mớ tóc mịn màng màu sáng.

Đấy là những phút cuối cùng ở nhà.

Luôn luôn trước mắt cô hiện ra buổi sáng ấy, buổi sáng khi cô đến cửa tòa nhà bằng đá trắng hai tầng. Ban chỉ huy của sư đoàn bộ binh thứ 214 chỉ vừa mới thành lập đóng ở đấy.

Mới cách đây không lâu, tòa nhà này chính là trường học.

Trong các lớp, buổi học đều đặn trôi qua, và đến giờ giải trí, ở ngoài hành lang rộng lại vang lên tiếng ồn ào đủ giọng...

Bất ngờ Gu-li-a được gặp người mà cô mong đợi: sư đoàn trưởng thiếu tướng Bi-ri-u-cốp. Ông ở trong xe đi ra. Đó là một người vạm vỡ, mập mạp, tuổi trạc bốn mươi, Gu-li-a đã thấy sư đoàn trưởng một vài lần trong các buổi ca nhạc của đội tuyên truyền. Cô nhớ lại rằng ông rất chăm chú nghe khi cô biểu diễn

ở các đơn vị bộ đội, ngâm thơ hay là hát, và sau đó ông vỗ tay rất lâu.

— Thưa đồng chí thiếu tướng, — Gu-li-a đi đến gần ông cạnh cửa sổ chỉ huy và nói, — xin phép trình bày với đồng chí một yêu cầu.

Và lấy hơi, cô nói thêm:

— Tôi muốn được ghi tên tình nguyện ra tiền tuyến, Thiếu tướng chăm chăm nhìn cô, ngạc nhiên hỏi:

— Ra tiền tuyến? Làm gì? Ở đây, ở hậu phương, cũng cần người.

— Tôi biết, — Gu-li-a cứng cáp nói, — nhưng tôi đã quyết định thế.

Thiếu tướng tò mò nhìn cô.

— Sao chúng ta lại đứng ngoài cửa thế này nhỉ? — ông nói. — Chúng ta vào sổ chỉ huy đi và ở đó sẽ nói chuyện.

Cả hai người leo lên cầu thang đến tầng hai và đi dọc theo hành lang trường học. Ở ngoài cửa còn giữ lại các tấm biển con với dòng chữ:

Lớp năm «A», «B», «C» ..

Thiếu tướng mở cửa có tấm biển đề «Phòng giáo viên».

Trong phòng hầu như trống không. Chắc là người ta mới cất bàn ghế trường học đi và chưa kịp bày biện đồ đạc mới. Chiếc bàn văn phòng, vài ba cái ghế, chiếc máy điện thoại trên bàn, đó là tất cả những thứ có ở đây. Gu-li-a tưởng tượng rằng cô sẽ thấy ở đây những tấm bản đồ quân sự, nhưng phía trên chiếc bàn chỉ treo độc một tấm bản đồ: nước Bát-skia.

Còn ở phần tường giữa hai cửa sổ lớn, Lê-nin — dường như có ý thử thách và chăm chăm — nhìn Gu-li-a.

Thiếu tướng đẩy chiếc ghế mời cô ngồi, bình tĩnh và ân cần hỏi:

— Thế nào, sao chị lại nhất định muốn ra tiền tuyến, để làm gì?

— Tôi muốn trả thù, — Gu-li-a đáp, cố gắng nói cứng cáp và ngắn gọn. — Trả thù cho Ki-ép, cho chồng tôi đã hy sinh, cho các trẻ thơ mà chúng nó đã bỏ ở A-na-pa, cho tất cả...

Thiếu tướng niềm nở và thân mật chăm chú nghe cô nói. Và trong giây lát, cô hình dung ra ông ta như thế nào cách đây không lâu, trong thời bình. Chậm rãi, rất bình tĩnh, với giọng nói khe khẽ, có lẽ ông có thể ngồi hàng giờ ở đâu đấy trên bờ sông với chiếc cần câu...

«Con người giản dị, dễ gần thế này mà lại là sư đoàn trưởng, — trong óc cô thoáng qua ý nghĩ. — Và rõ ràng là rất nhiệt tình. Không, đồng chí sẽ không nhận mình ra tiền tuyến mất. Đồng chí ấy sẽ thương hại...»

Sư đoàn trưởng im lặng. Ông ngập ngừng. Cuối cùng ông nói:

— Chị cũng hiểu đấy, chúng tôi không lấy người ngoài được. Chúng tôi không có quyền. Các phòng quân vụ cấp người cho chúng tôi. Cấp theo mệnh lệnh.

Và im lặng một lát, ông nói thêm:

— Và để phục vụ trong quân đội cần phải có chuyên môn.

— Tôi cũng có chuyên môn! — Gu-li-a chộp lấy. — Tôi là y tá. Tôi đã làm việc trong bệnh viện... Thưa đồng chí thiếu tướng, tôi

hiểu rằng tất cả điều đó không phải giản đơn, tôi hiểu việc tôi làm. Nhưng tôi không thể làm khác. Đồng chí hãy tin tôi, tôi không thể!

Và thiếu tướng tin. Tin rằng đó không phải vì tính nông nổi của tuổi trẻ, không phải là sự bông bột lửa rơm, mà là một quyết định có cân nhắc chín chắn, có suy nghĩ sâu sắc.

— Thôi, thế thì còn làm sao với chị được nữa! — khê thờ dài, ông nói. — Chị hãy đến phòng quân vụ khu phố. Đưa đơn. Cả các giấy tờ chứng nhận. Và khi nào giấy tờ xong xuôi rồi, chị hãy đến gặp tôi một lần nữa...

...Và bây giờ tất cả những cái đó đã lùi về quá khứ rồi. Người ta phiên chế cô vào tiểu đoàn quân y, và thêm vào đó, nhận cô vào đội tuyên truyền của ban chính trị sư đoàn, coi như nữ nghệ sĩ. Cô lên đường ra tiền tuyến cùng với đội tuyên truyền.

— Mẹ thân yêu, — cô đứng dậy và nói, — thôi, đến lúc con đi rồi. Hẹn gặp lại ở Ki-ép, mẹ nhé!

Và, đưa Nhím Con cho mẹ, Gu-li-a ôm hôn mẹ; tay với cái gói nhỏ mà mẹ đã vội vàng chuẩn bị cho cô, cô ra đi. Đến cửa, cô ngoái cổ lại một lần nữa, nhắm mắt, rồi quay phắt và gần như chạy đi.

Khi đằng sau lưng cô cánh cửa đóng ập lại rồi, bà mẹ cảm thấy hình như trong phòng lập tức vắng ngắt, trống trải. Tất cả vẫn nguyên vẹn như lúc có Gu-li-a — trên bệ cửa sổ chiếc ví da cũ của cô còn nằm đấy, trong góc dựng đứng những thanh gỗ trượt tuyết của cô, trên bàn còn cuốn vở cô bỏ quên, trong đó chép những bài thơ ở các báo chí. Và thật là lạ, khi nghĩ rằng cô gái mà cách đây không lâu đã chép thơ vào vở, đã hát những bài

ca U-cơ-ren vui tươi khi rửa mặt dưới vòi nước, bây giờ lại ra tiền tuyến, sẵn sàng đón lấy tất cả những khó khăn, thiếu thốn và nguy hiểm của chiến tranh.

TRÊN ĐƯỜNG

Những đoàn tàu lửa chạy từ Đông sang Tây, lăn bánh xe trên đường ray kêu lạch cạch: toa nọ tiếp toa kia, dài vô tận, có thể dài chừng một cây số — nào là toa hàng được sửa chữa lại để chờ người, nào là toa quân y, nào là toa không mui được che kín bằng vải bạt.

Những đôi, rừng xanh ngắt chạy tới phía đoàn tàu, ngang với đoàn tàu, rồi lại lùi xa về phía sau.

Gu-li-a ngồi cạnh cửa sổ toa quân y với các cô bạn mới của mình, nữ y tá Li-u-đa và A-xi-a. Cô đang nghĩ ngợi. Cô nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa, Nhím Con của cô sẽ biết đi, còn cô chẳng được thấy con mình bắt đầu giậm chân lần đầu tiên trên sàn nhà như thế nào.

Gu-li-a cũng nghĩ đến niềm hạnh phúc gần đây, ngắn ngủi và không bao giờ trở lại nữa của mình.

Đột nhiên, cô nhớ đến những điều vật vãnh nhất, giản đơn nhất, nhưng chẳng hiểu vì sao bây giờ lại rất đặc biệt quý báu.

Đây này, cô cùng Xéc-gây từ nhà hát trở về nhà, sau khi xem vở *Con đầm pích*, và ở ngoài đường phố, cả hai cùng hát giọng nam và giọng nữ những bài ca trong nhạc kịch.

Và có một người nào đấy nói đằng sau:

— Hạnh phúc thật! Giá được như họ nhỉ!

Có một lần, Gu-li-a đánh vỡ cây đèn yêu quý của mẹ, và Xéc-gây làm như trẻ con, đã nhận hết lỗi về mình một cách rất cảm

động. Và hình như cho đến bây giờ, mẹ vẫn tưởng rằng Xéc-gây tội nghiệp kia đã làm hỏng đèn, mà thực ra anh hoàn toàn vô tội.

Nhưng chẳng hiểu vì sao, điều làm cho cô xúc động và đau xót nhất là khi hồi tưởng lại chuyến đi Mát-scơ-va của hai người, đến thăm bố. Bây giờ là trước khi xảy ra chiến tranh chẳng bao lâu. Gu-li-a lúc nào cũng thích đi đường. Nhưng chưa bao giờ, ở trong tàu, cô cảm thấy ấm cúng, thoải mái và nhẹ nhàng như lần ấy. Hình như ở các ga chưa bao giờ người ta bán nhiều hoa như thế, chưa bao giờ hành khách toa lại ân cần như lần này. Chưa bao giờ có những chiều tối đẹp như trên chuyến tàu «Ki-ép — Mát-scơ-va».

Lúc đó, cô chỉ lo một điều: không biết bố có thích Xéc-gây không, và Xéc-gây có thích bố không? Cô rất mong ước họ sẽ thích nhau!...

Bây giờ, mọi điều mong ước của cô đều được thực hiện. Cả điều mong ước kia cũng thế.

Cả ba người thân thiết như những người bạn, đi lang thang khắp Mát-scơ-va không biết mệt, đến các viện bảo tàng, các nhà hát, các sân vận động, và Gu-li-a ngắm nhìn những bạn đường thân yêu của mình, những con người thật là ân cần và vui vẻ như thế kia! Nhưng điều Gu-li-a tự hào hơn cả là thành phố Mát-scơ-va mà cô đưa Xéc-gây đi xem, như ngôi nhà thân yêu của mình...

— Cậu nghĩ gì the? — A-xi-a, một cô gái người Bi-ê-lô-rút-xi, lặng lẽ, có đôi mắt đen láy, giống như một cô nữ sinh, hỏi Gu-li-a.

Gu-li-a không trả lời ngay, vì cô đang bận với những ý nghĩ của mình, và A-xi-a rụt rè kéo tay áo của Gu-li-a.

Gu-li-a lắc đầu rũ tóc như muốn xua đuổi những ý nghĩ buồn rầu khỏi óc mình.

— Chẳng sao cả, — cô mỉm cười. — Khi bánh xe tàu kêu lạch cạch, trong đầu thường nghĩ đủ thứ chuyện... A-xi-a, nào chúng mình hát bài gì đi!

Gu-li-a biết rằng nếu cô buồn, thì A~xi-a và Li-u-đa sẽ buồn gấp hai. Không được tước vũ khí trong tay đồng đội ngay tước trận tiền.

— Nào, A-xi-a, Li-u-đa! Bắt đầu nào!

Và trong toa tàu, xen lẫn tiếng lạch cạch của bánh xe, vang lên bài ca quen thuộc từ thời thơ ấu:

Hỡi các chàng trai, hãy thẳng yên cương vào ngựa!...

Chính trị viên Ô-lê-nhích đi vào cu-pê, theo sau anh là một chiến sĩ trẻ người Bát-skia tên là Ca-đưa Kha-bi-bu-lin.

Các cô đứng dậy chào theo lối quân sự. Ô-lê-nhích mỉm cười, ngồi xuống. Ca-đưa ngồi bên cạnh.

— Nào, các cô, sống ra sao đấy?

— Ổn cả! — Gu-li-a vui vẻ trả lời. — Chỉ muốn chóng đến nơi thôi.

— Tôi cũng thế! — Li-u-đa nói họa theo.

— Nào, chúng ta sẽ giục tài xế đi, — Ô-lê-nhích nói. — Và bảo rằng các cô gái của chúng ta muốn chóng được ra trận đấy.

— Các cô tốt lắm, — Ca-đưa Kha-bi-bu-lin nói.

— Ca-đưa, cậu biết không? — Ô-lê-nhích nói. — Để thời gian đi chóng hơn, cậu hãy lấy chiếc sáo cu-rai thổi cho chúng mình nghe đi nào. Cậu để có xa không?

— Tại sao lại xa? Nó đi cùng với mình đây, — Ca-đưa đáp. Anh mỉm cười tinh nghịch và bước ra khỏi cu-pê.

— Cậu ấy thổi tuyệt lắm, — Ô-lê-nhích nói. — Đấy, rồi các chị nghe khắc biết. Cậu ấy vốn là nông trang viên nuôi ong lấy mật, cái nghề thật là lặng lẽ, hòa bình. Ngồi trong vườn nuôi ong, nghe nó bay vù vù thế nào và thổi sáo cu-rai hòa nhịp với chúng nó. Cậu ấy sẽ là một tay chiến sĩ cừ đấy — thấy ngay thôi mà! Tôi đã biết.

— Khi còn bé, tôi thường nói tôi sẽ chỉ lấy người nuôi ong thôi, — A-xi-a bỗng nhiên nói.

— Khó gì đâu, để chúng tôi làm mối cho, — Ô-lê-nhích nói. — Ca-đưa của chúng tôi hình như chưa vợ đấy.

— Chỉ vì cô ấy thích mật thôi, — Gu-li-a bật cười. — Bây giờ mình đãi cậu, A-xi-a. Mẹ cho mình cả một lọ đầy mang theo đây.

Trong lúc đó, từ đầu toa vang lên những âm thanh êm dịu réo rắt của ống sáo.

— Ca-đưa đến đấy, — Ô-lê-nhích nói.

Các cô lặng im.

Gu-li-a đặt lọ mật lên chiếc bàn con nối bằng bản lề ở cạnh cửa sổ.

Kha-bi-bu-lin vào cu-pê và đánh hơi thấy mùi mật ngay.

— Tôi cũng có mật, — anh nói. — Còn thơm hơn. Tôi mang đến ngay.

Người ta giữ anh lại:

— Khoan, hãy thôi sáo đi đã.

Ca-đưa đưa ống sáo lên môi, cẩn thận thổi các lỗ và bắt đầu chơi. Trong toa tàu lại vang lên những âm thanh rè rè, buồn buồn.

Phảng phất không khí ở Bát-skia, những thảo nguyên mông mênh bát ngát và gió thảo nguyên vi vu. Ca-đưa trầm ngâm và chậm rãi thổi. Gu-li-a bỗng nhớ đến những đồi phủ khói lam chiều, con sông Trắng rộng mà người Bát-skia gọi là I-đen hay là gọi tên âu yếm là A-ghi-đen-cai, và thành phố nằm trên bờ sông I-đen, nơi Nhím Con và mẹ đang ở lại.

Ca-đưa đặt ống sáo xuống.

— Bài ấy nói về cái gì thế? — Ô-lê-nhích hỏi. — Người ta có hát lời nó không?

— Hát chứ! Người nào muốn sao thì cứ hát vậy. Mỗi người hát theo ý của mình.

— Thế anh thổi về cái gì? — Gu-li-a hỏi.

Ca-đưa suy nghĩ một tí. Sau đó, cau mày, anh bắt đầu giảng giải.

— Tôi thổi thế này, — anh nói chậm rãi và hơi rụt rè, — Có con sông A-sca-đa. Chị biết không? Ở đấy có ngọn núi Tô-ra-tau. Trên sườn núi mọc đầy lau sậy gọi là cu-rai. Đấy, đúng như cái này. Thấy không? — Ca-đưa chia ống sáo của mình cho mọi người xem. — Tôi chặt sậy và tự mình làm lấy ống sáo cu-rai. Chính là tôi thổi về cái đó: Về con sông A-sca-đa, về hòn núi Tô-ra-tau, về cu-rai, về những con chim họa mi đậu trên thân cu-rai hót véo von, về ngọn gió thổi vi vu trong đám cu-rai.

— Đấy, đấy, tôi cũng nghĩ thế, — Gu-li-a nói. — Anh thối thật là dễ hiểu!

Ca-đưa cười, hàm răng trắng ánh lên.

— Còn bây giờ tôi thối về cái gì? Hãy nghe đây!

Và anh lại thối một điệu gì đấy, khi thì rít lên, khi thì buồn buồn, khi thì âm âm dữ dội.

— Đó là về chiến tranh, — Gu-li-a nói.

Ca-đưa gật đầu, nói:

Đúng. Bài ca này các dũng sĩ chúng tôi khi đi chiến đấu thường hát.

Gu-li-a khe khẽ hát, cổ gang lặp lại âm điệu lạ lùng, chưa hề nghe của vùng thảo nguyên ấy.

Khá lắm, — Ca-đưa nói, — hoàn toàn là một cô gái Bát-skia.

Ca-đưa và Ô-lê-ních còn ngồi lâu ở toa quân y, ăn bánh mì với mật và kể chuyện về các nơi thân thuộc mà họ đã xa rời và về chiến tranh.

Gu-li-a kể lại cô đã rời Ki-ép thế nào, A-xi-a thì kể việc cô đã đi khỏi Min-sơ. Ca-đưa ngồi im, lắng nghe, và cuối cùng anh nói:

— Chừng nào mắt còn thấy đất, chúng ta còn choảng nhau với chúng nó.

HÔM TRƯỚC TRẬN ĐÁNH

Đến mùng 9 tháng năm, sư đoàn bộ binh thứ 214 thuộc Quân đoàn hậu bị thứ nhất đã tập trung tại vùng Tu-la.

Những thành phố và thị trấn mới được giải phóng khỏi tay quân thù cách đây không lâu, như Sta-li-nô-goóc-scơ, Bô-bơ-rích Đôn-scôi, U-dơ-lô-vai-a, còn mang đầy vết tích những trận đánh vừa qua. Nhiều nhà cửa bị sập đổ, bị phá hoại, bị thiêu hủy. Trên những cánh đồng hoang vắng, vút ngồn ngang những vũ khí Đức — xe bọc thép, xe tăng, súng cối, đại bác. Khắp nơi rải rác những mộ còn mới nguyên.

Trên những khuôn mặt phờ phạc, kiệt sức của những người đàn bà, của các cụ già và cả của trẻ con phản ánh sự khủng khiếp của chiến tranh mà họ vừa chịu đựng.

Ngồi cạnh chiếc bàn dài trong câu lạc bộ quân đội, Gu-li-a viết thư cho bố:

«Hiện con đang ở Sta-li-nô-goóc-scơ. Thành phố nhỏ này chắc trước kia thì vui, nhưng bây giờ đã mang bao nhiêu vết tích của thời gian bọn phát-xít chiếm đóng».

Cô ngẩng đầu lên trông thấy Pu-sơ-kin đang nhìn cô từ trong ảnh. Và cô nhớ lại những lời nồng nhiệt của Léc-mông-tốp gửi bọn sát nhân đã giết hại nhà thơ Nga vĩ đại:

Bằng tất cả máu dơ bẩn hôi tanh của bay,

Cũng không thể rửa được dòng máu thanh cao của nhà thơ!

Gu-li-a thở dài nặng nề và lại cầm bút viết:

«Bọn phát-xít không thể nào bằng máu dơ bẩn hôi tanh của chúng đền được những tội ác man rợ mà chúng đã gây ra trên đất nước ta!»

Gu-li-a lại suy nghĩ. Trong óc cô đã tích lại bao nhiêu điều muốn kể! Nhưng, tất nhiên, viết tất cả trong thư không thể được. Và cô viết vắn tắt:

«Con đã được phiên chế vào tiểu đoàn quân y, nhưng công tác ở ban chính trị của sư đoàn, vì ở sư đoàn có đội văn công nghiệp dư mà con tham gia trong đó».

Viết xong thư, Gu-li-a bắt đầu xem qua những quyển truyện, thơ, các tập bài hát có kèm theo nốt nhạc để ở trên giá. Cần phải chọn chương trình biểu diễn cho các diễn viên, tìm bài ca để tập cho các chiến sĩ. Việc khi nào cũng nhiều, nhất là gần đến ngày trọng thể mà nhân đó phải chuẩn bị một buổi ca nhạc lớn.

Gần đến ngày làm lễ trao vũ khí.

Cho đến bây giờ, khi ở Bát-skia, những người chiến sĩ tương lai, suốt mùa đông qua, đã tập luyện với vũ khí giả. Súng trường, liên thanh, súng cối, trọng pháo, đài vô tuyến điện — tất cả đều do các chiến sĩ làm lấy bằng thân cây hay gỗ ván. Tập luyện tích cực, trong băng giá, trong bão tuyết, nhưng chiến sĩ vẫn chưa có vũ khí. Và bây giờ đây, sư đoàn sắp được nhận vũ khí do chính tay nam nữ công nhân của các nhà máy ở Tu-la làm ra.

Suốt ngày, việc bốc dỡ các hòm vũ khí được tiến hành ráo riết, và đến gần tối, hàng nghìn người dân địa phương đã đứng thành một vòng bán nguyệt chật cánh đồng rộng lớn.

Và bây giờ, từ trên bục sân khấu cao được xây dựng cho buổi ca nhạc, Gu-li-a nhìn xem cuộc mít-tinh trọng thể đang diễn ra.

Trước mặt cô, hai chú bé con đang đứng. Một đứa lên mười tuổi, còn đứa kia lên chín.

Cách đây không lâu, khi sư đoàn mới đến Sta-li-nô-goóc-sơ, Sa-phích Pha-xa-khốp, trưởng ban trình sát của ban chỉ huy, đã dẫn chúng vào sở chỉ huy và nói:

— Chúng mò coi cả rồi. Chúng ta giải quyết thế nào với chúng đây?

Bọn trẻ con không chờ ban chỉ huy sẽ giải quyết gì với chúng, chúng cứ kéo dài giọng khản khản:

— Chú cho cháu đi theo với! Chú-ú ơi!

— Các cháu tên là gì?

— Cháu là Gơ-ri-sa, — đứa nhỏ hơn, có tàn nhang ở mũi trả lời đầu tiên.

— Còn cháu là Xa-sa, — đứa kia đáp, nó lớn hơn một ít, không có tàn nhang, không có lông mày, mũi bị tróc da vì rám nắng. — Chú ạ, cháu nhanh nhẹn đấy! Chú bảo cháu chạy đi đâu, cháu cũng chạy được! Dù là đi trình sát cũng thế.

— Và cháu cũng thế, — đứa bé hơn họa lại. — Cháu cũng nhanh nhẹn lắm! Cháu lại láu lỉnh nữa! Bọn phát-xít chẳng làm thế nào biết được chúng cháu là ai đâu.

Và cả hai đứa lại van xin:

— Chú nhận chúng cháu đi, chú ạ!

Các «chú» — sĩ quan ở sở chỉ huy — vui vẻ phì cười.

— Thế các cháu là anh em à?

— Không, là đồng chí.

— Thôi, chúng ta đành nhận các đồng chí này chứ? — một sĩ quan đề nghị. — Chúng ta sẽ báo cáo yêu cầu của chúng ta lên ban chỉ huy.

— Được, sẽ báo cáo, — Pha-xa-khốp nói, anh ta chính là người đã dẫn những đứa bé đến.

Và bây giờ thì Xa-sa và Gơ-ri-sa đã mặc đầy đủ quân phục may riêng cho chúng, mang những chiếc ủng con mới và mặc áo lính nhỏ, thắt đai có khóa đồng, chúng đang đứng xem duyệt binh.

...Những kèn đồng của đội nhạc binh vang lên. Bắt đầu cuộc duyệt binh của các đơn vị vừa mới nhận vũ khí.

Gu-li-a cảm động nhìn những bộ mặt trẻ măng gần như thiếu niên ấy, nhìn những thanh niên sung sức ấy sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc cái quý báu nhất của mình — cuộc sống... Và cô hiểu rằng bây giờ mỗi người nhận vũ khí hôm nay phải nhận thức được: từ đây, chính bàn tay của họ sẽ bảo vệ Tổ quốc. Những bàn tay lao động đã làm nên sự nghiệp của mình.

— Gu-li-a, sắp biểu diễn rồi... — cô nghe một giọng nói ở phía sau lưng cạnh mình.

— Tôi biết, tôi nhớ, — cô đáp và không ngoảnh lại.

Cô thật khó rời mắt khỏi những đội ngũ chiến sĩ trùng trùng điệp điệp đang đều bước theo nhịp kèn quân nhạc.

«Người nào trong số đó sẽ trở lại với người thân của mình?» — bất giác cô nghĩ bụng.

Và cô cảm thấy sâu sắc hơn nữa việc dùng lời nói và bài ca để nâng cao tinh thần các chiến sĩ quan trọng như thế nào.

Bây giờ đáng lẽ cô phải chạy vào một chỗ nào đấy yên lặng để nhớ lại, để ôn lại tất cả những điều gì cô sẽ đọc, sẽ hát trên bục sân khấu này, nhưng cô vẫn còn muốn xem, xem nữa, xem mãi...

Bắt đầu môn hay nhất: thao diễn có bắn đạn thật. Đại đội đang tiến lên tấn công. Quân thù thật ở trước thì không có, nhưng trọng pháo, súng cối, liên thanh yểm hộ cho cuộc tấn công đã thật sự nổ giòn dã. Trọng pháo nổ ầm ầm, đạn đại bác và đạn sung cối rống lên dữ dội, rít vèo vèo, nổ uỳnh uỳnh đúng ngay ở những mục tiêu đánh dấu quân thù.

— Xem kìa, xem kìa! — Xa-sa và Gơ-ri-sa khoái trá huých nhau, reo lên. — Ôi, tuyệt quá! Gu-li-a, chị thấy không?

— Thấy, thấy, — cô nói và âu yếm vuốt ve hai cái đầu trẻ con cắt tóc ngắn.

Những người xem võ tay không kém Xa-sa và Gơ-ri-sa, họ vui mừng vì thấy bắn rất chính xác. Khắp xung quanh, tiếng hò reo rầm rộ, giống như ở sân vận động trong một cuộc thi đấu giết giải quán quân quốc tế.

Hình như mọi người đã được xem tất cả, nghe tất cả, đến chán mắt, chán tai, nhưng không ai muốn tản đi.

Gu-li-a hồi hộp lo lắng: phải làm sao đừng hổng mất buổi ca nhạc, vì chính cô sẽ điều khiển chương trình!

Nhưng sự lo lắng của cô hóa ra không căn cứ.

Các diễn viên ai nấy đều cố gắng hết sức. Những vũ sĩ quân đội nhảy múa trên bục sân khấu đóng bằng ván rất đặc sắc,

nhất là hai người Di-gan trẻ cố gắng hết sức để nhảy trội hơn nhau, còn Ca-đưa Kha-bi-bu-lin thì thổi sáo cu-rai hay lắm, chưa bao giờ hay đến như thế. Tiết mục cuối cùng do Gu-li-a trình diễn. Cô ngâm thơ, rồi sau đó hát một bài ca U-cơ-ren vui nhộn, đầy những lời lẽ tinh nghịch ranh mãnh:

Mưa rơi tầm tã, mưa rơi,

Gió rít từng hồi, sấm sét inh tai.

Hỏi rằng: đâu đó có ai

Tiền tôi về đến nhà tôi không nào?

Tất cả mọi người vỗ tay, cười ran, và chắc là chẳng phải chỉ có một chàng trai vui mừng xin tiền cô gái xinh đẹp và dễ thương ấy «về đến nhà». Còn Xa-sa và Gơ-ri-sa thì vui hơn cả: chúng vỗ tay, nhảy lên và gân cổ gào thật to: «Lại! Lại!»

...Bắt đầu những ngày căng thẳng, khẩn trương chuẩn bị chiến đấu.

Cánh đồng lân cận đã trở thành «bãi chiến trường». Trọng pháo, súng cối, súng trường, súng máy, đại liên, lựu đạn — tất cả đều được sử dụng bất cứ lúc nào, chẳng kể ngày đêm. Người ta bắn đạn đại bác, đạn súng trường và đạn súng cối thật. Trong các cuộc tấn công, quân ta ném lựu đạn và những chai có chất cháy vào «quân thù». Trong hàng ngũ của quân tấn công cũng bị nổ «đạn súng cối» và «đạn đại bác». Và mặc dù những thứ đó không giết, không làm bị thương một người nào, nhưng chúng cũng nổ giòn giã như thật, tung những hòn đất, bốc những cụm khói lên cao.

Không một trở ngại nào có thể ngăn cản được đường tấn công. Tất cả đều được khắc phục với tinh thần chiến đấu cao. Nếu trên đường gặp sông, thì người ta ào xuống nước lội qua và, trong lúc đó, vẫn mặc quân phục và mang theo vũ khí.

Tất cả đều làm việc với những cố gắng cao độ và rất căng thẳng — cả các ban chỉ huy, thông tin, hậu cần... Đó là một trường học thật sự của việc rèn luyện tác chiến.

Gu-li-a làm việc không biết mệt: mang «thương binh» trên tay, băng bó cho họ và làm tất cả những việc đó một cách cẩn thận, tỉ mỉ, dường như cô có thể làm cho «thương binh» đau thật.

Trong vài phút nghỉ ngơi hiếm hoi, những khoảng trống giữa rừng với hương thơm của cỏ hoa như có một sức mạnh gì đặc biệt lôi cuốn cô. Hình như hương thơm ngào ngạt của chúng có thể làm cho cô say sưa. Và hoàn toàn không thể hình dung được rằng sự chết chóc và hoang tàn lại đang đe dọa mảnh đất thân yêu nồng nàn và ngát hương ấy.

Đêm đêm khi nằm trong lều và thở không khí trong lành của rừng đượm đầy hương thơm của cỏ, của lá, của đất, Gu-li-a thường không ngủ và suy nghĩ, suy nghĩ miên man... Trước mắt cô lại lên những con mắt hiếu học và đầy lòng biết ơn của chiến sĩ. Đúng, các chiến sĩ đều nhận rằng những buổi ca nhạc thật là tuyệt, nhưng một nỗi băn khoăn vẫn làm cô không yên tâm: tìm đâu ra những bài hát mới, những bài thơ mới, những câu chuyện mới, thật hay để động viên tinh thần mọi người thêm sáng khoái?

Phải nói thật rằng: đôi lúc nỗi buồn vẫn cứ len lỏi vào lòng các chiến sĩ, mà cũng chẳng dễ gì đuổi nó ra. Gu-li-a suy bụng mình cũng biết thế. Thỉnh thoảng có những nỗi buồn như thế xâm chiếm lòng cô, buồn nhớ người thân, nhất là nhớ Nhím Con, đến mức cô có cảm giác hình như không còn sức để chịu đựng được nữa.

Trong những đêm như thế, Gu-li-a thao thức rất lâu không ngủ được. Trong lòng ngổn ngang trăm mối tơ vò.

Đây này, trước mắt cô hiện lên đồng lửa trại trên đỉnh núi Ay-u Đắc, Hòn Gấu. Đêm tối như bưng, rừng mà ở đó cứ mỗi bước, cây gai móc mèo lại chờ cô. Dường như những việc đó mới xảy ra hôm qua thôi.

Và giờ đây, cô lại ở trong rừng. Và lại là đêm tối. Chỉ có điều là bây giờ rừng khác, đêm khác, thời gian khác. Chiến tranh... Lẽ nào chiến tranh đang diễn ra trong nước sao?! Bây giờ trong rừng im lặng như tờ. Từ chiều con chim tu hú cứ hót mãi. Gu-li-a đã xin nó bảo cho biết cô còn có thể sống bao năm nữa^[15], cô thử đếm, nhưng chim tu hú đã im bật. «Cũng có thể mình không sống thêm được nữa à? — một ý nghĩ đâm nhói vào óc. — Không, không! — Gu-li-a nghiêm nghị cắt đứt ngay ý nghĩ của mình. — Tất cả những điều ấy chỉ là ngu ngốc, bịa đặt cả thôi. Mình sẽ sống!»

Và cô khoan khoái vươn mình. Dù thế nào đi nữa, thì sống vẫn rất thích! Tất cả, tất cả đều rất thích! Học cầm súng, đi đến bãi bắn bia, cưỡi ngựa, băng bó, trò chuyện với mọi người, biểu diễn, nhìn thấy những bộ mặt mệt mỏi của các chiến sĩ ngồi sáng lên, tất cả đều rất thích.

Và cũng như khi Gu-li-a đóng phim, cô được cấp một con ngựa bạch. Hoàn toàn giống con Xíp-cô ngày trước. Và cô phi ngựa đi đến đâu, thì mọi nơi đều đón tiếp cô niềm nở như một người khách quý.

— Gu-li-a của chúng ta đã đến!

— Nữ nghệ sĩ của chúng ta!

— Cô em gái thân yêu!..

Trong hai tháng này, Gu-li-a biết thêm, học thêm được rất nhiều điều. Cũng như các đồng đội, cô vui mừng và tự hào về những thành tích của sư đoàn. Lúc đó, cô muốn viết thư về nhà kể tất cả những việc xảy ra trong thời gian gần đây nhất: viết về sự luyện tập đã tiến hành như thế nào, viết về việc ủy viên Hội đồng quân sự của quân đoàn, chính ủy sư đoàn Áp-ra-mốp, nói trước cuộc mít-tinh Hồng quân rằng sư đoàn đã được chuẩn bị đầy đủ để chiến đấu và đã đạt trình độ cao, và viết về việc sư đoàn đã được Hội đồng quân sự của quân đoàn khen ngợi. Nhưng Gu-li-a cũng biết rõ một điều nữa: không được phép viết về tất cả những điều đó trong thư.

Thời gian tập luyện đã kết thúc. Bộ tư lệnh quân đoàn bắt tay vào việc rút kinh nghiệm tập luyện tác chiến. Và giữa lúc việc đó được tiến hành sôi nổi nhất, đêm mùng 10 tháng bảy, đại tướng Sui-cốp, tư lệnh Quân đoàn hậu bị thứ nhất, tuyến bố mệnh lệnh nhận được từ Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao: lập tức tiến quân về vùng Sta-lin-gơ-rát.

TIẾN ĐẾN VÙNG SÔNG VÔN-GA VÀ SÔNG ĐÔNG

Việc lên tàu bắt đầu từ sang. Và đúng mười hai giờ trưa ngày mùng 10 tháng bảy, đoàn tàu quân sự đầu tiên chuyển bánh lên đường.

Mặc dù tình hình đường sắt vào những ngày tháng bảy năm bốn hai rất căng thẳng, đầy chật những đoàn tàu, nhưng trước mặt các đoàn tàu quân sự thì đèn tín hiệu luôn luôn bật xanh «thông đường».

Những toa hàng lắc lư bên này sang bên kia như những chiếc thuyền con ọp ẹp giữa biển khơi đang nổi gió bão. Hình như những tường đóng ván kia sắp rã ra và sụp đổ. Các đoàn tàu phóng nhanh như tàu tốc hành và chỉ dừng lại để thay đầu máy và lấy nước ở ga. Con «đường thông» lại mở ra phía trước, và tất cả lại lắc lư, kêu ken két, âm âm, phóng như bay về phía sông Vôn-ga và sông Đông, nơi mặt trận có thể sắp lan tới.

Để đề phòng máy bay địch nên trên các toa không mui, trên mái và ở đầu các toa tàu đều được ngụy trang cẩn thận bằng những cành cây xanh um, và thật là khó phân biệt những cái rừng con đang lao về phía trước ấy giữa những rừng thật vùng lân cận.

Bất thành linh các đoàn tàu dừng lại. Lúc đó vào buổi sáng.

— Chúng ta đang ở đâu? Sao dừng lại thế? — các chiến sĩ nhảy từ toa xuống, lao xao hởi nhau.

Không khí đen ngịt những khói. Khét lẹt mùi lúa cháy, những thanh tà-vẹt bốc khói.

Chuyện gì thế? Gu-li-a từ trên bậc cửa toa ban công tác chính trị nhảy xuống và hỏi.

Cô thấy ở đằng xa những tòa nhà của ga và kho lúa đang bốc cháy, khói lên nghi ngút.

Giống như những con kiến thành thạo lập tức bắt tay vào việc, khi người ta phá tổ của chúng, những đám đông công nhân xúm xít vào các đường sắt để sửa chữa: đám này tháo những đường ray cong queo, đám khác thì dỡ các thanh tà-vẹt cháy, thay vào những cái mới.

— Muốn biết chuyện gì à? — một giọng nói quen thuộc hỏi.

Gu-li-a quay lại và thấy thiếu tướng Bi-ri-u-cốp, sư đoàn trưởng, và chính ủy Xô-bôn đứng bên cạnh ông.

— Ném bom! — Gu-li-a nói và nghĩ bụng: «Đấy, nó bắt đầu rồi!»— Còn ga này là ga gì?

— Pô-vô-ri-nô, — thiếu tướng đáp. Và mỉm cười, ông hỏi:

— Thế nào, có hơi sợ không?

— Thưa... không, — Gu-li-a đáp hơi lúng túng. Và như thường lệ, cô lắc lắc cái đầu và vui vẻ thêm: — Chẳng sao! Nếu đã đi vào việc này, thì rồi cũng phải quen thôi.

— Đúng thế, — chính ủy, một người trẻ, gầy gầy, với nét mặt thanh tú, nói. — Và nhân thế, chị cho biết, chị có tiếc là đã đi vào việc này không? Bây giờ chẳng muộn đâu, có thể về nhà được đấy.

Gu-li-a thậm chí hoảng lên:

— Không, không, sao đồng chí lại nói thế!

Chưa đầy nửa giờ, đoàn tàu lại chuyển bánh. Chẳng chậm được, vì máy bay phát-xít có thể lại sắp sửa oanh tạc nữa.

Nửa đêm, đoàn tàu đứng lại hồi lâu ở nơi nào đấy trên thảo nguyên.

Gu-li-a không ngủ được vì bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu hồi ức, bao nhiêu lo âu đến với cô.

Cô dậy, đi ra khỏi toa để thở không khí tươi mát của đêm khuya.

Yên lặng như tờ. Chỉ nghe trong bóng tối, ở gần một toa tàu, giọng nói của ai đấy. Giọng nói U-cơ-ren dịu dàng làm Gu-li-a bất giác dừng lại, như có người nào đấy trong số bạn bè U-cơ-ren gọi cô.

— Em yêu quý của anh, con bồ câu bé nhỏ của anh! — một giọng rất trẻ dịu dàng và âu yếm nói. — Anh với em còn sẽ được trông thấy nhiều và cảm xúc nhiều trong đời này nữa. Khi nào đánh thắng bọn phát-xít, thì chúng ta lại về nhà và cùng sống với nhau, sẽ đi vào rừng...

«Cô-sti-a nói với ai thế nhỉ? » — Gu-lí-a nghĩ thầm. Cô nhận ra giọng nói của anh ta.

Đó là một thanh niên yên lặng, bẽn lẽn, từ tỉnh Khác-cốp đến. Gu-li-a thường gặp anh ở sở chỉ huy, vì anh là chiến sĩ thông tin.

«Trong lúc như thế này, mà Cô-sti-a thổ lộ tâm tình của mình với cô ấy, thì chắc đó là một cô gái nào đấy tuyệt trần lắm. Thôi, mình đừng làm phiền họ».

Còn Cô-sti-a thì vẫn tiếp tục gọi cô bạn của mình bằng tất cả những lời âu yếm nhất mà anh ta được biết, nào là «trái tim non của anh», nào là «mối tình nồng thắm của anh», nào là «con chim bồ câu tươi sáng của anh»...

Sự tò mò xâm chiếm Gu-li-a.

«Thế thì cô kia là ai? Giá cô ta đáp lại một lời nhĩ! Sao cô ta chẳng thổ lộ tình cảm gì cả? Câm hay sao?»

Không kìm mình được nữa, Gu-li-a tiến đến gần hơn.

Cô-sti-a đứng độc một mình. Xung quanh không một bóng người.

— Cô-Sti-a, anh vừa nói với ai thế? — Gu-li-a hỏi và ngạc nhiên nhìn quanh.

Cô-sti-a lúng ta lúng túng, dặng hắng và đứng đổi chân.

— Vì không có ai để nói chuyện, — anh nói, nên tôi vừa mới nói chuyện với cây súng trường của tôi đấy.

Gu-li-a bật cười.

Còn tôi thì cứ nghĩ tại sao cô ấy lại cứ lặng thinh mãi thế? Bây giờ cô ta tạm thời im thôi, — Cô-sti-a nói, — nhưng vào chiến đấu thì phải biết, cô ta kêu to ra trò đến mức bọn quỷ phát- xít phải lòe ruột ra đấy.

Gu-li-a còn nói chuyện tiếp với Cô-sti-a một lúc, sau đó quay về chỗ của mình trong toa tàu, và khi trời tờ mờ sáng, cô ghi vội trong cuốn nhật ký của mình câu chuyện đêm khuya của người chiến sĩ với khẩu súng trường.

Lúc rạng đông, đoàn tàu lại hãm bớt tốc lực và dừng lại. Đó là một ga xép nào đấy.

— Ga Gum-rác, — Gu-li-a nghe một giọng nói của ai đấy ở ngoài cửa sổ. — Từ đây đến Sta-lin-gơ-rát rất gần.

— Không quá mười cây số, — một giọng khác chêm vào.

Gu-li-a nhẹ nhõm thở dài: «Có thể chứ! Gần như đã đến nơi rồi».

Nhưng không người nào biết đến đâu và bao giờ mới xuống tàu.

Và lúc này, mọi người chẳng chịu để phí thì giờ vô ích: người thì cho ngựa uống nước, người thì cúi gập trên các vòi nước rửa ráy, người thì đổ nước đầy các bình-tong và há hốc cái mồm khô quánh đón lấy vòi nước ngon lành uống ừng ực.

Xa-sa và Gơ-ri-sa cũng chạy đến vòi nước và đang té nước vào người nhau, cười như nắc nẻ.

— Ê, các cậu đội viên trinh sát! — một giọng nói giận dữ từ trong toa tàu của đại đội trinh sát, mà bọn trẻ cùng đi, thốt lên.
— Đừng nghịch nữa!

Những chú trinh sát bé tí lập tức thôi té nước nhau và bắt đầu lấy khăn lau kỳ cọ rất tích cực. Chúng đã hiểu thế nào là kỷ luật quân sự.

Bỗng nhiên, mệnh lệnh của người phụ trách đoàn tàu vang lên:

— Vào toa!

Ở đây, tại ga này, đường sắt chia ra hai nhánh: một nhánh chạy về Sta-lin-gơ-rát và nhánh kia đi Ca-la-sơ. Đoàn tàu tiến về hướng Ca-la-sơ.

Lợi dụng lúc tàu một lần nữa dừng lại không lâu, Gu-li-a vội vã viết thư về nhà, cho bố.

«Con viết lúc đang trên đường. Tinh thần rất tốt. Luôn luôn trời nóng như thiêu như đốt, không chịu được. Mong mưa lắm. Nhưng bố đừng lo lắng gì. Chúng con đang đi gần thành phố nổi tiếng về vang vì sự chiến đấu phòng thủ của mình trong cuộc nội chiến...»

Trong thư, Gu-li-a không nói tên thành phố Sta-lin-gơ-rát, vì biết rằng trong thời chiến không được phép viết thư báo tin đơn vị đang ở đâu.

Nhưng trong những ngày đó, chưa có ai ngờ rằng chỉ một thời gian ngắn nữa, chữ «Sta-lin-gơ-rát» sẽ có ý nghĩa gì, cuộc chiến đấu phòng thủ anh dũng tuyệt vời của thành phố miền Vôn-ga này sẽ được hưởng vinh quang đời đời bất diệt như thế nào...

Sau hơn bốn ngày đêm đi đường, lúc xẩm tối, sư đoàn đã đến Ca-la-sơ — đến ga Đông-scai-a.

Đoàn tàu dài dằng dặc đã đứng vài giờ trong bóng tối im lặng, và mọi người sốt ruột chờ đợi lệnh xuống tàu.

Lạ thật! Sao chúng ta chưa đổ hàng xuống nhỉ? — Gu-li-a cùng với hai bạn gái của mình là Li-u-đa và A-xi-a đi bách bộ theo dọc toa tàu im lặng và nói. — Đi thì chẳng đi đâu được nữa. Đường cụt rồi. Lẽ nào chúng mình lại quay lui hay sao?

Đi đâu thì đi chong chóng cho rồi! — A-xi-a thở dài nói. — Các cậu ạ, mình chưa bao giờ tưởng tượng rằng đường sắt lại có thể đưa đến một con đường cụt và bỗng nhiên hết một cách đột ngột như thế này.

— Cả mình cũng thế! — Li-u-đa nói.— Thôi, chúng mình đi ngủ đi. Có thể là còn đứng ở đây đến sáng.

Quả thật, đoàn tàu quân sự đã đứng đến sáng trên ga Đông-scai-a để chờ mệnh lệnh. Và buổi sáng có lệnh dỡ hàng xuống.

Dừng lại trên bờ sông Đông, những con người mệt lử vì oi bức, vì đi đường xa và vì những giờ chờ đợi dài dằng dặc, chạy xuống sông tắm. Họ bơi, té nước nhau, cười sặc sụa như trẻ con, và những giọng trẻ trung, lạnh lạnh của họ vang xa xung quanh. Nhưng lạnh lạnh hơn cả, vui mừng hơn cả là hai chú trinh sát Xa-sốc và Gơ-ri-sốc, như ở trung đoàn người ta vẫn gọi đùa chúng thế.

Gu-li-a cùng các bạn gái đi xa hơn, đến nơi không có ai cả. Cô bơi ra giữa dòng sông, nằm ngửa ra, và nằm như thế rất lâu, nhìn trời xanh và khoan khoái vì nước sông mát rượi, vì khoảng rộng bao la, vì không khí trên sông, vì những tiếng sóng vỗ nhẹ vào người cô.

«Dường như chẳng có chiến tranh gì cả, — Gu-li-a nghĩ thầm. — Ôi, giá mà chẳng bao giờ, chẳng bao giờ có chiến tranh nữa! Bọn phát-xít đáng nguyên rủa!»

Nhưng ngày hôm sau, những sự việc lại nói lên rằng, ngọn lửa chiến tranh vẫn ngày càng bốc cao và lan rộng. Sư đoàn nhận nhiệm vụ chiến đấu mới: thiết lập tuyến phòng ngự ở bờ sông Xô-lôn — từ ấp Xô-lôn-ski Trên đến ấp Pri-stê-nốp-ski. Và chẳng bao lâu nữa, ở đây, trên những tiền lộ xa đến Sta-lin-gơ-rát, đã bắt đầu những trận chiến đấu mà đến mùa thu đã trở thành một chiến dịch lâu dài, gian khổ, ác liệt và đẫm máu.

TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Những đơn vị của sư đoàn mới đến đã đóng chắc trên vùng thảo nguyên sông Đông, trong vòng hăm lăm, ba mươi cây số về phía tây sông Đông.

Quân Đức ồ ạt kéo đèn đậy, về phía sông Đông. Những trận chiến đấu bùng nổ để giành nhau từng tấc đất.

Sau những trận mưa to vừa qua, lại bắt đầu những ngày oi bức.

Những thảo nguyên chạy dài bao la, đã vàng úa dưới ánh nắng gay gắt như thiêu như đốt. Ngay cả gió cũng chẳng mang lại hơi mát, chỉ có những ngọn cỏ cần cỗi, giống như những chiếc chổi khô, hơi nhè nhẹ lay động mà thôi. Mùi ngải cứu cay cay bốc lên.

Sở chỉ huy trung đoàn đóng trong những nhà hầm và những ụ đất cách hàng đầu tuyến phòng ngự của quân ta khoảng một cây số rưỡi, và xa hơn một tí là sở chỉ huy sư đoàn, còn xa tiền duyên hơn là đơn vị quân y.

Gu-li-a cùng với hai bạn gái của mình ở đây, trong trạm quân y trung đoàn. Công việc của họ rất nhiều. Những thương binh được đưa qua trạm không ngớt. Từ đây lại chuyển họ đến tiểu đoàn quân y, và sau đó đưa vào bệnh viện.

Nhưng ngay từ những ngày đầu tiên, Gu-lí-a đã xin ra tiền duyên.

Còn kịp chán, chị ạ, trung đoàn trưởng I-van Phê-đô-rô-vích Khô-khơ-lốp đến trạm cứu thương, mỉm cười nói với cô, hãy nhẫn nại chút nữa, nghỉ ngơi đi. Tương lai, công việc nhiều lắm, lớn lao lắm.

Gu-li-a lặng im, rồi sau đó lại đánh bạo yêu cầu trung đoàn trưởng một lần nữa — xin được ra tiền duyên.

Và cuối cùng, cô đã đạt được nguyện vọng.

Trong ngày hôm đó, từ tờ mờ sáng, bọn Đức bắt đầu nã đại bác chuẩn bị tiến quân. Từ tiền duyên vang lên những tiếng đại bác ầm ầm liên hồi, nặng nề. Sau đó, tiếng ầm ầm lặng đi. Những đạn đại bác địch nổ vang lên thưa thớt hơn. Bọn Đức đã mở cuộc tấn công. Đến trưa, khi cuộc tấn công rõ ràng đã bị quật lui, thì xe quân y phóng ra tiền duyên. Xe chạy nhanh trên con đường nhỏ đầy bụi.

Khi đến gần tiền duyên, xe chạy chậm lại. Gu-li-a ngồi trong xe nhìn ra, thấy thảo nguyên không còn là thảo nguyên nữa, mà khắp nơi bị đào lung tung những hố đạn, những công sự, những chiến hào. Bây giờ xe chạy thận trọng, như dò dẫm từng bước một. Nhảy chồm chồm qua những ổ gà, xe theo sườn gò chạy xuống chỗ trũng, rồi dừng lại.

Sửa lại cái túi dết cứu thương, Gu-li-a nhảy phóc xuống đất. Theo sau cô, những người cứu thương từ trong hòm xe cũng nhảy ra.

Gu-li-a luống cuống nhìn tứ phía. Cô hiểu rằng xe không thể đi xa hơn, vì sẽ rơi vào tầm súng địch, và cô cũng hiểu rằng tự mình phải đi xa hơn vào thảo nguyên, đến chỗ nào có thể có thương binh.

Khi những người cứu thương lôi cáng ra, Gu-li-a đã lao lên phía trước, chạy lên gò, nhưng cô chưa kịp chạy năm bước, thì ngay trên đỉnh gò, cách đây không xa, một viên đạn đại bác rơi đánh ục và nổ bùng. Tai Gu-li-a bị vang lên đến nỗi cô không còn nhớ gì nữa, ngã sấp mặt xuống đất. Trống ngực đập thình thịch và trong nháy mắt tim cô như dừng hẳn lại.

Chỉ vài giây sau, cô trấn tĩnh lại và tự bắt mình đứng dậy.

«Không được, không được yếu đuối thế...»

Rụt cổ lại, Gu-li-a lao về phía trước. Và ngay lúc đó, một viên đạn đại bác khác nổ tung ở đâu đấy bên cạnh, với một tiếng rít ghê rợn. Một cột đất và khói đen ngòm bốc lên cao.

Gu-li-a lại nằm xuống. Mắt cô nhắm một điểm, cái gò nhỏ mà cô định sẽ chạy đến trong đợt sau, và cô nhìn chăm chăm vào đó đến đau cả mắt.

Nhưng nhóm người dậy khỏi mặt đất thật là khó khăn vô cùng, hầu như là không thể được.

Cô cố gắng hết sức để tự chủ mình.

«Không, mình không sợ, mình không sợ!» — cô nhắc đi nhắc lại, như đọc thần chú, và cảm thấy dần dần ý chí của cô lại chỉ huy được tất cả mọi cảm giác và ý nghĩ của mình, và trái tim cô, tuân lệnh chỉ huy, đã bắt đầu đập đều đặn hơn, thần kinh cô đã bình tĩnh trở lại.

Lúc đó, Gu-li-a hiểu rằng: trong con người có một lực lượng đen tối, mù quáng có thể bắt nó chạy khỏi chiến trường, nhưng cũng có một lực lượng khác, mạnh hơn sự thèm sợ mù quáng kia, đó chính là ý chí có lý trí.

«Thực ra thì trận đánh đã hết rồi còn gì, chẳng qua chỉ có vài viên đại bác tình cờ nổ mà thôi», — cô tự bảo mình và nhẹ nhàng đứng dậy, nhanh chóng, vững vàng chạy đến nơi chắc chắn có thể tìm thấy thương binh — đến các công sự.

Và quả thực, ở dưới đáy công sự có thương binh. Gu-li-a xuống đáy với anh ta. Anh nằm bất tỉnh, giữa cái đầu quần bằng bản bê bết máu. Rõ ràng là khi đôi tay còn ngoan ngoãn nghe theo anh, anh đã tự băng bó qua loa cho mình.

Gu-li-a cẩn thận băng đầu lại cho anh và, hầu như không cảm thấy nặng, cô kéo người thương binh to lớn và đẩy đà ấy dọc theo chiến hào.

May thay, những người cứu thương đã chạy đến. Gu-li-a giúp họ đặt người thương binh vào cáng và, không kịp thở lấy hơi, cô quay trở lại. Cô cần phải băng bó cho một người nữa. Cô đã nhìn thấy anh ta khi đi xuống chỗ trũng — đến xe cứu thương.

Anh nằm trong cái hố sâu do đạn đại bác đào lên. Gu-li-a bò xuống đến gần anh. Úp mặt vào đất, anh rên khàn khàn.

Cô thử nâng anh dậy.

— Nào, anh thân mến, — cô cảm thấy việc này quá sức mình và nói, — hãy giúp tôi nào, nhấc lên nào...

Cô nhìn mặt anh và thốt lên một tiếng «ôi»:

— Ca-đưa! Kha-bi-bu-lin!

Anh quay lại, nhận ra Gu-li-a và cố gắng nhồm dậy, kéo lê thê cái chân dưới đất. Lúc đó, Gu-li-a mới nhận ra rằng cả chân anh đầm máu và ống quần từ đùi cho đến ống ủng đã đen lại vì máu.

Gu-li-a lấy dao sắc cắt ống ủng và băng bó chân cho Ca-đưa.

Anh buồn rầu và thậm chí có phần nào ân hận nhìn Gu-li-a, dường như muốn nói với cô: «Tôi muôn chiến đấu không phải như thế này! Hoàn toàn không phải như thế này!»

— Không sao đâu, anh ạ, — Gu-li-a vui vẻ và âu yếm nói với anh, — chúng ta còn chiến đấu nữa. Này, uống đi anh!

Cô vặn nắp bình-tong ra kê vào môi khô bỏng và súng húp của anh. Chính cô cũng khát lắm, và vì thế cô đoán được ý muốn của Ca-đưa. Ca-đưa hau háu áp mồm vào bình-tong và vừa uống vừa sặc, anh ta uống như là chẳng còn cần cái gì khác trên đời này nữa ngoài những giọt nước ngọt và mát kia.

Cuối cùng Ca-đưa rời khỏi bình-tong và thở ra nhẹ nhõm. Bình-tong không còn một giọt. Gu-li-a lấy lưỡi liếm môi.

«Không sao, — cô tự bảo mình, — mình sẽ chịu đựng vậy». Ca-đưa mỉm cười:

— Tốt lắm!

Anh thấy dễ chịu hơn — nhờ có nước, nhờ có ánh đôi mắt xám màu tro dịu dàng kia, nhờ có giọng nói triu mến, nhờ có những ngón tay nhẹ nhàng đụng khề vào người anh khi băng chân cho anh. Và vui hơn, Ca-đưa tự mình nhồm dậy. Gu-li-a lại dìu anh lên trên và chuyển giao tận tay cho những người cứu thương.

Và cuối cùng, xe đã xếp đầy. Bây giờ phải tải bằng được về đến trạm cứu thương tất cả những thương binh này mà cái chết đã lướt qua rất gần họ.

— Đi thôi! — cô vui vẻ nói với người lái xe và đứng lên bậc buồng lái.

Chiếc xe bắt đầu rung rung, rú ga lên và chuyển bánh.

Gu-li-a nhìn lên bầu trời không rời mắt. Trên bầu trời cao, xanh, trong, không một gợn mây, hiện ra một chấm đen. Và kia kìa, nó đã đến gần và ngày càng to hơn... Đã nghe thấy tiếng ầm ì xa xa từ trên cao. Gu-li-a mới nghe qua, đã đoán được cái tiếng động xé ruột xé gan đáng ghét ấy: vù-ù-ù...

«Bọn Đức!» — Gu-li-a hiểu.

Và cô nói to với người lái xe:

— Đứng lại!

Chiếc xe dừng lại. Gu-li-a và những người cứu thương nhảy phóc xuống đất, bắt đầu kéo những thương binh ra và đặt họ nằm ẩn trong các công sự, các hố bom, các hầm. Họ quyết định không đụng đến những người bị thương nặng, vì những động tác thừa đối với những người ấy nguy hiểm không kém mảnh đạn đại bác Đức. Gu-li-a rút ở trong xe những cành cây xanh mà cô đã để sẵn. Cô biết trước rằng ở trên thảo nguyên này không dễ gì tìm ra được một bụi cây nhỏ, nên đã cẩn thận lo kiếm cho mình cái món dự trữ lá xanh này trước khi đi ra tiền duyên.

Lo lắng nhìn lên trời, cô vội vàng bắt đầu lấy lá nguyệt trang cho chiếc xe. Và sau đó, cô chui vào hòm xe, đến với những thương binh còn lại.

— Ở ngoài kia thế nào?— người ta hỏi, khi nghe tiếng rú ngày càng to trên trời.

— Ổn cả, — Gu-li-a đáp. — Chúng chẳng nhận ra chúng ta đâu. Chúng ta nguyệt trang cừ lắm.

Và thực ra, bọn phi công không nhận ra được chiếc xe quân y bên vệ đường giấu mình dưới những cành lá xanh um. Chúng

bay qua, xé không khí bằng tiếng động cơ rú ầm ầm từng hồi và mang theo sự chết chóc đi gieo rắc nơi nào đó xa hơn.

— Đi thôi! — Gu-li-a nói, khi tất cả thương binh đã được đưa vào chỗ xong xuôi.

Và động cơ lại rú lên. Chiếc ô-tô nặng nề, chất đầy thương binh lại chạy trên con đường gồ ghề đầy những ổ gà và hố rãnh.

Một vài ngày sau, khi đã đến tiền duyên nhiều lần, Gu-li-a ngồi viết thư cho bố.

«Và cuối cùng trận đánh đã nổ bùng...»

Nhớ đến những dòng thơ của Pu-sơ-kin, cô bắt đầu bức thư của mình như thế, và hạ bút chì xuống. Những điều mà chính cô tự thấy và trải qua không giống trận đánh mãnh liệt như vũ bão mà cô đã đọc trong bài thơ Pôn-ta-va của Pu-sơ-kin.

Bằng cách nào, bằng những lời nào để ghi chép được tất cả những điều cô đã cảm thấy? Làm sao truyền đạt lại những cái không thể truyền đạt được?

«Không, nếu không ở trong chiến đấu, — Gu-li-a viết, — nếu trên vai mình chưa cảm thấy tất cả những khó khăn, thì không thể cảm thấy triệt để sự vui mừng của chiến thắng. Khi các chiến sĩ lao mình vào cuộc tấn công, khi tiếng rền vang «oong...oong... oong...» — tiếng vọng lại của muôn ngàn tiếng hô «xung phong», — thì mình không biết, không nhớ gì hết. Trước mắt chỉ là bãi chiến trường, và mình theo dõi, theo dõi mỗi một điểm nhỏ trên thảo nguyên dài vô tận, theo dõi đến đau cả mắt. Đằng kia có ai đấy ngã xuống... cầm đầu chạy lên phía trước, và chẳng có tiếng rít của viên đạn nào, chẳng có tiếng gọi ngăn cản nghiêm nghị nào có thể hãm mình được nữa. Thân mình trở

nên nhẹ lâng lâng, và chỉ khi nào chiếc xe quân y xếp đầy thương binh đi ra khỏi tầm súng rồi, sự căng thẳng mới bớt dần đi...»

Gu-li-a cầm cúi viết, còn sau cửa sổ nghe văng vẳng những tiếng kêu đã trở nên quen tai: «Báo động!» Và lập tức tiếng rít quen thuộc, rầy rà, làm lộn gan lộn ruột, của máy bay Đức bay tới tai cô.

«Nếu lâu bố không nhận được thư con, — Gu-li-a vội vã viết thêm ở cuối thư, — thì bố đừng áy náy gì cả: thế nghĩa là con bận nhiều việc. Và dù thế nào, xin bố hãy nhớ một điều: con gái bố đã không hèn nhát và đã chân thành hiến dâng đời mình cho Tổ quốc...»

Công việc thực ra nhiều lắm. Công việc lớn lao mà trung đoàn trưởng nói với Gu-li-a trước đây, đã bắt đầu rồi. Đúng là công việc. Những trận chiến đấu quyết liệt đang diễn ra để giành nhau sông Đông. Bây giờ ngày đêm đầy đầy những nguy hiểm, thiếu thốn, lao động nặng nề quá sức.

Gu-li-a hàn toàn say với công việc hàng ngày. Cô đi nhặt và đặt vào cang những người rên rỉ dữ dội hoặc bị ngắt đi, bang bó, rửa ráy, cẩn thận cởi quần áo đã trở thành những mớ giẻ vụn đầm máu của họ. Mùi máu, mùi đất di theo cô khắp nơi. Cô không còn thì giờ để suy nghĩ, để hồi tưởng và để gọi bằng lời tất cả những cái gì cô đã trông thấy, đã cảm xúc. Và chỉ trong những phút ngắn ngủi tạm ngừng giữa các trận chiến đấu, khi viết thư về nhà, cô mới vội vàng sắp xếp lại trật tự những mẩu ý nghĩ thoáng qua trong óc mình.

«...Mỗi ngày đều đầy dẫy những biến cố. Quân ta chiến đấu giành một ấp nhỏ, — Gu-li-a viết. — Suốt ngày đánh nhau, một vài lần đã chiếm được, một vài lần lại phải rút. Bọn Đức bám vào đấy chặt như đá đỏi. Con đi kéo một thương binh, anh ta nằm sát cạnh chiến hào bọn Đức. Bọn Đức thấy con, chúng định bắt sống. Con bò, và chúng cũng bò. Còn phía sau con, liên thanh chúng nhả đạn, đạn thành một lưới lửa, để các đồng đội của con không đến cứu được. Làm thế nào bây giờ? Bò lui chậm rãi. Phía trước là người thương binh. Còn bọn Đức cứ thắt dần vòng vây lại. Con cầm quả lựu đạn trong tay và định cho bọn Đức đến gần mới ném. Nếu con chết, thì con cũng sẽ giết chúng nhiều hơn. Bỗng nhiên con nghe đằng sau mình tiếng hô: «Tiến lên-ên!..» Quân ta! Con đứng dậy và cùng chạy lên với họ...

Té ra, có một chiến sĩ ở trong chiến hào suốt thời gian đó theo dõi con. Anh thấy con sắp nguy và kêu lên: «Các cậu ơi, Gu-li-a của chúng ta chết mất? Thế là anh xông lên về phía con. Và tất cả — theo anh. Quân ta nện cho bọn phát-xít tới bờ đến nỗi chúng không còn manh giáp bỏ chạy, mặc dù chúng đông hơn nhiều.

Còn người thương binh mà con bò đến cứu, cuối cùng cũng đưa về được. Tội nghiệp, anh ta chẳng còn hy vọng gì nữa...

...Còn cách đây không lâu, con bị bỏng chân một tí. Nhưng lành rồi, mẹ thân yêu đừng lo ngại gì cả. Con bị bỏng thế này. Khi đánh nhau, con vô tình giẫm phải cái chai có chất cháy. Chai vỡ ra dưới chân con và lập tức tất cả áo xống của con bùng cháy. Tay bị bỏng, con khó nhọc lắm mới rút được đôi ủng bốc cháy khỏi chân, cởi áo va-rơ và giẫm lên nó. Và khi những người công binh vác xẻng chạy đến để hất đất lên con (không thể thì

khó mà dập tắt chất lỏng đang cháy được), thì con đang mặc áo vào người, còn ủng thì không tài nào xỏ chân vào được nữa — ủng méo mó, bị hỏng hoàn toàn. Sau đó, thế là con đi chân đất, đi khắp khà khập khiễng cả hai chân. Và chỉ sau trận đánh, con mới tự băng bó cho mình được. Thế là hết».

Trong thư gửi mẹ, Gu-li-a đã tả lại một trong những chuyện phiêu lưu phi thường nhất của mình như thế (Gu-li-a gọi những trường hợp đặc biệt nguy hiểm trong cuộc đời chiến đấu của mình là «chuyện phiêu lưu»). Và khắp toàn sư đoàn, người ta đồn tin về Gu-li-a. Từ chiến sĩ này đến chiến sĩ khác truyền đi câu chuyện hoang đường về một cô gái «ở trong lửa cũng không cháy», về một cô gái đã đi đến các chiến hào Đức, toàn thân bốc lửa như một ngọn đuốc sống. Và chẳng bao lâu, có người nào đấy lại đặt ra một bài ca về «cô gái rục lửa». Bài ca đó, như một ngọn lửa, bốc từ đấy lan sang mãi đến tận Mặt trận phía Tây. Trong mỗi đơn vị quân đội, người ta hát bài ca đó theo một điệu riêng, nhưng lời ca thì ở khắp nơi chỉ là một, như thế này:

*Kìa cô gái bừng bừng ngọn lửa,
Sáng soi đường rục rở làm sao!
Nhằm nơi trận địa xông vào,
Như con chim lửa diệt bao quân thù.*

Và từ đó, trong sư đoàn gọi Gu-li-a là «Cô gái rục lửa».

XUYÊN QUA LỬA VÀ NƯỚC

Quân thù dốc hết sức cố chiếm chỗ qua sông Đông ở vùng ga Sia-scai-a Dưới và ấp Ru-bê-giơ-nưi Trên, để sau đó xông đến sông Vôn-ga, tới Sta-lin-gơ-rát.

Các đơn vị của sư đoàn thứ 214 nhận mệnh lệnh bỏ bờ tây sông Đông chính là cái bờ mà họ đã chiến đấu với một dũng khi chưa từng thấy để bảo vệ được — đi sang bờ đông và phòng thủ bờ đó ở vùng ấp Ru-bê-giơ-nưi Trên và phía nam ấp đó.

Các cầu đã bị phá sập rồi. Việc chuyển quân qua sông phải mất bốn ngày đêm liền. Chuyển quân cả ngày lẫn đêm, bằng những bè tự làm lấy, bằng thuyền, thùng tô-nô, bằng những súc gỗ, bằng tất cả những cái gì có thể tìm được. Sông Đông bị những quả bom, những đạn đại bác, những đạn súng cối nổ, tung nước lên, giận dữ đập sóng vào bờ. Nó không còn là sông Đông êm đềm, mà cách đây không lâu nước lặng lẽ, êm ả trôi nữa. Những tiếng nổ nặng nề của đạn đại bác xé tung lòng sông sâu thẳm.

Vào một trong những đêm chuyển quân, trời mưa dông tầm tã trút xuống. Mưa như cầm chĩnh đổ, không ngớt một phút nào.

Ướt như chuột lột, Gu-li-a hì hục kéo chiếc áo mưa của mình dọc theo bờ sông đã mềm nhũn vì sũng nước, đến chỗ qua sông, trên áo có một thương binh nằm. Anh ta khó nhọc quay đầu lại kêu cái gì đấy với Gu-li-a. Nhưng tiếng ồn ào của sự chuyển quân và tiếng rì rào của gió làm át cả giọng anh ta. Gu-li-a phải cúi xuống sát tận người thương binh để nghe rõ lời anh.

— Cái gì đấy, anh thân mến?

— Tôi tìm cây súng, — anh nói và sờ soạn cạnh mình trong chiếc áo mưa. — Tôi không thấy cây súng đâu cả. Cây súng trường ấy mà.

Và thật là bất ngờ, dù lúc đó không còn thì giờ để nhớ lại, Gu-li-a bỗng nhớ đến người chiến sĩ, mà trong đêm hè khuya vắng, khi đoàn tàu quân sự dừng lại, đã nói chuyện rất âu yếm và rất lâu với khẩu súng trường của mình. Anh ta cũng là người U-cơ-ren và cũng kết bạn thân với «cây súng trường» của mình...

— Kia, cây súng trường của anh, nó nằm ngay cạnh sườn đấy mà!

Người chiến sĩ nằm trong áo mưa lấy tay với khẩu súng trường, và do cử động ấy, anh thấy đau. Anh rên lên.

— Chịu khó một chút, anh thân mến, — Gu-li-a nói to, cố át tiếng gió. — Bây giờ tôi sẽ đưa anh qua sông Đông đây.

Người thương binh lắc lư đầu. Rõ ràng là anh nghi ngờ, không tin ở sức Gu-li-a. Và thật ra, khó mà tin được rằng cô gái kia lại có thể bơi qua sông Đông trong lúc mưa to gió lớn như thế này và lại còn kéo thêm cả cái gánh nặng này nữa.

Người thương binh nói lúng búng cái gì đấy. Gu-li-a chỉ nghe thấy:

— Chị cứ bơi một mình thôi!

— Sao lại thế! — Gu-li-a nói. — Lẽ nào tôi lại bỏ anh sao?

— Nếu chị khó quá, thì cứ buông tôi ra, — người thương binh nói.

— Thôi, thôi, im đi, — Gu-li-a ngắt lời anh ta.

— Cái rét thấu thịt thấu xương đâm nhói vào tim. Sóng đập vào mặt như roi quất.

Tay trái đỡ người thương binh, Gu-li-a bơi bằng tay phải. Cô bơi ngay vào dòng nước đục đen, chốc chốc lại nhổ nước ộc vào mồm ra.

Thỉnh thoảng bầu trời trên sông Đông lại bừng sáng, vang lên tiếng ầm ầm dữ dội, và đợt sóng dựng đứng hất Gu-li-a cùng với người bạn đồng hành dở sống dở chết của mình lên cao. Hất lên cao, rồi nó lại ném xuống thấp, vào đâu đấy trong vực thẳm.

Hình như chỉ còn một phút nữa thì dòng nước lạnh buốt và đục ngầu sẽ đóng chặt lại trên đầu cô. «Minh không bơi đến nơi mất» — Gu-li-a nghĩ bụng.

Và bỗng nhiên, cô thấy bơi nhẹ hẫng đi. Đó là vì người thương binh kia tỉnh lại, cảm thấy rằng ân nhân của mình đã mệt lử. Anh thu hết tàn lực và bắt đầu bơi bằng cánh tay lành.

«Anh bạn thân mến đang giúp mình đấy!» — Gu-li-a biết ơn nghĩ thầm.

Trong màn sương mù lúc gần sáng bờ đối diện chỉ thấy lơ mờ. Chỉ có những ánh pháo sáng màu trắng bùng lên, trong chớp mắt chiếu sáng ngay tất cả: cả những người đang bơi qua sông, đang ở trên bè hay trên lưng ngựa, cả những chiếc cầu phao với những cỗ đại bác.

Người thương binh lại đuối sức hẫng, và do đó Gu-li-a thấy nặng gấp đôi. Nhưng cô cũng cảm thấy rằng sự nguy hiểm nhất đã lùi về đằng sau rồi.

«Minh phải bơi đến nơi, sẽ bơi đến nơi!» — cô nói với mình.

Tất cả đường gân và thớ thịt của cô đều làm việc dẻo dai, bướng bỉnh và khéo léo. Đây, sự điều luyện thể thao của cô lúc này thật có ích! Đây, vì sao cần phải luyện tập bao lâu ở kia, trên bãi bơi của con sông Đơ-nhi-ép đầy ánh nắng! Tất cả những điều gì mà Gu-li-a đã học được trong đời mình, bây giờ đều có ích cho cô cả, hình như cả thời thơ ấu, cả thời thiếu niên của cô chỉ là bước chuẩn bị cho những thử thách trong cuộc chiến đấu gian khổ này.

Và Gu-li-a đã bơi được đến nơi.

Trên bờ (đó là bờ đông, thoải thoải và bằng phẳng, không như bờ tây dựng đứng), cô gỡ những bàn tay lạnh cóng của người chiến sĩ ra khỏi cổ mình. Anh ta bò xuống đất và nặng nề thở lấy hơi.

— Thế là chúng ta đã đến nơi rồi, — Gu-li-a nói và lấy chiếc bình-tong trong túi dết quân y ra và rót vài giọt rượu trắng vào cặp môi nhợt nhạt như người chết của anh thương binh.

— Uống đi, cho ấm người, anh ạ!

Cô thu xếp cho anh lên chiếc xe tải thương quân y đầu tiên mà cô gặp được, còn cô thì vừa thở lại hơi xong đã trở về bờ sông ngay...

Trong bốn ngày đêm đó, Gu-li-a đã cứu được nhiều thương binh, đã bơi qua sông Đông nhiều lần, đưa thương binh từ bờ này qua bờ kia, dưới làn mưa đạn không ngừng.

Nhưng trong những ngày đêm ác liệt ấy, Gu-li-a không ngờ rằng một thời gian sau nữa, trong Viện bảo tàng quốc gia phòng thủ Xa-ri-xun — Sta-lin-gơ-rát sẽ bảo tồn bức lệnh cho nội bộ sư đoàn thứ 214 do sư đoàn trưởng Bi-ri-u-cốp ký về việc ghi tên

Ma-ri-ô-nê-la Cô-rô-li-ô-va là chiến sĩ Hồng quân danh dự của trung đoàn bộ binh thứ 780.

Gu-li-a không ngờ rằng công việc cô làm trong chiến đấu mà cô chỉ coi là công việc bình thường, sẽ được thừa nhận là những chiến công.

«Trong thời gian chiến đấu, người nữ đoàn viên thanh niên cộng sản gan dạ đó đã cứu sống 100 chiến sĩ và cán bộ chỉ huy. Trong thời gian vượt qua sông Đông, đồng chí Cô-rô-li-ô-va đã chuyển sang bờ đông, đã tiến hành việc cứu chữa sơ bộ và đã tải về trạm quân y 60 chiến sĩ và cán bộ chỉ huy».

Chuyển quân qua sông Đông xong, sư đoàn bố trí phòng ngự ở bờ đông.

TRÊN THẢO NGUYÊN VEN SÔNG ĐÔNG

Thảo nguyên ven sông Đông, với những gò đồi và những lùm cây hiếm hoi, thưa thớt, chạy dài mênh mông bát ngát. Nếu không có chiến tranh, thì ở đây, trong những ngày này, các cây bạch hà, ngải cứu và các loại cỏ sẽ ngát ngào thơm nức. Trên bầu trời cao không một gợn mây sẽ nghe thấy tiếng hót trong trẻo của chim sơn ca. Những hồ kia — Hồ Tròn, Hồ Cong — sẽ êm đềm phản chiếu bầu trời cao trong làn nước biếc, và dòng sông Đông sẽ thanh bình lặng lẽ trôi giữa bờ tây dựng đứng và bờ đông thoải thoải.

Nhưng bây giờ trên thảo nguyên sặc sụa mùi khói. Những mìn, bom và đạn đại bác nổ tung, bốc lên những cột khói cao đen ngòm. Chốc chốc những tràng đại liên, trung liên, tiểu liên lại vang lên mạnh mẽ. Và nhìn ở đâu cũng chỉ thấy toàn là công sự, chiến hào, giao thông hào, khắp nơi mọc lên những ụ chiến đấu và những hầm mộ còn mới.

...«Trong thời gian này, con trông thấy rất nhiều và cảm xúc rất nhiều, — ngồi trong nhà hầm, Gu-li-a viết cho bố. — Quân ta đánh hăng lắm. Các chiến sĩ thật là anh dũng tuyệt vời. Nhiều bạn chiến đấu bị hy sinh, nhưng do đó lòng căm thù địch lại càng mãnh liệt hơn. Nếu còn sống, con sẽ thử viết một cuốn sách về những chiến sĩ anh dũng bảo vệ sông Đông.

Trên đầu chúng con, chỉ vừa mới nổ ra một trận không chiến ác liệt. Các phi công cừ khôi của chúng ta đã vật cánh lũ quạ

phát-xít. Mới đây, các đội viên trinh sát đã đưa về một tên phi công phát-xít bị bắn rơi tại trận.

Con lại sắp ra tiền duyên. Bây giờ ngồi viết thư cho bố, nhưng mọi ý nghĩ của con đều để ở đấy, ở cạnh các bạn của con, ở nơi đang đánh nhau kịch liệt. Bây giờ con ở cách họ khoảng năm cây số.

Bố ạ, bố biết không, không có gì thích hơn là sau cuộc chiến đấu ác liệt được tập hợp lại tất cả và, trong những phút tạm ngừng giữa các trận đánh, ba hoa xích đế, đùa cợt với nhau một chút. Giá hôm nay con không bị nhức đầu, thì sáng nay con đã đi ra tiền duyên rồi, nhưng mà đầu con đau lắm. Bọn Đức có súng cối bắt chước «ca-ti-u-sa» của quân ta. Thế là đạn ấy nổ làm long óc con. Đạn nổ cách con khoảng chừng mười lăm thước, mà cũng có thể gần hơn. Nhưng bố đừng lo, mọi việc sẽ qua khỏi thôi...»

Gu-li-a viết, tay chống vào đầu, nhẹ nhẹ lắc lư. Cơn đau càng ngày càng nhức nhối không chịu được. Nhưng nói với người nào đấy trong các bạn về điều đó, thì cô không muốn. Vì người ta sẽ đưa cô về trạm quân y thì còn gì nữa.

Một bạn, trong lúc tạm yên ngắn ngủi mà Gu-li-a đã kể trong thư, những con người mệt phờ, lấm lem bụi bặm tập hợp nhau lại trong nhà hầm sau một trận chiến đấu.

Một người trong bọn, da mặt rám nắng như đồng, tóc nâu hạt dẻ, bạc màu vì ánh mặt trời, Xô-mi-ôn Phơ-rô-lô-vích Scô-len-cô, trước làm thợ mỏ, bây giờ là đội viên trinh sát, vừa cố hút điếu thuốc sâu kèn sắp tắt, vừa chậm rãi kể lại việc anh đi trinh sát cách đây không lâu như thế nào.

— Sáng sớm, tiểu đoàn trưởng gọi mình đến và nói: «cần phải kiểm một cái lưới^[16]». — «Có! — mình đáp. — Tôi sẽ kiểm». Mình chuẩn bị lên đường, cẩn thận thử lại khẩu tiểu liên, bỏ lựu đạn vào bao — cả loại thường và loại chống tăng, rồi ra đi.

Scô-len-cô kể lại việc anh lọt vào vị trí bọn Đức thế nào — nơi thì chống khuỷu tay trườn, nơi thì cúi gập người lại, cố ẩn mình sau một bụi cây rậm, còn Gu-li-a ngồi nghe và nghĩ thầm:

«Đấy, đi trinh sát phải như thế chứ. Chỉ có can đảm không thôi thì không xong...»

Và cô nín thở lắng nghe câu chuyện kể lại rằng người chiến sĩ trinh sát của ta đã bí mật lén đến gần bọn. Đức, đã diệt bằng lựu đạn chống tăng sáu thằng ngồi trên mặt đất, còn thằng thứ bảy đứng gác bị anh tước vũ khí, tóm cổ và dẫn về ban chỉ huy.

Sau đó chưa đầy vài giờ, Scô-len-cô lại được giao nhiệm vụ mới: lần này do trung đoàn trưởng giao.

«Súng cối bọn Đức làm rầy rà quân ta rất dữ, — trung đoàn trưởng nói. — Phải tìm xem chúng đặt ở đâu>. — «Tôi sẽ tìm, — Scô-len-cô đáp và hỏi thêm: — Đi một mình hay với ai?» — «Tùy đồng chí», — trung đoàn trưởng đáp. «Tôi sẽ đi một mình! — Scô-len-cô nói. — Tôi đã đi rồi nên biết đường».

Ăn no, hút xong, quần lại vải bọc chân, anh thử lại khẩu tiểu liên và ra đi. Chiều tối, anh trở về với mười bảy chiến sĩ Hồng quân. Tóc râu xồm xoàm, máu me bết, đi chân đất, khó nhọc lắm họ mới đứng vững được.

— Tôi giải thoát tù binh, đưa về đây. Chút nữa họ qua đời rồi, — Scô-len-cô nói. — Họ đã đào huyết cho mình.

Và anh kể lại rằng anh đã dùng lựu đạn chống tăng diệt ngay tại trận bảy thằng Đức, còn thằng thứ tám, lúc đó đứng ở xa, thì anh tóm cổ bắt làm tù binh. Anh còn kể rằng khi hai thằng xạ thủ súng máy nghe tiếng lựu đạn anh nổ và lệnh hô của anh: «Toàn đại đội theo tôi!», chúng liền ba chân bốn cẳng tẩu thoát, còn từ sau bụi cây, những chiến sĩ Hồng quân bị bắt làm tù binh vụt chạy ra. Đấy, chính là những người sắp bị bắn đấy. Vài phút sau, Scô-len-cô đã dẫn về đơn vị mình những người bị hành hạ đến gần chết kia, dường như họ vừa từ âm phủ trở về, và cùng với họ có tên Đức bị bắt làm tù binh vừa lấm la lấm lét khiếp sợ nhìn những người lính Nga, vừa khó nhọc lê bước. Những người đã cầm chắc cái chết trong tay đang khiêng những khẩu súng cối chiến lợi phẩm. Nhưng sau khi chịu tất cả mọi sự tra tấn hành hạ, sống dở chết dở, họ vẫn sẵn sàng vác những thứ còn nặng hơn nữa. Còn tên tù binh Đức thì vất vả lắm mới vác được khẩu trung liên.

«Đấy, những anh hùng thường như thế! — Gu-li-a nghe xong câu chuyện của người chiến sĩ trước làm thợ mỏ và ngẫm nghĩ. — Bề ngoài giản dị thế kia: bộ mặt hơi rộng, dày dạn gió mưa và rám bồng vì ánh nắng, với những giọt mồ hôi lặn tăn trên trán, mặc chiếc áo va-rơ đã bạc màu, đội chiếc mũ ca-lô hơi nhàu... Một chiến sĩ Hồng quân bình thường nhất, nhưng hai chiến công trong một ngày! Trước chiến tranh phải chăng mình đã hình dung được họ như thế?...»

Cô nhìn Scô-len-cô hồi lâu không rời mắt, hình như lần đầu tiên thấy anh ta vậy. Mà thực ra thì hai người vẫn gặp nhau luôn. Và mới cách đây không lâu, trong thời gian tạm ngừng giữa các trận đánh, anh đã kể cho cô nghe về cuộc đời của mình. Bố anh

cũng là thợ mỏ đã chiến đấu bảo vệ Xa-ri-xun trong thời kỳ nội chiến cũng như anh, Xê-mi-ôn Scô-len-cô, bây giờ đang bảo vệ Sta-lin-gơ-rát, trên những tiến lộ xa để vào thành phố này. Ông bố đã hy sinh và được chôn cất ở xóm Sia-scai-a Dưới, không xa vùng này lắm.

Tất nhiên, không phải tất cả các chiến sĩ đều như Xê-mi-ôn Scô-len-cô cả. Gu-li-a còn được thấy cả những trường hợp khác. Đôi khi con người không đủ tự chu và dũng cảm.

Sau đó, vào tháng chín, đã xảy ra một trường hợp thế này. Trong trận đánh, khi tất cả đã lăn xả vào cuộc tấn công, Gu-li-a thấy một chiến sĩ trẻ, mới được bổ sung đến, đã dừng lại. Tất cả mọi người chạy lên, còn anh ta cứ đứng đực người ra. Gu-li-a không do dự gì, nắm lấy cổ áo anh ta, đẩy về phía trước và hét lên:

— Sợ à?

Người chiến sĩ hình như tỉnh lại, chạy bên cạnh Gu-li-a, trong tay cầm khẩu tiểu liên.

Vài ngày sau, khi đi ra trạm quân y tiểu đoàn, Gu-li-a gặp người lính Hồng quân có bộ mặt trông quen quen.

— Hình như tôi đã gặp anh đâu đấy thì phải, — Gu-li-a nói. — Tôi chỉ không nhớ ở đâu thôi.

— Còn tôi nhận ra chị ngay, — anh mỉm cười và hơi lúng túng. — Chị nhớ không, tất cả mọi người xông vào trận, còn tôi thì vì chưa quen với... nói thẳng là tôi hơi nhát. Lúc đó, chị tóm gáy tôi, thúc cho tôi một đạp nên thân, thế là tôi ngoan ngoãn chạy lên phía trước.

Gu-li-a bật cười.

— Thế bây giờ thì sao? Anh không nhát nữa chứ?

— Tôi cố gắng không nhát. Cảm ơn chị!

...Sư đoàn không ở lâu tại chỗ. Chẳng bao lâu lại được lệnh mới: chuyển thành đơn vị dự bị của mặt trận và tiến về phía đông-bắc, vào vùng Cốt-lu-ban — về hướng sông Vôn-ga.

Gần sáng ngày 18 tháng tám, sau những lần chuyển quân đêm, vượt hai trăm năm mươi cây số đường trường theo chế độ hành quân, sư đoàn đã tập trung ở vùng Cốt-lu-ban — Xa-mô-pha-lốp-ca. Nhưng cả ở đây nữa, mọi người cũng không được nghỉ ngơi dù chỉ trong ít lâu. Lúc gần tối lại được lệnh: tiến ngay từ Cốt-lu-ban sang hướng tây. Như thế là cần thiết, vì ngay từ đêm 16 rạng 17, bọn Đức đã từ bờ tây sông Đông chuyển qua bờ đông ở vùng ấp Pan-si-nô. Sư đoàn phải tiến đến đấy, đến Pan-si-nô, để hất quân thù xuống sông Đông và phá hủy chỗ qua sông của chúng.

Tảng sáng ngày 19 tháng tám, sư đoàn đã tới đây, vừa đi vừa triển khai và lao vào chiến đấu với quân thù cách Pan-si-nô không xa.

Sau đó, vào tháng mười, Gu-li-a viết thư cho bố, nhớ lại những việc đã xảy ra trong những ngày và đêm tháng tám đáng ghi nhớ đối với cô và tất cả các chiến sĩ khác:

«Vào một ngày nắng, quân ta đến thôn N. Lúc rạng đông, chúng con chui vào một chuồng ngựa lớn — cả xe tải đồ lẫn người. Nằm và ngủ thiếp đi. Ngủ bao lâu, không nhớ. Tất cả choàng dậy vì những hồi còi và bom nổ. Kính tung ra, vôi trát ở trần nhà, ở tường bay lả tả. Cả cái nhà lắc lư rất mạnh... Đợt tấn công bằng máy bay đã qua. Con nhảy ra, đi nhặt thương binh và

bằng bó. Chỉ vừa mới kéo được một số — người thì vào hầm nhà, người thì vào chiến hào — bỗng máy bay lại đến. Và chúng đều bay từng đàn. Và khi chúng bắt đầu choảng quân ta từ năm giờ sáng, thì lúc đó quân ta xông lên tấn công. Con đi cùng với tiểu đoàn. Chỉ vừa ra đến trạm quan sát, thì lại thấy chúng bay nữa. Còn trạm quân y đầu tiên của chúng con thì vừa vặn ở trên đồi và lại nguy trang tồi. Chúng con bò vào chiến hào. Còn lũ máy bay thì dàn ra và bắt đầu nện dữ dội. Chúng con nhìn — một chiếc bom nhào thẳng xuống chúng con. Và thêm nữa, để tác động tinh thần quân ta, chúng cho còi rú lên. Tiếng còi rú rất khó chịu. Thằng phát-xít liệng một quả bom — một cột bụi tung lên. Bụi tung lên chúng con đến nỗi không còn nhìn rõ gì nữa. Chỉ còn nghe tiếng rống trên đầu và tiếng bom rơi xuống rít lên. Khi bom nổ ầm một tiếng, chúng con cười vang: «Trượt rồi!». Thế là hết. Trời xảm tối. Quân ta đi tiếp. Đạn réo lên. Đạn súng cối khi nổ còn rên ri rít lên: «Vi-ù-ù...» Và đến đêm, quân ta rơi vào tình trạng bị đứt liên lạc hoàn toàn. Những người từ sườn bên phải đến báo rằng: «Nhóm xạ thủ súng máy của địch đã chọc thủng phòng tuyến và đang đi về phía sau lưng của các anh». Từ sườn bên trái tình hình cũng không ổn lắm. Các chiến sĩ thông tin đã được phái đi các nơi tất cả rồi. Không còn người nào ở lại cả. Thế là con xung phong xin đi khôi phục đường dây. «Tôi sẽ đến nơi», — con nói. Rồi con đi. Trên đầu lưới đạn lửa đan thành một cảnh tượng thật đẹp mắt. Trên đường, con nhặt được một thương binh với súng. Con kéo anh ta, và cả khẩu súng nặng của anh, thêm nữa con còn đeo bên sườn khẩu tiểu liên. Nhưng con đã kéo đến nơi được. Đường dây lại được khôi phục (con tìm ra được chỗ dây đứt và nối lại). Mà đêm thì tối

như bưng. Địa điểm ở đây thì lạ. Con đã trở về được đến tiểu đoàn. Quân ta tóm được một tù binh. Con lại dẫn nó đi. Trong đêm ấy thật là nhiều việc, nhiều lắm, nhưng không thể kể hết được...»

Còn một việc nữa mà Gu-li-a đã kể trong thư của mình: việc cô đã băng bó cho một em bé bị thương như thế nào. Về điều đó, cô đã kể lại trong thư gửi mẹ:

«Ngày 19 tháng tám, trong một vùng dân cư, bom rơi vào một túp nhà đất, trong đó cả nhà đang ngồi. Bà mẹ bị chết, còn lại hai đứa con: một đứa lên một năm bảy tháng, còn đứa kia sáu tháng. Đứa bé này bị mảnh bom vào lưng. Con đang nhặt và băng bó thương binh, thì bỗng một bà cụ mang đến nhờ con băng bó cho đứa bé ấy. Con vừa băng cho nó vừa khóc, nước mắt rơi lã chã. Còn nó thì nhìn con bằng đôi mắt đau đớn mờ to, mà không khóc gì cả, chỉ rên rĩ thôi...»

Chắc là không phải chỉ một lần cô đã nhớ đến Nhím Con của mình khi mảnh băng trắng rộng, hết lớp này đến lớp khác, vắn chặt lấy cái ngực và cái lưng bé tí của đứa bé bị thương, giống như một chiếc gi-lê trắng.

«Không thể nào kể tất cả được, — Gu-li-a viết, — Giá bắt đầu viết tỉ mỉ tất cả những chuyện đã xảy ra trong những ngày ấy, thì một vài ngày cũng không đủ».

Đúng, Gu-li-a còn có thể kể nhiều nữa, nếu cô có thì giờ.

Giá được thì cô đã kể thêm rằng: sau một trong những trận tấn công bằng máy bay của bọn phát-xít, một hố bom to đã được đào ngay giữa đường rộng của ấp Pan-si-nô (đó chính là «thôn N» mà Gu-li-a đã viết trong thư trên). Đường kính của hố

bom ấy không dưới mười thước, còn chiều sâu khoảng ba thước. Nhưng những ngôi nhà ở hai bên đường, chẳng hiểu do phép màu nhiệm nào, mà vẫn còn nguyên. Một bà cụ từ trong nhà chạy ra. Nghe thấy các chiến sĩ đang đứng ở mép hố bom, nói chuyện với nhau và ngạc nhiên vì sao không ngôi nhà nào bị hư hỏng cả, bà cụ nói:

— Ông nhà tôi cũng sống sót đấy. Chính ông ngồi ngay gần cửa sổ.

Lúc đầu, Gu-li-a cũng không tài nào hiểu được làm sao các ngôi nhà này vẫn còn nguyên được. Sau đó người ta giải thích cho cô: bom rơi sâu vào tầng đất cát. Một phần mảnh bom rúc vào cát, còn phần khác thì tung lên không, theo góc lớn.

Trận đánh diễn ra không ngớt, chẳng lúc nào yên. Hai trung đoàn — của Su-mê-ép và Khô-khơ-lốp — dưới sự yểm hộ của pháo binh, đã cùng tấn công mãnh liệt và cuối cùng đã đánh bật được bọn Hít-le ra khỏi ấp Pan-si-nô, phá tan chỗ qua sông của địch, hất chúng xuống sông Đông, và nhờ sự hỗ trợ của trung đoàn Goóc-ba-si-ốp đã quét sạch chúng ở bờ đông. Tuy thế, bọn địch vẫn mạnh hơn ta nhiều về binh lực và không quân. Bốn trăm máy bay phóng pháo lồng lộn công kích liệt sư đoàn quân ta. Cùng một lúc từ hai phía — từ khu ấp Véc-tia-si ở phía nam nhưng cũng là bờ đông, và từ bờ đối diện, bờ tây — trọng pháo và súng cối địch thẳng cánh nã vào các trung đoàn quân ta rất ác liệt. Và đến đêm, sau những trận đánh dữ dội chưa từng thấy, các đơn vị của quân ta bắt buộc phải dừng lại ở vùng Pan-si-nô. Dù thế nào cũng không đến được những chỗ qua sông chính ở phía nam — ở vùng ấp Véc-tia-si. Không đủ lực

lượng. Sư đoàn được lệnh chuyển sang phòng ngự. Không lùi một bước. Giữ vững đến chết. Và mọi người đã dừng lại.

“CA-TI-U-SA” VÀ “ĂNG-ĐƠ-RI-U-SA”

Bên bờ đông, các trận đánh vẫn tiếp diễn như trước...

Người ta không còn thì giờ nghỉ lấy hơi nữa. Họ giận dữ bắn trả lại. Chỉ đến tối, khi hỏa lực quân Đức yếu đi, mới bắt đầu tạm yên đôi chút. Trong những phút tạm ngừng giữa các trận đánh, Gu-li-a, trước khi đi ngủ, thường hay đến «làm khách» người nào đấy trong số các bạn mới của mình.

Cả hôm nay cũng thế. Chỉ vừa mới lặng yên một chút, cô đã đến nhà hầm, nơi các chiến sĩ của đại đội một ở. Cô đi theo giao thông hào.

Trong nhà hầm, một ngọn đèn dầu leo lét phun khói. Trong ống khói lò sưởi bằng sắt, gió rít từng hồi.

— A, Gu-li-a! — những giọng nói quen thuộc vang lên tứ phía. — Sao lâu không thấy lại? Chúng tôi đã thấy nhớ rồi đấy. Muốn uống nước chè không?

Sau vài phút, trên bếp lò con bằng sắt, chiếc ấm tôn đã sôi sùng sục làm nắp ấm bật lên bật xuống.

Chiếc đàn phong cầm, trong đôi tay thành thạo của người nào đấy, khe khẽ hát lên, mà vẫn không làm trở ngại đến câu chuyện.

Gu-li-a cảm thấy hình như trong đời cô chưa bao giờ ấm cúng và yên tĩnh như ở trong nhà hầm đen ngòm và bé nhỏ này, giữa những con người từ bốn phương của đất nước bao la tập hợp lại đây, những con người vất vả, mệt mỏi vì những trận đánh.

Cô ngồi sát lò, hân hoan được sưởi ấm và chăm chăm nhìn những ngọn lửa nhỏ vui vui chập chờn chạy từ hòn than này đến hòn than kia. Chúng hoàn toàn giống như những ngọn lửa nhỏ ở thành phố U-pha xa xôi. Và cũng vẫn những cái lưỡi lửa vàng kia nhảy nhót trong lò hết như khi Gu-li-a còn bé tí, và người ta không cho cô cầm chiếc gậy thông lò.

Thật là lạ, hình như việc ấy mới xảy ra cách đây không lâu!

Còn bây giờ, cô đang ở tiền tuyến, ngay giữa lò lửa chiến tranh, và không ai nói với cô: «Gu-li-a, coi chừng bỏng đấy!»

Ngay trên nhà hầm đạn súng cối nổ kèm theo tiếng rít rên rĩ.

— Súng cối chúng bắt đầu rống ròi đấy, — một người nào đấy nói và nhấp cốc nước chè nóng.

Gu-li-a chỉ im lặng gật đầu.

Cô, cũng như tất cả các chiến sĩ khác, đã phân biệt rất giỏi tiếng nổ của súng cối Đức. Trong những tờ truyền đơn của chúng, bọn Đức huênh hoang bố láo rằng súng cối của chúng hơn đứt «ca-ti-u-sa» của quân ta.

— Không, chẳng hơn quái gì đâu, — một chiến sĩ đứng tuổi mà mọi người gọi là «bố» nói. — Hơn «ca-ti-u-sa» của quân ta thế nào được!

— Đúng thế, — người ngồi cạnh đồng ý và đưa tấm gỗ nhỏ tì vào đầu gối bè ra, vút vào lửa. — Còn tôi đã nghe nói rằng chúng ta sắp cho ra «ăng-đơ-ri-u-sa» đấy. Nó sẽ dẹp yên đâu vào đấy!

— «Ăng-đơ-ri-u-sa» nào thế? — Gu-li-a hỏi.

— Con trai của «ca-ti-u-sa» ấy mà. Nó mà choảng thì ra choảng đấy! Còn cừ hơn cả mẹ nữa kia. Cách tám mươi thước

chỉ riêng sức ép của nó đủ làm cỏ bọn chúng, chứ chưa kể đến mảnh đạn.

Tất cả im lặng trong giây lát, và chiếc đàn phong cầm lại lợi dụng lúc đó chơi to hơn, mạnh hơn, rõ ràng như khêu như gọi người ta ca hát theo.

*Trong lò sưởi bập bùng ngọn lửa,
Trên củi hồng lệ nhựa từng hàng, —*

Gu-li-a bắt đầu hát, và có người nào đấy ngồi bên cạnh cất cao giọng nam hát theo:

*Nhà hầm thanh thót tiếng đàn
Ngợi ca đôi mắt mơ màng của em...*

Người ta hát hết bài này đến bài khác. Hát chung và hát từng người một.

— Có thể hát với các đồng chí đến sáng được đấy, — Gu-li-a đứng dậy nói, — nhưng làm thế nào được, bây giờ tôi phải đi về đây...

— Chị đi đâu?

— Đôi trực cho A-xi-a.

Thật ra thì giờ trực của A-xi-a chưa hết, nhưng Gu-li-a thương xót và giữ gìn cho người bạn gái của mình cùng ở trạm quân y tiểu đoàn — chính là cô gái gầy gầy, giống như cô nữ sinh, đã cùng Gu-li-a và Li-u-đa đi trên đoàn tàu quân sự ra tiền tuyến.

Gu-li-a lớn tuổi hơn cả hai bạn của mình. Cô đã gần hai mươi, còn hai cô kia mới chưa đầy mười tám. Và Gu-li-a tự nhiên đối xử với họ có vẻ hơi che chở, gọi họ là «các cô gái thân yêu của tôi» và, không ngần ngại, dành cho mình những công việc nặng nhọc và nguy hiểm nhất.

Còn công việc thì ngày càng nhiều, đời sống ngày càng khó khăn. Và bây giờ, khi nhớ đến nhà, đến gia đình, thì đời sống ở đây đối với Gu-li-a thật như trong truyện cổ tích, hầu như không tưởng tượng được. Và hơn nữa, «nhà» ấy của cô ở đâu? Ở U-pha, nơi mẹ và Nhím Con đang tình cờ sống trong một căn phòng của người khác, hay là ở Ki-ép hiện đang bị quân Đức chiếm đóng, hay ở Mát-scơ-va, nơi mà từ đây bố thường gửi cho cô những bức thư đầy săn sóc và lo âu?...

«Không, có thể mãi cho đến lúc chiến tranh kết thúc, nhà mình là ở đây — ở trong nhà hầm, — Gu-li-a vừa nghĩ vừa chạy từ nhà hầm này đến nhà hầm khác. — Và gia đình mình đây rồi:

Li-u-đa, A-xi-a và tất cả những con người thân yêu này mà mình cùng với họ đang chia sẻ với nhau cuộc sống rất gần cái chết».

Càng ngày Gu-li-a càng gần bó với gia đình mới to lớn của mình. Cô viết cho mẹ:

«Mẹ hỏi con đã ăn mừng ngày sinh nhật thế nào à. Ở đây, hôm đó đánh nhau dữ lắm, và để tỏ lòng kính mến con, — như người ta nói thế, — cả trung đoàn pháo binh và pháo binh dã chiến của quân ta đã bắn hàng loạt súng vào đầu giặc. Còn đến tối, khi hơi yên một tí, chúng con đã ăn tối trong nhà hầm; hơn nữa, anh nuôi của chúng con nướng vài cái bánh ga-tô và trên

một chiếc có viết chữ bằng bột nhào: «Tặng người chiến sĩ cận vệ tương lai». Trong ngày sinh của Nhím Con cũng có bắn vài loạt súng, và khi mọi người tập hợp nhau lại để ăn tối, thì bọn Đức bắt đầu phản công rất dữ dội. Cuộc tấn công bị đánh lùi, ngoài ra, còn chiếm được một vùng dân cư. Sau đó, các chiến sĩ đến gặp con và nói rằng chiến thắng này là để ăn mừng ngày sinh của Nhím Con của con».

Bức thư của Gu-li-a dài và chi tiết, song cô còn có thể viết về nhiều chuyện nữa, nếu trong thư gửi từ tiền tuyến được phép viết về tất cả và được gọi tên người.

Nếu được, thì cô đã viết rằng những chiếc bánh ga-tô đó do đồng chí trung đoàn phó dặn anh nuôi làm, đồng chí ấy thường hay lấy tình bố con quả mắng cô, khi cô không biết giữ mình, và săn sóc trông nom cho cô.

Nếu được, thì Gu-li-a đã viết trong thư rằng «cái bánh ga-tô cận vệ» hôm ấy được một trong những đội viên trinh sát nhỏ tuổi là Xa-sa đưa đến nhà hầm. Chú bưng hai tay cái khay trên để chiếc bánh, cẩn thận và chăm chú, dường như đó không phải là bánh, mà là mìn.

Còn Gơ-ri-sa đi bên cạnh nó, rõ ràng có vẻ hơi tị với người bạn của mình, nó cũng muốn được tự tay trao cho Gu-li-a món quà mừng sinh nhật.

CÁC CÔ BẠN GÁI

Thời kỳ băng tuyết đầu tiên đã bắt đầu. Những đồi gò và thung lũng đen bị mưa giội ướt đã trở nên trắng xóa vì sương muối.

Ngoài mặt trận, lúc đó còn đang tạm yên.

Trở về từ tảng sáng, sau chuyến trinh sát đầu tiên mà cô xin đi, Gu-li-a ngồi sưởi bên lò, uống nước chè nóng (tất cả đều do A-xi-a đã cẩn thận chuẩn bị sẵn) và đi nằm. A-xi-a đắp cho cô chiếc áo lông cộc.

— A-xi-a ạ, tất cả những cái đó chẳng có gì đáng sợ lắm, — Gu-li-a nói và đuổi mình vì mệt nhọc và vì hơi ẩm dễ chịu. — Chỉ đáng sợ khi bỗng nhiên mình nghe thấy giọng nói. Mình đang bò trên mặt đất, xung quanh không có ai, và bỗng nhiên cái giọng nói như chó sủa ấy! Bọn phát-xít! Lúc đấy thì mới thật là khó chịu... Dù mình biết rằng bên cạnh mình còn những chiến sĩ trinh sát khác, chứ không phải chỉ một mình đi trinh sát, nhưng dù sao cũng rợn tóc gáy.

Và Gu-li-a bắt đầu kể lại chuyện xảy ra đêm nay một cách lộn xộn, thỉnh thoảng trong lúc mơ mơ màng màng, cô quên cả những chữ đang nói dở dang.

Nghe Gu-li-a kể, A-xi-a nghĩ bụng: «Sao lại thế nhỉ? Hai đứa cùng sống với nhau, tất cả cùng cảm nghĩ như nhau, mà lại khác nhau như thế này? Mình thì chẳng bao giờ đi trinh sát! Không, mình sẽ đi, tất nhiên, nếu người ta phái đi, chứ tự mình chẳng xin đi... Chỉ nghĩ một điều là lỡ bọn Đức bắt sống...»

— A-xi-a, cậu không nghe mình rồi! — Gu-li-a nói, — Thế mà mình thì cố gắng nói... Thôi, nếu thế thì mình ngủ đây.

Cô nằm quay mặt vào bức tường giá lạnh của nhà hầm, và ngay lập tức A-xi-a đã nghe hơi thở bình thản và đều đặn của Gu-li-a. A-xi-a ngồi dưới chân cô, không cử động vì sợ đánh thức người bạn gái của mình. Nhưng sự lo ngại của A-xi-a không có căn cứ. Suốt ngày đêm, ở sau hậu địch, Gu-li-a không hề chớp mắt, nên bây giờ, cô nằm ngủ một mạch ngon lành gần một ngày một đêm.

— A-xi-a chốc chốc lại chạy vào xem Gu-li-a đã thức dậy chưa, nhưng Gu-li-a vẫn nằm nguyên như lúc đặt mình xuống: mặt quay vào tường, gối đầu trên tay. A-xi-a áy náy cho bạn: hay là Gu-li-a ốm? Nhưng bây giờ A-xi-a còn lo lắng hơn nữa cho số phận của hai chú bé. Xa-sa và Gơ-ri-sa tự xin đi làm nhiệm vụ, và khoác trên mình bộ áo quần cũ, chúng đi điều tra tuyến phòng ngự của bọn Đức. Nhiều lần người ta đã nghiêm nghị ra lệnh cho chúng rằng không được sờ mó vào bất cứ cái gì, phải cẩn thận phòng mìn, nhưng nào ai biết được cái gì có thể xảy ra với chúng nó...

Còn Gu-li-a thì cứ ngủ, ngủ mãi. Đến đêm thứ hai, cô mới bừng mắt dậy.

— Chà, mình ngủ say quá! Ít nhất cũng ngủ được hai giờ rồi! — Gu-li-a đuổi mình và nói. — A-xi-a, cậu đấy, hử?

A-xi-a cúi xuống bạn:

— Ngủ đã rồi chứ?

— Ôi, ngủ đã đời! Suốt đời có lẽ không còn muốn ngủ nữa. Thế bây giờ là ngày hay đêm?

— Đêm, Gu-lênh-ca ạ!

— Đêm thế nào?

— Đêm như thường thôi.

— Mình chẳng hiểu gì cả, — Gu-li-a nói. — Còn là ngày hôm nay hay đã ngày mai rồi?

— Gần đến ngày mai rồi, — A-xi-a phì cười. — Cậu ngủ suốt một ngày và gần cả đêm đấy. Sắp sáng rồi.

— Thế sao cậu không nằm ngủ?

— Mình lo cho cậu quá...

Hai cô bạn ngồi bên lò sưởi. Gu-li-a hiểu rằng A-xi-a đã vì cô mà giữ lửa suốt đêm và hâm nóng thức ăn tối trong cái cà-mên.

— Cậu biết không, — Gu-li-a vừa lấy thìa thìa thức mứt canh rau nóng trong cà-mên vừa nói, — bây giờ mình cảm thấy mọi việc xảy ra đều như chuyện nằm mơ ấy. Thảo nguyên ấy, cái ấp, tên lính gác Đức mà chúng mình giết...

— Thà mình đọc những điều đó trong sách còn hơn, — A-xi-a nói, — hay xem chiếu bóng lại càng tốt hơn nữa. Còn tự mình thì mình sợ, mình chẳng như cậu được.

Gu-li-a bật cười.

—A-xi-a, cậu hoàn toàn như cô bé con ấy. Thế cậu ra tiền tuyến để làm gì?

— Để làm gì à? — A-xi-a hỏi và quay lưng lại.

— Cậu bức mình à? — Gu-li-a hỏi và bỏ thìa xuống. — Xin lỗi nhé, A-xi-a. Thật ra mình không muốn làm cậu bức mình. Cậu giận à?

— Mình muốn ngủ, — A-xi-a đáp, không nhìn Gu-li-a. — Cậu tưởng nếu cậu ngủ đã rồi, thì không ai cần ngủ nữa, phải không?

A-xi-a bắt đầu trải giường cho mình trong góc. Cô trộn cỏ khô lại, thẳng cánh vút chiếc áo ca-pốt lên trên.

— Nằm trên phản này, — Gu-li-a nói.

A-xi-a không trả lời và nằm quay lưng về phía Gu-li-a. Gu-li-a đến gần A-xi-a, ngồi xuống bên cạnh và hôn vào đầu bạn.

— A-xi-a thân yêu ạ, thôi đi. Trong chiến tranh đừng nên cãi nhau. Sau đó lại tiếc và lúc ấy thì muộn rồi.

A-xi-a nhìn Gu-li-a và bỗng nhiên khóc nức nở.

— Cậu cũng biết đấy, mình yêu cậu như thế nào! Chỉ có điều, cậu hãy hiểu rằng mình không thể như cậu được. Nhưng mình cố gắng và làm tất cả.

— Tất cả, tất cả, A-xi-a ạ, — Gu-li-a nói. — Cậu làm việc rất tốt... Nhưng, dù sao mình cũng sẽ nói với các anh ở ban chỉ huy cho cậu về nhà.

— Ấy đừng! — A-xi-a kêu lên. — Mình không muốn đâu. Mình sẽ ở đây đến cuối cùng. Với các đồng chí.

— A-xi-a, — Gu-li-a vuốt ve những làn tóc đen mượt của bạn. — A-xi-a, mình thấy cậu rất mệt, mệt lắm rồi đấy. Mà cuộc sống ở đây thì vất vả quá chừng. Cậu tưởng rằng mình với Li-u-đa không vất vả sao? Vất vả quá đi chứ! Chỉ có điều là chúng mình khỏe hơn cậu...

— Mình sẽ quen thôi, — A-xi-a nói và kéo mép áo ca-pốt đắp kín chân mình. — Chỉ có cậu đừng nói với ai để người ta đưa

mình về hậu phương đấy. Cậu nghe chứ? Mình không muốn đâu!

— Thôi được, được!

A-xi-a nhìn Gu-li-a, và Gu-li-a nhận thấy trong mắt bạn nỗi lo âu.

— Còn gì nữa, A-xi-a?

— Không có gì, — A-xi-a đáp.

Cô muốn nói rằng đã ba ngày rồi không thấy hai chú bé trở về, nhưng lại sợ làm Gu-li-a buồn rầu. Hơn nữa, sự mệt nhọc đã thắng cô.

A-xi-a đã ngủ thiếp đi ngay, còn Gu-li-a ngồi hồi lâu, tựa vào chiếc bàn con tự đóng lấy bằng ván ghép và nhìn cô gái gầy gầy, tóc đen này đang nằm cuộn tròn như trẻ con.

Gu-li-a biết về cô rất ít: quê cô ở tỉnh Min-sơ, anh cô ở một mặt trận khác và đã lâu không viết gì cho cô cả, bố thì chết đã lâu, còn mẹ với em gái đang sống ở trong một nông trang gần U-pha và đã lâu cũng không viết thư. Tất cả chỉ có thế! Nhưng Gu-li-a cảm thấy cô gái kia đối với mình thân thiết như ruột thịt! Như là cùng đẻ ra trong một thành phố, cùng lớn lên, cùng học một trường...

Đến sáng sớm, Xa-sa và Gơ-ri-sa đã trở về. Đói meo, rách rưới, xây xát, tuy vậy chúng vẫn đứng ưỡn thẳng người ra theo lối quân sự trước sĩ quan Pha-xa-khốp và báo cáo:

— Báo cáo đồng chí thủ trưởng! Nhiệm vụ đã hoàn thành.

Và chúng kể tỉ mỉ bọn Đức có bao nhiêu đại bác và xe tăng, để ở chỗ nào.

TRÊN NGÃ BA ĐƯỜNG

Gu-li-a được kết nạp làm đảng viên dự bị. Đối với cô, đó là một sự kiện lớn lao và sung sướng. Cô đọc đi đọc lại nhiều lần bản nhận xét tư cách đạo đức trong chiến đấu mà tiểu đoàn trưởng đã viết về cô khi giới thiệu cô vào Đảng.

«Nữ đoàn viên thanh niên cộng sản Cô-rô-li-ô-va, bằng gương sáng về tinh thần gan dạ và dũng cảm của mình, đã động viên các chiến sĩ ngày càng lập nhiều chiến công mới».

«Phải chăng điều này là viết về mình à?» — Gu-li-a ngạc nhiên nghĩ thầm.

Cô cảm thấy hình như trong những ngày đó, cô bỗng nhiên lớn lên, đã trưởng thành và phải chuẩn bị sẵn sàng đón những thử thách khó khăn hơn. Và lúc bấy giờ đang ở vào thời kỳ bước ngoặt, rất căng thẳng. Các đơn vị quân ta vừa chôn chân quân địch tại chỗ, vừa chuẩn bị lực lượng cho cuộc tấn công tương lai, cho những trận chiến đấu quyết liệt...

Li-u-đa Ni-ki-ti-na vừa mới băng bó lại cho một nhóm thương binh xong. Cô đang rửa tay ở trong phòng thường trực, thì Gu-li-a bất ngờ hiện ra trên ngưỡng cửa.

— Sao cậu không nghỉ, hở? — Li-u-đa hỏi. — Cậu đã làm việc suốt đêm rồi!

— Cậu biết không, — Gu-li-a trầm ngâm nói, — người ta gọi mình đến ban chỉ huy.

— Để làm gì?

Gu-li-a vút cái áo lông cộc xuống và ngồi lên chiếc ghế đầu.

— Biết nói thế nào với cậu đây?... Cậu nhớ không, trong truyện cổ tích về I-li-a Mu-rô-mét có đoạn thế này. I-li-a Mu-rô-mét dừng ngựa trước ngã ba đường và đọc những chữ ghi trên phiến đá trắng: đi theo đường này sẽ giàu có, đi theo đường kia sẽ lấy được vợ, đi theo đường thứ ba...

Gu-li-a không nói hết.

«Sẽ bị giết», — Li-u-đa nhớ ra, nhưng chẳng hiểu vì sao cũng không muốn nói những chữ ấy lên.

— Thế là, — Gu-li-a nói, — mình cũng đang đứng ở giữa ngã ba đường. Người ta cho mình chọn: hoặc làm thư ký ở ban chính trị sư đoàn hoặc đi học ở Mát-scơ-va.

— Còn thứ ba người ta đề nghị gì? — Li-u-đa hỏi. — Con đường thứ ba là con đường nào?

— Người ta không đề nghị gì thêm. Nhưng vấn đề là cả con đường này và con đường kia đều không thích hợp với mình. Lẽ nào với nghị lực của mình, mình lại chịu nổi ngồi lâu làm công tác thư ký? Cậu cứ nghĩ mà xem. Còn đi Mát-scơ-va thì mình không muốn. Thực ra mình rất muốn, và muốn đến mức không thể nói với cậu được rằng mình sẽ sung sướng thế nào, nếu được thấy lại Mát-scơ-va, được gặp bố mình... Mình cũng muốn học. Đã bao lâu rồi mình chẳng cầm cuốn sách trong tay. Và nói chung, chỉ một chữ «Mát-scơ-va», tự cậu cũng hiểu đấy, đối với mình có nghĩa như thế nào. Nhưng mình không thể bỏ nơi này mà đi được.

Và Gu-li-a bước từ góc này đến góc kia trong phòng trực, say sưa thuyết phục Li-u-đa rằng cô không đủ sức xa lìa những con

người mà cô đã cùng họ vượt qua lửa và nước — đúng với nghĩa đen của những chữ đó, — rằng cô không thể về hậu phương chính khi mà trung đoàn của họ và cả sư đoàn đang chuẩn bị những trận chiến đấu ác liệt nhất.

Li-u-đa không nói gì cả, nhưng bất giác cô nghĩ thầm:

«Thế nghĩa là, con đường thứ ba...»

Và cô thấy sợ hãi vì những chữ đó.

«Ôi, vì sao nó lại nhớ đến I-li-a Mu-rô-mét đề làm gì!»

Li-u-đa bực dọc lắc đầu và nói với một giọng vui vẻ để làm át nỗi lo âu bất ngờ:

— Thế nghĩa là cậu quyết định ở lại với chúng mình chứ gì? Thế được, chúng mình sẽ coi như cậu đã từ Mát-scơ-va trở về đây. Tối nay, nếu yên lặng, thì chúng mình sẽ ăn mừng ngày cậu trở lại. Chúng mình sẽ mở đồ hộp. Sẽ gọi thêm các đồng chí Pơ-lốt-ni-cốp, Tốp-lin, sẽ hát nữa, được chứ?

— Được, — Gu-li-a nói, và mắt cô trở nên vui vẻ, hầu như là tinh nghịch. — Li-u-đa, cậu biết không, cái khó nhất trên đời này là lựa chọn. Còn khi đã lựa chọn rồi, thì mọi việc tiếp theo sẽ dễ thôi.

A-XI-A

Ngồi sưởi bên lò, Gu-li-a đọc lại những thư vừa nhận được. Một cái từ mặt trận gửi đến, của Ê-rích, cái khác của gia đình, rất ân cần, đầy những tin tức thân thiết và hòa bình đủ loại: Nhím Con đã giấu cái thìa uống nước chè trong chiếc giày ống bằng da của ai đấy, dìm chiếc giày trong chậu nước, đánh nhau với một chú bé hàng xóm, lớn hơn nó những hai tháng.

Gu-li-a giữ chiếc ảnh con bé tí trong lòng bàn tay hồi lâu.

— Nhím Con của tôi, nó lớn thế này rồi đây! Không phải con thơ nữa, mà đã là một chú bé thật sự rồi!

Và cô hình dung cái sân ở U-pha, phủ đầy tuyết và Nhím Con của cô mặc chiếc áo lông bù xù đang lấy chân đẩy chiếc xe trượt tuyết đi.

Ê-rích viết cho cô vắn vện chỉ mấy dòng. Rõ ràng là anh ấy bận lắm. Anh gửi số hiệu hòm thư của mình và hứa sẽ viết nữa, nếu lại được cầm bút chì và mảnh giấy trong tay.

Bức thư ấy, Gu-li-a hiểu từng chữ, từng nét. Giá cô biết được địa chỉ Ê-rích trước khi anh ta tìm được địa chỉ của cô ngoài mặt trận, thì cô đã viết cho anh bức thư cũng giống như thế.

Trên chiếc bàn con của phòng trực còn có một phong bì khác. Chẳng rõ nét chữ của trẻ con hay của người già đã đề trên phong bì tên A-xi-a.

Nó đây rồi, bức thư từ nông trang ở U-pha đã bao lâu mong đợi. Mong sao A-xi-a đến chong chóng...

Cuối cùng, cánh cửa mở ra. A-xi-a đi vào, toàn thân phủ đầy những hoa tuyết. Những ngón tay lạnh tím của cô khó nhọc lắm mới cởi được cổ áo lông cộc.

— Ngồi xuống nhanh cạnh lò, — Gu-li-a nói. — Cậu sưởi đi... Thế nào, cậu thấy dễ chịu không?

— Dễ chịu!

— Thế thì bây giờ sẽ còn dễ chịu hơn nữa!

Và Gu-li-a đặt lên đùi bạn chiếc phong bì con.

— Của người nhà mình! — A-xi-a thì thầm nói. Mấp máy môi và lúc lắc đầu, cô đọc bức thư ấy hồi lâu.

— Thế nào? — Gu-li-a hỏi.

— Viết rằng ở nhà bây giờ đều bình yên, — A-xi-a lấy hơi nói.
— Chỗ ở đã thu xếp xong. Sống cũng tạm được... Em gái được nhận làm kế toán, mẹ khâu. Và ở nhà đã nhận được bưu thiếp của anh mình, thế là còn sống.

A-xi-a áp bức thư vào má và bật cười:

— Ôi, mình mừng quá!

— Đấy, mình đã nói với cậu mà...

— Các cậu, thế còn mình hôm nay chẳng có gì cả à? — Li-u-đa vào phòng trực thấy ngay thư trong tay các bạn, cô hỏi.

— Mai cậu sẽ có, — Gu-li-a đáp. — Linh tính mình báo thế.

— Được, để xem, miễn là mình có thư! Không thì trông các cậu mình thêm lắm. Kia, hôm nay các cậu vui thế kia! Thôi, nếu mình không có tin, thì các cậu kể lại cho mình nghe về tin của các cậu vậy.

Và cả ba cô gái, ngồi bên lò sưởi, bắt đầu đọc lại thư nhà.

Trời đã xế chiều, và tưởng như ngày sẽ trôi qua yên tĩnh, không có trận đánh nào, thì bỗng nhiên, ở đâu đấy, bất ngờ hàng loạt liên thanh nổ vang lên, tiểu liên kêu tặc tặc. Lại bắt đầu bắn nhau.

Theo lệnh báo động chiến đấu, Gu-li-a và A-xi-a đứng dậy, mặc áo, choàng vào vai chiếc túi dết cứu thương và ra khỏi nhà hầm.

Đến gần tối, cuộc chiến đấu dịu đi.

Chiếc xe quân y chạy qua thảo nguyên trắng xóa vì sương muối, tạt qua các công sự và chiến hào. Những người cứu thương kéo cáng ra khỏi xe. Li-u-đa mặc chiếc áo bờ-lu trắng choàng trên áo ca-pốt chạy ra đón thương binh. Ngay từ xa, cô đã nghe giọng nói của Gu-li-a:

— Cẩn thận, cẩn thận, đừng lắc mạnh!

Chiếc cáng nhè nhẹ lắc lư và tiến về phía bậc thềm. Theo thói quen, Li-u-đa cúi xuống nhìn bộ mặt tái nhợt của người thương binh.

— A-xi-a!

Gu-li-a im lặng gật đầu với cô.

— Thế nào có nặng không.

— Hừm... — Gu-li-a ngậm miệng trả lời.

Hai cô không nói thêm gì với nhau nữa. Cần phải làm những công việc thường ngày: tiếp nhận và băng bó thương binh. Và lúc đó, bác sĩ phẫu thuật của tiểu đoàn quân y đang mổ cho A-xi-a. Không thể chậm trễ vì tình hình rất nghiêm trọng.

Việc mổ xẻ đã xong. A-xi-a nằm yên trên giường không cử động. Gu-li-a và Li-u-đa nhìn mãi không rời mắt khỏi bộ mặt gầy đét, đôi mắt to sáng ngời của bạn.

— Các cậu ơi, — A-xi-a khó nhọc lắm mới nói được nên lời và đưa lưỡi liếm cặp môi khô, — họ bảo thế nào? Mình thoát chết chứ?

— Ừ, tất nhiên! — Gu-li-a đáp một cách bình tĩnh và tin tưởng. A-xi-a đưa mắt lơ lơ nhìn Gu-li-a.

— Đúng, đúng, A-xi-a thân yêu! Không còn gì nguy hiểm nữa. A-xi-a của chúng mình cừ thật! Bác sĩ bảo cậu là anh hùng đấy!

A-xi-a hơi nhếch mép mỉm cười.

— Không, mình không phải là anh hùng... Mình chỉ chịu đựng...

— Chính đó là anh hùng thật sự rồi!

Gu-li-a thoáng thấy sự cử động nhỏ của lông mi A-xi-a nên cúi xuống bạn.

— A-xi-a! Cái gì thế?

— Mình rất muốn sống, sống với các bạn! Chính mình suốt thời gian qua đã sống với các bạn! — A-xi-a nói rất khẽ, hầu như không nghe tiếng. — Nhưng nếu mình chết...

— A-xi-a yêu quý, đừng nghĩ thế, — Gu-li-a ngắt lời bạn. — Cậu cứ nằm yên, đừng nhúc nhích.

— Thế Li-u-đa đâu? — A-xi-a hỏi.

Nhưng cạnh giường không còn Li-u-đa nữa. Cô không chịu nổi và đã chạy ra sau cánh cửa đứng khóc.

— Nó đi lấy thuốc! — Gu-li-a nói không chút ngập ngừng.

— Bảo nó trở lại, nhanh lên! — A-xi-a thều thào.

Và thực ra thì Li-u-đa trở vào ngay, nhưng A-xi-a không còn được nhìn thấy bạn nữa.

A-xi-a ú ớ nói cái gì đấy không rõ ràng: khi thì bảo trộn than trong lò sưởi, khi thì gọi tên những người nào đấy không quen biết, khi thì gọi mẹ. Rồi cô hoàn toàn im lặng. Gu-li-a và Li-u-đa lần lượt ngồi trực cạnh giường bạn. Và sáng tinh sương, sau khi lấy tấm vải đắp kín thi hài A-xi-a, hai cô lặng lẽ đi ra ngoài trời băng tuyết.

Ở đâu đấy, những cỗ đại bác nặng nề rống lên âm âm. Một ngày mới trong chiến tranh lại bắt đầu.

— Thế là A-xi-a của chúng ta không còn nữa... — Li-u-đa nói và lấy bao tay lau gò má ướt đầm.

— Sao lại không còn? — Gu-li-a nghiêm mặt và thậm chí giận dữ ngắt lời bạn. — Phải biết nhớ! Nhớ tất cả: nhớ mỗi một lời nói, mỗi một cử động, mỗi một tiếng rên... A-xi-a đã hiến thân cho mảnh đất này, cho chúng ta, cho cuộc sống... Thế mà cậu bảo rằng nó không còn nữa!

Li-u-đa ngạc nhiên nhìn Gu-li-a.

Đó là sự thật, — cô rụt rè nói. — Nhưng dù sao...

— Dù sao thế nào thì tự mình biết rồi!..

Và lấy bàn che mắt, Gu-li-a vội chạy trên tuyết kêu lạo xạo đến nhà hầm.

HAI NGÀY HỘI TRÙNG NHAU

Tuyết rơi vào cuối tháng mười rất chóng tan, và mùa thu ảm đạm trở lại thay thế cho mùa đông vừa mới đến.

Hôm trước của ngày kỷ niệm lần thứ hai mươi lăm cuộc Cách mạng tháng Mười đã bắt đầu.

Ban đêm, đông tố nổi lên ầm. Gió như điên cuồng. Nó quật ngã người, thổi lạnh thấu xương. Đi trong đêm tối như bừng, dò dẫm trên mặt đất đen ngòm, lờm chờm những ổ gà, Gu-li-a trở về chỗ của mình ở đại đội, đi cùng với Ca-đưa Kha-bi-bu-lin, bị thương nay đã lành, và Mi-ti-a Gơ-rê-sen-cô, một chiến sĩ cùng đơn vị.

Cả ba người đi im lặng, lần mò, cố sao giảm bước càng nhẹ càng tốt. Còn từ trên trời mưa như trút, nước kêu óc ách dưới ủng và trong ủng.

Gu-li-a cảm thấy hình như họ sẽ không bao giờ ra khỏi được đêm tối om và lạnh lẽo này, và cô muốn nắm thật chặt tay bạn hơn, để cảm thấy hơi ấm của sự sống, để cảm thấy rằng trên mặt đất này đang còn sự sống.

Như đáp lại ý nghĩ của cô, bàn tay hộ pháp của Ca-đưa nắm lấy tay cô trong bóng tối và vững vàng kéo về phía nào đấy bên phải.

— Nào, theo tôi, — Ca-đưa nói. — Đến nơi rồi.

Gu-li-a cảm thấy dưới chân bậc thềm đào trong đất và bắt đầu đi xuống theo Ca-đưa. Gơ-rê-sen-cô đi sau cùng.

Ca-đưa mở cửa. Ánh lửa vui vui của chiếc đèn dầu lửa, giống như một ngọn đèn biển tí hon, chiếu sáng trước mắt họ. Sức nức hơi ấm của sự sống.

Cả ba cúi đầu xuống, lần lượt bước vào nhà hầm. Ở đấy, tất cả đã ngủ — người thì nằm trên phản, người thì nằm trên nền đất lót cỏ khô, đắp thêm áo ca-pốt và áo lông cộc. Chỉ có một thanh niên không ngủ. Anh ta đang lúi húi làm gì đấy cạnh lò sưởi.

— Thế nào? Sống chứ? — anh hỏi và xách cái ấm nước đã sôi ở lò ra.

— Cậu cứ tự thấy đấy, — Ca-đưa đáp.

— Có được không?

— Được quá đi chứ lị!

Gu-li-a vắt khô nước chiếc váy của mình đang mặc và, ngồi ở mép ghế dài, bắt đầu rút chân khỏi những chiếc ủng nặng trĩu vì nước mưa.

— Được quá đi chứ lị! — cô nhắc lại và cười khê. — Bao giờ trời sáng, các anh sẽ thấy!

— Chúng tôi dựng ngay trước mũi bọn Đức, — Gơ-rê-sen-cô nói. — Vừa vặn đúng ngay trước công sự của chúng.

— Hừ, rồi ngày mai, tụi chó đều sẽ bắt đầu bắn đấy, — người thanh niên nói và rót cho mỗi người một ca nước chè. — Các cậu uống đi cho ấm!.. Ôi, các cô bây giờ cũng trở nên dũng cảm tuyệt vời! — anh nói thêm và chọn trong năm bánh mì khô một miếng trắng hơn cả, đưa cho Gu-li-a.

Gu-li-a ngồi hơ khô áo hời lâu ở cạnh lò và được sưởi ấm bằng nước chè nóng. Sau đó, cô chồm lên người chiếc áo ca-pốt và

tựa lưng vào góc. Nhưng cô không buồn ngủ. Khi trời vừa tờ mờ sáng, cô đã đi xem công việc của mình.

Cách công sự quân Đức chỉ có vài thước, trên chiếc xe tăng bị phá hủy, ngọn cờ xô-viết pháp phối bay phần phật trong gió. Tấm vải to, rộng nô đùa trong gió uốn lượn những nếp vải mềm mại. Dường như nó muốn thách thức quân thù, và bọn Đức rõ ràng là cũng cảm thấy thế. Từ trong công sự lổm ngổm bò ra lúc đầu một thằng, sau thêm hai thằng nữa.

Các thiện xạ của quân ta chỉ cần chờ cái đó thôi! Một phát súng, rồi một phát nữa. Hai thân hình xám xịt nằm bẹp trên mặt đất ướt sũng. Thằng Đức thứ ba ngã dí xuống đất và cố giấu mình, nó bò lùi về công sự của nó.

— Bây giờ thì các tay thiện xạ của quân ta cũng đủ việc làm nhé! — Gơ-rê-sen-cô đến bên Gu-li-a lúc nào không biết, nói thế. — Còn chị Cô-rô-li-ô-va, đi vào nhà hầm đi. Ban chỉ huy vừa gọi đấy.

Gu-li-a lại chạy xuống dưới theo những bậc thềm. Khi còn ở ngoài cửa, cô đã nghe tiếng chuông điện thoại reo dài.

— Lần thứ ba gọi chị đấy, — người đội viên thông tin nói. Gu-li-a nắm lấy ống nghe.

— Trung sĩ Cô-rô-li-ô-va đấy phải không? — cô nghe giọng nói quen thuộc của Tơ-rô-i-a-nốp, một trong những sĩ quan của tiểu đoàn một. — Xin chúc mừng chị nhân dịp hai ngày hội trùng nhau.

— Cảm ơn, đồng chí thượng úy... Nhưng sao lại hai ngày hội trùng nhau? — Gu-li-a hỏi.

— Còn sao nữa! Nhân ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Mười và nhân dịp chị được tặng thưởng huân chương.

— Huân chương gì ạ?

— Huân chương Cờ đỏ.

Ổng nghe suýt nữa rơi tuột khỏi tay Gu-li-a.

— Nói thật chứ?

Tơ-rô-i-a-nốp bật cười:

— Xin lấy danh dự của thiếu niên mà thề đấy!

— Thế trong các đồng chí chúng ta còn ai được tặng thưởng nữa? Tất cả ư?

— Làm sao mà tất cả được! Người nào xứng đáng thì tặng người đó chứ!

— Thế tôi xứng đáng à?

— Đúng thế.

Trong ống nghe kêu tách một tiếng. Cuộc nói chuyện đã chấm dứt. Gu-li-a đứng cạnh máy điện thoại cảm động bối rối.

Cánh cửa mở toang. Li-u-đa vào nhà hầm.

— Cậu sao thế? — cô lo lắng hỏi Gu-li-a. — Có chuyện gì à?

— Không ... À, nghĩa là có! Mình được thưởng huân chương.

Li-u-đa chạy đến ôm bạn.

— Mình đã biết mà, đã biết mà! — cô nói một cách tin tưởng.

— Thế mà mình chẳng biết trước gì cả! — Gu-li-a trầm ngâm nói. — Thật lạ quá...

— Chẳng có gì lạ cả! — Li-u-đa hăng hái nói. — số thương binh mà cậu đã vác trên vai còn ít sao? Số người mà cậu đã cứu còn ít

sao? Lại thêm bao nhiêu lần cậu đi trình sát nữa? Mà có phải ai phải cậu đi đâu, cậu tự nguyện xin đi, theo thiện chí đấy chứ...

— Không, bây giờ chí của mình không thiện đâu, mà ác lắm,
— Gu-li-a nói. — Mình chỉ chờ cuộc tấn công thôi!

Buổi tối, người ta mời Gu-li-a và Li-u-đa đến chỗ đồng chí Tơ-rô-i-a-nốp, trong hầm chiến đấu. Ngoài các cán bộ chỉ huy, ở đây còn có các chiến sĩ được tặng thưởng huân chương.

Trên chiếc bàn đóng bằng ván, trên những bậc bằng đất bày biện đủ thứ nào là dò, lạp xưởng xông khói, nào là kẹo, bánh ngọt, — tất cả những thứ mà từ hậu phương xa xôi đã gửi đến trong các hòm gỗ hay các bao vải, nhân ngày lễ này. Trong những hộp sắt tây to mật ong đặc quánh óng ánh vàng. Đó là Bát-skia gửi quà cho sư đoàn đã được thành lập trên đất nước mình.

Đoàn tàu chất đầy quà bánh chạy xuyên qua lửa đạn của tiền tuyến và mang đến cho những người lớn niềm vui hầu như của trẻ con. Trong hầm sức nức hương vị gia đình, ấm cúng và ngon lành.

— Đã thấy sặc mùi ngày lễ rồi, — người nào đấy nói.

Tơ-rô-i-a-nốp rót rượu vào cốc và ca. Ca-đưa Kha-bi-bu-lin, được tặng thưởng huân chương cùng một lần với Gu-li-a, trịnh trọng cầm cốc.

— Đồng chí thượng úy, xin phép đồng chí cho tôi nói, — anh nói với Tơ-rô-i-a-nốp.

— Nói đi, Kha-bi-bu-lin, nói đi.

— Tôi chẳng biết nói thế nào... — Ca-đưa trầm ngâm bắt đầu.

— Khi tôi bằng chừng này, — anh lấy tay chỉ cách mặt đất khoảng non một thước, — tôi được nghe bố tôi nói chữ này. Còn bố tôi thì nghe ông tôi nói chữ ấy. Hình như những người kỵ sĩ của chúng ta cùng chỉ huy của mình đã đến tận thành phố Pa-ri (có thành phố tên như thế đấy), khi họ đuổi Na-pô-lê-ông. Tôi đề nghị cạ chén để chúc sư đoàn của chúng ta đi đến tận thành phố Bá-linh.

— Có thành phố tên như thế đấy! Chúng ta sẽ đến tận nơi, Tô-rô-i-a-nốp nói, và mọi người đồng loạt vỗ tay ran.

Được nghe những lời nói của Kha-bi-bu-lin, ai cũng thấy vui. Rượu có ít, vì thế gần như mỗi hớp rượu lại một lần chúc. Người ta uống để chúc mừng những người thân ở lại các thành phố và làng mạc xa xôi, chúc mừng các đồng chí ở những mặt trận khác, chúc mừng thành phố mà họ đã lớn lên ở đấy hoặc đã đi qua trong chiến đấu.

— Các đồng chí! — trung đoàn trưởng pháo binh A-léc-xây Tốp-lin nói khẽ.

Trong hầm lúc đó đang ồn ào, nhưng mọi người nghe đồng chí và quay lại.

— Các đồng chí! — A-léc-xây Tốp-lin nhắc lại. — Nào chúng ta hãy uống để chúc mừng thắng lợi không còn xa nữa, chúc sao cuộc chiến tranh này sẽ là cuộc chiến tranh cuối cùng trên trái đất!

Những chiếc ca bằng tôn và nhôm đồng loạt đưa lên, đụng vào nhau.

— Nào cạ chén đi! — một người nào đó đề nghị. — Chẳng còn ai nói hay hơn đồng chí Tốp-lin nữa đâu!

Các đồng chí đợi cho một tí, — Gu-li-a nói. — Các đồng chí hãy để dành lại dù chỉ là một hộp nhỏ. Đúng là không ai nghĩ được gì hay hơn lời chúc rượu vừa rồi. Vì thế tôi sẽ không nói gì nữa. Nào các đồng chí, chúng ta sẽ uống im lặng, không một lời, uống để tưởng nhớ đến các đồng chí của chúng ta ngày hôm qua hãy còn với chúng ta, nhưng hôm nay không còn nữa.

— Tưởng nhớ A-xi-a! — Li-u-đa thì thầm.

— Tưởng nhớ cả A-xi-a nữa!

Trong hầm trở nên im lặng. Nhưng không lâu. Một loạt đại bác dữ dội cùng một lúc nổ rung chuyển cả không khí. Tất cả những súng đại liên, trung liên, tất cả những súng tiểu liên và súng trường cùng thi nhau bắn vào các công sự quân Đức.

Đó là loạt súng chào mừng thắng lợi tương lai! — Tơ-rô-i-a-nốp nói.

Không, loạt súng ấy sẽ to hơn nhiều! — Gu-li-a đáp lại.

MỆNH LỆNH CHIẾN ĐẤU

Các đơn vị của sư đoàn thứ 214 đóng đối diện chỗ sông Đông uốn khúc, phía tây bắc Sta-lin-gơ-rát, đang cùng toàn thể Quân đoàn sông Đông chờ lệnh tấn công. Cần phải phá vỡ các trận địa địch mà chúng đã mất ba tháng để củng cố. Bọn Đức xây dựng ở đây một tuyến phòng ngự cực kỳ vững mạnh. Thỉnh thoảng, ngay trước mắt quân ta, bọn Hít-le dồn người ra khỏi tất cả các ấp: ông già, bà cả, đàn bà, và bắt họ đào chiến hào cho chúng. Quân ta không thể bắn được — vì ở phía trước toàn là người của mình, những người xô-viết!

Rất nhiều chiến hào và công sự của địch được đào sâu và rộng đến mức chúng đặt cả những cỗ đại bác và súng cối trong đó. Hơn nữa, các chiến hào và công sự đã được xây dựng như thế nào để có thể từ đó bắn chéo cánh sẽ được. Còn trước các chiến hào và công sự thì có vật chướng ngại đủ loại: bãi mìn và những hàng rào dây thép gai dài vô tận treo lủng lẳng những ống bơ sắt tây. Chỉ cần đụng khê vào dây thép gai, thì tất cả các ống bơ đều rung ồn lên một loạt. Trong trường hợp tuyến phòng ngự với tất cả những vật chướng ngại nói trên bị chọc thủng, thì sau đó đã có các ụ chiến đấu chông chất đầy những chiếc xe tăng bị hỏng và những ụ súng tháo ở xe tăng ra. Bọn xạ thủ súng máy và bọn thiện xạ địch từ những chiếc xe tăng và ụ súng ấy bắn ra.

Cũng còn có nhiều món «bất ngờ» khác không lường trước được mà quân thù đã chuẩn bị rải rác ở khắp nơi, bất kỳ chỗ

nào: nằm lung tung nào là xe đạp, va-li, máy hát, dường như có người nào đẩy đánh rơi. Những vật dùng trông có vẻ bình thường và hiền lành thế kia như kêu gọi cho người ta nhặt lấy chúng. Nhưng mỗi thứ đều giấu kín trong mình cái chết, mỗi cái đều có gài mìn sẵn.

Tất cả mọi làng xóm, mọi cao điểm đều được nối với nhau bởi những giao thông hào chẳng chịt và hợp thành một tuyến phòng ngự thống nhất, tưởng chừng như bất khả xâm phạm. Yết hầu của tuyến phòng ngự ấy là cao điểm 56,8.

Dù sao chẳng nữa, các đơn vị quân ta phải chọc thủng bằng được tuyến phòng ngự đó.

Trong một đêm tháng mười một lạnh lẽo — đêm 21 rạng ngày 22 — các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của tiểu đoàn một họp dưới hầm. Suốt đêm ấy, chẳng ai nằm được trong một phút. Tiểu đoàn trưởng Pơ-lốt-nhi-cốp vừa hút tẩu thuốc bốc khói vừa kể cho đồng đội nghe về những việc đang xảy ra ở Sta-lin-gơ-rát.

—Ồ, ở đây thật là nước sôi lửa bỏng! — anh nói, giọng khe khẽ nhưng rành rọt của một người đã từng quen chỉ huy tác chiến. — Ở đây, đất cũng không chịu nổi nữa, dựng ngược hẳn lên. Sông Vôn-ga bốc cháy hừng hực — những bể chứa dầu nổ tung. Tất cả đều sập đổ — gạch đá, bê-tông, sắt thép. Còn con người, những con người bình thường — như tôi với các đồng chí ở đây này, những con người bằng xương bằng thịt — thì vẫn đứng vững! Không ai có thể hiểu được, nhưng họ vẫn đứng vững.

Pơ-lốt-nhi-cốp lấy tẩu thuốc gõ gõ vào năm tay, im lặng một lát, rồi nói tiếp:

— Đây, như nhà máy «Tháng Mười đỏ» ở ngay trên bờ sông Vôn-ga. Bây giờ ở đó chỉ còn đồng gạch vụn, điêu tàn, đổ nát. Nhưng mọi người — các chiến sĩ và công nhân nhà máy — chiến đấu giành từng viên gạch. Người ta cố giữ dải đất khoảng mười thước. Xung quanh cháy trụi hết, mặt đất rung chuyển dữ dội, nhưng mọi người thì vẫn đứng vững. Đứng đến kỳ chết. Và tin tưởng rằng nhất định đứng được đến cùng... Đây, các đồng chí ạ, — anh im lặng một tí và nói, — chúng ta không thể nào làm cho những người đó thất vọng. Chúng ta không có quyền làm như thế.

Trong hầm thoáng một làn không khí mát rượi. Cửa hé mở, và trên ngưỡng cửa, Gu-li-a hiện ra. Cô vừa mới đưa thương binh bằng xe và trở về đơn vị, mang theo mình những thư.

Cúi đầu, cô đi vào nhà hầm, khoác chiếc áo ngực trang trên áo lông cộc. Cất những bao tay bằng lông thú ra, cô liền mở túi dết cứu thương.

— Thế nào, chị định đãi anh em món gì đấy? — một người hỏi.

— Đãi món này thì chắc không ai từ chối cả! — Gu-li-a nói và lôi trong túi dết ra một tập thư trao lại cho cán bộ chỉ huy.

— Đêm hôm thế mà chị kiếm đâu ra được những thứ này?

— Bí mật quân sự! — Gu-li-a cười nói. — Chỉ có một điều có thể nói với các đồng chí được là: không phải tôi viết những thư ấy.

«Hay quá, mình đã đưa được những bức thư này cho họ ngay trước cuộc tấn công!» — cô nghĩ thầm và nhìn những bộ mặt sung sướng tươi hân lên.

Tất cả mọi người đều dịch lại gần ánh đèn và do đó hầu như che lấp ánh sáng. Mỗi người đọc theo cách của mình: người thì cau mày, người thì hầu như mỉm cười và lắc lư cái đầu, người thì hồi hộp giở vội các trang, liếc qua đoạn cuối, rồi trở lại đọc từ đầu.

Gu-li-a yêu mến những con người đó xiết bao! Cô đã từng đồng cam cộng khổ với họ nhiều xiết bao, đã bao nhiêu lần cùng với họ vào sinh ra tử! Bây giờ đây, trong lúc họ đọc thư, cô cảm thấy hình như họ không phải là những người lớn, mà chỉ là những cậu bé con đưa mắt hau háu thèm thuồng nhìn những món quà bấy lâu khao khát. Mà thực ra thì hầu hết họ lớn tuổi hơn cô nhiều. Đây như I-van Ăng-tô-nô-vích Pơ-lốt-nhi-cốp. Dũng cảm tuyệt vời trong chiến đấu, nhưng lại rất giản dị và thân mật với các đồng chí! Có cái gì đấy ở anh ta gợi cho cô nhớ lại bố mình, mặc dù không chút nào giống bố cô cả. Ôi, bố thân yêu! Bây giờ bố đang làm gì ở Mát-scơ-va? Theo thói quen, bố thường nằm ngủ khuya, và chắc là, bây giờ, bố hãy còn thức. Giá được ghé thăm bố ở phố Xíp-xép Vơ-ra-giéch, chạy lên cầu thang và bất thành linh bấm chuông cạnh cửa nhĩ!

Và Gu-li-a hình dung một cách đặc biệt rõ ràng khuôn mặt của bố ngạc nhiên và cảm động vì sự xuất hiện bất ngờ của con. Khuôn mặt thon thon, còn trẻ, dù hơi mệt mỏi một chút. Bố cất chiếc kính gọng to và nheo mắt nhìn cô chăm chú...

Còn bây giờ mẹ đang làm gì? Ôi, mẹ thân yêu, mẹ quý mến của con! Chắc mẹ đang ngồi cạnh bàn, bên chiếc đèn con tỏa ánh sáng, trong một căn phòng ở U-pha xa xôi, và đang viết thư với nét chữ mảnh dẻ, li ti, thỉnh thoảng lại ngoái nhìn vào góc tối, ở đấy Nhím Con đang ngủ trên chiếc giường con.

Và Gu-li-a như thấy lại mái tóc chớm bạc của mẹ, đôi mắt xám xám hiền lành của mẹ, như được nghe giọng nói ấm áp và lúc nào cũng cảm động của mẹ.

Cánh cửa lại mở. Người sĩ quan liên lạc của ban chỉ huy trung đoàn đi vào. Tất cả mọi người quay về phía anh ta, vội vàng gấp thư lại và cất đi.

Tiểu đoàn trưởng Pơ-lốt-nhi-cốp cẩn thận bóc cái gói mới nhận được và rất chăm chú đọc mảnh giấy.

— Các đồng chí, — anh trịnh trọng nói, — nhận được lệnh: ngày mai, lúc tám giờ ba mươi...

— Tấn công! — một vài giọng nói như đáp lại.

Pơ-lốt-nhi-cốp gật đầu.

— Vâng, tấn công, cuộc tấn công mà chúng ta đã chuẩn bị cẩn thận như thế nào.

«Đã bắt đầu rồi!» — Gu-li-a nghĩ bụng và buột miệng cô nói, chính ngay cô cũng không ngờ được những lời của mình:

— Xin lỗi đồng chí đại úy! Tôi tha thiết xin đồng chí xét yêu cầu của tôi, cho phép tôi tham gia chiến đấu... Dù làm chiến sĩ thường cũng được, nếu không thể giao cho tôi một đơn vị nào được.

Pơ-lốt-nhi-cốp chăm chăm nhìn cô.

— Đến đó sẽ hay, — anh nói và bắt đầu giải thích cho những cán bộ chỉ huy các đơn vị nội dung bản mệnh lệnh.

— Chúng ta cần chiếm, — tiểu đoàn trưởng nói khe khẽ và chắc nịch, — một trong những điểm tựa chủ yếu của quân địch: cao điểm 56,8. Dựa vào cao điểm đó, chúng ta sẽ phải bảo đảm

cho các tiểu đoàn tiến lên xa hơn và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của trung đoàn...

Tiểu đoàn trưởng nói như thế. Tất cả đều hiểu mệnh lệnh ấy chỉ là một phần nhỏ của nhiệm vụ to lớn được trao cho các đơn vị quân ta đang tập trung giữa sông Đông và sông Vôn-ga. Còn nhiệm vụ to lớn ấy là làm sao bao vây ba mươi vạn quân địch, kẹp chặt chúng trong những gọng kìm thép và, sau đó, hoàn toàn tiêu diệt chúng. Cuộc tấn công này sẽ quyết định toàn bộ tình hình — không những chỉ số phận của Sta-lin-gơ-rát, số phận của sông Vôn-ga mà kẻ thù đang xông tới, mà cả số phận của toàn thể Tổ quốc ta.

Và thế là cuộc tấn công vĩ đại, cuộc tấn công quyết định ấy bắt đầu rồi. Những người anh hùng của Sta-lin-gơ-rát bị vây hãm, bị tàn phá trụi đã nghe tiếng rền vang của những loạt đại bác quân ta bắn từ ga Cơ-lét-scai-a. Và bây giờ họ cũng sắp được nghe tiếng rền vang của những loạt đại bác quân ta bắn từ phía Pan-si-nô, từ đây sư đoàn thứ 214 chuẩn bị cuộc tấn công đánh chiếm cao điểm 56,8.

Pơ-lốt-nhi-cốp mở rộng tấm bản đồ và bắt đầu giải thích cặn kẽ cho các sĩ quan về nhiệm vụ của mỗi người trong bọn họ.

— Thế nào, rõ cả chứ? — anh hỏi.

— Rõ! — các giọng nói vang lên.

— Thế thì, các đồng chí, ai về chỗ nấy. Hãy truyền đạt mệnh lệnh đến tận mỗi một chiến sĩ.

Các cán bộ chỉ huy đứng dậy và lần lượt đi ra.

Sắp rạng đông. Trong hầm trở nên rộng thênh thang.

Gu-li-a mặc chiếc áo lông cộc, thở lại khẩu tiểu liên và đi ra cùng với Tơ-rô-i-a-nốp.

Nhưng có người nào đấy gọi cô. Cô ngoái cổ lại.

Thì ra Su-ra Phi-la-tốp, một thiếu niên mười sáu tuổi. Gu-li-a cảm thấy hình như nó hoàn toàn chỉ là chú bé con. Nó có hai má mồm mồm, một dóm tóc trên trán, và nó lườm cô có vẻ hơi rụt rè và bực mình, mặc dù chẳng đáng bực mình với ai cả: nó tình nguyện ra tiền tuyến, và trong trung đoàn mọi người đều yêu nó. Phải chăng nó chỉ có một điều bực mình là người ta quá giữ gìn cho nó, mà nó thì khao khát được xông vào chiến đấu.

— Em cũng muốn tham gia tấn công, — nó cau có nói.

— Dễ thường em muốn mà được sao, — Gu-li-a ngắt lời. — Hãy khoan đã, quân ta tấn công không phải củi trong một ngày đâu. Đó chỉ mới là bắt đầu thôi. Tất cả mọi người đều sẽ có đủ việc làm, em ạ.

Và cô chạy vội về phía trước để đuổi kịp Tơ-rô-i-a-nốp. Trên đường đi, cô nhớ lại rằng cách đây không lâu, Su-ra suýt nữa bị chết. Nó kéo cái dây gài dây trên mái nhà câu lạc bộ sư đoàn. Ngay lúc đó, bom phát-xít như cắt biến một nửa ngôi nhà. Su-ra lăn từ trên mái nhà xuống bất tỉnh nhân sự.

«Thế mà còn xin tham gia tấn công, thật là một đứa bé không lúc nào chịu yên!» — Gu-li-a nghĩ bụng, và lúc đó, cô quên hẳn rằng chính cô cũng không lúc nào chịu yên, như Su-ra.

CAO ĐIỂM THỨ TƯ

Bảy giờ sáng. Xung quanh đồi gò và thung lũng trải dài ra bên trên phủ một lớp khói mù. Ở đây, nơi tiền duyên, hầu như mỗi gò nhỏ, mỗi đồi con đều mang một tên quân sự. Ở đằng trước hiện ra những sườn dốc của một quả đồi gọi là cao điểm 56,8. Phía bên trái, gần chỗ quân ta hơn, là cao điểm «Pháo binh» nhô lên một cách đột ngột và xung quanh quần đầy những dây thép gai. Cả hai cao điểm đó đều do bọn Đức chiếm giữ.

Nửa giờ trôi qua, và lúc đó là bảy giờ rưỡi, còn đúng một giờ nữa thì bắt đầu tấn công theo như kế hoạch đã định, bỗng ở đâu đấy, bên cạnh, bắt đầu nổ âm âm đến nỗi mặt đất rung động... Đã bắt đầu cái mà người ta gọi là pháo binh bắn dọn đường. Thật không thể nào phân biệt được từng loạt đạn riêng biệt trong tiếng âm âm liên hồi inh tai váng óc, không thể nào chịu nổi. Mặt đất rung chuyển vì những tiếng nổ không ngớt đó.

Dưới màn khói dày đặc che chở, bộ binh ta đã tiến sát gần tuyến quân địch. Nhưng lúc đó còn chưa phải là tấn công. Tấn công sẽ bắt đầu khi nào có hiệu lệnh của các khẩu «ca-ti-u-sa»...

«Không biết, ở Sta-lin-gơ-rát, quân ta có nghe thấy chúng ta ở đây không nhỉ? — một ý nghĩ thoáng qua trong óc Gu-li-a. — Không thể không nghe. Và chắc chắn là mọi người vui mừng lắm!»

Gu-li-a cũng tiến lên phía trước cùng với các chiến sĩ tiểu đoàn một...

Và mặc dù mọi người từ lâu sốt ruột sốt gan đợi hiệu lệnh tấn công, nhưng hiệu lệnh đã đến với mọi người thật là bất ngờ. Có những cái gì đấy phóng về phía quân thù kèm theo tiếng rít xé không khí, ngân lên như tiếng hát.

«Các khẩu «ca-ti-u-sa» đã hát rồi! — Gu-li-a nhận ra ngay, và tim cô đập vui mừng. — Nó đấy, đợi đã bao lâu rồi!»

Và ngay lập tức, như đáp lại tiếng hát khùng khiếp của các khẩu «ca-ti-u-sa», tiếng hô «xung pho-ong...» vang rền như sấm. Dưới màn khói dày đặc che chở, hai trung đoàn bộ binh thứ 780 và thứ 776 của quân ta lao vào tấn công.

Những thảo nguyên quanh sông Đông dường như đồng loạt nhộn nhịp hẳn lên. «O... ong o...ong» — chúng cũng vang lên như đáp lại hàng nghìn tiếng hô «xung phong». Những tràng tiểu liên, trung liên nổ giòn giã, vội vàng, lúc dài, lúc ngắn.

Suốt đêm qua — đêm trước cuộc tấn công — công binh đã chuẩn bị những con đường xuyên qua hàng rào dây thép gai và bãi mìn. Và giờ đây, các chiến sĩ của ta, sau khi đã ào ạt xông lên như vũ bão vượt qua một khoảng cách không lớn lắm giữa quân ta và quân địch, đang mãnh liệt lao vào các chiến hào địch. Ở phía trước, trên mảnh đất vừa mới chiếm lại được, đã hiện ra một ngọn cờ đỏ thắm nho nhỏ, — đó là dấu hiệu đầu tiên của chiến thắng. Sau đó là ngọn cờ thứ hai, sau ngọn thứ hai là ngọn thứ ba...

Nhưng sự kháng cự của quân thù cũng tăng lên từng phút. Các hỏa điểm địch đã im lặng khi quân ta nã hàng loạt đại bác, bây giờ đồng loạt bắn dữ dội vào quân ta đang tiến lên.

Sư đoàn trưởng thiếu tướng Bi-ri-u-cốp, cùng với ông là chính ủy Xô-bôn và một vài sĩ quan của ban chỉ huy đứng nhìn từ đài quan sát — qua những lỗ hồng ở hầm — lúc thì dùng ống nhòm dã chiến, lúc thì dùng kính viễn vọng lập thể. Họ thấy và hiểu rõ toàn bộ sự gay go của tình huống: các trung đoàn bạn có nhiệm vụ đồng thời tấn công từ các sườn và yểm hộ cho các trung đoàn chủ công của chúng ta, chẳng hiểu vì sao lại bị chậm, không tiến lên kịp. Thời tiết mây mù cũng cản trở không cho không quân ta hoạt động được. Các xe tăng vẫn chưa xông vào tấn công...

Trong khi đó, các đơn vị quân ta đã thọc sâu vào tuyến phòng ngự địch, thì bị nằm ngay dưới hỏa lực dữ dội và tai hại của chúng từ mặt chính và đặc biệt từ hai bên sườn.

Cuộc chiến đấu ác liệt không dứt một phút nào, để giành từng công sự, giành từng thước chiến hào và giao thông hào.

Vừa ném lựu đạn và chai có chất cháy, các chiến sĩ của ta ào ạt xông vào các chiến hào, các công sự, đánh giáp lá cà với địch và đồn chúng. Nhưng ngay mảnh đất mới chiếm lại được lập tức đã trở thành vũ đài chiến đấu. Các đường thoát ra các chiến hào lập tức bị quân thù dùng những bao cát, những cuộn dây thép gai chặn lại, và chiến hào nằm ngay dưới hỏa lực bắn không ngừng của địch.

Tơ-rô-i-a-nốp, Gu-li-a và vài chiến sĩ của tiểu đoàn một đang theo giao thông hào len lỏi tiến lên phía trước — khi thì bò, khi thì chạy. Gu-li-a nhìn về phía xa, chỗ cao điểm bốc khói đen ngòm. Khói dần dần tan ra, và khi những luồng khói cuối cùng tan hết và tỏa vào trong không khí ban mai trắng trắng, thì Gu-

li-a thấy ngọn cờ đỏ thắm đã nổi lên ở sườn trái, bên dốc phía đông - nam cao điểm.

— Đồng chí thượng úy! — Gu-li-a vui mừng reo lên. — Cao điểm của chúng ta rồi!

Tơ-rô-i-a-nốp mắt không rời khỏi ống nhòm, nhìn ra xa hồi lâu.

— Của chúng ta rồi! — đồng chí nói với một giọng hơi khản vì cảm động. — Đó là đại đội một đã chiếm được... Cừ thật!

Ngay lúc đó, cạnh Tơ-rô-i-a-nốp, một chiến sĩ liên lạc hiện ra. Anh đến đây theo giao thông hào để giao mệnh lệnh của tiểu đoàn trưởng Pơ-lốt-nhi-cốp về việc chuyển quân lên cao điểm, trên sườn phía đông - nam mà đại đội một vừa mới chiếm được, — phải tiến lên và cật lực cố thủ sườn đó cho tới khi viện binh đến.

— Tôi sẽ đi với các đồng chí, — Gu-li-a khẩn khoản nói, — Ở đây chắc có nhiều thương binh.

— Không, — Tơ-rô-i-a-nốp đáp, — chị ở lại đây. Người ta sẽ chuyển thương binh đến đây.

— Đồng chí thượng úy!...

Tơ-rô-i-a-nốp chăm chăm nhìn Gu-li-a và suy nghĩ. Trong cái nhìn trong sáng, thẳng thắn của Gu-li-a, lúc đó toát lên bao nhiêu là cương quyết, nồng nhiệt và hầu như cảm hứng nữa, đến nỗi anh bất giác gật đầu nói:

— Được. Chúng ta đi.

Sau vài phút, một toán nhỏ đã tiến lên theo giao thông hào về phía cao điểm. Ở đây có cả Mi-ti-a Gơ-rê-sen-cô, lần này mang trung liên, cả Ca-đưa Kha-bi-bu-lin mang tiểu liên.

Từ đây đến cao điểm gần, hình như có thể với tay tới được. Nhưng mỗi bước của con đường ngắn ngủi ấy bằng cả một cây số. Gu-li-a đi theo sát Tơ-rô-i-a-nốp.

Nhưng bỗng ở đâu đấy rất gần, một chiến sĩ kêu lên một tiếng và ngã dúi xuống đất. Gu-li-a quay lại nhìn. Bị thương ư? Quả đúng thế. Và nắm cái túi dết cứu thương cho gọn hơn, cô chạy ra khỏi chiến hào, bò đến người thương binh. Chưa bao giờ cô phải làm việc trong hoàn cảnh khó khăn đến như thế: không được ngóc đầu dậy hoặc quỳ xuống đất.

Nằm, chống cùi tay, Gu-li-a khó nhọc lắm mới băng được vết thương và nhìn quanh: làm thế nào bây giờ? Tơ-rô-i-a-nốp đã cùng toán người của mình tiến xa về phía trước. Thế là cô và người thương binh, cả hai ở lại giữa bãi rộng bị đạn đại bác đào lên lờm chờm. Lẽ nào bỏ người thương binh một mình ở đây được!... Nhìn thấy không xa có một công sự do quân địch bỏ lại, Gu-li-a liền kéo người thương binh đến đấy. Bò đến nơi và đuổi kịp quân ta bằng được! Bò đến nơi và đuổi kịp! Nhưng trên đường đến công sự, cô lại thấy thêm một người thương binh nữa, nằm cong người trên mặt đất. Đặt người thương binh đầu tiên vào công sự, Gu-li-a bò đến người thứ hai. Và cũng lại công việc khó khăn, bất tiện ấy, và cũng lại con đường dài đến chiếc công sự bị bỏ kia, dưới làn đạn đại bác và đạn súng cối nổ ầm ầm.

Cô đã đến được cao điểm có chiến hào chằng chịt xung quanh, khi các chiến sĩ bảo vệ cao điểm đang củng cố và giữ vị trí của mình.

— Có thể chứ! —Tơ-rô-i-a-nốp kêu lên, khi thấy Gu-li-a từ đằng xa, và qua giọng nói của anh, cô hiểu rằng anh ta vui mừng biết bao khi biết cô còn sống, và tự trách mình vì đã cho cô đi theo.

Họ không kịp trao đổi với nhau dù chỉ vài lời. Trên thung lũng hẹp đi từ cao điểm Sừng vàng đến cao điểm 56,8, bỗng nhiên lù lù hiện ra đoàn xe tăng địch với tiếng máy ầm ầm và tiếng xích sắt loảng xoảng. Theo sau chúng là bọn xạ thủ súng máy Đức. Trên mặt đất do đạn đại bác cày lên hiện rõ nét những hình dáng đen ngòm của chúng. So với nhóm người của quân ta, thì chúng đông gấp bội — vài trăm thằng!

«Phản kích đấy!»! — Gu-li-a hiểu ngay.

— Nhắm vào đầu giặc, bắn! — Tơ-rô-i-a-nốp vẫy tay kêu lên.

Và ngay lập tức vang rền những loạt đại bác, những tràng đại liên và những băng tiểu liên. Bọn Đức bật lại. Tất cả yên lặng.

Nhưng rồi cuộc chiến đấu mới vì cao điểm lại bắt đầu.

Gu-li-a khi thì băng bó cho thương binh, khi thì kê vai sát cánh cùng các chiến sĩ, dùng tiểu liên bắn vào quân thù. Còn bọn Đức càng tăng cường hỏa lực và cứ mỗi phút lại càng tiến gần hơn đến trận địa mà quân ta vừa chiếm được.

Nhưng thế nghĩa là gì? Gu-li-a rời khỏi khẩu tiểu liên trong giây lát và thấy toán chiến sĩ của ta đang rút lui theo sườn cao điểm.

«Lẽ nào lại không chịu đựng được sao? Rút lui sao?» — Gu-li-a nghĩ bụng.

Cô chưa kịp hiểu rõ cái gì đã xảy ra, và cô cảm thấy, đúng hơn là nhận thấy, một điều quan trọng nhất: bọn Đức đã ở bên cạnh

và chốc nữa chúng sẽ chiếm mảnh đất mà quân ta đã giành được bằng bao nhiêu khó khăn, gian khổ. Cô chạy theo giao thông hào ra khỏi chiến hào và lao chạy tắt đến đón đường các chiến sĩ ta, rồi thét lên một cách tin tưởng, nồng nhiệt và phần nào hơi có vẻ mệnh lệnh nữa, hình như cô đã quen chỉ huy từ lâu:

— Các đồng chí, theo tôi!

Mọi người dừng lại.

Theo tôi, các đồng chí! — Gu-li-a thét lên một lần nữa và vùn vụt chạy lên phía trước, không biết rằng những người mà cô kêu gọi có chạy theo cô không. Bỗng cô nghe tiếng chân rầm rập, nặng nề chạy sau lưng. Một chiến sĩ to lớn cầm ngang khẩu súng trường chạy vượt cô, theo sau anh là người thứ hai, người thứ ba... Cùng với họ, cô xông vào công sự mà bọn Đức đã kịp chiếm được.

Trong khi đó, Tơ-rô-i-a-nốp và các chiến sĩ đang đánh bật cuộc tấn công của địch. Dự trữ đạn đã gần hết.

— Không sao, không sao, — Tơ-rô-i-a-nốp nói động viên, — sẽ có tiếp viện thêm, người ta chẳng để chúng mình thế này đâu!

Các đồng chí tin tưởng ở anh, nhưng chính bản thân anh thì lo lắng nhìn quanh. Dở quá. Thế này thì khó lòng mà giữ lâu được. Chỉ còn có cách chết vinh quang mà thôi.

Và bỗng, ở cuối chiến hào, từ đâu đấy trong bóng tối, Gu-li-a hiện ra, và cùng với cô là tiểu đoàn trưởng đại úy Pơ-lốt-nhi-cốp.

Theo sau họ, các chiến sĩ khiêng những hòm đạn.

Tơ-rô-i-a-nốp! — Gu-li-a vui vẻ reo lên. — Viện binh đã đến! Chúng tôi mang đạn đến đây! Tô-rê-a-đo!

Và bỗng nhớ lời ca mà Mút-xi-nác và Pôn Vai-ang Cu-tuya-ri-ê đã hát vang trên đèo của dãy núi Pi-rê-nê, cô cất cao giọng:

— «Tô-rê-a-đo, hãy xung trận dũng cảm!»

Tất cả mọi người chạy đến lấy đạn. Bây giờ chẳng ai kịp hỏi là người ta đã kiếm được những hòm đạn quý báu kia bằng giá nào.

Các khẩu đại liên, trung liên, tiểu liên lại giòn giã nhả đạn vào bọn Đức, và chúng bị đẩy lùi.

Bắt đầu tạm yên.

— Tơ-rô-i-a-nốp, cừ thật! — Gu-li-a nói. — Chỉ với một nhóm dũng sĩ này, mà đã không cho quân thù chiếm lại cao điểm!

— Hừ, còn hai đồng chí cũng đã cứu chúng tôi nhiều lắm! — Tơ-rô-i-a-nốp nói. — Các đồng chí xoay ở đâu ra lắm đạn thế?

— Cái đó thì để chị ấy kể, — Pơ-lốt-nhi-cốp đáp và hát đầu chỉ Gu-li-a.

Gu-li-a bắt đầu vội vã kể lại cuộc đột kích, nhưng bỗng cô đau đớn nhãn mặt, cắn môi và im lặng.

— Gu-li-a, sao thế? — Pơ-lốt-nhi-cốp lo lắng hỏi.

Và Tơ-rô-i-a-nốp cũng bần khoản...

— Nếu tôi nói, các đồng chí có đuổi tôi không?

— Làm sao để thoát khỏi chị được? — Pơ-lốt-nhi-cốp đáp với một nụ cười chua xót.

— Chân tôi bị sưng rồi.

— Nặng không?

— Cũng khá.

Và ngay ở đây, trong chiến hào, nhờ Pơ-lốt-nhi-cốp và Tơ-rô-i-a-nốp giúp đỡ, Gu-li-a tự băng chân cho mình.

Pơ-lốt-nhi-cốp lắc đầu phiền muộn.

Bây giờ chẳng đưa chị đi đâu được — chúng sẽ giết chị dọc đường mất...

— Và tôi cũng chẳng đi đâu hết, — Gu-li-a nói. — Chẳng sao đâu. Vết thương xoàng thôi.

Và vừa tiếp tục tự băng cho mình, cô vừa thốt lên, không ra khe khẽ hát, cũng không ra lắm bầm:

Giữa hai đứa: cánh đồng, nội cỏ,

Bây giờ đây ta ở xa nhau,

Đến em nào có dễ đâu,

Đến bên thân chết chỉ hầu tấc gang...

Pơ-lốt-nhi-cốp trầm ngâm, khẽ nhắc lại:

— Đến bên thân chết chỉ hầu tấc gang...

Sau đó thở dài, cau mặt, anh nói:

— Hừ, đó là đối với ai kia, chứ đối với chị, thì chị còn sống lâu. Cả tôi và Tơ-rô-i-a-nốp nữa cũng chẳng có thì giờ để chết đâu.

Nhưng trong lúc đó, một cái gì rơi xuống và nổ vang rất mạnh ngay gần đây. Bọn Đức bắt đầu một cuộc tấn công mới lên cao điểm 56,8.

Xung quanh nổ âm ầm, khi rền vang, khi ngắt quãng từng đợt rất nhanh, và trong sự hỗn độn của tiếng ồn ào và lửa đạn ấy

thật khó mà hiểu được cái gì đang xảy ra.

Và bỗng nhiên, Su-ra Phi-la-tốp, —không biết làm cách nào và từ đâu đến—hiện ra trong chiến hào. Cúi gập người, nó vác trên lưng, một cái phích to và nặng — khoảng hai mươi lít, như vác cái bao tải.

— Món ăn đã sẵn sàng, — nó nói và đặt cái vật nặng từ lưng xuống.— Các đồng chí rút mau ra, vì tôi còn phải đưa thức ăn đến cho sư đoàn bộ nữa.

— Su-ra, em thật là cừ! — Gu-li-a nói và vội vàng lấy thìa thiếc múc canh rau nóng trong cái đĩa cũng bằng thiếc. — Không có em thì cánh mình đi đứt!

Pơ-lốt-nhi-cốp cũng múc nhanh hết thìa này đến thìa khác và nói thêm:

— Thế là cậu cũng tham gia tấn công rồi đấy, Phi-la-tốp ạ. Cậu đã đưa viện binh đến cho chúng mình.

Trời đã nhá nhem tối, mà cuộc chiến đấu vì cao điểm vẫn tiếp tục, Liên lạc giữa tiểu đoàn của Pơ-lốt-nhi-cốp và trung đoàn trưởng Khô-khơ-lốp đã bị đứt từ lâu, Pơ-lốt-nhi-cốp phải đến chỗ trung đoàn trưởng một người tháo vát và lanh lợi nhất trong số các chiến sĩ — đó là Kha-bi-bu-lin. Nhưng chắc là Ca-đra không làm thế nào đến chỗ trung đoàn trưởng được. Viện binh mà mọi người từ lâu mong đợi vẫn chưa có, Nhưng dù thế nào cũng phải cố thủ, phải giữ vững bằng được...

Suốt đêm, trận đánh không ngớt. Trời đã sang.

...Gu-li-a bây giờ đứng không xa Gơ-rê-sen-cô, xạ thủ súng máy, Súng máy của anh giòn giã nổ không ngừng.

— Mi-ti-a, cù lắm! — Gu-li-a động viên anh ta. — Nện chúng nữa đi, đồ quỷ sứ! Mi-ti-a, xem kìa, xe tăng của chúng ta đang tiến! Xe tăng!

Gơ-rê-sen-cô không rời khỏi khẩu súng máy, kêu lên cái gì đấy để đáp lại, nhưng lời của anh không thể nào hiểu được.

Và bỗng nhiên, khẩu liên thanh của anh im bật.

— Mi-ti-a, sao thế?

Cô đặt khẩu tiểu liên xuống và chạy đến chỗ Gơ-rê-sen-cô. Anh nằm gối đầu lên khẩu liên thanh của mình. Từ dưới mũi, máu tuôn ra trên trán. Gu-li-a nắm túi dết cứu thương, nhưng mà việc đó đã không cần nữa rồi. Cô nâng niu đặt cái đầu nặng trĩu của anh trên mặt đất, hôn vào trán Mi-ti-a và nằm vào chỗ anh bên khẩu liên thanh.

Bỗng Gu-li-a thấy, cách cô chỉ mấy bước, Pơ-lốt-nhi-cốp vung tay lớn và ngã sấp xuống. Nén cơn đau buốt ở chân, Gu-li-a chạy đến và cúi xuống Pơ-lốt-nhi-cốp.

— Đồng chí đại úy! I-van thân mến! — cô kêu lên, quên rằng lúc đó đang nói với tiểu đoàn trưởng. — Anh thân mến! Bây giờ tôi sẽ băng ngay! Sẽ dễ chịu. Chịu khó một tí nhé.

Pơ-lốt-nhi-cốp thở dốc nặng nề.

Gu-li-a lấy băng ở túi dết ra và nhanh chóng băng bó.

Còn bọn Đức thì lại tiến lên. Mỗi lúc chúng một đến gần hơn...

Đặt người thương binh tại chỗ, Gu-li-a lại lao tới khẩu liên thanh. Bằng một tràng súng chính xác, cô chặn đứng lại những tên đang lén đến gần phía cô. Bọn Đức nằm xuống. Nhưng đã

liên thanh đã hết đạn. Cô lục lại quanh mình và hiểu rằng không còn gì để bắn nữa. Tất cả hy vọng chỉ còn trông vào lục đạn.

Gu-li-a giật lục đạn ở thắt lưng, nắm chắc trong tay và chuẩn bị... Nào, chúng bay đến đây, đến đây! Và trong lúc đó, cô cảm thấy cánh tay trái của cô trở nên tê dại, nặng nề, như không phải là tay của mình nữa, và tay áo thì thăm đầy cái gì nóng nóng, nhờn nhờn. Đầu cô choáng váng...

«Chỉ có dừng ngã!»

Gu-li-a nghiêng rỗng, nắm quả lục đạn chặt hơn, và để cho bọn Đức đến gần hơn, cô ném lục đạn. Tốt lắm!.. Trúng rồi!..

Gu-li-a lôi quả thứ hai ra, quả cuối cùng. Quả này không thể ném được — cần phải để dành nó cho mình, để không cho địch bắt sống...

Bóng tối chiều tà tháng mười một từ bốn phía bao vây cao điểm. Và gần như hòa vào bóng tối đó, trên nền xám xịt, những hình thù bọn Đức đen sẫm tiến lên mỗi lúc một gần hơn...

Và bỗng nhiên, ở đâu đấy rất gần, ngay bên cạnh, trong bóng tối, vang lên những giọng nói. Hình như là tiếng Nga! Quân ta... Chiếc pháo sáng do bọn địch bắn lên bùng ra và chiếu sáng trung đoàn Hồng quân đang tiến đến gần. Đó là một trung đoàn nữa của sư đoàn — trung đoàn thứ 788.

«Viện binh!» — Gu-li-a hiểu.

Đúng, đó là viện binh. Trung đoàn đang tiến lên cao điểm, nhưng hãy còn ở xa. Còn từ trên cao điểm, trước sức tấn công mãnh liệt của địch, đại đội của tiểu đoàn một đã bị giật lùi. Đại

đội trưởng không có đó. Mảnh đạn đại bác đã sát hại đồng chí ngay tại chỗ.

Và một lần nữa, một cơn hào hứng mãnh liệt gì đấy như nâng Gu-li-a lên. Cô quên bằng cả đau đớn, mệt nhọc, sợ hãi, quên tất cả trên đời này.

— Các đồng chí! — cô thét lên và như từ xa cô nghe giọng nói mạnh mẽ và lạnh lùng của mình. — Tôi là người đầu tiên lao vào tấn công! Ai theo tôi? Tấn công nào, tiến lên! Vì Tổ quốc!

— Tiến lên! — một giọng khác đáp lại.

— Vì Tổ quốc! — hàng chục giọng khác ầm ầm đáp lại.

Cúi khom lưng lại, Gu-li-a chạy lên mấy bước, và bỗng như bị vấp ngã, cô gượng dậy và lại ngã xuống.

Tơ-rô-i-a-nốp quay lại, đặt khâu tiểu liên trên mặt đất.

— Gu-li-a! — anh gọi cô. — Sao thế?

Nhưng cô không đáp lại.

Tơ-rô-i-a-nốp bắt đầu mở cổ áo ngoài cho cô và cảm thấy máu trong tay mình. Cô bị thương. Ở ngực.

Gu-li-a rên khàn khàn, ưỡn người lên trước và ngửa đầu ra sau. Khó khăn lắm cô mới nói được:

— Không sao... Cao điểm hiện của ai? Của ta chứ?

Cô còn định nói thêm gì nữa, nhưng mà rất khó hiểu được lời cô.

Các chiến sĩ nâng niu đặt Gu-li-a đã lạnh cứng lên chiếc áo mưa vải bạt, còn xung quanh vẫn rền vang trận đánh vì cao điểm.

— Vĩnh biệt, Gu-lênh-ca... — Tơ-rô-i-a-nốp nói và, quay lại các đồng đội, hô lớn:

— Các đồng chí! Gu-li-a của chúng ta đã bị giết. Chúng ta hãy trả thù cho Gu-li-a!

Và tất cả những ai có mặt ở xung quanh đó đều lao vào quân thù. Cuộc chiến đấu vì cao điểm lại bốc lên hừng hực với một sức mạnh mới.

Với sức tấn công mãnh liệt, thống nhất, có phối hợp chặt chẽ, cao điểm 56,8 đã chiếm lại được, đã giành lại được và phải trả bằng máu — đó là cao điểm cuối cùng trong đời của Gu-li-a.

HAI BỨC THƯ

Trong một căn phòng của ngôi nhà trắng ba tầng, giữa các ghế đồ chống ngược và những khối gỗ con vút lung tung, Nhím Con đang mải mê «làm việc». Nó đã kịp lật ngược tất cả những cái gì nó có thể lật được, và bây giờ nó toan vút cái đĩa từ bộ cửa sổ xuống. Bà nó vừa chạy ra phòng ngoài mở cửa cho ai đấy, thế là Nhím Con đã lợi dụng ngay sự vắng mặt của bà. Và nó đã làm được. Cái đĩa bay xuống sàn nhà, vỡ tan tành. Nhím Con hoảng sợ, nhảy lùi lại. Nó ngạc nhiên trố mắt nhìn những mảnh vỡ và không hiểu làm sao mà cái đĩa to thế kia lại có thể biến thành vô số những đĩa con tí tẹo thế này được.

Nhím Con nhòm ra phòng ngoài.

— Bà! — nó gọi. — Xem kìa!

— Nhím Con, đợi đấy! — bà ngoại trẻ của nó nói và chăm chú nhìn bức thư.

Ở ngoài phong bì, bà nom thấy nét chữ không quen và dấu bưu điện đã chiến.

— Ủ, có thể chứ!

Đây, tất nhiên, là thư trả lời cho bà.

Hai tháng trước, giấu Gu-li-a, bà đã viết cho sư đoàn trưởng một bức thư yêu cầu cho con gái bà được nghỉ phép dù chỉ trong vài ngày.

«Lẽ nào người ta từ chối? Không thể thế...»

Bà bóc phong bì.

«...Con gái của bà, — trong thư viết, — đã tỏ ra rất anh dũng trong các trận chiến đấu vừa qua. Cô rất cừ, thật là người con gái gan dạ vinh quang của Tổ quốc chúng ta. Người ta có thể thấy cô cả lúc dìu thương binh trên tay, lại có thể thấy cô lôi cuốn theo mình các chiến sĩ xông vào tấn công, cô còn kịp mang cả các báo cáo. Ngày 23 tháng mười một, con gái của bà đã anh dũng hy sinh...»

Bức thư, như một vật sống, rung động trong tay bà mẹ, các chữ đều hóa thành hai và quay cuồng trước mắt bà. Bà không hiểu những dòng chữ ấy...

— Bà! — Nhím Con lại gọi và nhặt chiếc phong bì ở sàn lên.

— Khoan đã, Nhím Con, — bà nói và đi vào phòng, ngồi xuống giường; bà vẫn chưa hiểu được ý trong thư, không tin, không thể nào tin được.

Nhím Con lặng thinh ngạc nhiên nhìn bà.

Và ngày hôm sau, lại một bức thư nữa từ tiền tuyến gửi đến — của Li-u-đa Ni-ki-ti-na.

«Kính thưa mẹ của Gu-li-a thân yêu! Viết cho mẹ là một người con gái đã kết bạn thân với Gu-li-a của mẹ. Luôn luôn con muốn viết cho mẹ, để an ủi mẹ, dù con biết rằng mất người con gái như Gu-lênh-ca là một sự đau thương vô cùng nặng nề. Nhưng không sao, mẹ ạ, hãy vững lòng. Vì Gu-li-a không rời bỏ chúng ta hoàn toàn, Gu-li-a sẽ mãi mãi ở cạnh chúng ta. Tổ quốc không bao giờ quên người nữ anh hùng của mình. Còn mẹ đã nuôi dạy người con gái trung thành với Tổ quốc, một chiến sĩ quang vinh như thế kia, thì sẽ có nhiều cô gái, nhiều người nữ ái quốc của đất nước ta, gọi là mẹ...

Con đã ở cùng với Gu-lì-a rất nhiều, nhất là ba tháng cuối cùng. Con có phần nào trẻ hơn chị, và chị luôn luôn săn sóc con, khuyên nhủ con, chị vui mừng khi con làm việc gì có kết quả và gọi con là «cô gái thân yêu». Con làm việc với chị ở trạm quân y tiểu đoàn, đã cùng nhau qua những lần vào sinh ra tử mà chúng con khó khăn lắm mới thoát chết được, chúng con đã cùng nhau ca hát và đùa nghịch. Trong thời gian chiến đấu, thật ra chúng con ở các khu vực khác nhau, thế nhưng sau đó, sau trận tấn công, thì chúng con lại được gặp nhau: người đầy bụi, mệt mỏi, chúng con ôm nhau, hôn nhau thật chặt. Và lại chuyện trò tâm sự, lại cười vang không ngớt.

Chị luôn luôn vui vẻ, và chỉ một lần, con thấy chị khóc. Chị rất nhớ Nhím Con, nhất là sau những thư của mẹ. Chị cũng luôn luôn nhớ mẹ, bố, và khi nói về bố mẹ, bao giờ chị cũng nói khe khẽ, buồn buồn.

Lần cuối cùng con gặp chị một vài ngày trước cuộc tấn công. Hôm đó, con vừa đúng mười tám tuổi, nhưng quan trọng hơn là con được nhận huy chương do Chính phủ tặng thưởng. Lúc đó, chúng con có cả khách đến nữa. Và tối hôm đó, chúng con rất vui. Khi tất cả về rồi, chỉ còn con và chị. Chúng con biết sắp tấn công rồi, nghĩa là chúng con chờ đợi tất cả những gì có thể xảy ra... Lúc đó, tâm trạng chúng con có cái gì lo lo. Chúng con ngồi xếp chân lên giường, ôm nhau và ngồi như thế rất lâu. Chúng con đã nói một câu chuyện quan trọng. Chúng con nói với nhau về tất cả: về cuộc đời, về tình yêu, về bè bạn, về những người thân. Về tất cả những gì mà hai bạn gái có thể nói được, thì con và chị đã nói với nhau cả. Và cuối cùng, chúng con hẹn với nhau: sẽ viết thư gửi nhau, nói gì, nếu một trong hai đứa bị giết.

Và việc đã xảy ra như thế, không phải Gu-li-a, mà là con phải viết thư này.

Con còn nhớ, đêm đã khuya lắm, con cùng chị đi ra khỏi nhà hầm. Lúc đó thật là dễ chịu! Xung quanh tất cả đều trắng xóa vì sương muối, đêm lạnh đầy sao, và chẳng hiểu vì sao, hòm đó hoàn toàn yên tĩnh, thậm chí không nghe cả những tiếng súng bắn nhau, hình như không có chiến tranh vậy. «Dù sao thì đời sống cũng hay và lạ thật!... — Gu-li-a nói với con. — Bọn phát-xít chỏ đẻ»

Hình như đó là câu chuyện cuối cùng giữa chúng con. Còn sau đó thì bắt đầu chuẩn bị, rồi bắt đầu tấn công. Cũng như mọi khi, chúng con được phải đến các khu vực khác nhau, và sau đó, con không được thấy chị nữa. Có một lần đang đêm, chị đến chỗ con, nhưng không có con đấy. Chị chỉ để lại lời chào trên một tờ giấy còn con trong cuốn sổ tay. Tờ giấy bé lắm, kẻ ô sẵn, còn ở mép có tí vết — máu ở bàn tay đã băng bó các chiến sĩ.

Chiều tối ngày hôm sau, như trong giấc mơ, con nghe tin Gu-li-a bị hy sinh. Người ta rút con ở tiền duyên về, con bồn chồn đứng ngồi không yên vì đau đớn, vì nỗi đau thương to lớn đến nỗi con không đứng vững được nữa: có cái gì nó kéo con xuống và con ngã khuyu trên đầu gối. Và còn bao nhiêu bạn khác cũng trẻ và rất tốt không thể tả được đã hy sinh cùng với Gu-li-a! Chúng ta đã giành chiến thắng to lớn ấy như thế đấy.

Nhưng ở đây, chúng con thương tiếc hơn cả là Gu-li-a và A-léch-xây Tóp-lin, trung đoàn trưởng pháo binh. Đó là một con người xuất sắc, rất xuất sắc! Và Gu-li-a rất thân với đồng chí đó. Họ cùng nhau hát rất hay. Và chúng con đã chôn cất họ cùng một chỗ.

Đấy, hình như là hết. Không, không, chưa phải là hết! Nhím Con không còn mẹ nữa, nhưng nó sẽ là con của sư đoàn chúng con. Tất cả chúng con, nếu còn sống, sẽ săn sóc cho nó. Mẹ thân yêu! Con rất muốn an ủi mẹ, giúp đỡ mẹ, chính vì con cũng có mẹ, con biết rõ mẹ con quý con như thế nào. Mà những người mẹ đều giống nhau cả. Trong đời còn có gì đau đớn bằng mất con? Nhưng bây giờ là chiến tranh, thì không thể không có hy sinh. Còn thằng Hít-le, nó sẽ phải trả cho chúng ta toàn bộ món nợ này. Bây giờ, chúng ta đang nện vào đầu quân thù rất khỏe. Chúng đang vác căng lên cổ mà chạy, nhưng đó chỉ mới là bắt đầu thôi!

Mẹ hãy hôn Nhím Con giùm con, mong sao nó sẽ là một đứa bé cứng cáp, khỏe mạnh. Hãy để nó tự hào về mẹ của nó. Mẹ của nó đúng là một anh hùng chân chính.

Con sẽ rất vui mừng nếu mẹ sẽ trả lời cho con, dù chỉ vài lời. Con hôn mẹ.

Gửi lời chào cộng sản,

Li-u-đa Ni-ki-ti-na.

Mẹ thân yêu, mẹ hãy giữ gìn sức khỏe, mẹ rất cần cho Nhím Con và cho tất cả chúng con».

CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI CÙNG

Trên bờ sông Đông, gần ấp Pan-si-nô, trung đoàn thứ 780 làm lễ an táng những người anh hùng của mình: Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va và A-lếch-xây Top-lin.

Hai chiếc quan tài được đặt ở cầu lác bộ sư đoàn trên bệ cao.

Trong phòng chật ních. Các chiến sĩ và các cán bộ chỉ huy từ tiền duyên đến thẳng đây để vĩnh biệt những người đồng chí thân yêu của mình. Ở đây, có cả trưởng ban chính trị sư đoàn Cơ-lốt-scô, trung đoàn trưởng Khô-khơ-lốp, chính ủy Xô-bôn và cả Tơ-rô-i-a-nốp. Li-u-đa Ni-ki-ti-na đứng ở đầu quan tài, chăm chú nhìn bộ mặt bất động và bình thản của Gu-li-a và A-lếch-xây. Cô cẩn thận sửa lại làn tóc dính vào gò má Gu-li-a, đẩy lùi cành lá gai rủ xuống trán A-lếch-xây.

Su-ra Phi-la-tốp đứng quay về phía cửa sổ và chốc chốc lại đưa nắm tay lên chùi mắt.

Còn ở trong góc, hai chú Xa-sa và Gơ-ri-sa khe khẽ khóc. Khóc thì chúng sợ xấu hổ, vì chúng là đội viên trinh sát kia mà, nhưng nước mắt tự nó cứ ròn ròn lăn trên gò má của chúng.

Trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, hai chú bé đã thấy không ít người bị giết. Nhưng nhìn thấy Gu-li-a mà ngày hôm qua còn đi, còn nói, còn cười như tất cả mọi người, hôm nay đã nằm bất động, im lặng giữa đám đông những người sống đang xúm xít lại, thì thật là lạ lùng và đáng sợ. Tơ-rô-i-a-nốp cúi khom lưng xuống các chú bé.

— Thế nào, các trinh sát viên? Đừng yếu đuối, hãy vững vàng lên. Thôi, còn làm sao được nữa! Các chú hãy nhớ Gu-li-a! Các chú được biết chị ấy, thật là hạnh phúc đấy.

Hai chú bé lập tức đứng thẳng người theo lối quân sự, sửa lại thắt lưng và mũ.

Đồng chí thượng úy, — Gơ-ri-sa thì thăm, — sao chẳng thấy chú Xê-mi-ôn đâu cả?

Đồng chí Scô-len-cô chứ, — Xa-sa chữa lời cho nó. Tơ-rô-i-a-nốp nhún vai nói:

Ngay cả chúng mình cũng chẳng biết...

Không phải chỉ một mình Xa-sa và Gơ-ri-sa nghĩ tới số phận của người anh hùng trinh sát. Tất cả đều băn khoăn lo lắng về anh ta.

Người ta đã kiểm tra lại nhiều lần bản danh sách các tử sĩ và thương binh ở sở chỉ huy. Nhưng trong bản danh sách không có Xê-mi-ôn Scô-len-cô.

Nhưng không ai biết và có thể tưởng tượng được rằng trong lúc đó, Xê-mi-ôn Scô-len-cô đang ở trong «trại chết» của bọn phát-xít. Bọn phát-xít kéo lê anh bị thương nặng từ ụ đất phía ngoài vào trong công sự. Rồi chúng tra tấn, hành hạ anh, bắt phải nói. Nhưng anh chỉ im lặng...

Bỗng nhiên, dưới cửa sổ, vang lên tiếng nhạc của đội nhạc binh trung đoàn, phá tan bầu không khí yên lặng nặng nề. Những âm thanh trang trọng, đau thương của bài hành khúc tang lễ tràn ngập trong phòng. Li-u-đa nhắm mắt lại, và khi mở ra, cô thấy, như là trong sương mù, hai chiếc quan tài từ trên bệ

cao đã được đưa xuống và đang từ từ bơi, trên tay các đồng chí, đến cửa ra.

Và đây rồi hai cái huyết ngỏ.

Từ đây trông rõ bờ tây sông Đông, nơi mà Gu-li-a đã nhiều lần đưa thương binh qua sông. Nhưng bây giờ, bờ đã bị địch chiếm, và màn sương mù màu lam kéo dài trên mặt sông.

Còn đằng kia, ở phía nam ấp Pan-si-nô, phía sau cao điểm 56,8 ở đâu đấy gần ấp Véc-ti-a-si, các cuộc chiến đấu vẫn nổ ra dữ dội. Ánh lửa cháy hắt lên đỏ ửng cả bầu trời. Trong không khí mát dịu của tháng mười một, những phát súng đại bác nổ vang rền.

Bàn tay của các bạn thân nâng niu hạ xuống đất hai chiếc quan tài giản dị, không sơn.

Thủ trưởng pháo binh sư đoàn, thiếu tá Pơ-rô-dô-rốp, tóc đã bạc, bên ngoài trông có vẻ nghiêm nghị, bước ra phía trước và đưa mắt nhìn tất cả mọi người một lượt.

— Các đồng chí! — ông nói. — Ở đây, trước mặt chúng ta, A-lếch-xây Ép-đô-ki-mô-vích Tốp-lin, hay như chúng ta thường gọi một cách mộc mạc là A-li-ô-sa, đang nằm. Trung đoàn trưởng pháo binh A-li-ô-sa đã hy sinh rất anh hùng, Việc xảy ra thế này. Trong khi quân ta tấn công lên cao điểm 56,8, khẩu đội đại liên bị loại ra ngoài vòng chiến đấu, — khẩu đội đó đã bắn yểm hộ cho cuộc tấn công của một đại đội. Đại đội tấn công nằm xuống, còn thiếu tá Tốp-lin thì chạy đến khẩu đại liên và nã súng vào đầu quân phát-xít. Áp lực của địch đã yếu đi. Và khi đó, Tốp-lin ra lệnh: «Hỡi các anh hùng dũng sĩ! Nhất thiết không nhường cho quân thù một tấc đất Nga nào của chúng ta!

Tiến lên đi, hỡi các anh hùng!» — và anh đã dẫn đại đội xông vào quân địch. Ngay lúc đó, viên đạn thù địch đã giết anh chết ngay tại chỗ. Vĩnh biệt A-li-ô-sa! Bạn đã có một cuộc đời cương trực, cởi mở, đẹp đẽ. Và cái chết của bạn cũng thế».

Thiếu tá Pơ-rô-dô-rốp im lặng và đưa mắt nhìn chiếc quan tài khác.

Tất cả quay đầu về phía Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va.

Gió hơi lay động mớ tóc của cô, và bóng râm chồn vờn chạy trên khuôn mặt dịu dàng, làm cho khuôn mặt nghiêm nghị bất động kia hơi tươi lên một tí.

Chính ủy Xô-bôn bước lên phía trước.

Ai có thể nghĩ rằng, — đồng chí nói, — trong người đàn bà trẻ này, hầu như là một cô gái, đã ẩn giấu một sức mạnh như thể sức mạnh của tình yêu và của lòng căm thù, một tinh thần anh dũng thật vĩ đại như thế? Các đồng chí, Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va đã chuyển khỏi chiến trường hơn một trăm chiến sĩ và cán bộ chỉ huy bị thương, và đã cùng các chiến sĩ tấn công lên cao điểm 56,8, chiếm các công sự của quân Đức! Trong lúc quyết liệt nhất của cuộc chiến đấu vì cao điểm nhuộm thắm máu ấy, Gu-li-a đã lôi cuốn cả đơn vị không còn người chỉ huy và dẫn họ xông vào tấn công... Đây, người con gái xinh đẹp, trẻ trung, thân mến đối với tất cả chúng ta... Các đồng chí, chúng ta hãy trả thù cho các bạn của chúng ta, cho A-li-ô-sa Tốp-lin và Gu-li-a Cô-rô-li-ô-va!

Các nắp quan tài được đặt lại. Những ngọn cờ chiến đấu nặng nề rũ xuống trên hai người anh hùng. Tất cả những bạn chiến đấu của cô, — những người mà Gu-li-a khi còn sống vô cùng yêu mến họ, — đứng im lặng, cất mũ, cúi đầu. Khẩu đội

gồm có sáu cỗ đại bác xếp hàng bên cạnh mộ, miệng súng hướng về phía quân thù.

Khâu lệnh vang lên:

— Nhắm đúng đầu quân thù của Tổ quốc — bắn!

Loạt súng chào vĩnh biệt vang dậy âm âm. Những nòng súng đại bác giật lùi. Và lại:

— Bắn hàng loạt — bắn!

Mười lần các cỗ đại bác gầm lên, và mười lần đạn đại bác bay rít lên về phía vị trí địch.

“CÔ GÁI TÓC VÀNG”

Nửa năm trôi qua.

Ở những nơi đã nổ ra những trận chiến đấu ác liệt chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh, bây giờ đây đã bắt đầu im lặng. Mặt đất âm ảm, rung động sau mỗi một loạt súng trong thời gian chiến đấu, dường như tự nó cũng thấy đau, bây giờ đây đã dịu hẳn lại.

Mùa xuân đã đến. Những thảo nguyên bị đào lởm chởm những khe, chạy dài giữa sông Vôn-ga và sông Đông, đã được phủ một lớp cỏ non màu xanh. Khắp nơi nhìn đâu cũng thấy ngổn ngang những xe vận tải đổ nát, những cánh máy bay cong queo, những chiếc xe cháy dở bị lật ngược.

Trên bờ sông Đông, trong một ấp nhỏ nhẵn và tĩnh mịch, một tấm bia được dựng lên. Trên đỉnh óng ánh một ngôi sao bằng kim loại. Đi đến gần bia, mọi người chăm chú đọc những chữ viết trên đó. Nhưng dù không có những chữ viết, thì người ta cũng biết ai là người đang yên nghỉ ở dưới bia kia rồi.

Sư đoàn đã chiến đấu ở đây để giành từng tấc đất, bây giờ đã đi xa khỏi nơi này. Nhưng vinh quang của Gu-li-a, của tất cả những anh hùng đã ngã xuống trên mảnh đất này, thì không rời khỏi nơi đây.

Một buổi tối mùa xuân ấm áp. Trung sĩ Khô-ma Ô-nhi-sen-cô, người U-cơ-ren, đang ngồi giữa đám chiến sĩ và dân ấp, anh hút tẩu thuốc và khoan thai kể chuyện:

— Lúc đó có một cô gái tóc vàng ở sư đoàn bạn. Cô ấy chẳng biết sợ là quái gì cả. Có một bận, bọn Đức thấy thế này: đơn vị quân ta ào ạt lao vào chiến đấu. Mà đi ở phía trước là cô gái ấy, toàn thân rực lửa. Cô xông đến công sự quân Đức mà mình không bị cháy. Cô chiếm công sự xong, lại tiến lên nữa. Tên cô ấy hình như là Cô-rô-li-ô-va hay là Cô-rô-len-cô hay cũng có thể là Cô- rôn.

— Thế chính mắt anh thấy à? — trong bóng tối, một giọng đàn bà hồi hộp, cảm động hỏi.

Tôi thì không thấy, nhưng nghe người ta nói. Ai cũng nói đến cô ấy cả

Khô-ma lặng yên một lúc, hút vài hơi, rồi chậm rãi nói thêm: Cô gái ấy hát rất hay. Khi bọn Đức nghe bài hát «Ca-ti-u- sa», thì lập tức nã súng để không ai nghe được. Nhưng làm sao có thể át được tiếng của «ca-ti-u-sa», khi nó rền vang khắp tiền tuyến?

Khô-ma hút xong tẩu thuốc, đứng dậy và ra đi. Anh không ngờ rằng người đàn bà đã hồi hộp hỏi anh về «cô gái tóc vàng» lại chính là mẹ cô. Bà đến đây để gặp những người quen biết Gu-li-a, để nghe kể về con của mình, dù chỉ là một lời...

ÁNH LỬA TRÊN ĐIỆN CƠ-REM-LANH

Nhím Con cùng với bà từ U-pha đến Mát-scơ-va vào lúc tối.

Chú bé lên hai đi vào căn phòng to lớn của tòa nhà nhiều tầng đứng sừng sững bên bờ sông Mát-scơ-va.

Nó bờng nhìn tứ phía, nhìn những va-li và lẵng mà người ta chuyên đến bằng thang máy, rồi cất giọng nói:

— Bà ạ, đi về nhà tốt hơn!

— Đây chính là nhà ta, Nhím Con ạ. Bây giờ bà chuẩn bị giường cho cháu nhé và đặt cháu nằm ngủ.

Nhím Con đến gần cửa sổ, kéo rèm lên.

— Không được, chú bé, — người đàn bà điều khiển thang máy nói.

— Sao không được? — Nhím Con hỏi.

— Ở Mát-scơ-va phải tắt đèn phòng ngủ!

— Thế à, — Nhím Con nói, dường như nó đã hiểu.

Lúc đó, tiếng máy truyền thanh vang lên:

— Các đồng chí! Hôm nay, lúc tám giờ tối, sẽ phát thanh bản thông báo quan trọng. Mời các đồng chí đón nghe buổi phát thanh của chúng tôi.

— Đây, hình như đặc biệt dành cho bà và cháu đấy nhé! — người đàn bà điều khiển thang máy nói. — Chốc nữa, chúng tôi sẽ chỉ cho cháu xem bắn pháo hoa.

Trong phòng tắt đèn, kéo rèm lên. Ngoài cửa sổ, tiếng súng đại bác nổ ầm ầm. Tiếp sau những tiếng nổ, trên bầu trời, những chùm lửa đỏ, xanh, vàng vút lên cao, nổ lẹt đẹt. Và lập tức trông rõ tất cả — những ánh lửa màu nô đùa trong các cửa kính điện Cơ-rem- lạnh, chiếu sáng những bức tường có răng cưa, làm óng ánh những kim đồng hồ vàng trên tháp, lấp lánh như sao sa dưới nước sông Mát-scơ-va. Và những khẩu đại bác lại bắn.

— Bùng! — Nhím Con nói và bật cười.

Những chiếc pháo sáng rơi xuống nước được ánh lửa phản chiếu rực rỡ.

Nhím Con mê mẩn nhìn ra cửa sổ cho đến khi những ánh lửa cuối cùng tắt hẳn.

— Nhím Con, bây giờ đi ngủ nhé.

Nằm vào giường, nó đòi:

— Bà, bùng nữa!

— Mai sẽ «bùng». Còn bây giờ ngủ đi.

Nhím Con đặt đầu trên gối.

— Bà kể chuyện đi.

— Kể chuyện gì?

Kể về mẹ Gu-li-a, — Nhím Con nói, vắn mình và lay đầu trần trên gối.

Được, Nhím Con ạ. Nghe đây. Chính mẹ Gu-li-a đã sống trong nhà này, ngay trong phòng này. Lúc đó, mẹ cháu cũng bé tí như cháu.

Còn cháu? — Nhím Con hỏi và ngồi dậy. — Lúc đó cháu ở đâu?

— Lúc đó cháu chưa có.

Nhím Con ngạc nhiên nhìn bà nó. Sao nó lại không có? Sao lại có thể như thế được? Hoàn toàn không có ư?

— Cháu cũng có chứ! — Nhím Con nổi cáu.

— Thôi được, cháu cũng có. Nhưng mà cháu nhắm mắt lại. Nhím Con nằm xuống, sau đó lại nhồm dậy.

— Bà, chỉ cho cháu những ngọn lửa nhỏ đi!

— Bây giờ không có.

— Bà mở ra, — nó chỉ vào bức rèm.

— Không được, cháu ạ!

Nhím Con nhìn ra cửa sổ có vẻ không tin. Nó cảm thấy hình như chỉ cần kéo rèm lên là trên nền trời tối đen lại lấp lánh ánh lửa, còn các mặt kính thì lại rung động vì tiếng nổ của các cỗ đại bác.

Và trong trí tưởng tượng của nó, hình tượng tươi sáng của «mẹ Gu-li-a» đã gắn liền với những ánh lửa đẹp đẽ, sắc sỡ kia, đã bùng cháy ở ngoài cửa sổ, trên những bức tường có răng cửa của điện Cơ-rem-lanh.

CÙNG BẠN ĐỌC,

Nhà xuất bản Tiến bộ sẽ vô cùng cảm ơn các bạn, nếu các bạn gửi đến chúng tôi ý kiến về nội dung cuốn sách, chất lượng bản dịch, trình bày mỹ thuật, ấn loát và những đề nghị khác của các bạn.

Địa chỉ chúng tôi:

Liên-xô, Mát-scơ-va,

Giu-bốp-ski bu-lơ-va, 21.

CHÚ THÍCH

- [1] Cách gọi âu yếm của Gu-li-a. ND
- [2] Một loại áo dài phụ nữ, không có tay. ND
- [3] Thành ngữ bông đùa Nga có nghĩa là: “không sao đâu!” – dùng để an ủi người bị đánh hoặc bị trầy da chảy máu. ND c6
- [4] Tiếng Pháp nghĩa là bà, thưa bà. – VD. c8
- [5] Tên phụ nữ Ơ-cơ-ren, giống như tên Na-ta-sa, Na-ta-li-a. –ND. c13
- [6] Tiếng Nga nghĩa là sương, hạt sương. – ND. c13
- [7] Tiếng Nga nghĩa là Hoàng hậu. ND c15
- [8] Theo chuyện ngụ ngôn, một con quạ muốn làm dáng, lấy lông công cắm vào mình. ND c18
- [9] Điệu múa dân gian vùng Cáp-ca-dơ. ND c26
- [10] Thành ngữ Nga có nghĩa là biết dung lười để hỏi người khác, nhất định sẽ tìm được chỗ cần thiết. ND c29
- [11] Bảo tàng nghệ thuật tạo hình Nga. c31
- [12] Nghệ sĩ ca kịch nổi tiếng của Liên Xô. c34
- [13] Thúy Toàn dịch A.X. Puskin. Thơ trữ tình. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội, 1966. – BT. c43
- [14] Cách gọi âu yếm của Xéc-gây. – ND. c44
- [15] Theo mê tín, chim tu hú cho biết thời gian có thể sẽ sống. –ND. c48
- [16] Tù binh bắt để lấy tin tức tình báo cần thiết. c52

